

CÁC NHẬN ĐỊNH, GIẢI THÍCH VÀ TRANH LUẬN VỀ AMORIS LAETITIA

1. Thái độ đúng đắn trong việc chào đón tông huấn *Amoris Laetitia*

Thu, 07/04/2016 - Tác giả: [Vũ Văn An](#)



Trong mấy ngày qua, hai phe bảo thủ và cấp tiến trong Giáo Hội Công Giáo liên tiếp đưa ra nhiều “mong ước” đối với tông huấn *Amoris Laetitia* sắp được công bố vào ngày 8 tháng Tư này về chủ đề gia đình, dựa vào kết quả của hai thượng hội đồng năm 2014 và 2015.

Nhưng ít ai chịu lưu ý tới tài liệu và thư hướng dẫn đọc tông huấn trên của Văn Phòng Thượng Hội Đồng. Tài liệu và thư hướng dẫn này nhấn mạnh rằng *Amoris Laetitia* “trước nhất và trên hết là một văn kiện mục vụ” và là “lời mời gọi đối thoại”.

Tài liệu trên, do tờ National Catholic Reporter đưa tin, nói rằng “nói về gia đình và ngỏ lời với các gia đình, thách đố không phải là thay đổi tín lý mà là hội nhập văn hóa các nguyên tắc tổng quát cách nào đó để chúng được hiểu biết và đem ra thực hành”.

Nhân nói tới đối thoại, tài liệu nhấn mạnh rằng “viễn kiến của Đức Giáo Hoàng về xã hội có tính bao gồm. Việc bao gồm này liên quan tới cố gắng nhằm chấp nhận tính đa dạng, đối thoại với những người suy nghĩ khác (với ta), khuyến khích việc tham gia của những người có những khả năng khác”.

Tài liệu trên được gửi cho các vị giám mục cùng với các bản tóm lược các buổi yết kiến vào ngày thứ Tư gần đây về gia đình của Đức Phanxicô, và Thần Học Thân Xác của Đức Gioan Phaolô II; các tài liệu này được mô tả như “nguồn quan trọng” của *Amoris Laetitia*.

Joshua J. McElwee, khi đưa tin này, cho biết theo tài liệu trên, Đức Giáo Hoàng muốn Giáo Hội chấp nhận một chủ trương bao gồm mới đối với xã hội và phải làm sao để các tín lý “phục vụ sứ mệnh mục vụ” của mình. Ngài “khuyến khích không những một cuộc ‘canh tân’ mà còn hơn nữa, phải là một cuộc ‘hoán cải ngôn từ’ chân thực nữa”.

Tài liệu trên viết rằng “Tin Mừng không nên chỉ có tính lý thuyết, nó không được xa rời khỏi đời thực của người ta... Ngôn từ của chúng ta phải khích lệ và làm an tâm mọi bước đi tích cực của mọi gia đình chân chính”.

Tài liệu nói thêm rằng Đức Giáo Hoàng Phanxicô “muốn phát biểu bằng một ngôn từ thực sự tới tai người đọc, và điều này ngụ ý biện phân và đối thoại”. Về biện phân, tài liệu cho rằng phải “tránh việc coi các chân lý và quyết định là việc đương nhiên; nó buộc ta phải khảo sát và chấp nhận có ý thức các công thức của ta về chân lý và các quyết định ta đã chọn”.

Tài liệu viết tiếp: “Giống các vị tiền nhiệm của ngài, Đức Giáo Hoàng Phanxicô yêu cầu rằng là các mục tử, chúng ta phải biện phân giữa nhiều tình huống khác nhau mà các tín hữu và mọi người, mọi gia đình, mọi cá nhân từng trải nghiệm”.

"Biện phân... khích lệ ta phát triển từ tốt tới tốt hơn. Theo Thánh Inhaxiô thành Loyola, một trong các đặc điểm của biện phân là nhân mạnh không những việc phải tính tới sự thật khách quan, mà cả việc phát biểu sự thật này bằng một tinh thần tốt lành, biết xây dựng”.

“Biện phân là cuộc đối thoại của các vị chăn chiên với Đấng Chăn Chiên Lành để luôn đi tìm phần rỗi các con chiên”.

Về đối thoại, tài liệu hướng dẫn cho rằng đối thoại “nghĩa là ta không nên... coi những điều ta suy nghĩ là đương nhiên, cả những điều người khác suy nghĩ cũng thế”.

Tài liệu cùng ngụ ý cho rằng tông huấn muốn nại tới 2 lạc giáo ngày xưa để phê phán những người sợ đối thoại. Tài liệu viết “Đức Phanxicô cho chúng ta thấy 2 loại người không thể đối thoại vì họ đều co rút hay co cụm vào chính họ. Một số người giản lược con người

của họ vào điều họ biết hay cảm nhận mà thôi (ngài gọi họ là ‘ngộ đạo’); một số khác giản lược con người của họ vào các điểm mạnh của họ mà thôi (ngài gọi họ là ‘tân Pêlagiô’ = tự sức mình, không cần Thiên Chúa)”.

Nhưng “đối với văn hóa đối thoại, việc bao gồm mọi người là điều chủ yếu... Đức Giáo Hoàng gợi ý rằng ta nên minh nhiên hiện hữu trong cách thể hiểu Giáo Hội như thế này: như dân trung thành của Thiên Chúa”, một dân biết chấp nhận sự đa dạng, đối thoại và khuyến khích sự tham dự của những người khác với ta.

Tuy nhiên, tài liệu cũng có đoạn nhấn mạnh rằng “không nên giải thích ưu tư mục vụ như là chống đối luật lệ và việc chăm sóc mục vụ. Vì sự thật không hề trừu tượng; nó tự hoà nhập vào cuộc hành trình nhân bản và Kitô giáo của từng tín hữu”.

Tài liệu cho hay: “Chăm sóc mục vụ cũng không phải chỉ là việc áp dụng thần học thuần ngẫu nhiên thực tiễn. Ta không hề có ý định gồm tóm chăm sóc mục vụ vào tín lý mà thôi, nhưng duy trì ẩn tích mục vụ nguyên thủy và cấu thành của tín lý”.

Tài liệu kết luận như sau: “ngôn từ của lòng thương xót là hiện thân của sự thật ở trong đời. Do đó, quan tâm của Đức Giáo Hoàng là tái cảnh huống hóa (re-contextualize) tín lý để phục vụ sứ mệnh mục vụ của Giáo Hội”.

Theo tài liệu này, “tín lý nên được giải thích trong tương quan với trọng điểm của sơ truyền (kerygma) Kitô Giáo và dưới ánh sáng của cảnh huống mục vụ nơi nó được áp dụng”. Vì dù gì, nguyên tắc của Bộ Giáo Luật vẫn có giá trị: “Phần rỗi các linh hồn, điều luôn là luật tối cao của Giáo Hội, phải được để trước mắt ta”.

Quan điểm của hai vị giáo phẩm Hoa Kỳ

Cũng trong mấy ngày qua, hai vị giáo phẩm cao cấp nhất của Giáo Hội Hoa Kỳ đã lên tiếng, giúp ta hiểu rõ hơn những điều vừa trình bày ở phía trên.

Vị đầu tiên là Đức Hồng Y Timothy Dolan, Tổng Giám Mục New York. Tại Rôma gặp gỡ nhiều giới chức Tòa Thánh trước khi lên đường tới vùng người Kurd ở Iraq để bày tỏ tình liên đới với các Kitô hữu bị bách hại ở đây, Đức Hồng Y Dolan đã dành cho tạp chí Crux một cuộc phỏng vấn.

Trả lời câu nhận định cho rằng bất luận Đức Phanxicô nói gì trong Amoris Laetitia, nhiều người cũng sẽ không hài lòng, Đức Hồng Y Dolan trả lời rằng: thì ngay từ thuở đầu, đã có người không hài lòng với giáo huấn của Chúa Giêsu rồi. Sau đó, với Giáo Hội cũng vậy. Luôn có những cách nhìn sự vật khác nhau, những cách giải thích sự vật khác nhau. Bất chấp những điều này, “trong sứ điệp của Chúa Giêsu, vốn có sự rõ ràng và chính xác mà ta không được phá rối, và tôi không muốn phá rối, và tôi tin Đức Giáo Hoàng Phanxicô muốn phá rối. Sứ điệp tôi hy vọng sắp xuất hiện một cách trong trẻo trong tông huấn... là: một lần nữa, Giáo Hội, dưới sự linh hứng của Chúa Thánh Thần, sẽ thành thực cố gắng trung thành với giáo huấn vượt thời gian của Chúa Giêsu, nhưng biết áp dụng giáo huấn này một cách đầy thương xót, hiểu biết, nhân hậu”.

“Điều ấy không mới mẻ gì, vì tôi hy vọng ta vẫn đang cố làm điều ấy từ lâu. Tôi nghĩ hiện có chút kịch tính hơn trước, và được nhiều người chú ý tới nó hơn, vì nhân cách của Đức Giáo Hoàng Phanxicô, người đã làm cho sự nhạy cảm mục vụ ấy thành tiêu điểm suốt ba năm qua”.

“Tôi nghĩ điều bạn sắp sửa thấy sẽ là một phương thức Công Giáo cổ điển, minh bạch bảo vệ giáo huấn của Giáo Hội nhưng vẫn kêu gọi những phương cách sáng tạo để đem lòng thương xót của Thiên Chúa tới người ta”.

Theo Đức Hồng Y Dolan, thái độ đúng đắn nhất là khiêm nhường chăm chú (humble attentiveness): đọc, nghiên cứu, xem kỹ Đức Giáo Hoàng muốn nói gì, chứ không chỉ các tí lớn, những câu vừa lòng truyền thông (soundbites), dù là truyền thông đúng đắn như Crux!

Đạo Công Giáo, theo Đức Hồng Y, chỉ biến mạng (evolution) chứ không cách mạng. Giáo Hội không thay đổi để làm vừa lòng con người hiện nay. Nhưng nếu Tông Huấn, dựa vào tòa trong, cho phép người Công Giáo ly dị tái hôn rước lễ thì sao? Đức Hồng Y Dolan

cho biết: ngài không dành nhiều thì giờ cho điều này. Thứ nhất, vì ngài nghĩ nó sẽ không diễn ra. Thứ hai, thực ra nó đã diễn ra bằng nhiều cách rồi.

Dĩ nhiên, vốn có một phương thức bảo thủ đối với giải pháp tòa trong được các giáo luật gia và thần học gia bên vực. Như Thánh Anphongsô Đệ Liguori chẳng hạn. Người ta chỉ sợ sự việc trở nên quá lỏng lẻo thôi.

Điều cũng khiến Đức Hồng Y Dolan quan tâm là giải pháp tòa trong, dù rất quan trọng, nhưng đừng che khuất sự thật này: sứ mệnh chính và khản trương của Giáo Hội hiện nay là đề cao vẻ đẹp và cao quý của bí tích hôn nhân và đời sống gia đình, chứ không phải ly dị. Dù gì, những người Công Giáo ly dị tái hôn mà còn đi nhà thờ chỉ là số rất nhỏ.

Vị giáo phẩm cao cấp thứ hai của Hoa Kỳ là Đức Hồng Y Donald Wuerl của Washington D.C. Trong dịp tới thăm Học Viện Bắc Mỹ ở Rôma, ngài cũng đã lên tiếng với cùng một quan điểm như Đức Hồng Y Dolan. Vì dù Tông Huấn có cho phép người Công Giáo ly dị tái hôn rước lễ, dựa vào tòa trong, thì đây cũng không phải là cách mạng mục vụ gì. Vì thực ra, việc này đã được nhiều vị giải tội thực hiện rồi.

Về tín lý, Đức Hồng Y Wuerl cũng cho rằng “Tại tâm điểm giáo huấn của chúng ta là mạc khải của Chúa Giêsu Kitô. Giáo Hội cố gắng duy trì và bảo vệ mạc khải ấy bằng tín lý của mình. Nhưng tín lý cần được làm cho sống động, và việc này, đối với cộng đồng, mang hình thức giáo luật, còn đối với các cá nhân, nó mang hình thức thực hành mục vụ”.

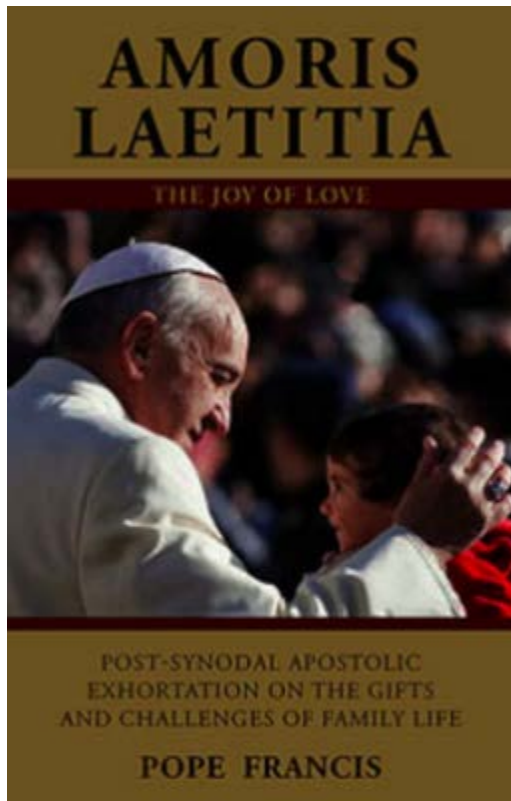
“Tôi nghĩ chúng ta sắp được thấy một việc làm tươi mát lại các đường hướng trên. Chúng ta biết giáo huấn là gì rồi, nhưng trong cả hai thượng hội đồng, ta luôn nghe nói rằng giáo huấn không y hệt như thực hành mục vụ. Tôi nghĩ chúng ta sắp được thấy điều đó trong văn kiện này...”

Theo Đức Hồng Y Wuerl, việc sử dụng tòa trong không hề là tiêu hôn trong tòa giải tội, cũng không phải là án vô hiệu, mà chỉ là gặp gỡ

người ta một cách có ý thức tại nơi họ thấy họ hiện diện. Đây là thực hành mục vụ, một việc vốn đã có từ thuở đầu của Giáo Hội.

2. Tóm lược tông huấn *Amoris Laetitia*

Sat, 09/04/2016 - Tác giả: [Vũ Văn An](#)



Không phải là chuyện tình cờ khi Niềm Vui Yêu Thương (NVYT), tức tông huấn hậu thượng hội đồng về Tình Yêu Gia Đình, đã được ký vào ngày 19 tháng Ba, ngày lễ trọng kính Thánh Giuse. Tông huấn này tổng hợp các kết quả của hai Thượng Hội Đồng về gia đình do Đức Giáo Hoàng Phanxicô triệu tập trong các năm 2014 và 2015. Tông huấn rất hay trích dẫn các phúc trình sau cùng của hai thượng hội đồng này; các văn kiện và giáo huấn của các vị tiền nhiệm của ngài; và nhiều bài giáo lý của chính ngài về gia đình. Thêm vào đó, cũng như các văn kiện giáo huấn trước đây, Đức Giáo Hoàng cũng sử dụng các đóng góp của nhiều hội đồng giám mục khắp thế giới (Kenya, Úc, Á Căn Đình...) và trích dẫn nhiều nhân vật tiếng tăm như Martin Luther King và Erich Fromm. Ngài còn trích dẫn cả cuốn phim *Babette's Feast* để minh họa ý niệm cho không (*gratuity*).

Dẫn Nhập (1-7)

Tông Huấn đáng lưu ý về bề dày và chi tiết của nó. 325 đoạn của nó được phân chia thành 9 chương. Bảy đoạn dẫn nhập đã trình bày một cách đơn giản tính phức tạp của một chủ đề hiện đang rất cần được học hỏi thấu đáo. Các can thiệp của các nghị phụ Thượng Hội Đồng đã tạo nên một “viên ngọc nhiều mặt” (NVYT 4), một đa diện quý báu, mà ta phải duy trì giá trị của nó. Nhưng Đức Giáo Hoàng cảnh giác rằng “không phải mọi cuộc thảo luận về các vấn đề tín lý, luân lý hay mục vụ đều cần được giải quyết bằng các can thiệp của huấn quyền”. Thực vậy, đối với một số câu hỏi, “mỗi quốc gia hay miền... có thể tìm các giải pháp tốt hơn thích đáng với văn hóa của họ và gắn liền với các truyền thống và nhu cầu địa phương của họ. Vì ‘các nền văn hóa, thực ra, hết sức đa dạng và mọi nguyên tắc tổng quát... cần được hội nhập văn hóa, nếu chúng muốn được tôn trọng và áp dụng’” (NVYT 3). Nguyên tắc hội nhập văn hóa này áp dụng vào việc phải phát biểu các vấn đề như thế nào và phải đề cập đến chúng ra sao và, ngoại trừ các vấn đề tín điều đã được huấn quyền Giáo Hội định tín rõ ràng, không một phương thức nào thuộc loại này có thể “được hoàn cầu hóa”. Trong diễn văn kết thúc thượng hội đồng năm 2015, Đức Giáo Hoàng nói rất rõ ràng rằng: “Điều xem ra bình thường đối với một giám mục ở một lục địa, có thể bị coi là bất thường và hầu như gây tai tiếng, hầu như!, đối với một giám mục ở một lục địa khác; điều được coi là vi phạm một quyền ở một xã hội lại là một qui luật hiển nhiên và bất khả vi phạm ở một xã hội khác; điều đối với một số người là tự do lương tâm thì đối với một số khác lại chỉ là hỗn độn đơn thuần”.

Đức Giáo Hoàng tuyên bố rõ ràng rằng trên hết, chúng ta cần phải tránh việc đặt kê nhau một cách vô dụng các đòi hỏi thay đổi và việc áp dụng tổng quát các qui luật trừu tượng. Ngài viết: “các cuộc tranh luận đang tiếp diễn trong truyền thông, trong một số ấn phẩm và cả giữa các thừa tác viên của Giáo Hội, diễn biến từ một ước muốn vô độ nhằm thay đổi toàn diện không cần suy nghĩ hay đặt cơ sở gì cả, tới một thái độ muốn giải quyết mọi sự bằng cách áp dụng các qui luật tổng quát hay rút ra các kết luận quá đáng từ những xem xét thần học đặc thù” (NVYT 2).

Chương Một: “Dưới ánh sáng Lời Chúa” (8-30).

Tiếp theo lời dẫn nhập nói trên, Đức Giáo Hoàng bắt đầu các suy nghĩ của ngài về Sách Thánh ở chương thứ nhất, một chương được diễn biến như một bài suy niệm về Thánh Vịnh 128 (vốn được đọc trong phụng vụ hôn phối của Do Thái cũng như trong phụng vụ hôn phối của Kitô Giáo). Thánh Kinh “đầy các gia đình, sinh nở, truyện yêu thương và khủng hoảng gia đình” (NVYT 8). Điều này thúc đẩy ta suy niệm về việc gia đình không phải là một lý tưởng trừu tượng như thế nào nhưng đúng hơn như một “chuyên nghề” (trade) thực tiễn (NVYT 16), một chuyên nghề được thi hành với tình âu yếm (NVYT 28), nhưng vốn cũng bị tội lỗi đối chất ngay từ thuở ban đầu, khi mối liên hệ yêu thương bị biến thành khống chế (xem NVYT 19). Do đó, Lời Thiên Chúa “không phải là một loạt các ý niệm trừu tượng mà đúng hơn là nguồn an ủi và đồng hành đối với mọi gia đình đang trải nghiệm khó khăn hay đau khổ. Vì nó chỉ cho họ mục tiêu cuộc hành trình của họ...” (NVYT 22).

Chương Hai: “Các trải nghiệm và thách đố của các gia đình” (31-57)

Xây dựng trên nền Thánh Kinh, trong chương hai, Đức Giáo Hoàng xem xét tình huống hiện nay của các gia đình. Dù “đặt cơ sở vững vàng trên tính thực tại” của các trải nghiệm gia đình (NVYT 6), Đức Giáo Hoàng cũng đã rút tỉa khá nhiều từ các bản tường trình sau cùng của hai thượng hội đồng. Các gia đình hiện đang đối mặt với nhiều thách đố, từ việc di dân tới việc ý thức hệ bác bỏ các dị biệt giữa các giới tính (“ý thức hệ phái tính” NVYT 56); từ nền văn hóa tạm bợ tới não trạng chống sinh nở và tác động của kỹ thuật sinh học đối với lãnh vực sinh đẻ; từ việc thiếu nhà ở và việc làm tới văn hóa khiêu dâm và lạm dụng vị thành niên; từ việc không lưu ý tới những người khuyết tật tới việc thiếu kính trọng người cao niên; từ việc dùng luật pháp tháo bỏ gia đình tới việc dùng bạo lực chống lại phụ nữ. Đức Giáo Hoàng nhấn mạnh tới tính cụ thể, vốn là ý niệm then chốt trong Tông Huấn. Chính tính cụ thể, tính hiện thực và đời sống hàng ngày đã tạo thành sự dị biệt thực chất giữa “các lý thuyết” có thể chấp nhận được để giải thích thực tại và “các ý thức hệ” võ đoán.

Trung dẫn *Familiaris consortio*, Đức Phanxicô quả quyết rằng “ta rất đúng khi tập chú vào các thực tại cụ thể, vì ‘lời kêu gọi và các đòi hỏi của Thần Khí vang vọng trong các biến cố của lịch sử’ và qua các biến cố này, ‘Giáo Hội cũng được dẫn tới một cái hiểu sâu sắc hơn về mầu nhiệm khôn lường của hôn nhân và gia đình” (NVYT 31). Ngược lại, nếu ta không chịu lắng nghe thực tại, ta không thể hiểu được các nhu cầu của hiện tại hay các chuyển động của Thần Khí. Đức Giáo Hoàng nhận định rằng chủ nghĩa duy cá nhân hung hăng khiến con người ngày nay khó có thể hiện thân một cách đại lượng cho người khác (xem NVYT 33). Đây là một bức tranh đáng lưu ý về tình huống hiện nay: “sợ cô đơn và ước muốn ổn định và trung thành hiện hữu song song với nỗi sợ mỗi ngày một lớn bị lừa vào một mối liên hệ rất có thể ngăn cản mình đạt được các mục tiêu bản thân” (NVYT 34).

Lòng khiêm tốn của tính hiện thực giúp ta tránh được việc trình bày “một lý tưởng thần học quá trừu tượng và hầu như giả tạo về hôn nhân, quá xa vời so với các tình huống cụ thể và các khả năng thực tiễn của các gia đình chân thực” (NVYT 36). Chủ nghĩa duy lý tưởng không cho phép hôn nhân được hiểu đúng theo bản chất của nó, tức “ngã đường năng động để phát triển và hoàn thành bản thân”. Qua không hiện thực chút nào khi nghĩ rằng các gia đình có thể tự nâng đỡ chính mình “chỉ bằng việc nhấn mạnh tới các vấn đề tín lý, đạo đức sinh học và luân lý mà thôi, mà không khuyến khích người ta cởi mở đối với ơn thánh” (NVYT 37). Cho rằng một số phương thức “tự phê phán” không đủ đối với kinh nghiệm hôn nhân và gia đình, Đức Giáo Hoàng nhấn mạnh cần phải dành chỗ cho việc đào tạo lương tâm tín hữu: “chúng ta được kêu gọi đào luyện các lương tâm, chứ không thay thế chúng” (NVYT 37). Chúa Giêsu đề ra một lý tưởng đầy đòi hỏi nhưng “không bao giờ lại không tỏ lòng cảm thương và gần gũi đối với tính yếu đuối của các cá nhân như người đàn bà Samaria hay người đàn bà bị bắt quả tang ngoại tình” (NVYT 38).

Chương Ba: “Nhìn lên Chúa Giêsu: ơn gọi của gia đình” (58-88)

Chương thứ ba dành cho việc bàn tới một số yếu tố chủ yếu trong giáo huấn của Giáo Hội về hôn nhân và gia đình. Chương này quan trọng vì 30 đoạn của nó mô tả xúc tích ơn gọi của gia đình theo Tin

Mừng và như Giáo Hội đã quả quyết xưa nay. Trước hết, nó nhấn mạnh tới các chủ đề bất khả tiêu, bản chất bí tích của hôn nhân, việc truyền sinh và giáo dục con cái. *Gaudium et Spes* của Vatican II, *Humanae Vitae* của Đức Phaolô VI, và *Familiaris Consortio* của Đức Gioan Phaolô II đã được trung dẫn rất nhiều.

Chương này cung cấp một cái nhìn bao quát và đặng tới cả các “tình huống bất toàn” nữa. Thực thể, chúng ta có thể đọc thấy “ ‘việc biện phân sự hiện diện của các hạt giống Lời Chúa’ trong các nền văn hóa khác (xem *Ad Gentes* 11) cũng có thể áp dụng vào thực tại hôn nhân và gia đình. Song song với hôn nhân tự nhiên đích thực, các yếu tố tích cực quả có hiện hữu trong các hình thức hôn nhân tìm thấy nơi các truyền thống tôn giáo khác’, dù có lúc khá mù mờ” (NVYT 77). Suy tư này cũng bao gồm “các gia đình bị thương tổn”; về các gia đình này, Đức Giáo Hoàng đã trích dẫn Bản Tường Trình Sau Cùng của Thượng Hội Đồng năm 2015 để nói rằng “luôn cần phải nhớ nguyên tắc tổng quát này” ‘các mục tử phải biết rằng, vì chân lý, các ngài buộc phải thi hành việc biện phân các hoàn cảnh một cách thận trọng’ (*Familiaris Consortio*, 84). Mức độ trách nhiệm không như nhau trong mọi trường hợp và có thể có các nhân tố khiến khả năng đưa ra quyết định bị hạn chế. Do đó, dù quả quyết giáo huấn của Giáo Hội cách rõ ràng, các mục tử phải tránh các phán đoán không đếm xỉa gì tới tính phức tạp của các hoàn cảnh đa dạng, và các ngài phải lưu ý, nhất thiết phải lưu ý tới việc người ta trải nghiệm ra sao và chịu đựng thế nào các buồn phiền do hoàn cảnh của họ gây ra” (NVYT 79).

Chương Bốn: “Tình yêu trong hôn nhân” (89-164)

Chương bốn bàn về tình yêu trong hôn nhân, điều mà nó soi sáng bằng Bài Ca Tình Yêu của Thánh Phaolô trong thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô 13:4-7. Tiết mở đầu này là một giải thích công phu, tập chú, nhiều linh hứng và thơ mộng đối với bản văn của Thánh Phaolô. Nó là một sưu tập gồm nhiều đoạn văn ngắn nhằm mô tả một cách thận trọng và đầy âu yếm tình yêu nhân bản bằng những hạn từ hoàn toàn cụ thể. Giá trị nội quan tâm lý của lời giải thích này quả là tuyệt vời. Những tầm nhìn tâm lý thấu suốt đã được đưa vào thế giới xúc cảm của vợ chồng, cả tích cực lẫn tiêu cực, và cả chiều kích gọi tình của tình yêu nữa. Đây quả là một đóng góp cực kỳ phong phú và có

giá trị vào đời sống hôn nhân Kitô Giáo, chưa hề có trong các văn kiện giáo hoàng trước đây.

Tiết này vẫn vói vượt ra ngoài việc bàn một cách rộng dài, sâu sắc tới kinh nghiệm hàng ngày của tình yêu hôn nhân, điều mà Đức Giáo Hoàng từ khước, không muốn phán đoán dựa vào các tiêu chuẩn lý tưởng: “không nên đặt lên hai con người hữu hạn gánh nặng khủng khiếp phải lập lại một cách hoàn hảo sự kết hợp giữa Chúa Kitô và Giáo Hội, vì hôn nhân, trong tư cách dấu chỉ, bao hàm ‘một diễn trình năng động... một diễn trình từ từ diễn tiến với việc hội nhập tiệm tiến các ân ban của Thiên Chúa’ (NVYT 122). Mặt khác, Đức Giáo Hoàng mạnh mẽ nhấn mạnh sự kiện này: do chính bản chất của nó, tình yêu vợ chồng vốn xác định ra các người phối ngẫu trong một sự kết hợp hết sức bao trùm và lâu dài (NVYT 123), chính trong sự “pha trộn vui hưởng và đấu tranh, căng thẳng và thư thái, đau đớn và khuây khỏa, thỏa mãn và ham muốn, bực dọc và khoan khoái” ấy (NVYT 126), mà hôn nhân đã được lập thành.

Chương này kết thúc bằng một suy tư rất quan trọng về “việc biến đổi của tình yêu” vì “quãng đời dài hơn hiện nay có nghĩa: các mối liên hệ gần gũi và độc chiếm hẳn phải kéo dài tới 4, 5 hay ngay cả 6 thập niên; thành thử, quyết định lúc ban đầu hẳn phải luôn được làm mới trở lại” (NVYT 163). Khi về bề ngoài biến đổi, sự lôi cuốn yêu thương tuy không giảm nhưng thay đổi khi thêm muốn tính dục, với thời gian, có thể biến đổi để chỉ còn là ước muốn được ở với nhau và tương trợ nhau: “Không hề có bảo đảm nào là chúng ta sẽ cảm nhận như nhau suốt đời. Ấy thế nhưng, nếu cặp vợ chồng nào có thể nghĩ ra được một dự án sống chung lâu dài, họ vẫn có thể yêu thương nhau và sống với nhau như một, vui hưởng sự thân mật phong phú, cho tới lúc sự chết phân rẽ họ” (NVYT 163).

Chương Năm: “Tình yêu sinh hoa trái” (165-198)

Chương Năm hoàn toàn tập chú vào tính sinh hoa trái của tình yêu và sự sinh sản. Nó đề cập một cách thiêng liêng và tâm lý sâu sắc tới việc chào đón sự sống mới, tới thời gian chờ đợi thai nghén, tới tình yêu của người mẹ người cha. Nó cũng nói tới tính hoa trái mở rộng của việc nhận con nuôi, tới việc hoan nghinh sự đóng góp của các gia đình

vào việc cổ vũ “nền văn hóa gặp gỡ”, và tới cuộc sống gia đình theo nghĩa rộng bao gồm cô chú, anh chị em họ, thân nhân của các thân nhân, bằng hữu. *Amoris laetitia* không tập chú vào điều vốn được gọi là “gia đình hạch nhân” vì nó rất coi trọng gia đình như một mạng lưới rộng lớn hơn gồm nhiều mối liên hệ. Linh đạo của bí tích hôn nhân có đặc điểm xã hội sâu sắc (xem NVYT 187). Và bên trong chiều kích xã hội này, Đức Giáo Hoàng đặc biệt nhấn mạnh tới vai trò đặc biệt của mối liên hệ giữa người trẻ và người cao niên, cũng như mối liên hệ giữa các anh chị em, coi nó như cơ sở huấn luyện cho việc liên hệ với người khác.

Chương Sáu: “Một số viễn ảnh mục vụ” (199-258)

Trong chương sáu, Đức Giáo Hoàng thảo luận một số viễn ảnh mục vụ nhằm tạo ra các gia đình vững chắc và sinh hoa trái theo kế hoạch của Thiên Chúa. Chương này sử dụng rộng rãi các bản tường trình sau cùng của hai thượng hội đồng và các bài giáo lý của Đức Giáo Hoàng Phanxicô và của Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II. Nó nhắc lại rằng các gia đình không những nên được phúc âm hóa, mà họ còn phải rao giảng phúc âm nữa. Đức Giáo Hoàng tỏ ý tiếc rằng “các thừa tác viên thụ phong thường hay thiếu sự huấn luyện cần thiết để đương đầu với các vấn đề phức tạp mà các gia đình hiện đang phải đối phó” (NVYT 202). Một mặt, việc huấn luyện các chủng sinh về tâm cảm (psycho-affective) cần được cải tiến, và các gia đình cần can dự nhiều hơn vào việc huấn luyện người cho thừa tác vụ (xem NVYT 203); và mặt khác, “kinh nghiệm giáo sĩ lập gia đình của truyền thống rộng lớn Đông Phương cũng có thể được rút tỉa” (NVYT 202).

Sau đó, Đức Giáo Hoàng nói tới việc chuẩn bị hôn nhân cho các cặp đính hôn; tới việc đồng hành với các cặp vợ chồng trong các năm đầu cuộc sống hôn nhân của họ, trong đó, có vấn đề làm cha mẹ có trách nhiệm; và ngài cũng nói tới một số hoàn cảnh và cuộc khủng hoảng phức tạp, vì biết rằng “mỗi cuộc khủng hoảng đều có một bài học để dạy chúng ta; chúng ta cần học cách biết lắng nghe về nó với lỗ tai của trái tim” (NVYT 232). Một số nguyên nhân của khủng hoảng đã được phân tích, trong số đó, có sự trỗi dậy trong việc trưởng thành về xúc cảm (xem NVYT 239).

Ngài còn nhắc thêm về việc đồng hành với những người bị bỏ rơi, ly thân hoặc ly dị. Tông Huấn nhấn mạnh tầm quan trọng của cuộc cải tổ mới đây đối với các thủ tục tuyên bố hôn nhân vô hiệu. Nó làm nổi bật sự đau khổ của con cái trong các hoàn cảnh tranh chấp và kết luận: “Ly dị là một sự ác và con số mỗi ngày một gia tăng các vụ ly dị là điều rất gây bối rối. Do đó, bốn phạm mục vụ quan trọng nhất của chúng ta đối với các gia đình là củng cố tình yêu của họ, giúp hàn gắn các vết thương và làm việc để ngăn chặn việc lan tràn bi kịch này của thời ta” (NVYT 246). Sau đó, chương này nói tới các cuộc hôn nhân giữa một người Công Giáo và một Kitô hữu thuộc một hệ phái khác (hôn nhân hỗn hợp), và giữa một người Công Giáo và một người thuộc một tôn giáo khác (hôn nhân khác đạo). Liên quan tới các gia đình có thành viên là người có khuynh hướng đồng tính luyến ái, Tông Huấn tái xác nhận sự cần thiết phải tôn trọng họ và kiềm chế bất cứ sự kỳ thị bất công nào cũng như mọi hình thức gây hấn hay bạo động nào. Phần cuối cùng, rất cảm kích về phương diện mục vụ của chương này, “khi sự chết làm chúng ta cảm thấy nọc độc của nó” là nói về chủ đề mất người thân yêu và đời sống mất chồng, mất vợ.

Chương Bảy: “Hướng tới việc giáo dục con cái tốt hơn” (259-290)

Chương bảy dành để nói đến việc giáo dục con cái: đào luyện chúng về đạo đức, học tập kỷ luật bao gồm trừng phạt, hiện thực kiên nhẫn, giáo dục giới tính, truyền thụ đức tin và, nói chung hơn, cuộc sống gia đình như một bối cảnh giáo dục. Sự khôn ngoan thực tiễn thấy nơi mỗi đoạn thật đáng lưu ý, trên hết là việc dành chú ý cho các bước nhỏ, tiệm tiến “ta có thể hiểu, chấp nhận và trân quý được”(NVYT 271).

Có một đoạn đặc biệt gây chú ý và có tính nền tảng về sự phạm trong đó, Đức Phanxicô quả quyết một cách rõ ràng rằng “tuy nhiên, ám ảnh không phải là giáo dục. Ta không thể kiểm soát mọi hoàn cảnh mà đứa nhỏ có thể trải nghiệm... Nếu các cha mẹ bị ám ảnh với việc luôn phải biết con cái họ đang ở đâu và kiểm soát mọi chuyển động của chúng, họ đã chỉ tìm cách khống chế không gian mà thôi. Nhưng việc này không hề để giáo dục, củng cố và chuẩn bị con cái họ giúp chúng đương đầu với các thách đố. Điều quan trọng hơn cả là khả

năng biết yêu thương giúp đỡ chúng lớn lên trong tự do, trưởng thành, kỷ luật nói chung và thực sự tự lập” (NVYT 260).

Tiết đáng lưu ý về giáo dục tính dục đã được đặt tựa đề rất hay là “Nói có với giáo dục tính dục”. Nhu cầu là ở đó, và chúng ta phải nêu câu hỏi: “liệu các định chế giáo dục của ta đã đảm nhiệm thách đố này chưa... trong một thời đại khi tính dục có khuynh hướng bị tầm thường hóa và làm cho ra nghèo nàn”. Nền giáo dục tốt đẹp cần được thi hành “bên trong khuôn khổ rộng lớn hơn của việc giáo dục tình yêu, của việc giáo dục tự hiến thân hổ tương” (NVYT 280). Bản văn cảnh cáo rằng kiểu nói “làm tình an toàn” chuyên chở “một thái độ tiêu cực đối với cùng đích tính sinh sản tự nhiên của tính dục, như thể đứa trẻ có thể được sinh ra là một kẻ thù cần phải đề phòng chống lại. Kiểu suy nghĩ này cổ vũ lòng tự yêu mình thái quá và tính gây hấn thay vì sự chấp nhận” (NVYT 283).

Chương Tám: “Hướng dẫn, biện phân và hội nhập yêu đôi” (291-312)

Chương tám là lời mời gọi hướng tới lòng thương xót và biện phân mục vụ trong các hoàn cảnh không hoàn toàn phù hợp với những gì Chúa đã đề xuất. Đức Giáo Hoàng sử dụng ba động từ rất quan trọng: hướng dẫn, biện phân và hội nhập (integrating), tất cả đều có tính nền tảng để giải quyết các hoàn cảnh mỏng dòn, phức tạp, không hợp qui. Chương này có nhiều tiết nói về việc cần phải có sự tiệm tiến (gradualness) trong việc chăm sóc mục vụ; tầm quan trọng của biện phân; các qui luật và các hoàn cảnh giảm khinh trong việc biện phân mục vụ; và sau cùng, Đức Giáo Hoàng kêu gọi phải có “luận lý học thương xót mục vụ”.

Chương tám là chương hết sức hấp dẫn. Đọc nó, người ta phải nhớ rằng “trách vụ của Giáo Hội thường giống trách vụ một bệnh viện dã chiến” (NVYT 291). Ở đây, Đức Thánh Cha bám chặt các khám phá của hai thượng hội đồng về các vấn đề gây tranh cãi. Ngài tái khẳng định điều hôn nhân Kitô Giáo vốn là và nói thêm rằng “một số hình thức kết hợp mâu thuẫn triệt để với lý tưởng này, trong khi một số hình thức khác thể hiện nó ít nhất một phần hay tương tự”. Do đó, Giáo Hội “không coi thường các yếu tố xây dựng trong các hoàn cảnh

chưa hoặc không còn phù hợp với giáo huấn của mình về hôn nhân” (NVYT 292).

Về việc biện phân đối với các hoàn cảnh “không hợp qui”, Đức Giáo Hoàng nói rằng: “Cần phải ‘tránh các phán đoán không đếm xỉa tới tính phức tạp của các hoàn cảnh đa dạng’ và nhất thiết phải lưu ý tới việc người ta phải buồn phiền như thế nào vì hoàn cảnh của họ” (NVYT 296). Và ngài viết tiếp: “đây là vấn đề phải vươn tay ra với mọi người, phải giúp mỗi người tìm được cách riêng để tham dự vào cộng đồng Giáo Hội, và nhờ thế cảm nhận được sự vuốt ve của một lòng thương xót ‘không cần công trạng, vô điều kiện và nhưng không’” (NVYT 297). Và xa hơn: “những người ly dị đã bước vào một kết hợp mới, chẳng hạn, có thể rơi vào một loạt các hoàn cảnh khác nhau, mà ta không nên ngăn họ hay nhét vào các loại xếp hạng quá cứng nhắc, không chừa chỗ trống cho việc biện phân bản thân và mục vụ thích đáng” (NVYT 298).

Theo đường hướng trên, dựa vào các nhận xét của nhiều nghị phụ thượng hội đồng, Đức Giáo Hoàng quả quyết rằng “người đã chịu phép rửa nào ly dị và tái hôn theo dân luật cần được hội nhập trọn vẹn hơn vào các cộng đồng Kitô hữu bằng nhiều cách có thể có, trong khi phải tránh bất cứ dịp gây gương mù gương xấu nào”. “Việc tham dự của họ có thể được biểu lộ qua nhiều phục vụ khác nhau trong Giáo Hội... Những người như thế không nên cảm thấy mình như là các chi thể bị tuyệt thông của Giáo Hội, nhưng thay vào đó phải như các chi thể sống động, có khả năng sống và lớn lên trong Giáo Hội... Sự hội nhập này cũng cần phải có trong việc săn sóc và dưỡng dục con cái họ theo Kitô Giáo” (NVYT 299).

Nói tổng quát hơn, Đức Giáo Hoàng đưa ra một câu tuyên bố cực kỳ quan trọng để ta hiểu chiều hướng và ý nghĩa của Tông Huấn: “Nếu chúng ta xem xét sự đa dạng mênh mông của các hoàn cảnh cụ thể..., điều có thể hiểu được là không ai chờ mong cả thượng hội đồng lẫn tông huấn này sẽ cung cấp một bộ qui luật tổng quát mới, hợp giáo luật từ trong bản chất và có thể áp dụng cho mọi trường hợp. Điều cần đơn thuần là một khích lệ đối mới để người ta đảm nhiệm việc biện phân bản thân và mục vụ một cách có trách nhiệm trong các trường hợp đặc thù, một sự biện phân biết nhìn nhận rằng, vì “mức độ trách

nhệm không như nhau trong mọi trường hợp’, các hậu quả hay hệ quả của một qui luật không cần luôn phải nhất thiết như nhau” (NVYT 300). Đức Giáo Hoàng khai triển một cách sâu sắc các nhu cầu và các đặc điểm của cuộc hành trình đồng hành và biện phân cần thiết đối với cuộc đối thoại có chiều sâu giữa tín hữu và các mục tử của họ.

Để đạt mục đích trên, Đức Thánh Cha nhắc ta nhớ lại suy tư của Giáo Hội về “các nhân tố và hoàn cảnh giảm khinh” liên quan tới việc qui trách nhiệm và giải trình hành động; và dựa vào Thánh Tôma Aquinô, ngài tập chú vào mối liên hệ giữa các qui luật và việc biện phân bằng cách quả quyết rằng “Quả thực các qui luật tổng quát đưa ra một sự thiện mà ta không bao giờ có thể coi thường hay bỏ qua, nhưng trong hình thức phát biểu của chúng, chúng không thể tuyệt đối dự liệu mọi hoàn cảnh đặc thù được. Đồng thời, cần phải nói rằng, chính vì lý do đó, điều vốn là thành phần của một biện phân thực tiễn trong các hoàn cảnh đặc thù không thể được nâng lên hàng một qui luật” (NVYT 304).

Tiết sau cùng của chương này bàn đến “luận lý học thương xót mục vụ”. Để tránh hiểu lầm, Đức Giáo Hoàng Phanxicô mạnh mẽ nhắc lại: “Bây tỏ sự hiểu biết trước các hoàn cảnh ngoại lệ không bao giờ hàm nghĩa phải giảm độ ánh sáng của các lý tưởng trọn vẹn hơn hay đề xuất ít hơn điều Chúa Giêsu đề xuất cho con người nhân bản. Ngày nay, điều quan trọng hơn việc chăm sóc mục vụ đối với những hoàn cảnh thất bại là cố gắng mục vụ nhằm củng cố các cuộc hôn nhân và nhờ thế phòng ngừa việc chúng đổ vỡ” (NVYT 307).

Chiều hướng nói chung của chương này và của tinh thần mà Đức Phanxicô muốn dành cho công việc mục vụ của Giáo Hội đã được tóm tắt trong các lời kết như sau: “Tôi khuyến khích các tín hữu đang thấy mình rơi vào các hoàn cảnh phức tạp hãy tin tưởng nói chuyện với các mục tử của họ hay với các tín hữu giáo dân khác vốn có đời sống dẫn thân cho Chúa. Có thể không phải lúc nào họ cũng tìm được nơi những người này một sự xác nhận đối với các ý nghĩ hay ước nguyện của mình, nhưng chắc chắn, họ sẽ nhận được chút ánh sáng nào đó giúp họ hiểu hoàn cảnh của mình tốt hơn và khám phá ra con đường phát triển bản thân. Tôi cũng khuyến khích các mục tử của

Giáo Hội hãy lắng nghe họ một cách miễn cảm và thanh thản, thành thực muốn hiểu cảnh ngộ và quan điểm của họ, ngõ hầu giúp họ sống cuộc sống tốt đẹp hơn và nhìn nhận chỗ đứng thích đáng của họ trong Giáo Hội” (NVYT 312).

Về “luận lý học thương xót mục vụ”, Đức Phanxicô nhấn mạnh: “Đôi lúc, chúng ta thấy khó dành chỗ cho tình yêu vô điều kiện của Thiên Chúa trong hoạt động mục vụ của ta. Ta đặt không biết bao nhiêu điều kiện lên lòng thương xót đến nỗi làm nó rỗng hết mọi ý nghĩa cụ thể và ý nghĩa chân thực của nó. Đây là cách tệ hại nhất để làm loãng Tin Mừng” (NVYT 311).

Chương Chín: “Linh đạo hôn nhân và gia đình” (313-325)

Chương chín dành cho linh đạo hôn nhân và gia đình, một linh đạo “kết thành bởi hàng ngàn cử chỉ nhỏ mọn nhưng có thực chất” (NVYT 315). Đức Giáo Hoàng quả quyết một cách rõ ràng rằng “những ai có khát vọng linh đạo sâu sắc không nên cảm nhận rằng gia đình đánh giá thấp việc họ lớn lên trong sự sống Thần Khí, nhưng đúng hơn họ coi sự sống này như con đường Chúa muốn dùng để dẫn họ tới đỉnh cao của việc kết hợp huyền nhiệm” (NVYT 316). Mọi sự, “những lúc vui, thư giãn, cử hành, và ngay cả làm tình cũng có thể được cảm nghiệm như một tham dự vào cuộc sống trọn vẹn của phục sinh” (NVYT 317). Rồi ngài nói tới việc cầu nguyện dưới ánh sáng Phục Sinh, tới linh đạo của tình yêu độc chiếm và tự do trong thách đố và hoài mong được về già với nhau, luôn phản ảnh lòng chung thủy của Thiên Chúa (xem NVYT 319). Và sau cùng, là linh đạo chăm sóc, an ủi và khuyến khích: Đức Giáo Hoàng dạy rằng “mọi cuộc sống gia đình đều là một ‘việc chăn chiên’ trong thương xót. Mỗi người chúng ta, qua yêu thương và săn sóc, đều để lại dấu ấn lên đời người khác” (NVYT 322). “Ngắm nhìn người thân yêu của chúng ta bằng con mắt của Thiên Chúa và thấy Chúa Kitô trong họ chính là một kinh nghiệm thiêng liêng” sâu sắc (NVYT 323).

Trong đoạn cuối cùng, Đức Phanxicô khẳng định: “không gia đình nào rơi xuống từ trời đã hoàn toàn được hình thành ngay; các gia đình luôn cần được lớn lên và trưởng thành trong khả năng yêu thương... Tất cả chúng ta đều được kêu gọi tiếp tục cố gắng hướng tới một điều

gì đó lớn hơn chính chúng ta và gia đình chúng ta, và mọi gia đình phải cảm nhận được sự thúc đẩy này. Chúng ta hãy thực hiện cuộc hành trình này như các gia đình, chúng ta hãy tiếp tục tiến bước với nhau. (...) Chớ gì ta đừng ngã lòng vì các giới hạn của mình hay ngừng việc tìm kiếm sự viên mãn của tình yêu và tình hiệp thông mà Thiên Chúa đang bày tỏ trước mặt ta” (NVYT 325).

Tông Huấn kết thúc bằng lời cầu nguyện với Thánh Gia.

Tóm lại, *Amoris Laetitia* tìm cách khẳng định không phải “gia đình lý tưởng” mà là thực tại hết sức phong phú và phức tạp của đời sống gia đình. Nó cung cấp một cái nhìn cởi mở, tích cực sâu xa, được nuôi dưỡng không phải bằng các điều trừu tượng hay phóng chiếu lý tưởng, nhưng bằng sự quan tâm mục vụ đối với thực tại. Ngôn ngữ của Tông Huấn vì thế là ngôn ngữ của kinh nghiệm và hy vọng.

3. Tông Huấn *Amoris Laetitia* dưới mắt Đức Hồng Y Schonborn

Wed, 04/05/2016 - Tác giả: [Vũ Văn An](#)

Phản ứng đối với Tông Huấn Hậu Thượng Hội Đồng về Hôn Nhân và Gia Đình *Amoris Laetitia* rất tức khắc và lẫn lộn. Người thì cho tông huấn này thay đổi tất cả, người thì cho nó chẳng thay đổi gì. Người thì cho đây là một trong những văn kiện quan trọng của huấn quyền, người cho đây chỉ là suy nghĩ cá nhân của Đức Phanxicô. Người thì coi nó là một văn kiện nhất quán. Người thì cho nó là hai văn kiện song hành, lắm khi đối chọi nhau.

Các nguồn của Tông Huấn

Đức Phanxicô hiển nhiên coi đây là một văn kiện thuộc huấn quyền, cho nên đã xếp nó vào loại Tông Huấn, tức giáo huấn tông truyền, nhất định không phải là suy nghĩ cá nhân. Theo Đức Hồng Y Baldisseri, Tổng Thư Ký Thượng Hội Đồng Giám Mục, một trong hai vị họp báo công bố Tông Huấn, tính tông truyền này có thể được thấy rõ ở các nguồn của nó: “nền tảng căn bản của Tông Huấn là hai văn kiện sau cùng của hai phiên họp thượng hội đồng về gia đình: 52 trích dẫn từ Phúc Trình Thượng Hội Đồng (*Relatio Synodi*) năm 2014 và 84 trích dẫn từ Phúc Trình Sau Cùng (*Relatio Finalis*) năm 2015...”

Đàng khác, văn kiện này cũng tham chiếu rất nhiều từ Các Giáo Phụ... qua các thần học gia trung cổ và cận đại... tới các tác giả hiện đại... Trong số các văn kiện của các vị giáo hoàng tiền nhiệm, ta thấy *Casti Connubii* của Đức Piô XI; *Mystici Corpori Christi* của Đức Piô XII; *Humanae Vitae* của Đức Phaolô VI ... Các Bài Giáo Lý về Tình Yêu Nhân Bản và Tông Huấn *Familiaris Consortio* của Đức Gioan Phaolô II; *Deus Caritas Est* của Đức Bênêđictô XVI... Công Đồng Vatican II được trích dẫn 28 lần, Sách Giáo Lý Của Giáo Hội Công Giáo được trích dẫn 15 lần... Các văn kiện khác của Tòa Thánh được trích dẫn 12 lần và các văn kiện của các hội đồng giám mục được trích dẫn 10 lần”. Không phải chỉ là trích dẫn mà là trích dẫn với những quả quyết như ‘tôi ủng hộ’ (số 297), ‘tôi nhất trí’ (số 299), ‘tôi coi là thích đáng’ (số 302).

Dĩ nhiên, điều đặc biệt là giáo huấn tông truyền này đề cập đến hàng loạt nhiều vấn đề khác nhau, trong đó nhiều vấn đề còn đang cần được “biện phân”, nên tính chất giáo huấn cũng rất khác nhau, mức độ và hình thức áp dụng, vì thế cũng khác nhau. Chính Đức Giáo Hoàng cũng cho ta rõ điều này khi ngài cho rằng “Đối với chính các gia đình và những ai dẫn thân vào việc tông đồ gia đình, lợi ích lớn lao nhất sẽ xuất hiện nếu mỗi phần được đọc một cách kiên nhẫn và thận trọng, hoặc, nếu chú ý tới các phần nói tới các nhu cầu chuyên biệt của họ. Thí dụ, các cặp vợ chồng có lẽ sẽ quan tâm nhiều hơn tới các chương bốn [tình yêu trong hôn nhân] và năm [tình yêu sinh hoa trái], còn các thừa tác viên mục vụ có lẽ sẽ quan tâm nhiều hơn tới chương sáu [một số viễn ảnh mục vụ], trong khi người nào cũng nên cảm thấy như được chương tám [đồng hành, biện phân và hội nhập yếu đuối] thách thức”.

Nhu cầu và thách thức

Như mọi người đều biết: các nhà bình luận cả cấp tiến lẫn bảo thủ phần lớn chỉ lưu tâm tới chương tám mà thôi, nhất là tới ghi chú số 351. Chương này, tuy khuyên mọi người, bất kể là ai, nên đọc, nhưng Đức Phanxicô bảo nên đọc nó như một “thách thức” không hẳn như một “nhu cầu chuyên biệt”. Thách thức là một điều người ta khó có thể thực hiện ngay được, nó gần như là một lý tưởng mình nên khởi đầu dẫn thân vào từ bây giờ, một thái độ chủ quan nên có. Nhu cầu

chuyên biệt thì phải giải quyết ngay, không thể chần chừ. Do đó, tính giáo huấn của mỗi chương cũng cần được “biện phân” vậy.

Thành thử mục vụ hôn nhân và gia đình có những khía cạnh phải thực hành ngay như những “nhu cầu chuyên biệt”, có những khía cạnh nêu ra như một lý tưởng thách thức ta bước tới, có chỉ thị cụ thể gì đâu. Chúng tôi đồng ý với nhiều bình luận gia rằng: Đức Phanxicô không hề nhắc tới việc cho phép người ly dị tái hôn được rước lễ. Ngài chỉ khuyên ta phải đồng hành với họ, giúp họ biện phân hoàn cảnh của họ và dẫn họ tới tính viên mãn của hôn nhân Kitô Giáo. Tính thách thức, thiện nghĩ, chính là ở điểm đó. Tóm lại, ngài không hẳn nhằm nói với người ly dị tái hôn, mà là nói với “mọi người” để họ thay đổi thái độ đối những người mà ngài vẫn coi là anh chị em của ta.

Hơn nữa, trong cuộc họp báo trên không từ đảo Lesbos, Hy Lạp, trở lại Rôma, ngày 16 tháng Tư vừa qua, khi được hỏi: tại sao một vấn đề quan trọng như thế lại chỉ được nói đến ở ghi chú số 351, ngài có thấy trước người ta sẽ phản đối không, hay ngài muốn nói : điều này không quan trọng gì? Ngài cho hay: vấn đề mà giới truyền thông nêu ra khi ngài triệu tập Thượng Hội Đồng Giám Mục về Gia Đình năm 2014 rằng liệu Giáo Hội có cho phép người ly dị tái hôn rước lễ hay không làm ngài vừa khó chịu vừa buồn lòng. “Vì tôi nghĩ: họ nói hết điều này tới điều nọ, nhưng há họ không hiểu ra rằng đó không phải là vấn đề quan trọng hay sao? Há họ không hiểu ra rằng gia đình đang gặp khủng hoảng khắp nơi trên thế giới đó sao? Mà gia đình là nền tảng của xã hội! Há họ không hiểu ra rằng giới trẻ không muốn kết hôn hay sao? Há họ không hiểu ra rằng việc giảm sinh suất ở Âu Châu đang làm người ta phát khóc đó sao? Há họ không hiểu ra rằng thiếu công ăn việc làm và khả thể có việc làm (trầm trọng) đến nỗi cha mẹ phải giữ hai công việc khiến con cái trần thân lớn lên một mình, không học lớn lên trong đối thoại với cha mẹ đó sao? Đó là những vấn đề lớn! Tôi không nhớ ghi chú ấy, nhưng chắc chắn nếu nó là một chuyện thuộc loại ấy, nghĩa là trong một ghi chú, thì hẳn là đã được nói tới trong *Evangelii Gaudium*, chắc chắn như thế! Nó phải là một trích dẫn từ *Evangelii Gaudium*”.

Như sợ người đọc hiểu lầm, ngài đã nhờ Đức Hồng Y Tổng Giám Mục Vienna là Schonborn giới thiệu Tông Huấn. Trong cuộc họp báo

vừa nói, ngài cho hay thêm: “Tôi khuyên tất cả quý vị đọc bài trình bày của Đức Hồng Y Schonborn; ngài là nhà thần học vĩ đại. Ngài là thành viên của Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin và biết rõ Tín Lý của Giáo Hội”.

Đức Hồng Y Schonborn đọc Tông Huấn

Trong bài trình bày của ngài, Đức Hồng Y Schonborn nói rằng: “Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã thành công trong việc nói tới mọi hoàn cảnh mà không phân loại chúng, không phạm trừ hóa chúng, với một nhãn quan nhân hậu căn bản vốn được liên kết với trái tim Thiên Chúa, với đôi mắt Chúa Giêsu, Đấng không loại trừ ai (xem NVYT, số 297), (trái lại) chào đón mọi người và ban cho mọi người ‘niềm vui Tin Mừng’”.

Ngài nói thêm: “Trong bầu khí chào đón này, văn kiện nói đến viễn kiến Kitô Giáo về hôn nhân và gia đình trở thành một lời mời, một lời khuyến khích đối với niềm vui yêu thương mà ta có thể tin và không loại trừ ai, thực sự và thành thực không trừ một ai”.

Theo Đức Hồng Y Schonborn, Tông Huấn *Amoris Laetitia* của Đức Phanxicô, trước hết và trên hết, là một “biên cố ngôn ngữ học”: lời lẽ không hề có tính phê phán. “Ở đây là một lòng tôn trọng trước mọi người vì họ không bao giờ là một ‘trường hợp có vấn đề’ trong một ‘phạm trừ’, mà đúng hơn là một con người độc đáo, với câu chuyện riêng và cuộc hành trình riêng của họ với và hướng về Thiên Chúa”. Thái độ nền tảng này cũng cung cấp lý do sâu xa nhất cho hai chữ chủ yếu sau đó là biện phân và đồng hành, không những chỉ đối với gia đình “bất hợp lệ” mà với mọi gia đình. Thành thử, Đức Hồng Y cho hay, tông huấn này đã vượt qua sự phân biệt giả tạo, hời hợt giữa “hợp lệ” và “bất hợp lệ”, và đặt mọi người dưới lời kêu gọi nên thánh chung.

Tính “bao gồm” nói trên làm nhiều người bối rối. Đức Hồng Y hỏi rằng “Há nó không thiên về chủ nghĩa duy tương đối hay sao? Việc năng nói tới lòng thương xót há không trở thành buông thả đó sao?” Há đã không còn sự rõ ràng nào nữa về những giới hạn không được vượt qua, những hoàn cảnh buộc phải định nghĩa một cách khách quan là bất hợp lệ hay tội lỗi đó sao? Phải chăng Tông Huấn này

ngiên về một thứ buông thả nào đó, một cảm thức cho rằng “chuyện gì cũng cho qua được hết”? Lòng thương xót của Chúa Giêsu há không khất khe và đòi hỏi nhiều hơn hay sao?

Để trả lời các câu hỏi trên, Đức Hồng Y trích dẫn số 35 trong Tông Huấn: “Là các Kitô hữu, chúng ta khó có thể ngưng, không cổ vũ hôn nhân, chỉ để tránh đụng chạm tới các nhạy cảm hiện thời, hoặc vì muốn hợp thời thượng hoặc vì cảm thấy bất lực trước các thất bại nhân bản và luân lý. Làm như thế chúng ta đã tước bỏ cả một thế giới giá trị mà chúng ta vốn có thể và phải cung ứng. Đã đành, chỉ biết tố cáo các cái xấu hiện thời như thế ta chẳng thay đổi được gì là điều vô nghĩa. Cũng chẳng ích lợi gì khi cố gắng áp đặt các qui luật chỉ bằng thẩm quyền của mình mà thôi. Điều cần là chúng ta phải ra sức một cách có trách nhiệm và quảng đại hơn trong việc trình bày các lý lẽ và nguyên động lực cho việc quyết định kết hôn và lập gia đình, và nhờ cách này, giúp các người nam nữ đáp ứng ơn thánh mà Thiên Chúa cung ứng cho họ một cách tốt đẹp hơn”.

Đức Hồng Y không quên nhấn mạnh việc Đức Phanxicô cho rằng cách Giáo Hội xử lý với hôn nhân trong quá khứ cần được “tự phê”: “Chúng ta cũng cần phải khiêm tốn và hiện thực, thừa nhận rằng có lúc, cung cách ta trình bày các niềm tin Kitô Giáo và việc cư xử với người khác chỉ giúp làm gia trọng tình thế đang gây vẩn nạn hiện nay mà thôi. Ta cần liều thuốc tự phê lành mạnh. Rồi, ta còn hay trình bày hôn nhân (tệ đến nỗi) khiến cho ý nghĩa nên một của nó, lời mời gọi lớn lên trong yêu thương của nó và lý tưởng trợ giúp nhau của nó bị che khuất bởi việc hầu như chỉ chuyên chú nhấn mạnh tới nhiệm vụ truyền sinh. Ta cũng đã không luôn cung cấp được sự hướng dẫn vững chắc cho những cặp vợ chồng trẻ, hiểu biết thời khóa biểu của họ, cách suy nghĩ và các quan tâm cụ thể của họ. Có lúc, ta cũng đã đề xuất một lý tưởng thần học về hôn nhân quá trừu tượng và gần như giả tạo, quá xa rời các hoàn cảnh cụ thể và các khả thể thực tế của các gia đình đích thực. Việc lý tưởng hóa thái quá này, nhất là khi ta thất bại trong việc gây hứng cho lòng tín thác vào ơn thánh Chúa, không giúp làm cho hôn nhân trở thành đáng ước muốn và lôi cuốn hơn, nhưng trở thành điều trái ngược hẳn” (số 36).

Hồi Tâm Mục Vụ

Tính hiện thực cần thiết nói trên hoàn toàn phản ánh kinh nghiệm Thượng Hội Đồng Giám Mục về Gia Đình năm ngoái trong đó, các giám mục của các nhóm nhỏ đã chia sẻ kinh nghiệm sống trong chính gia đình của các ngài. Đức Hồng Y thuật lại rằng: hầu hết các vị giám mục và các tham dự viên khác đều cho thấy trong gia đình họ, có đủ các chủ đề, các âu lo và các “bất hợp lệ” được bàn tới một cách trừu tượng ở Thượng Hội Đồng. Như thế, mọi người đều cần một cuộc “hồi tâm mục vụ”.

Theo Đức Hồng Y Schonborn, cuộc “hồi tâm mục vụ” nói trên được *Amoris Laetitia* đề cập tới như sau: “Từ lâu chúng ta vốn nghĩ rằng chỉ bằng cách nhấn mạnh tới các vấn đề tín lý, sinh học và luân lý, không cần phải khuyến khích sự cởi mở với ơn thánh, ta đã đang cung cấp cho các gia đình sự trợ giúp thỏa đáng, củng cố dây hôn phối và đem lại ý nghĩa cho đời sống vợ chồng rồi. Ta thấy khó có thể trình bày hôn nhân như con đường năng động để phát triển và hoàn thành bản thân hơn là một gánh nặng suốt đời. Ta cũng thấy khó có thể dành chỗ cho lương tâm tín hữu, những người thường hết mình đáp ứng Tin Mừng, bất chấp các hạn chế bản thân, và có khả năng thực hiện sự biện phân về chính họ trong các hoàn cảnh phức tạp. Chúng ta vốn được kêu gọi đào tạo các lương tâm, chứ không thay thế chúng” (số 37).

Đức Giáo Hoàng nói tới niềm tin thác sâu xa trong tâm hồn và việc hoài nhớ của người ta. Ngài nói tới nó một cách rất hay trong suy nghĩ của ngài về giáo dục. Ở đây, ta thấy rõ ảnh hưởng của truyền thống Dòng Tên trong việc giáo dục trách nhiệm bản thân. Đức Giáo Hoàng nhắc tới hai nguy hiểm trái ngược nhau: “để mặc” (*laisser-passer*) và ám ảnh với việc kiểm soát và thống trị mọi sự. Một đằng, đúng là “Các gia đình không thể là gì khác hơn là những nơi để nâng đỡ, chỉ bảo và hướng dẫn... Cảnh giác luôn là điều cần thiết và sao lãng không bao giờ có ích” (số 260). Nhưng cảnh giác cũng có thể trở thành ám ảnh: “Tuy nhiên, ám ảnh không phải là giáo dục. Ta không thể kiểm soát mọi hoàn cảnh mà một đứa con có thể trải qua... Nếu các cha mẹ cứ bị ám ảnh với việc phải biết cho bằng được con cái họ đang ở đâu và lo kiểm soát mọi chuyển động của chúng, thì họ chỉ tìm cách không chế không gian. Nhưng việc này không hề là giáo dục, là củng cố và chuẩn bị để con cái đương đầu với các thách đố. Điều

quan trọng hơn cả là khả năng âu yếm giúp chúng lớn mạnh trong tự do, già dặn, kỷ luật tổng thể và thực sự tự lập” (số 261).

Tin tưởng lương tâm tín hữu

Đức Hồng Y cho rằng thực hành mục vụ trong Giáo Hội cũng phải như thế. Thực vậy, Đức Phanxicô hay trở lui với việc tin tưởng vào lương tâm của tín hữu “Chúng ta vốn được kêu gọi đào tạo các lương tâm, chứ không thay thế chúng” (số 37). Vấn đề lớn ở đây hiển nhiên là thế này: ta phải đào tạo lương tâm ra sao? Làm thế nào nắm được đâu là ý niệm then chốt của văn kiện quan trọng này, đâu là chìa khóa để hiểu chính xác các ý định của Đức Phanxicô: “biện phân bản thân”, nhất là trong các hoàn cảnh khó khăn và phức tạp?

Đức Hồng Y cho rằng “biện phân” vốn là ý niệm trung tâm trong khoa linh thao của Thánh Inhaxiô. Thực vậy, các linh thao này phải giúp người ta biện phân thánh ý Thiên Chúa trong các hoàn cảnh sống cụ thể. Chính biện phân đem lại đặc điểm chín chắn cho một con người và đường lối Kitô Giáo phải giúp người ta đạt được sự chín chắn bản thân này: không đào tạo những người máy, bị điều kiện hoá từ bên ngoài và được điều khiển từ xa, nhưng đào tạo những con người chín chắn trong tình bằng hữu với Chúa Kitô. Chỉ khi nào việc “biện phân” bản thân này chín chắn thì người ta mới đạt được “sự biện phân mục vụ”; điều này càng quan trọng trong “các hoàn cảnh chưa đạt được những gì Chúa đòi hỏi nơi ta” (số 6). Chương thứ tám đề cập tới việc “biện phân mục vụ” này, “một chương”, theo Đức Hồng Y, “được chú ý rất nhiều không những đối với công luận trong Giáo Hội, mà cả với giới truyền thông nữa”.

Chương nào quan trọng

Thế nhưng theo Đức Hồng Y, Đức Phanxicô coi các chương 4 và 5 mới có tính trung tâm không những vì vị trí mà còn vì nội dung của chúng nữa. “Vì ta không thể khuyến khích con đường trung tín và hiến thân cho nhau nếu không khuyến khích việc tăng triển, việc củng cố và việc thâm hậu hóa lòng yêu thương vợ chồng và gia đình” (số 89). Hai chương có tính trung tâm của Amoris Laetitia này chắc chắn sẽ bị lướt qua bởi nhiều người chỉ mong sớm tới những điều gọi là “những củ khoai nóng hổi”, những điều [họ coi là] quan yếu. Là một

chuyên viên sư phạm, Đức Phanxicô biết rõ: không gì lôi cuốn và khích lệ mạnh mẽ bằng kinh nghiệm yêu thương tích cực. “Nói về yêu thương” (số 89) rõ ràng đem lại niềm vui lớn lao cho Đức Phanxicô, và ngài nói về nó một cách hết sức linh động, dễ hiểu và đầy tương cảm (empathy). Chương bốn là lời bình luận rộng dài về “ca khúc yêu thương” trong chương 13 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô. Mọi người nên đọc lời bình luận này. Nó khuyến khích ta tin vào lòng yêu thương (xem Ga 4:16) và tin tưởng vào sức mạnh của nó. Chính ở đây, tăng trưởng, một từ ngữ then chốt khác của *Amoris Laetitia*, tìm được chỗ đứng chính: không chỗ nào, nó tự biểu lộ rõ ràng bằng ở đây, nhưng nó cũng có thể trở thành lạnh lùng. Chương này rất đáng đọc. Nhưng cần chỉ rõ một khía cạnh: ở đây, Đức Phanxicô đề cập rõ ràng tới vai trò của đam mê, của xúc cảm, của gợi dục (eros) và tính dục nói chung trong đời sống hôn nhân và gia đình. Không phải là chuyện tình cờ khi, ở đây, ngài nói kết với Thánh Tôma Aquinô, vị thánh vốn dành một vai trò quan trọng cho đam mê, trong khi xã hội hiện đại tỏ ra muốn hạ giá hay làm ngơ nó.

Chính ở đây, tựa đề tông huấn của Đức Phanxicô tìm được biểu thức trọn vẹn nhất của nó: Niềm Vui Yêu Thương!”. Ở đây, ta hiểu làm thế nào ta có thể “khám phá ra phẩm giá và vẻ đẹp của hôn nhân” (NVYT số 205). Nhưng ở đây, ta cũng đau đớn khám phá ra: tình yêu đã gây nên không biết bao nhiêu thương tích và kinh nghiệm thất bại của các mối liên hệ này đã xé nát con người như thế nào. Chính vì thế, không lạ gì nhiều người lưu ý tới chương tám. Thực vậy, đối với nhiều người, vấn đề Giáo Hội đã xử lý các thương tích này ra sao, Giáo Hội đã xử lý thế nào các thất bại của yêu thương, đã trở thành một câu hỏi thử nghiệm để hiểu liệu Giáo Hội có thực sự là nơi lòng thương xót của Thiên Chúa được cảm nhận hay không.

Kết quả của hai Thượng Hội Đồng

Đức Hồng Y Schonborn quả quyết rằng chương này là do công trình làm việc hăng say của hai Thượng Hội Đồng Giám Mục về Gia Đình, do các cuộc thảo luận rộng dài trong các diễn đàn công luận và giáo luận. Ở đây, ta thấy rõ tính hoa trái trong phương pháp của Đức Phanxicô. Ngài minh nhiên muốn có một cuộc thảo luận cởi mở về việc đồng hành mục vụ với các hoàn cảnh phức tạp, và đã có thể đặt

căn bản đầy đủ cho cuộc đồng hành này trên hai bản văn của hai Thượng Hội Đồng Giám Mục về Gia Đình đã trình lên ngài, cho thấy khả thể “đồng hành, biện phân và hội nhập yếu đuối” (số 291).

Đức Phanxicô minh nhiên nhận làm của riêng các lời tuyên bố mà cả hai Thượng Hội Đồng Giám Mục về Gia Đình đã trình lên ngài: “Các Nghị Phụ Thượng Hội Đồng đã đạt được một đồng thuận tổng quát, được tôi ủng hộ” (số 297). Về những người ly dị và tái hôn dân sự, ngài nói: “Tôi nhất trí với nhiều nghị phụ Thượng Hội Đồng khi nhận định rằng... Luận lý học của việc hội nhập này là chìa khóa cho việc đồng hành mục vụ với họ... Không những họ không nên tự coi mình như những chi thể bị tuyệt thông của Giáo Hội, mà như các chi thể sống động, có khả năng sống và lớn mạnh trong Giáo Hội và cảm nghiệm Giáo Hội như mẹ hiền luôn đồng hành với họ...” (số 299).

Nhưng trên thực tế, điều trên có nghĩa gì? Câu trả lời dứt khoát tìm thấy ở số 300. Nó không những cung cấp chất liệu để ta thảo luận thêm mà còn đưa ra sự minh xác quan trọng và chỉ cho thấy nẻo đường cần phải theo: “Nếu ta xét tới tính đa dạng vĩ đại trong các hoàn cảnh cụ thể... thì dễ hiểu được việc: cả Thượng Hội Đồng lẫn Tông Huấn này đều không có hy vọng cung cấp được một loạt các qui định tổng quát mới, có bản chất giáo luật và có thể áp dụng cho mọi trường hợp”. Nhiều người mong đợi các qui định này, và họ phải thất vọng. Vậy điều gì có thể có? Đức Giáo Hoàng nói rõ: “Điều có thể làm được đơn giản chỉ là một khuyến khích đổi mới đối với việc phải đảm nhiệm việc biện phân các trường hợp đặc thù một cách có trách nhiệm, cả bản thân lẫn mục vụ”.

Làm thế nào để biện phân

Làm thế nào để các biện phân bản thân và mục vụ này có thể có và nên có chính là chủ đề của toàn bộ các số từ 300 tới 312. Đức Hồng Y nhận định rằng Đức Giáo Hoàng đã tiếp nhận làm của riêng “Lộ Trình” biện phân trong phần phụ lục các tuyên bố của Nhóm Nói Tiếng Đức tại Thượng Hội Đồng Giám Mục về Gia Đình năm 2015.

“Điều chúng ta đang nói tới là một diễn trình đồng hành và biện phân nhằm hướng dẫn tín hữu ý thức được hoàn cảnh của họ trước mặt Thiên Chúa”. Nhưng Đức Giáo Hoàng cũng nhắc nhở rằng “việc biện

phần này không bao giờ được quên xét đến các đòi hỏi của Tin Mừng về chân lý và bác ái, như đã được Giáo Hội đề xuất”.

Theo Đức Hồng Y, Đức Giáo Hoàng cũng nhắc tới hai sai lầm. Một là quá khắt khe: “Mục tử không được cảm nhận điều này: chỉ cần áp dụng các lề luật luân lý vào những người đang sống trong các hoàn cảnh ‘bất hợp lệ’ là đã đủ, như thể các lề luật này là những viên đá dùng để ném vào cuộc sống người ta. Đó là trường hợp khép kín cõi lòng của những người quen nấp đằng sau các giáo huấn của Giáo Hội” (số 305). Mặt khác, Giáo Hội “không hề chống lại việc đề xuất lý tưởng hôn nhân trọn vẹn, vốn là kế hoạch của Thiên Chúa trong mọi nét cao cả của nó” (số 307).

Ghi chú 351

Lẽ dĩ nhiên, việc trên đặt ra câu hỏi này: Đức Giáo Hoàng nói gì liên quan tới việc lui tới các bí tích của những người đang sống trong các hoàn cảnh “bất hợp lệ”? Đức Bênêđictô XVI đã nói rằng “các công thức dễ dãi” không hề có (số 298, ghi chú 333). Đức Phanxicô nhắc lại việc cần phải biện phân hoàn cảnh này cách thận trọng, phù hợp với tông huấn *Familiaris consortio*, số 84 của Đức Gioan Phaolô II (số 298). “Việc biện phân phải giúp tìm ra các cách thể khả hữu để đáp trả Thiên Chúa và lớn lên giữa các giới hạn của người ta. Vì suy nghĩ mọi sự đều đen và trắng, nên đôi khi ta đóng kín đường ơn thánh và đường tăng trưởng, không khuyến khích các nẻo đường nên thánh nhằm đem vinh quang lại cho Thiên Chúa” (số 305). Ngài cũng nhắc nhở ta một câu quan trọng của *Evangelii gaudium*, số 44: “Một bước đi nhỏ giữa những hạn chế to lớn của con người, có thể làm vui lòng Thiên Chúa hơn là một cuộc sống bề ngoài xem ra đúng mực nhưng ngày ngày không phải đối diện với những khó khăn to lớn nào” (số 304). Theo hướng “via caritatis” (đường bác ái) này (số 306), Đức Phanxicô quả quyết, một cách khiêm nhường và đơn sơ, trong ghi chú 351 rằng ơn trợ giúp của các bí tích cũng có thể ban “trong một số trường hợp”. Nhưng ngài không cung cấp cho ta các trường hợp điển hình hay công thức nào cho mục đích này cả, thay vào đó, ngài chỉ nhắc nhở ta hai câu nói thời danh của ngài: “Tôi muốn nhắc nhở các linh mục rằng toà giải tội không phải là một buồng tra tấn nhưng là một nơi gặp gỡ lòng từ bi của Chúa” (*Niềm Vui Tin Mừng* số 44) và

Bí tích Thánh Thể, “không phải là một phần thưởng cho người hoàn thiện, mà là một phương thuốc và lương thực cho người yếu đuối” (*Niềm Vui Tin Mừng* số 47).

Tình yêu sẽ tìm ra cách

Đức Hồng Y Schonborn tự hỏi: đây có phải là một thách đố quá đáng không cho các mục tử, cho việc hướng dẫn thiêng liêng và cho các cộng đồng khi “việc biện phân các hoàn cảnh” không được qui định một cách chính xác hơn? Ngài cho rằng: Đức Phanxicô thừa nhận quan tâm này, nên đã viết: “Tôi hiểu những ai vẫn thích lối chăm sóc mục vụ khắt khe hơn, vốn không có chỗ cho sự mơ hồ” (số 308). Tuy nhiên, ngài thách thức thái độ này bằng cách nhận xét rằng “Ta đặt quá nhiều điều kiện lên lòng thương xót đến nỗi ta làm rỗng hết ý nghĩa cụ thể và tầm quan trọng thực sự của nó. Đây là cách tệ hại nhất để làm loãng Tin Mừng” (số 311).

Ngài tin tưởng ở “niềm vui yêu thương”. Lòng yêu thương sẽ tìm ra cách. Nó là chiếc la bàn chỉ đường cho ta. Nó vừa là mục tiêu vừa là nẻo đường, vì Thiên Chúa là tình yêu và tình yêu là Thiên Chúa. Không gì đòi hỏi nhiều hơn tình yêu. Không thể nhận được nó cách rẻ tiền. Bởi thế, theo Đức Hồng Y Schonborn, không ai nên sợ điều này: với *Amoris Laetitia*, Đức Phanxicô muốn mời gọi ta bước theo con đường dễ dãi. Đường ngài đưa ra không dễ dãi nhưng tràn đầy niềm vui!

4.Đức Phanxicô: Đường hay Pháo Đài

Mon, 09/05/2016 - 11:21

Tác giả: [Vũ Văn An](#)



Trong buổi lễ nhận giải thưởng Charlemagne tại Sala Regia ở Tông Điện vừa qua, Đức Phanxicô đã đọc một bài diễn văn rất hùng hồn về nên một viễn kiến tuyệt vời cho một Âu Châu Làm Mẹ, chứ không phải một Âu Châu đang có nguy cơ trở thành bà già xấu xí, hết đường sinh nở.

Trong bài diễn văn trên, ngài đưa ra một công thức gồm “ba món” căn bản: khả năng hội nhập, khả năng đối thoại và khả năng phát sinh. Nói cách khác, Âu Châu cần tìm lại linh hồn của mình, “vốn phát sinh từ cuộc gặp gỡ của nhiều nền văn minh và của nhiều dân tộc”, không như lời cảnh cáo của một trong “những cha già” của Âu Châu là Konrad Adenauer: “Tương lai Phương Tây đang bị đe dọa không phải bởi các căng thẳng chính trị cho bằng bởi nguy cơ của chủ nghĩa duy hợp, độc dạng hình thức về tư tưởng và cảm quan: nói tắt, bởi toàn bộ hệ sống, bởi việc trốn chạy trách nhiệm, chỉ quan tâm tới chính mình”. Âu châu cần dạy cho con cháu mình không phải nghệ thuật vũ khí mà là nghệ thuật đối thoại, “chiến đấu trong cuộc chiến gặp gỡ và thương thảo tốt đẹp”. Nhờ nghệ thuật này, chúng sẽ có khả năng “thiết kế ra các chiến lược sống, chứ không chết, bao gồm chứ không loại trừ”. Sau cùng, khả năng phát sinh đòi phải mang lại cho giới trẻ một tương lai, tránh làm họ đánh mất giấc mơ của họ, cụ thể qua nhân dụng, không thể để 48.9 phần trăm người trẻ Hy Lạp thất nghiệp như hiện nay. Tóm lại, Âu Châu phải tạo ra một chủ nghĩa nhân bản mới nhằm cổ vũ công bằng kinh tế, chào đón người mới, tôn trọng sự sống trong mọi giai đoạn và đối thoại với mọi người.

Đấy cũng là quan điểm của Chủ Tịch Quốc Hội Âu Châu Martin Schulz, của Chủ Tịch Ủy Ban Âu Châu Jean-Claude Juncker và của Chủ Tịch Hội Đồng Âu Châu Donald Tusk. Cả ba người này cùng tham dự buổi lễ trao giải thưởng tại Vatican và cùng phát biểu trước bài diễn văn của Đức Phanxicô. Schultz phê phán việc các nước Âu Châu có chiều hướng xây tường kiểu Bức Màn Sắt cách nay 25 năm, phản lại bài học lịch sử, bài học liên đới.

Trong bài diễn văn của ngài, Đức Phanxicô cũng cho rằng Âu Châu đang cảm thấy không thoải mái “bên trong những bức tường của căn nhà chung”. Ngài phê phán việc “các quyền lợi ích kỷ” đang “lập các hàng rào” đây đó.

Nhận định về bài diễn văn của Đức Phanxicô, Andrea Riccardi, sáng lập viên của Cộng Đồng Sant'Egidio, cho rằng Đức Phanxicô coi thách đố chính tại Âu Châu ngày nay không giống Đức Bênêđictô XVI: thách đố này không phải là chủ nghĩa duy tục và các bất bình đối với nó, mà là việc canh tân nền văn hóa đối thoại và hội nhập, cổ vũ “nền kinh tế xã hội” thay cho nền kinh tế “lông”, một nền kinh tế có khả năng cung cấp việc làm và niềm hy vọng, nhất là cho người mới tới và người trẻ.

Riccardi cho rằng mấy năm trước đây, “đối thoại” không phải là nhận định hàng đầu phát sinh từ Vatican đối với Âu Châu. Thực tế, trong các thập niên 1990 và 2000, cả Đức Gioan Phaolô II lẫn Đức Bênêđictô XVI đều đã phát động các chiến dịch “dữ dằn” nhằm kéo Âu Châu trở về với gốc rễ Kitô Giáo của nó. Trong số nhiều điều, các ngài nhấn mạnh tới việc phải có những bản tân hiệp pháp với “điều khoản nói về Thiên Chúa” hay *invocatio Dei*.

Khi việc đó không thành, đôi khi người ta cảm thấy có điều gì đó ra xa lạ rõ ràng. Năm 2007 chẳng hạn, khi tiếp một phái đoàn chính khách và giám mục nhân dịp kỷ niệm 50 năm Hiệp Ước Rôma, Đức Bênêđictô XVI thẳng thừng kết án Âu Châu đã “bác bỏ chính mình”.

Đối với một số người Công Giáo Âu Châu, Đức Bênêđictô XVI trở thành lời kêu gọi phòng thủ, rút vào pháo đài, ngay cả trước khi ngài lên ngôi giáo hoàng. Như việc ngài sử dụng thuật ngữ của sử gia Anh Arnold Toynbee để nói về tư thế Kitô Giáo trong thế giới hiện nay: “thiểu số sáng tạo” (creative minority). Trong một bài diễn văn năm 2004, lúc còn là Hồng Y Ratzinger, ngài hô hào “Các tín hữu Kitô Giáo nên tự coi mình như một thiểu số sáng tạo, và giúp Âu Châu giành lại điều tốt nhất trong di sản của nó và nhờ đó, tự đặt mình vào việc phục vụ toàn thể nhân loại”.

Dù Đức Hồng Y Ratzinger không có ý gì tiêu cực trong lời kêu gọi trên, nhưng các người Công Giáo trên vẫn coi nó như phát lệnh phòng thủ nền văn hóa phụ (subculture) đang bị đe dọa, cổ thủ những ổ đức tin khép kín giữa một môi trường duy tục thù nghịch. Người ta lưu ý nhắc tới tinh thần *contemptus mundi*, hay “khinh miệt thế gian”, của các phong trào đơn tu thuở đầu Kitô Giáo.

Theo Riccardi, Đức Phanxicô đã phá vỡ não trạng pháo đài nói trên. Trong bài diễn văn gần 3,000 chữ của ngài nói trên, các chữ như “thế tục” (secular) và “duy tục” (secularism) không bao giờ xuất hiện. Nói cách khác, các bóng ma của cuộc chiến đấu đòi có “câu nói về Thiên Chúa” hoàn toàn vắng bóng một cách đáng ghi nhận.

Thay vào đó, Đức Phanxicô phác thảo vai trò tác nhân gập gờ và hội nhập để các Kitô hữu, và nói chung, các người có đức tin, đóng trong Âu Châu ngày nay. Khi nói tới các “gốc rễ” của Âu Châu, ngài không nói tới Thế Giới Kitô Giáo thời Trung Cổ, mà đúng hơn tới viễn kiến hậu Thế Chiến II về một lục địa vốn là thành lũy của hòa bình, của nhân quyền và của khoan dung, luôn thắng vượt chủ nghĩa duy quốc gia đầy bạo lực từng châm ngòi cho hai cuộc thế chiến.

Dĩ nhiên, Đức Phanxicô biết rõ dự án Âu Châu hậu chiến nói trên của các chính khách được ngài nêu tên như Alcide de Gasperi, Robert Schuman và Konrad Adenauer, về căn bản, vốn dựa trên di sản và các giá trị Kitô Giáo của họ. Schuman hiện còn là ứng viên được phong thánh nữa. Và ngài cho rằng gốc rễ này cần được “dẫn thủy nhập điền bằng nước Tin Mừng”.

Tuy nhiên, theo Riccardi, Đức Phanxicô chủ trương rằng đức tin trong hành động mới đáng kể. Ngài tin rằng Kitô Giáo được bảo vệ tốt nhất không phải bằng đánh trận đánh biểu tượng và ngôn từ mà bằng cách đem các xác tín của mình ra thực hành vào các thời điểm khi thế giới cần đến chúng nhất.

Riccardi viết rằng: “các chính trị gia tìm thấy nơi Đức Giáo Hoàng một nhà lãnh đạo thiêng liêng biết tin vào Liên Hiệp Âu Châu, bao lâu nó còn có khả năng mở rộng và hội nhập”. Ông nghĩ: “theo Đức Giáo Hoàng, Âu Châu... ngày nay đang sa sút do nỗi sợ phải gập gờ các dân tộc và các tôn giáo khác, nấp mình đằng sau các biên giới và căn tính bị pha lê hóa”. Theo ông, trong xương thịt Âu Châu, các chính khách nam nữ hiện nay cũng biết như thế, nhưng không tự ý điều chỉnh gì được.

Trước đây không lâu, số lớn trong giai cấp chính trị và các nhà văn hóa ưu tú của Âu Châu coi ngôi vị giáo hoàng, và Giáo Hội nói chung, như trở lực đối với xã hội giải phóng và đa nguyên mà họ

muốn xây dựng. Ngày nay, hình như gió đã đổi chiều, nhiều người trong số họ coi ngôi vị giáo hoàng và Giáo Hội như nguồn tài nguyên để đạt được mục tiêu vừa nói, có lẽ còn như hy vọng sau cùng và tốt đẹp nhất của họ nữa.

Tất cả đều nhờ vị giáo hoàng Á Căn Đình, nhưng có gốc gác Âu Châu này. Và đây có lẽ là thành quả đáng kể nhất trong triều giáo hoàng của ngài, một triều giáo hoàng trong đó càng ngày “điều đáng kể” càng trở thành điều thông thường mới.

5.Đức Hồng Y Muller: Amoris Laetitia không hề cho phép người ly dị tái hôn rước lễ

Wed, 11/05/2016 - Tác giả: [Vũ Văn An](#)



Theo hãng tin Công Giáo Infocatholica.com của Tây Ban Nha, đầu tháng Năm, nhân qua Tây Ban Nha cổ vũ cho cuốn sách mới xuất bản của ngài về lòng hy vọng, Đức Hồng Y Gerhard Müller, Bộ Trưởng Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin, đã quả quyết và tái xác nhận quan điểm truyền thống về hôn nhân và việc không thể có thay đổi gì đối với quan điểm này.

Ngài nói: “không thể sống trong ơn thánh của Thiên Chúa trong khi sống trong một hoàn cảnh tội lỗi”. Những người hiện đang sống trong tội lỗi “không thể lãnh nhận Thánh Thể trừ khi họ đã lãnh nhận sự tha tội trong bí tích thống hối”. Quan trọng hơn nữa, ngài nói thêm: “Giáo Hội không có quyền thay đổi Thiên Luật” và “Ngay vị giáo hoàng hay một công đồng cũng không thể thay đổi được nó”. Ngài cũng cho rằng chính việc “đọc sai” tông huấn của Đức Giáo Hoàng đã tạo ra tranh cãi đến thế.

Theo nhật báo Công Giáo Đức Die Tagespost, Đức Hồng Y Muller còn đưa ra nhiều tuyên bố khác liên quan tới những người ly dị tái hôn trong một bài nói chuyện tại chủng viện ở Oviedo, Tây Ban Nha. Theo đó, Đức Hồng Y Muller cho rằng hiện có nhiều lối giải thích khác nhau về Tông Huấn *Amoris Laetitia*. Một trong các lối này dám cho rằng “cửa đã mở để những người tái hôn được lãnh nhận các bí tích theo từng trường hợp cá biệt một”. Nhật báo này viết tiếp, “Bộ Trưởng Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin có ý kiến khác”. Vì trong bài nói chuyện này, ngài “dứt khoát” nói rằng “trong khi *Amoris Laetitia* nói về các hoàn cảnh nói chung, chứ không tập trung vào các hoàn cảnh cụ thể, như trong các trường hợp tái hôn dân sự sau cuộc hôn nhân bí tích đầu tiên, các lời tuyên bố trước đó của Huấn Quyền Giáo Hội vẫn còn giá trị đối với các hoàn cảnh cụ thể này”. Tờ báo viết tiếp “và điều này vẫn còn áp dụng rõ ràng đối với việc lãnh nhận Phép Thánh Thể của các người ly dị tái hôn. Điều đã được giảng dạy bởi Đức Gioan Phaolô II trong *Familiaris Consortio* và bởi Đức XVI trong *Sacramentum Caritatis* vẫn còn giá trị, không hề thay đổi”. Trong bối cảnh “có những nhận định khác cho rằng *Amoris Laetitia* đã hủy bỏ kỷ luật trước đây, vì, ít là trong một số trường hợp, nó cho phép các người ly dị tái hôn được rước lễ mà không đòi họ phải thay đổi lối sống phù hợp với *Familiaris Consortio*, số 84 – nghĩa là từ bỏ dây nối kết mới hay sống như anh trai em gái”, tờ báo trích dẫn luận bác của Đức Hồng Y Muller:

“Nếu *Amoris Laetitia* có ý định hủy bỏ kỷ luật có gốc rễ sâu xa và có cân lượng đến thế, thì chắc hẳn nó đã nói lên một cách rõ ràng và đưa ra các lý do biện hộ cho nó rồi. Tuy nhiên, một tuyên bố như thế với ý nghĩa như thế không hề có trong đó [*Amoris Laetitia*]. Không chỗ nào Đức Giáo Hoàng đã đặt nghi vấn đối với các luận điểm của các vị tiền nhiệm của ngài. Các luận điểm này không đặt căn bản trên ý thức tội chủ quan của các anh chị em này của chúng ta, nhưng đúng hơn, trên lối sống hữu hình, khách quan đi ngược lại lời dạy dỗ của Chúa Kitô”.

Đàng khác, Đức Hồng Y Muller còn thảo luận cả vấn đề há đã không có sự thay đổi nào đó trong ghi chú số 351 của tông huấn đó sao. Ghi chú này cho rằng “Giáo Hội có thể cung ứng sự trợ giúp bí tích cho những người đang sống trong một hoàn cảnh tội lỗi khách quan”. Ngài trả lời câu hỏi này như sau: “Không vào sâu hơn câu hỏi này, chỉ

xin nhấn mạnh điều này là đủ: ghi chú này nói đến các hoàn cảnh tội lỗi khách quan một cách chung chung, chứ không nói tới các trường hợp chuyên biệt của những người ly dị tái hôn dân sự. Vì hoàn cảnh sau có các đặc điểm khác biệt của nó làm nó khác với các hoàn cảnh khác”. Ở đây, Đức Hồng Y Muller nhắc lại giáo huấn của Giáo Hội như sau: người ly dị tái hôn sống đối nghịch với Bí Tích Hôn Phối và do đó cũng đối nghịch với Kỷ Luật Bí Tích. Bởi thế, ghi chú 351 không “đụng tới kỷ luật trước đây. Các qui định trong *Familiaris Consortio* số 84 và *Sacramentum Caritatis* số 29 và việc áp dụng chúng vào mọi trường hợp vẫn tiếp tục còn giá trị”.

Nhật báo Tagespost cũng trình bày một tuyên bố mở rộng của Đức Hồng Y Muller về những người ly dị tái hôn: “Nguyên tắc là không ai có thể thực sự muốn lãnh nhận một bí tích, bí tích Thánh Thể, mà không cùng một lúc có ý chí sống phù hợp với các bí tích khác, trong đó, có bí tích hôn phối. Bất cứ ai sống một cách mâu thuẫn với dây hôn phối đều đi ngược lại dấu hiệu hữu hình của bí tích Hôn Phối. Về phương diện hiện hữu của họ trong thân xác, họ đã tự biến mình thành một “dấu hiệu phản lại” tính bất khả tiêu dù về phương diện chủ quan, họ không có tội. Chính vì sự sống trong thân xác họ đi ngược lại dấu hiệu, nên họ không thể là dấu hiệu của Phép Thánh Thể, trong đó, Tình Yêu nhập thể của Chúa Kitô đã được biểu lộ ra, qua việc Rước Lễ. Nếu cho những người như thế rước lễ, Giáo Hội sẽ phạm điều được Thánh Tôma Aquinô gọi là “gian lận trong dấu hiệu bí tích thánh thiêng”.

Nên nhớ rằng trong *Familiaris Consortio* số 84, Đức Gioan Phaolô II dạy rằng “vì sự thật” các mục tử “buộc phải thi hành việc biện phân các hoàn cảnh một cách thận trọng”. Dù các người ly dị tái hôn nên tham dự vào đời sống Giáo Hội bao nhiêu có thể, nhưng tông huấn quả quyết rằng “thói quen không cho phép người ly dị tái hôn rước lễ, trừ khi họ sống ‘hoàn toàn tiết dục’, vốn đặt căn bản trên Sách Thánh”.

Còn trong *Sacramentum Caritatis* số 29, Đức Bênêđictô XVI viết rằng: nếu “các hoàn cảnh khách quan làm cho việc sống chung không thể nào chấm dứt được”, Giáo Hội khuyến khích các cặp này “cam kết sống mối liên hệ của họ một cách trung thành đối với các đòi hỏi

của lề luật Thiên Chúa, như bạn bè, như anh trai em gái”. Theo cách này, “họ có thể trở lại với Bàn Tiệc Thánh Thể”...

Đức Phanxicô tránh nói “thẳng thừng” tới việc rước lễ của người ly dị tái hôn

Tóm lại, luận điểm của Đức Hồng Y Muller là: nếu không nói rõ và trình bày lý do đầy đủ về việc rước lễ của người ly dị tái hôn, *Amoris Laetitia* không thay đổi gì trong thói quen không cho những người này rước lễ. Nhưng Đức Tổng Giám Mục Bruno Forte, thư ký đặc biệt do chính Đức Phanxicô liên tiếp đề cử trong hai thượng hội đồng vừa qua, có ý nghĩ khác. Theo LifeSiteNews ngày 9 tháng 5, trong cuộc ra mắt tông huấn *Amoris Laetitia* vừa qua, vị tổng giám mục này tiết lộ: tại Thượng Hội Đồng Giám Mục về Gia Đình, Đức Phanxicô nói với ngài rằng ngài không muốn “thẳng thừng” tới vấn đề cho phép người ly dị tái hôn rước lễ vì làm thế sẽ gây “rắc rối kinh khủng”.

Theo Đức Tổng Giám Mục Forte, Đức Phanxicô nói với ngài: “Nếu ta nói một cách minh nhiên đến việc rước lễ của những người ly dị tái hôn, Đức Cha không biết ta sẽ gây ra sự rắc rối kinh khủng nào đâu. Nên, ta đừng nói tới nó một cách thẳng thừng, hãy nói đến nó một cách cho thấy các tiền đề có sẵn đó rồi, tôi chỉ cần rút ra các kết luận mà thôi”.

Tiết lộ trên không đủ để cho thấy Đức Phanxicô minh nhiên cho phép người ly dị tái hôn được rước lễ. Cùng lắm chỉ có thể suy đoán là ngài không minh nhiên bác bỏ khả thể ấy và chắc chắn ngài khích lệ một thái độ cởi mở hơn đối với những người này, một thái độ có thể giúp họ đạt được sự viên mãn bí tích hoặc khích lệ diễn trình suy tư, cầu nguyện, “hoán cải ký ức” tập thể chào đón bất cứ khả thể nào Thiên Chúa, vốn là Tình Yêu, có thể ban cho trong tương lai.

6. Đức Hồng Y Schönborn: các đòi hỏi của tình yêu

Fri, 12/08/2016 - Tác giả: [Vũ Văn An](#)



Tông huấn “Niềm Vui Yêu Thương” của Đức Phanxicô tiếp tục bị một số người trong giới bảo thủ thách thức. Gần đây nhất, có Tiến Sĩ Josef Seifert, một nhà triết học Công Giáo nổi tiếng người Áo, lên tiếng kêu gọi Đức Giáo Hoàng Phanxicô rút lại các phát biểu trong Tông Huấn mà ông coi là “sai lầm và (trong một số trường hợp) còn lạc giáo một cách khách quan nữa”.

Biết rất rõ một số người bảo thủ sẽ chống đối từng phần Tông Huấn này, một công trình không hẳn của riêng ngài, mà là thành quả tập thể, còn nói theo ngôn ngữ thần học Công Giáo, là thành quả hợp đoàn, trong hơn 3 năm với hai thượng hội đồng giám mục thế giới liên tiếp, Đức Phanxicô đã mời Đức Hồng Y Christop Schönborn làm người trình bày Tông Huấn trong buổi ra mắt nó với thế giới. Tuy là một trong các đại biểu của phe cấp tiến, nhưng Đức Hồng Y Schönborn có rất nhiều uy tín (credit) “bảo thủ”; ngài vốn là học trò ưu tú của Đức Bênêđictô XVI và là một trong những vị đã soạn ra Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo. Có thể nói: Đức Hồng Y Schönborn là một nhà bảo thủ với viễn kiến cấp tiến.

Mới đây, trong một mạn đàm với tập san America, Đức Hồng Y Schönborn cho thấy một lần nữa lối đọc Tông Huấn *Niềm Vui Yêu Thương* của ngài. Lối đọc này, theo tập san America, đã phản ảnh truyền thống Đa Minh, qua châm ngôn nổi tiếng của Thánh Tôma Aquinô: *contemplata aliis trader* (trao lại cho người khác những điều mình đã chiêm niệm).

Hành vi huấn quyền

Về giá trị của Tông Huấn, có người cho nó chỉ là ý kiến riêng của Đức Phanxicô chứ không có giá trị huấn quyền trọn vẹn, Đức Hồng Y

Schönborn cho hay: không đúng như thế, Tông Huấn quả là một hành vi huân quyền, xứng đáng gọi là tông huấn. Ở đây, rõ ràng Đức Giáo Hoàng sử dụng vai trò mục tử của ngài, thầy dạy đức tin, sau khi đã tham khảo 2 thượng hội đồng giám mục về gia đình.

Vả lại, đây là một văn kiện giáo hoàng có giá trị vĩ đại, một giáo huấn đích thực về *sacra doctrina* (học thuyết thánh). Không những thế, hành vi huân quyền này còn làm cho giáo huấn của Giáo Hội thành hiện diện và có liên quan với thời nay. Đức Hồng Y Schönborn cho rằng: ta đọc Công Đồng Nixêa dưới ánh sáng Công Đồng Constantinôp và đọc Công Đồng Vatican I dưới ánh sáng Công Đồng Vatican II thế nào, thì ta cũng nên đọc các phát biểu trước đây của huân quyền về gia đình dưới ánh sáng các đóng góp của *Niềm Vui Yêu Thương* như thế. Chúng ta được hướng dẫn một cách sống động để biết phân biệt giữa tính liên tục của các nguyên tắc tín lý và tính gián đoạn của các viễn tượng hay các cách phát biểu bị điều kiện hóa bởi lịch sử. Huân quyền sống động vốn có chức năng giải thích Lời của Thiên Chúa một cách chân chính.

Canh tân ngôn ngữ Giáo Hội

Theo Đức Hồng Y Schönborn, về phương pháp luận, Đức Phanxicô đã canh tân ngôn ngữ của Giáo Hội, không những theo đường lối tông huấn “Niềm Vui Tin Mừng” của ngài, mà còn theo đường lối “Hiến Chế Mục Vụ Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay” của Vatican II nữa.

Ngôn ngữ trên cho thấy một sự cởi mở sâu sắc đối với việc chấp nhận thực tại. Việc cởi mở này không hề làm hại tới tín lý. Nó tạo ra một phần của điều ngài gọi là “cột thẳng đứng của tín lý”, tức khía cạnh “hiện nay” của lời Chúa, Lời đã nhập thể vào lịch sử, và Đức Giáo Hoàng thông đạt nó trong khi lắng nghe các câu hỏi được đặt ra ngay ở trên đường.

Điều Đức Giáo Hoàng bác bỏ là viễn tượng thu mình vào các công bố trừu tượng không liên hệ gì tới những chủ thể đang sống và làm chứng cho cuộc gặp gỡ Chúa Kitô, một cuộc gặp gỡ đời đời. Viễn tượng trừu tượng có tính giáo điều chỉ thuần thực hóa một số công bố nhằm áp đặt việc tổng quát hóa của chúng lên trên một số ưu tú, mà

quên rằng khi ta nhắm mắt đối với người lân cận của mình, ta cũng nhắm mắt đối với Chúa, như Đức Bênêđictô XVI nói trong “Deus Caritas Est”.

Duy lý tưởng lãng mạn

Niềm Vui Yêu Thương nhấn mạnh sự kiện này: gia đình không phải là một thực tại hoàn hảo và làm sẵn; viễn kiến này ngược với xu hướng quá duy lý tưởng hiện nay của một số giới trong Giáo Hội. Có người gọi xu hướng này là thuyết duy lý tưởng lãng mạn.

Đức Hồng Y Schönborn cho rằng Thánh Kinh không trình bày hôn nhân như thế, đó chỉ là một lý tưởng trừu tượng. Đức Phanxicô thì gọi nó là “việc của người khéo tay”. Đôi mắt của Đấng Chấn Chiên Lành nhìn người ta, chứ không nhìn các ý tưởng để sau đó biện minh cho niềm hy vọng của chúng ta. Tách biệt các ý niệm này ra khỏi thế giới mà trong đó Ngôi Lời đã nhập thể sẽ dẫn tới việc khai triển ra “nền luân lý bàn giấy lạnh lùng” (số 312). Ta thường nói tới hôn nhân một cách trừu tượng đến nỗi đánh mất hết nét quyến rũ của nó. Đức Giáo Hoàng nói rất rõ: không gia đình nào là một thực tại hoàn hảo cả, vì nó bao gồm những người tội lỗi. Gia đình nào cũng đang trên đường lữ thứ. Đức Hồng Y tin rằng đây là viên đá nền của toàn văn kiện. Nó không liên hệ gì tới thuyết duy tục hay thuyết Platông trên mây trên gió, mà là thuyết thực tại của Thánh Kinh.

Tính đa dạng của các hoàn cảnh cụ thể

Như ta đã biết, *Niềm Vui Yêu Thương* nặng về mục vụ. Đức Phanxicô cho biết rất rõ: sẽ không có gì thay đổi về tín lý. Trên bình diện kỷ luật, theo Đức Hồng Y Schönborn, Đức Giáo Hoàng lưu ý đến tính đa dạng không cùng của các hoàn cảnh cụ thể. Ngài quả quyết rằng không nên chờ đợi một bộ qui định tổng quát mới, theo kiểu giáo luật, có thể áp dụng cho mọi trường hợp.

Trên bình diện thực hành (praxis), trong các hoàn cảnh khó khăn và các gia đình bị thương tổn, Đức Giáo Hoàng cho biết điều có thể làm được là khuyến khích để có được sự biện phân có trách nhiệm có tính cá nhân và mục vụ đối với từng trường hợp chuyên biệt.

Về phương diện trên, phải nhìn nhận điều này: “vì ‘mức độ trách nhiệm không bằng nhau trong mọi trường hợp’, nên các hậu quả hay hiệu quả của một qui luật không nhất thiết phải luôn luôn như nhau” (số 300). Đức Giáo Hoàng nói thêm rằng việc biện phân này cũng liên quan tới “kỷ luật bí tích, vì biện phân có thể nhìn nhận rằng trong một hoàn cảnh đặc thù nào đó, không có lỗi lầm nào hiện diện cả” (ghi chú số 336). Ngài cũng nói rõ rằng: “luơng tâm cá nhân cần được lồng vào thực hành của Giáo Hội nhiều hơn” (số 303), nhất là trong “cuộc đàm đạo với vị linh mục, ở tòa trong” (số 300).

Cũng về thực hành, *Niềm Vui Yêu Thương* đứng trên bình diện hết sức cụ thể của đời sống mỗi người. Chúng ta thấy có tín lý đức tin và các phong tục, và kỷ luật được xây dựng trên tín lý và đời sống Giáo Hội, nhưng cũng có các thực hành bị điều kiện hóa bởi cá nhân hay cộng đoàn.

Theo Đức Giáo Hoàng, về bình diện hết sức cụ thể nói trên, hiện đang có sự diễn biến trong nhận thức của Giáo Hội đối với các yếu tố điều kiện hóa và giảm khinh, các yếu tố này hết sức chuyên biệt đối với thời đại ta:

“Giáo Hội sở dĩ đặc cả một tổng hợp suy tư chắc chắn liên quan tới các nhân tố và hoàn cảnh giảm khinh. Do đó, không thể đơn giản nói rằng tất cả những người trong bất cứ hoàn cảnh ‘bất hợp lệ’ nào đều đang sống trong tình trạng tội trọng hay không có ơn thánh hóa. Ở đây, nhiều điều có liên quan chứ không phải chỉ là việc không biết qui luật. Một chủ thể rất có thể biết đầy đủ về qui luật, thế nhưng lại gặp khó khăn lớn trong việc hiểu rõ ‘các giá trị cố hữu của nó’ (339) hay rơi vào một hoàn cảnh cụ thể không giúp họ hành động khác đi và quyết định khác đi mà không phạm tội thêm. Như các nghị phụ Thượng Hội Đồng đã nói ‘Có thể có các nhân tố khiến khả năng đưa ra quyết định trở thành hạn chế’”.

Đức Gioan Phaolô II đã mặc nhiên...

Nhắc đến đoạn văn nổi tiếng số 84 trong Tông Huấn “*Familiaris consortio*” của Đức Gioan Phaolô II, Đức Hồng Y Schönborn cho hay: vị Thánh Giáo Hoàng này quả đã phân biệt hàng loạt các hoàn cảnh khác nhau. Ngài nhìn thấy sự khác biệt giữa những người đã

thành thực cố gắng cứu vãn cuộc hôn nhân đầu của họ nhưng vẫn đã bị bỏ rơi một cách bất công và những người đã tự ý tiêu diệt một cuộc hôn nhân hợp pháp theo giáo luật. Sau đó, ngài còn nói tới những người bước vào cuộc kết hợp vợ chồng lần thứ hai để dưỡng dục con cái và trong thâm tâm, họ biết chắc cuộc hôn nhân thứ nhất của họ, nay đã không còn cứu vãn được nữa, thực ra chưa bao giờ thành hiệu cả. Mỗi trường hợp này tạo đối tượng cho một cuộc đánh giá dị biệt hóa về luân lý.

Có rất nhiều khởi điểm hết sức khác nhau trong việc tham dự mỗi ngày một sâu sắc hơn vào đời sống Giáo Hội, một đời sống mà ai ai cũng đều được mời gọi. Đức Gioan Phaolô II đã mặc nhiên giả thiết rằng người ta không thể đơn giản nói rằng mọi hoàn cảnh của người ly dị tái hôn đều tương đương như một đời sống trong tội trọng, bị loại ra ngoài sự hiệp thông yêu thương giữa Chúa Kitô và Giáo Hội.

Thành thử, ngài đã mở cửa cho một lối hiểu rộng rãi hơn nhờ biện phân các hoàn cảnh đa dạng vốn không y như nhau một cách khách quan và nhờ sự xem xét của tòa trong.

Hoàn cảnh khách quan và tương quan giữa cá nhân với Thiên Chúa và Giáo Hội

Trả lời một câu hỏi khác, Đức Hồng Y Schönborn cho rằng tính phức tạp trong hoàn cảnh các gia đình hiện nay, mà cách đây vài thập niên chưa hề có, khiến ta phải có cách nhìn tinh tế hơn đối với các hoàn cảnh này. Nói rõ hơn, hoàn cảnh khách quan của một người không cho ta biết mọi sự về con người này trong tương quan của họ với Thiên Chúa và với Giáo Hội. Điều này buộc ta phải khẩn cấp suy nghĩ lại điều ta muốn nói khi nói tới các hoàn cảnh tội lỗi khách quan.

Theo Đức Hồng Y, Đức Phanxicô đã thực hiện một bước quan trọng là buộc chúng ta nói rõ ra điều vốn nói ngầm trong “*Familiaris consortio*” về mối liên hệ giữa tính khách quan của hoàn cảnh tội lỗi và sự sống ơn thánh trong tương quan với Thiên Chúa và Giáo Hội của Người, và như một hệ quả luận lý, về tính qui tội cụ thể. Đức Hồng Y Ratzinger, vào thập niên 1990, đã giải thích rằng chúng ta không còn tự động cho rằng sống trong các cuộc kết hợp vợ chồng mới là sống trong hoàn cảnh tội trọng nữa.

Đức Hồng Y Schönborn nói rằng: ngài nhớ ngài có nêu câu hỏi sau đây với Đức Hồng Y Ratzinger, năm 1994, khi Bộ Giáo Lý Đức Tin cho công bố tài liệu của họ về người ly dị tái hôn: “Có phải thực hành cũ mà con coi là đương nhiên và là điều con biết trước khi có công đồng, vẫn còn giá trị không? Thực hành này dự liệu khả năng, ở tòa trong với vị giải tội của họ, được nhận lãnh các bí tích, miễn là không gây ra tai tiếng”. Ngài đã trả lời rất rõ ràng, y hệt như lời quả quyết của Đức Phanxicô: không có qui luật tổng quát nào bao trùm hết mọi trường hợp đặc thù. Qui luật tổng quát rất rõ ràng, và điều cũng rõ ràng là nó không thể bao trùm mọi trường hợp cách thấu đáo được.

Gián đoạn với quá khứ?

Đức Phanxicô nói rằng “trong một số trường hợp”, khi một người sống trong một hoàn cảnh tội lỗi khách quan, nhưng chủ quan không thấy mình có tội hay không hoàn toàn có tội, thì họ vẫn có thể sống trong ơn thánh của Thiên Chúa, yêu thương và lớn lên trong đời sống ơn thánh và bác ái, vì mục đích này, họ được lãnh nhận sự giúp đỡ của Giáo Hội, kể cả các bí tích, ngay cả bí tích Thánh Thể, vốn “không phải là phần thưởng dành cho những người hoàn hảo, nhưng là thuốc đại lượng và của ăn cho những người yếu đuối”. Làm thế nào để có thể hội nhập lời khẳng định này vào tín lý cổ điển của Giáo Hội? Phải chăng ở đây có một sự gián đoạn với những điều đã được quả quyết trong quá khứ?

Đức Hồng Y Schönborn trả lời đại ý như sau: Vì luôn ghi nhớ viễn tượng của văn kiện, nên ngài tin rằng điểm căn bản đã được triển khai trong Niềm Vui Yêu Thương là tất cả chúng ta, bất kể thuộc loại người truru tượng nào, đều được kêu gọi phải cầu xin lòng thương xót, mong muốn sự hồi tâm. “Lạy Chúa, con không đáng...”. Khi Đức Giáo Hoàng Phanxicô chỉ nói trong một ghi chú về sự giúp đỡ bằng các bí tích “trong một số trường hợp” của các hoàn cảnh bất hợp lệ, ngài đã nói như vậy bất kể sự kiện này là vấn đề, vốn rất quan trọng, đã bị phát biểu sai lạc khi nó được ngời vị hóa, và cũng bất kể sự kiện này nữa là một số người muốn giải quyết nó bằng một ngôn từ tổng quát hơn là bằng việc biện phân cá nhân về mình thánh Chúa Kitô, một biện phân mà mỗi người và mọi người chúng ta đều phải làm.

Với sự sáng suốt vĩ đại, Đức Phanxicô đã yêu cầu chúng ta suy niệm về đoạn 1 Cr 11: 17-34 (số 186) là đoạn quan trọng nhất nói về vấn đề rước lễ. Điều này cho phép ngài tái định vị vấn đề và đặt nó ở chỗ thánh Phaolô đã đặt. Đây là một cách tế nhị để chỉ ra một đáp ứng giải thích khác nhằm trả lời các câu hỏi vốn được lặp đi lặp lại. Điều cần thiết là phải đi vào chiều kích cụ thể của đời sống mới có thể “biện phân được Minh Thánh”, bằng cách nài xin sự thương xót. Rất có thể một người nào đó có đời sống tuân theo luật lệ, nhưng vẫn thiếu sự biện phân, và như Thánh Phaolô đã nói, người này “đã ăn và uống sự phán xét cho chính mình”.

Chúng ta lui tới các bí tích như những người ăn xin, như những viên thu thuế đứng ở cuối đền thờ không dám ngược mắt lên. Đức Giáo Hoàng mời gọi chúng ta không những nhìn vào các điều kiện bên ngoài (vốn rất quan trọng) mà còn phải tự hỏi mình rằng liệu chúng ta có khát khao sự tha thứ đầy thương xót hay không, để chúng ta có thể đáp ứng tốt hơn đối với tính năng độc đầy thánh hóa của ơn thánh. Người ta không thể từ luật tổng quát bước qua “một số trường hợp” chỉ bằng cách nhìn vào những hoàn cảnh chính thức. Do đó, trong một số trường hợp, rất có thể có người sống trong hoàn cảnh tội lỗi khách quan nhưng vẫn có thể nhận lãnh được sự giúp đỡ của các bí tích.

Tại sao phải nói tới “một số trường hợp” mà không nói tới một luật chung nào đó, thì Đức Hồng Y cho hay: Nếu không nói như thế thì sẽ lại rơi vào khoa giải nghi học (casuistry) hết sức trừu tượng. Thậm chí còn nguy hiểm hơn nữa là chúng ta sẽ liệu mình tạo hoẹt ra điều đúng, như một ngoại lệ, để nhận lãnh Bí Tích Thánh Thể trong hoàn cảnh tội lỗi khách quan. Ngài tin rằng, ở đây, Đức Giáo Hoàng đòi chúng ta phải yêu mến sự thật để biện phân những hoàn cảnh cá nhân cả ở toà trong lẫn ở toà ngoài.

Những người không thể hiện được ý niệm hôn nhân

Câu hỏi được nêu ra là: Khi Đức Giáo Hoàng Phanxicô nói đến “hoàn cảnh tội lỗi khách quan” chắc chắn ngài không muốn nói tới những người đã được tuyên bố vô hiệu trong cuộc hôn nhân đầu và sau đó đã tái hôn, ngài cũng không muốn nói tới những người đã hội đủ các

điều kiện sống với nhau “như anh trai em gái” (hoàn cảnh của họ rất có thể bất hợp lệ nhưng thực tế họ không sống trong những hoàn cảnh tội lỗi khách quan). Thành thử, ở đây, Đức Giáo Hoàng muốn nói tới những người không thể hiện được ý niệm hôn nhân một cách khách quan, và không biến cải lối sống của họ phù hợp với đòi hỏi. Hiểu như vậy có đúng không?

Đức Hồng Y cho hay: đúng như thế. Trong kinh nghiệm đồng hành với người ta về thiêng liêng của ngài, khi Đức Thánh Cha nói tới những hoàn cảnh tội lỗi khách quan, ngài không ngừng ở một số trường hợp đã được nói rõ trong số 84 của tông huấn *Familiaris Consortio*. Ngài nói một cách rộng rãi hơn tới một số hoàn cảnh không hiện thân được một cách khách quan cái hiểu của chúng ta về hôn nhân. Ta phải cố gắng hết sức để khuyến khích việc phát triển một ý thức thông sáng trong khi “thừa nhận ảnh hưởng của những yếu tố cụ thể” (số 303).

Vai trò của lương tâm

Đức Hồng Y Schönborn cho rằng lương tâm có thể làm nhiều hơn là nhận ra rằng một tình huống nhất định không tương ứng khách quan với các đòi hỏi tổng quan của Tin Mừng. Nó còn có thể nhận ra, một cách chân thành và trung thực, những gì đối với lúc này là đáp ứng quảng đại nhất có thể dành cho Thiên Chúa, và tiến đến chỗ thấy một cách khá chắc chắn về đạo đức rằng đó là điều Thiên Chúa đang yêu cầu trong bối cảnh các giới hạn phức tạp và cụ thể của người ta, dù chưa hoàn toàn là lý tưởng khách quan (số 303).

Niềm vui

Đối với câu hỏi: Hình như Đức Giáo Hoàng Phanxicô muốn nhấn mạnh một cách mạnh mẽ tới chủ đề niềm vui. Tại sao vậy? Phải chăng chúng ta đang có nguy cơ mất nó? Vì lòng thương xót đang làm ta bối rối?

Đức Hồng Y Schönborn cho rằng: Việc nại đến lòng thương xót cho chúng ta thấy sự cần thiết phải đi ra ngoài chính bản ngã chúng ta để thực hành lòng thương xót và ngược lại, để lãnh nhận lòng thương xót của Chúa Cha. Giáo Hội của "Niềm Vui Tin Mừng" là Giáo Hội biết

đi ra ngoài, và đi ra khỏi chính mình là điều gây ra sợ hãi. Chúng ta ra ngoài các an toàn có sẵn của chúng ta, để có thể để cho mình được kết hợp lại với Chúa Kitô. Đức Giáo Hoàng Phanxicô nắm tay chúng ta để hướng dẫn chúng ta đi đúng hướng của chúng từ đức tin. Ngài muốn chỉ cho chúng ta một cuộc gặp gỡ sẽ làm thay đổi cuộc sống của chúng ta, một cuộc gặp gỡ của tình yêu chỉ có thể xảy ra nếu chúng ta tiến về phía cuộc gặp gỡ với người khác.

Cuộc hồi tâm mục vụ lúc nào cũng phải tìm kiếm sự hiện diện của Thiên Chúa nói trên, Đấng đang hoạt động ngày nay. Sự hiện diện này làm dấy lên niềm vui, niềm vui yêu thương. Tình yêu luôn đòi hỏi; nhưng không có niềm vui nào lớn hơn tình yêu.

7. Chung quanh câu chuyện Đức Phanxicô nói về việc rước lễ của các cặp ly dị tái hôn bất hợp lệ

Sat, 17/09/2016 - Tác giả: [Vũ Văn An](#)

Gần đây, có người cho rằng Đức Phanxicô cho phép một số trường hợp ly dị tái hôn được rước lễ, căn cứ vào lá thư ngài gửi cho các giám mục Á Căn Đình mới đây, trong đó, ngài hoàn toàn đồng ý với lời giải thích của các ngài về chương 8 của tông huấn "Niềm Vui Yêu Thương".

Các giám mục Á Căn Đình nói gì?

Như mọi người đã biết, chương 8 của tông huấn "Niềm Vui Yêu Thương" nói về việc hội nhập các gia đình bị thương tích và bất hợp lệ, và kêu gọi diễn trình biện phân giúp đem đến việc tái cho phép các đối tượng này được chịu các bí tích nhất là Bí Tích Thánh Thể, tùy từng trường hợp cá biệt, mà không đi vào lãnh vực giải nghi học (casuistry) hay buộc các gia đình này phải tuân theo các qui định khắt khe. Chương này từng được giải thích nhiều cách khác nhau, và đây là lần đầu tiên, Đức Phanxicô cho biết: lời giải thích của các giám mục Á Căn Đình rất chính xác “không có lời giải thích nào khác hơn”. Vậy, các ngài đã giải thích ra sao?

Theo Andrea Tornielli, một chuyên gia về Vatican, trước nhất, các ngài quả quyết: “nói rằng cho phép” chịu các bí tích là điều không

thích đáng, đúng hơn, đây là một diễn trình biện phân dưới sự hướng dẫn của một mục tử.

Bản giải thích của các giám mục Á Căn Đình nói tiếp: trong diễn trình này, “vị mục tử nên nhấn mạnh tới việc công bố có tính nền tảng, tức sơ truyền (kerygma), nhằm kích thích hay hồi sinh cuộc gặp gỡ bản thân với Chúa Kitô”. Việc “đồng hành mục vụ” này đòi vị linh mục cho người ta thấy “khuôn mặt mẫu thân của Giáo Hội”, qua việc chấp nhận ý hướng trung thực của hối nhân và ý hướng thành thực của họ trong việc sống đời họ phù hợp với Tin Mừng và thực hành đức ái”.

Bản giải thích nhấn mạnh: con đường biện phân trên “không nhất thiết dẫn tới các bí tích nhưng có thể dẫn tới các hình thức hội nhập nhiều hơn vào đời sống Giáo Hội: hiện diện mạnh mẽ hơn vào cộng đoàn, tham dự nhiều hơn vào các nhóm cầu nguyện và suy niệm, dấn thân nhiều hơn vào các lãnh vực phục vụ khác nhau trong Giáo Hội”.

Ở điểm này của bản giải thích, các giám mục Á Căn Đình nói rằng “Cam kết tiết dục (continence) có thể được coi như một giải pháp khi các hoàn cảnh cụ thể của cặp vợ chồng cho phép, đặc biệt là khi cả hai người cùng là Kitô hữu biết sống theo con đường đức tin”, để “mở ra khả thể đến với bí tích hòa giải trong những trường hợp như thế”.

Tiết dục ở đây muốn nói tới việc vợ chồng sống với nhau như anh trai em gái. Khả thể này vốn đã có trong các giáo huấn của Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II trong tông huấn *Familiaris Consortio*. Bản giải thích nói tiếp: trong trường hợp “các hoàn cảnh phức tạp hơn và khi không thể có được án tuyên bố vô hiệu, giải pháp trên (tức tiết dục) có thể không đứng vững. Dù thế, con đường biện phân vẫn có thể có. Trong trường hợp cụ thể, khi đã nhìn nhận quả có những giới hạn làm giảm mức độ trách nhiệm và qui tội, nhất là khi người ta tin rằng họ sẽ phạm sai lầm khác có thể gây hại cho những đứa con được cuộc kết hợp mới sinh ra, thì ‘Niềm Vui Yêu Thương’ đưa ra khả thể cho họ được đến với các bí tích hoà giải và Thánh Thể”.

Bản giải thích viết tiếp: “Các bí tích này, ngược lại, giúp người ta tiếp tục trưởng thành và lớn lên nhờ sức mạnh của ơn thánh”. Tuy nhiên, điều quan trọng là phải bảo đảm rằng việc mở rộng này không được coi như việc cho phép người ta thả dãn lui tới các bí tích hay như thể

bất cứ hoàn cảnh nào cũng biện minh được việc này. Điều thực sự được đề xuất ở đây là một sự biện phân để có thể phân biệt thỏa đáng các trường hợp khác nhau. Vì quả có những trường hợp ngay sau khi ly dị, người ta đã vội vàng bước vào một cuộc kết hợp mới. Cũng có những trường hợp người ta liên tiếp sai phạm đối với các cam kết của mình đối với gia đình. Lại có những trường hợp người ta bênh vực hay khoác lác về hoàn cảnh của mình, coi nó như là một phần của lý tưởng Kitô Giáo. Nên người ta cần được hướng dẫn biết đặt “lương tâm của mình trước mặt Thiên Chúa” nhất là “khi đụng đến tác phong của họ đối với con cái hay đối với người phối ngẫu bị bỏ rơi. Khi vẫn còn các bất công chưa được giải quyết, thì việc lui tới với các bí tích phải đặc biệt bị nghi vấn”.

Sau cùng, các giám mục Á Căn Đình nhận định rằng “nếu việc lui tới với các bí tích được ban cấp trong một số trường hợp nào đó, thì điều hợp lý là phải giữ cho việc này được kín đáo, nhất là khi thấy trước sẽ có tranh chấp” nghĩa là khiến cho cộng đoàn bối rối. Thành thử, cùng một lúc, “cộng đoàn cần được hướng dẫn để lớn lên trong tinh thần hiểu biết và cởi mở”.

Đức Phanxicô ủng hộ

Thư của Đức Phanxicô gửi cho các vị giám mục Á Căn Đình ngày 5 tháng Chín ca ngợi việc làm của các ngài như “một điển hình chân thực của việc đồng hành của các linh mục”. Lời lẽ chủ yếu của lá thư như sau: tài liệu do các giám mục công bố “rất tốt đẹp và nắm được trọn vẹn ý nghĩa Chương 8 của Tông Huấn ‘Niềm Vui Yêu Thương’”. Không có lời giải thích nào khác. Tôi chắc chắn nó sẽ gây nhiều lợi ích”. Về “con đường chào đón, đồng hành, biện phân và hội nhập”, Đức Phanxicô viết: “chúng ta biết nó gây mệt mỏi, đây là việc chăm sóc mục vụ ‘tay trao tay’, trong đó, việc trung gian có tính chương trình, tổ chức và luật lệ mà thôi không đủ, dù cần thiết”.

Không phải vấn đề cho phép

Việc cho rằng tông huấn "Niềm Vui Yêu Thương" quả có mở ra khả thể cho phép một số trường hợp ly dị tái hôn, dù hôn nhân cũ không được tuyên bố vô hiệu và hai người không sống như anh trai em gái,

được rước lễ, là điều làm rất nhiều người Công Giáo bối rối và lo lắng.

Tuy nhiên, lời giải thích của các giám mục Á Căn Đình trên đây khá thận trọng khi quả quyết rằng đây chỉ là diễn trình biện phân, chứ không phải vấn đề cho phép hay không cho phép. Câu quả quyết này khiến người ta nhớ lại một nguyên tắc đã và đang được áp dụng trong lãnh vực kế hoạch hóa gia đình. Ai cũng biết việc sử dụng các phương pháp nhân tạo nhằm ngăn ngừa thụ thai bị Giáo Hội coi là xấu từ bên trong. Tuy nhiên, người tín hữu cá biệt, tùy theo hoàn cảnh riêng của mình, vẫn được khuyến khích, khi cần, bàn thảo với vị giải tội để biện phân có nên sử dụng một trong các phương pháp này hay không. Vị giải tội sẽ hướng dẫn, chứ không cho phép, trong diễn trình biện phân này. Chính đôi vợ chồng, bằng lương tâm được soi sáng của họ, phải đưa ra quyết định.

Vị mục tử phải đồng hành với cặp vợ chồng này trong tâm tình “mẫu thân” để họ biện phân được hoàn cảnh của họ trong một lương tâm trong sáng trước mặt Thiên Chúa. Việc biện phân này có thể dẫn họ tới các bí tích, mà cũng có thể không dẫn họ tới các bí tích, nhưng dẫn họ tới các hình thức hội nhập khác vào đời sống Giáo Hội.

Bản giải thích đưa ra các trường hợp có thể dẫn họ tới các bí tích đó là trường hợp tiết dục, sống với nhau như anh trai em gái, một điều không phải là không thể không có, như trường hợp triết gia Jacques Maritain và vợ là Raissa đã chứng minh. Nhưng nếu vì những lý do bất khả kháng mà giải pháp này không thể áp dụng được, thì “trong trường hợp cụ thể, khi đã nhìn nhận quả có những giới hạn làm giảm mức độ trách nhiệm và qui tội, nhất là khi người ta tin rằng họ sẽ phạm sai lầm khác có thể gây hại cho những đứa con được cuộc kết hợp mới sinh ra, thì ‘Niềm Vui Yêu Thương’ đưa ra khả thể cho họ được đến với các bí tích hoà giải và Thánh Thể”.

Trường hợp tiếp tục sống trong cuộc kết hợp bất hợp pháp chỉ là tội nhẹ

Nhận định về lời giải thích trên, Tiên Sĩ Jeff Mirus, một người vốn có quan điểm bảo thủ, quả quyết rằng nó không lạc giáo. Thực vậy, chủ trương rằng, trong một số hoàn cảnh, nên cho những người đang sống

trong các cuộc hôn nhân bất thành hiệu được Rước Lễ không bắt tương hợp với giáo huấn của Giáo Hội về cả hôn nhân lẫn Rước Lễ.

Tiền Sĩ Mirus cho rằng đó là hoàn cảnh trong đó, tội tiếp tục sống trong cuộc hôn nhân bất thành hiệu được coi là một tội nhẹ. Ông cho rằng tội nặng đòi hỏi ba điều kiện: điều lỗi phạm tự bản chất là điều xấu nặng; biết rõ điều xấu ấy; và chủ ý lỗi phạm. Thiếu một trong ba điều này thì chỉ là tội nhẹ.

Cuộc hôn nhân bất thành hiệu dĩ nhiên là điều xấu nặng. Nhưng còn biết rõ nó là xấu và chủ ý lỗi phạm nó thì sao? Đó là điều cần bàn. Tiền sĩ đơn cử trường hợp sau:

- a. Một cặp kết hôn bất thành hiệu có con với nhau và những đứa con này còn đang sống với họ.
- b. Một trong hai người thừa nhận tính tội lệ của cuộc “hôn nhân” này, hối tiếc vì đã bước vào, và nay muốn làm điều đúng (trong trường hợp này là hai người sống như anh trai em gái trong khi tiếp tục săn sóc con cái như cha như mẹ dưới một mái nhà).
- c. Nhưng người kia bác bỏ việc sống như anh trai em gái.
- d. Họ nói họ sẽ lìa bỏ gia đình nếu bị từ chối việc làm tình.
- e. Do đó, người ấy phải tiếp tục mối liên hệ tính dục, dù miễn cưỡng, để bảo đảm cho các con khỏi mất một trong hai cha mẹ.

Tiền Sĩ Mirus cho rằng, người bị “bó buộc” tiếp tục sống như vợ chồng ấy chỉ phạm tội nhẹ, vì thiếu điều kiện thứ ba tức việc hoàn toàn tự do ưng thuận phạm tội. Và do đó, họ không bị trở ngại gì trong việc Rước Lễ.

Dĩ nhiên người ta rất có thể nghi vấn sự khôn ngoan của thực hành trên vì một trong các hệ quả của nó là làm yếu đi cái hiểu và cam kết của người Công Giáo đối với hôn nhân. Nhưng điều gì quan trọng hơn: tiềm năng gây gương mù gương xấu hay nhu cầu giúp người phạm tội nhẹ được nuôi dưỡng bằng Mình và Máu Thánh Chúa? Lòng thương xót chắc chắn buộc ta phải nghiêng về vế thứ hai. Và lại, về việc này, bản giải thích của các giám mục Á Căn Đình có đề cập tới

tính kín đáo (confidentiality) của diễn trình biện phân này và việc giáo dục để cộng đoàn thông hiểu và cởi mở, tránh gây ra bối rối đối với giáo huấn của Giáo Hội về tính bất khả tiêu của hôn nhân.

Mới chỉ là một bản thảo

Nhân dịp này, nữ ký giả Ines San Martin cho biết: từ ngày công bố hồi tháng Ba vừa qua cho tới nay, tông huấn "Niềm Vui Yêu Thương" đã không ngừng được đem ra thảo luận về việc tông huấn này có câu kết luận dứt khoát ra sao đối với việc rước lễ của các người Công Giáo ly dị và tái hôn bất hợp lệ. Nhiều nhà thần học, nhiều giám mục, và chuyên viên giáo luật và ngay cả báo *Người Quan Sát Rôma* của Tòa Thánh cũng đã dấn thân vào việc giải thích chương Tám của Tông Huấn này. Một số cho rằng chương này mở cửa dẫn người ly dị tái hôn bất hợp lệ tới các bí tích. Một số khác cũng nghĩ thế nhưng cho rằng điều này ngược với giáo huấn hôn nhân bất khả tiêu của Giáo Hội. Một số nghi vấn tính chính đáng của tông huấn khiến Đức Hồng Y Christoph Schonborn của Vienna phải lên tiếng quả quyết rằng tông huấn là một phần của huấn quyền và lời quả quyết này được Đức Phanxicô xác nhận. Thành thử bản giải thích của các giám mục vùng Buenos Aires, một vùng chiếm tới 40% dân số Á Căn Đình, không phải là bản giải thích đầu tiên. Nó được chú ý chỉ vì được Đức Phanxicô "công nhận" qua văn thư ngày 5 tháng Chín vừa qua, và đây là lần đầu tiên, ngài chính thức tham dự vào cuộc thảo luận này.

Nhưng San Martin cho rằng hình như tài liệu này mới chỉ là một dự thảo, không nhằm để công bố, lại càng không được đem ra thi hành ngay. Cung cách công bố nó khiến người ta nghĩ vậy. Thoạt đầu nó được trang mạng *InfoCatolica* đăng tải cùng với lá thư của Đức Phanxicô. Sau đó, trang mạng này lấy cả hai văn kiện xuống, với lý do: các khuyến cáo của tài liệu chưa đầy đủ và chưa sẵn sàng để công bố.

Ngày 8 tháng Chín, một số giáo sĩ vùng Buenos Aires, trong đó, có Đức Hồng Y Mario Poli, người kế nhiệm Đức Phanxicô ở Buenos Aires, họp nhau thảo luận về tài liệu này. Và Chúa Nhật 11 tháng Chín, trang mạng *IlSismografo* của Ý, vốn được coi là trang mạng bán chính thức của Tòa Thánh, đăng tải cả hai văn kiện bằng tiếng Tây

Ban Nha. Rồi thứ Hai, ngày 12 tháng Chín, từ Quan Sát Viên Rôma, từ báo chính thức của Tòa Thánh đăng cả hai văn kiện bằng tiếng Ý.

Các giám mục Gia Nã Đại

Như thế, xem ra Tòa Thánh “tích cực” hơn trong việc công bố hai văn kiện này. Điều đáng nói là: mấy ngày sau, tức ngày 15 tháng Chín, các giám mục Công Giáo vùng Alberta và Các Lãnh Thổ Phía Bắc Gia Nã Đại cũng công bố những hướng dẫn mới cho các linh mục trong vùng liên quan đến việc chăm sóc mục vụ cho những người ly dị tái hôn bất hợp lệ, nhấn mạnh rằng: những ai muốn Rước Lễ nên cương quyết sống như anh trai em gái, nhưng chưa thấy Tòa Thánh lên tiếng chi. Bản hướng dẫn này viết:

“Điều rất có thể xảy ra là qua các phương tiện truyền thông, bạn bè hoặc gia đình, nhiều cặp vợ chồng được hướng dẫn để hiểu rằng đã có sự thay đổi của Giáo Hội về thực hành, đến nỗi nay những người ly dị và tái hôn phần đời có thể rước lễ trong Thánh Lễ nếu họ chịu nói chuyện với một linh mục. Quan điểm này sai lạc”.

Trong các trường hợp như thế, các giám mục dạy rằng các mục tử phải đồng hành với các cặp vợ chồng trong “một hành trình hàn gắn và hoà giải” để dẫn họ tới tham khảo với các tòa án hôn phối. Trích dẫn tông huấn *Familiaris Consortio* của Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, các giám mục quả quyết rằng nếu các cặp vợ chồng kết hôn bất hợp lệ lần thứ hai không thể ly thân vì lợi ích của con cái do họ sinh ra, “thì họ cần tiết dục và sống ‘như anh trai em gái’”. Xin xem *Guidelines for the Pastoral Accompaniment of Christ's Faithful who are Divorced and Remarried without a Decree of Nullity* (PDF, 10 trang).

Ủng hộ rồi lại không ủng hộ

Phải chăng vì đọc tài liệu trên đây của các giám mục Ga Nã Đại, nên Tiến Sĩ Mirus hình như muốn rút lại sự ủng hộ của ông đối với lối giải thích của các giám mục Á Căn Đình, mặc dù sự ủng hộ của ông được tiến sĩ Edward Peters, giáo sư giáo luật tại Đại Chung Viện Thánh Tâm ở Detroit và là thẩm trình viên (referendary) của Tòa Án Tối Cao của Giáo Hội, yểm trợ, nếu chỉ dựa vào điều 916 của Bộ Giáo Luật, là điều nói tới bổn phận của người rước lễ. Trong trường hợp này, nếu người rước lễ tin rằng hoàn cảnh tội của họ chỉ là nhẹ, họ có thể tiến lên rước lễ.

Tuy nhiên, tiến sĩ Peters cho hay: bản giải thích của các giám mục Á Căn Đình và thậm chí cả tông huấn Niềm Vui Yêu Thương không nhắc gì tới điều 915 là điều nói tới bổn phận của các thừa tác viên Thánh Thể: họ không thể cho rước lễ những người Công Giáo “có chấp sống trong một tội trọng công khai”, trong trường hợp này, là những người ly dị tái hôn không hợp giáo luật. Không ai chính thức nói tới trách nhiệm của các thừa tác viên này. Thành thử, theo tiến sĩ Peters, trường hợp được tiến sĩ Mirus đưa ra làm điển hình đã chỉ giải quyết một nửa vấn đề rước lễ của người ly dị tái hôn bất hợp pháp, vì nó chỉ giải quyết khía cạnh trách nhiệm chủ quan của người rước lễ chứ chưa giải quyết trách nhiệm khách quan của việc cho họ rước lễ.

Có lẽ vì thế mà liên tiếp trong ba ngày 14 tới 16 tháng Chín, Tiến Sĩ Mirus đã viết 3 bài đề cập tới vấn đề này, rõ ràng để nhấn mạnh sự dè dặt. Ngày 14, ông cho rằng: Các giám mục Á Căn Đình đã đi quá xa khi nâng một “ghi chú tối nghĩa” trong “Niềm Vui Yêu Thương” thành một thay đổi kỷ luật để người ly dị tái hôn bất hợp pháp có thể rước lễ. Đức Phanxicô đã ca ngợi việc nâng lên này, cho rằng nó tuyệt đối là đường hướng của “Niềm Vui Yêu Thương”.

Nhưng Tiến Sĩ Mirus cho rằng không vị giáo hoàng nào được che chở khỏi sai lầm khi, trong một thư từ riêng, ngài đưa ra một giải thích nào đó đối với bất cứ văn kiện Huấn Quyền nào, ngay cả các văn kiện do chính ngài ban hành. Điều này càng đúng khi nói tới các biện pháp kỷ luật, vì các biện pháp này không hưởng được sự che chở của Chúa Thánh Thần, nên nhận xét tư riêng của một vị giáo hoàng về điều ngài có ý nói lúc đó về biện pháp ấy càng không soi sáng gì cho các giáo huấn của huấn quyền.

Ông viện dẫn các lời lẽ trong học lý *extra ecclesiam nulla salus* (bên ngoài Giáo Hội không có sự cứu rỗi). Khi nghiên cứu cẩn thận, huấn quyền liên tục của Giáo Hội nhận thấy rằng các lời lẽ này thực sự không đòi buộc các kết luận như đã có trong đầu óc các vị giáo hoàng hay các công đồng đã công bố chúng và là những kết luận xem ra thích đáng vào thời đó. Khi phải lượng giá một giáo huấn Huấn Quyền, Giáo Hội được hướng dẫn nguyên bởi chính bản văn mà thôi, cùng với Sách Thánh và mọi tuyên bố khác có liên quan của Huấn Quyền, chứ không bởi lời tuyên bố có tính cá nhân của Đức Giáo Hoàng về điều ngài muốn nói. Các lời lẽ tư riêng này không được Chúa Thánh Thần che chở và do đó, chúng hoàn toàn không có liên quan.

Trên thực tế, "Niềm Vui Yêu Thương" không đòi lời giải thích theo đó, trong một số trường hợp, người ly dị tái hôn bất hợp pháp có thể được chấp nhận rước lễ mà không cần án tuyên bố vô hiệu. Đã đành, ghi chú vẫn vôi của "Niềm Vui Yêu Thương" có nói chung chung tới "các bí tích", nhưng phần đông nghĩ rằng đây có ý nói tới bí tích Hòa Giải, một điều nhất quán với thực hành lâu đời của Giáo Hội và Bộ Giáo Luật hiện hành.

Nên ông nghĩ: "trong tương lai, Huấn Quyền rất có thể sẽ về phe với những người chỉ trích vị giáo hoàng hiện nay. Tôi chỉ muốn nói rằng, đối với những người chống đối việc thay đổi kỷ luật này, các vấn đề

liên hệ tới tín lý vẫn chưa được giải quyết. Các vị giáo hoàng và các thế hệ Công Giáo tương lai sẽ sử dụng "Niềm Vui Yêu Thương", không theo điều Đức Giáo Hoàng Phanxicô nói ngài muốn thực hiện, mà chỉ theo điều chính bản văn đòi hỏi, một điều không bao hàm việc cho những người ly dị tái hôn, không có án vô hiệu, rước lễ”.

Các giải thích trên của Tiến Sĩ Mirus không hẳn là không có giá trị, nhưng người ta sợ ông đã trở lại nguyên hình tác phong bảo thủ của mình khi chỉ trong vòng 2, 3 ngày, ông đã lật hẳn lại suy nghĩ của mình. Chối bỏ giá trị lời bình luận của Đức Phanxicô về một văn kiện do chính ngài công bố, tối thiểu, cũng bị coi là quá đáng.

Dù sao, bình tĩnh mà xét, trường hợp điển hình ông đưa ra quả có giá trị cho diễn trình biện phân của các người ly dị tái hôn bất hợp pháp. Trong trường hợp này, họ có thể an tâm tiến lên rước lễ, phù hợp với điều 916 của Bộ Giáo Luật. Còn điều 915? Nên nhớ, bản giải thích của các giám mục Á Căn Đình, vì chủ yếu nói với các thừa tác viên Thánh Thể, thành thử mặc nhiên cho họ thấy: những người trong trường hợp này không phải là những người “cố chấp sống trong một tội trọng công khai”, thì tại sao lại không cho họ rước lễ?

8. Một năm sau Niềm Vui Yêu Thương

Wed, 23/08/2017 - 10:27

Tác giả: [Vũ Văn An](#)



Tông huấn hậu thượng hội đồng giám mục thế giới về tình yêu gia đình, *Niềm Vui Yêu Thương*, đã được công bố ngày 8 tháng Tư năm 2016, hơn một năm nay. Diễn trình hoàn thành tông huấn này được kể là dài nhất trong mấy thập niên qua. Dù đụng đến một đề tài phức tạp và đề tài này từng gây sóng gió trong suốt diễn trình hai thượng hội đồng liên tiếp, người ta vẫn hy vọng với tông huấn của Đức Phanxicô, bầu khí thanh thảo sẽ được lập lại.

Nhưng thực tế đã không xảy ra như thế. Chỉ mấy tháng sau ngày công bố, các nghi ngại đối với tông huấn đã được nói lên thật rõ và thật to bởi rất nhiều nhà thần học và giáo phẩm, mà nổi nhất là bởi bốn vị hồng y, tuy không nắm giữ chức vụ gì quan trọng hiện thời, nhưng có một quá khứ không đến nỗi mờ nhạt cho lắm. Người ta gọi các ngài là 4 hồng y nghi ngại.

Cho đến nay, nỗi nghi ngại của các ngài vẫn còn đó và dường như nó vẫn được một số giới trong Giáo Hội nghiền ngẫm suy tưởng. Và do đó, một làn mây không chắc chắn đang phủ lên bầu trời tín lý của Giáo Hội.

Tại sao chưa để cuộc tranh luận lắng dịu?

Ngày 11 tháng Tư năm 2017, Linh Mục Raymond J. de Sousa đặt câu hỏi: Tại sao ta chưa thể để cuộc tranh luận “Niềm Vui Yêu Thương” lắng dịu?

Và linh mục de Sousa trả lời: chưa, “nếu bạn tin rằng giáo huấn của Giáo Hội về hôn nhân đang lâm nguy, lòng trung thành của Giáo Hội đối với giáo huấn Tin Mừng của Chúa Giêsu, và khả năng của Giáo Hội trong việc cung cấp một giải pháp tin mừng thay thế cho cuộc cách mạng tình dục, một cuộc cách mạng mà chất axít của nó đã hủy hoại rất nhiều niềm vui yêu thương được Đức Giáo Hoàng Phanxicô đề xuất”.

Nhân dịp này, linh mục de Sousa bác bỏ lập trường của Đức Hồng Y Wuerl, tổng giám mục Washington D.C., Hoa Kỳ. Vị giáo phẩm này đề nghị phương pháp giải thích tông huấn thích đáng nhất là coi không có gì trong tông huấn này thay đổi tín lý của Giáo Hội cả: tính bất khả tiêu của hôn nhân còn nguyên vẹn, các chỉ thị của Bộ Giáo Luật còn nguyên vẹn và cả vai trò của lương tâm cá nhân trong việc xác định trách nhiệm tội lỗi vẫn còn nguyên vẹn.

Về điểm sau cùng, Đức Hồng Y Wuerl viết rằng “Tông huấn không tạo nên một thứ diễn trình tòa trong để vô hiệu hóa hôn nhân hay để thay đổi trật tự luân lý khách quan. Thay vào đó, tông huấn nhấn mạnh nhiều hơn tới vai trò của lương tâm cá nhân trong việc thích ứng các chuẩn mực luân lý vào các hoàn cảnh thực tại của bản thân”.

Linh mục de Sousa cho rằng Đức Hồng Y Wuerl có thể đúng khi cho rằng không có gì thay đổi về tín lý, vì ngài đọc nó như một giáo lý viên bậc thầy. Nhưng nhiều vị giáo phẩm khác không đọc nó như vậy. Các giám mục Malta, chẳng hạn, hay một số giám mục Đức. Họ rõ ràng đọc nó như một thay đổi về tín lý.

Tuy nhiên, điều Đức Hồng Y Wuerl hay các giám mục Malta nghĩ không quan trọng. Điều linh mục de Sousa mong ước là chính đức Phanxicô lên tiếng nói rằng Đức Hồng Y Wuerl đúng, và các giám mục Malta sai.

Quả thực, theo linh mục de Sousa, hiện có hai trường hợp được nêu lên để giải thích *Niềm Vui Yêu Thương* nhất là những điều liên quan

tới giáo huấn về tình trạng các cặp sống trong một cuộc kết hợp tính dục ở bên ngoài cuộc hôn nhân hợp pháp.

Trường hợp thứ nhất là một người thừa nhận cuộc kết hợp của mình trái với giáo huấn Tin Mừng, và mong muốn một là ly thân hai là, ít nhất, hạn chế các liên hệ tính dục, nhưng không thể làm được. Lý do thường được nêu ra là các hậu quả do người kia đe dọa.

Đức Hồng Y [Francesco Coccopalmerio](#), đứng đầu cơ quan giải thích các bản văn giáo luật, đưa ra trường hợp một người đàn bà muốn thế, nhưng người chồng theo dân luật sẽ tự sát nếu họ ngưng giao hợp tính dục.

Theo linh mục de Sousa, thoát nghe, trường hợp này có vẻ đầy cảm kích, nhưng thực ra, nó vẫn nằm trong truyền thống Công Giáo: người ta sẽ không có tội nếu làm một điều xấu nặng nhưng không hiểu biết về nó hoặc thiếu tự do khi làm nó.

Trường hợp thứ hai là hoàn cảnh của một cặp không lấy nhau hợp pháp, hoặc ly dị và tái hôn, hoặc sống chung chưa bao giờ lấy nhau; cặp này hoàn toàn biết rõ mối liên hệ của họ trái ngược với Tin Mừng, nhưng quyết định tiếp diễn các liên hệ tính dục, coi nó như một diễn trình tốt hơn, xét vì nếu ly thân hay tiết dục sẽ dẫn tới các tội mới.

“Những tội mới” này là gì thì không được chỉ rõ nhưng không phải là các khó khăn cố hữu của việc tuân theo luật lệ luân lý trong một thế giới sa ngã.

Lỗi giải thích này quả có đi trệch ra ngoài giáo huấn về hôn nhân của Thánh Kinh. Theo Cha de Sousa, đây là lãnh vực mà hình như đoạn 301 của *Niềm Vui Yêu Thương* đề cập tới khi nó dạy rằng “một chủ thể có thể biết trọn vẹn lề luật, thế nhưng... ở trong một hoàn cảnh cụ thể không cho phép họ hành động và quyết định khác được mà không phạm thêm tội”.

Xem ra điều muốn nói ở đây là trong một số hoàn cảnh, sẽ tốt hơn nếu chọn sống các liên hệ tính dục ngoài hôn nhân một cách có hiểu biết và ưng thuận hoàn toàn. Đây quả là một điều mới lạ đối với giáo huấn của Giáo Hội vì đã dạy rằng có những hoàn cảnh trong đó người

ta được phép về luân lý ti hành các liên hệ tính dục ngoài hôn nhân hợp pháp.

Nếu thế, thì nó đã mâu thuẫn với giáo huấn rõ ràng của Thánh Kinh về hôn nhân và các liên hệ tính dục. Niềm Vui Yêu Thương có dạy thế không?

Linh mục de Sousa cho rằng chỉ có Đức Phanxicô mới làm người ta an lòng chứ không phải lời khẳng định của Đức Hồng Y Wuerl rằng *Niềm Vui Yêu Thương* không thay đổi giáo huấn của Giáo Hội về hôn nhân.

Một sự im lặng từng bị kết án

Sự im lặng của Đức Phanxicô đã gợi hứng cho linh mục Regis Scanlon, Dòng Capuchin Phanxicô, viết bài “Lịch sử nói với ta điều gì về Niềm Vui Yêu Thương”. Trong bài này, linh mục thuật lại câu chuyện đã xảy ra cách nay 1,500 năm dưới triều giáo hoàng của Đức Honorius I (625-638).

Đức Honorius bị áp lực phải phản ứng đối với lạc giáo Nhất Chí (monothelitism) được lòng người lúc đó; lạc giáo này cho rằng Chúa Giêsu Kitô, về *phương diện bản tính*, chỉ có một ý chí. Nhưng Giáo Hội vốn dạy rằng Người có hai ý chí không thể tách biệt nhau nhưng khác biệt nhau hay hai hoạt động khác biệt nhau, về *phương diện bản tính*. Và đồng thời, Giáo Hội cũng dạy rằng về *phương diện luân lý*, Người chỉ có một ý chí và một hành động mà thôi. Nói cách khác, không có sự đối chọi nào giữa hai ý chí và hai hoạt động nơi Chúa Kitô.

Mặc dù Đức Honorius *tin* giáo huấn chân thực của Giáo Hội, nhưng ngài muốn tránh rắc rối trong Giáo Hội và tránh xúc phạm những người Nhất Chí, mà một trong số họ chính là Hoàng Đế Heraclius. Giống ngày nay, các giám mục muốn được minh xác, nhưng Đức Honorius khuyên nên giữ im lặng. Ngài khuyên giám mục Sergius như sau:

"Các trước tác thánh đã minh chứng rõ ràng rằng Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, Chúa Con và Lời của Thiên Chúa, nhờ Người mà

muôn vật được tạo thành, là một, khi thực hiện các việc thuộc Thiên Chúa và thuộc người ta. Tuy nhiên, về vấn đề các việc làm của Nhân Tính và Thần Tính, liệu một hoặc hai hoạt động cần phải được công bố và hiểu biết, thì những việc này không thuộc chúng ta; chúng ta hãy để chúng cho các nhà văn phạm học; những người này quen thuộc với việc trình bày với giới trẻ nguồn gốc có giá trị nhất của các chữ dùng... Ta khuyên hiền huynh hãy giảng dạy với ta rằng có một Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa Hằng Sống, Thiên Chúa chân thật nhất trong hai bản tính, hoạt động theo thần tính và theo nhân tính, vì ta vốn nhất trí với hiền huynh trong đức tin chính thống và sự hợp nhất Công Giáo, nhưng tránh không dùng các chữ đã được du nhập, tức một hay hai hoạt động”

Ta nên lưu ý lời của Đức Honorius: “...những việc này không thuộc chúng ta; chúng ta hãy để chúng cho các nhà văn phạm học...” Ngài nghĩ rằng chân lý đã rõ ràng đủ và Giáo Hội không cần phải minh xác thêm nữa bằng các hạn từ như hai hoạt động và hai bản tính.

Tuy nhiên, khoảng 40 năm sau ngày Đức Honorius qua đời, Công Đồng Chung Thứ Sáu của Giáo Hội đã kết án sự kiện ngài giữ im lặng. Đức Giáo Hoàng Lêô II, kế nhiệm Đức Giáo Hoàng Agatho, chấp nhận việc kết án này. Trong lá thư xác nhận gửi cho Hoàng Đế Constantine Pogonatus, ngài viết:

"Ta cũng kết án tuyệt thông những người sáng chế ra sai lạc mới, tức Theodore, giám mục Pharan, Cyrus thành Alexandria, Sergius, Pyrrhus, Paul, và Peter, là những kẻ gài bẫy chứ không hướng dẫn, của Giáo Hội Constantinople; và cả Honorius, người đã không soi sáng Giáo Hội Tông Truyền này bằng tín lý của truyền thống Tông Đồ, nhưng để cho nó, *vốn không tì vết*, bị tì vết bởi sự phản bội phạm trần”.

Và trong thư gửi các giám mục Tây Ban Nha, Đức Giáo Hoàng Lêô II cũng quả quyết rằng:

“Tuy nhiên, những ai dám chủ trương chống lại tinh tinh rỗng của tín lý Tông Truyền, đi trạch ra khỏi nó, thì quả thực đã bị kết án đời đời; họ là Theodore thành Pharan, Cyrus thành Alexandria, Sergius, Pyrrhus, Paul, và Peter, đều là người Constantinople; với Honorius

người đã không dập tắt ngọn lửa chóm nở của tín điều lạc giáo, vốn là việc thích đáng của thẩm quyền Tông Truyền, nhưng vì *sao lãng*, đã nuôi dưỡng nó”.

Do đó, quyết định của Đức Honorius đã bị lên án không phải vì tích cực rao giảng sự sai lầm hay lạc giáo, mà chỉ vì đã “sao lãng” việc giảng dạy sự thật!

Cha Scanlon kết luận: “Trường hợp cổ xưa trên khiến ta liên tưởng tới *Niềm Vui Yêu Thương*. Dù sao, Đức Giáo Hoàng Phanxicô cũng đang giữ im lặng, rõ ràng để các giám mục tự ý đoán ra ý nghĩa của văn kiện mà không được ngài giúp đỡ mặc dù có những lời kêu gọi được soi sáng để tránh mù mờ xao xuyên. Trong khi sự im lặng của Đức Honorius ảnh hưởng tới tín lý đức tin (học lý), hành động của Đức Giáo Hoàng Phanxicô còn nghiêm trọng hơn nữa vì sự im lặng của ngài liên quan tới các hành vi luân lý (thực hành) là điều trực tiếp và nhanh chóng ảnh hưởng tới người ta hơn.

Linh mục Scanlon tự hỏi: tại sao Đức Phanxicô giữ im lặng? Và ngài tự động trả lời: cho đến nay, chúng ta không biết tại sao. Theo ngài, chúng ta có thể nêu ý kiến, khẩn khoản yêu cầu, và khiếu nại một vị giáo hoàng về các hành động hay không hành động của ngài, như Thánh Nữ Catarina thành Sienna vốn làm, nhưng ta không thể chính thức xử án ngài. Chỉ có vị giáo hoàng mới xử án một vị giáo hoàng mà thôi. Đức Giáo Hoàng Phanxicô và *Niềm Vui Yêu Thương* chắc chắn sẽ được một vị giáo hoàng sau này phán kết. Liệu ngài có được xử sự tốt hơn Đức Honorius hay không, không ai biết. Chỉ có Thiên Chúa mới biết. Chúng ta không biết hết mọi sự. Có những lý do mà chúng ta không biết tại sao Đức Giáo Hoàng Phanxicô từ khước không giải quyết cuộc tranh chấp. Và bất chấp mọi điều đã được nói ra và thực hành, rất có thể ngài sẽ được các vị giáo hoàng sau này xử sự tốt hơn Đức Honorius.

Còn 1 kỳ: Sửa Sai Công Khai

Một năm sau Niềm Vui Yêu Thương (tiếp theo)

Vũ Văn An8/23/2017

Âm thầm hay công khai

Đúng là chúng ta không biết hết mọi sự. Nhưng việc Đức Phanxicô từ khước minh xác các điều bị nghi ngại trong tông huấn của ngài vẫn tiếp tục gây thắc mắc ngỡ ngàng.

Đức Ông Nicola Bux, một giáo sư thần học và là một cố vấn phụng vụ của Tòa Thánh gần đây cho rằng các nghi ngại của bốn vị Hồng Y là dấu chỉ sự thừa nhận thừa tác vụ của Phêrô vì nó yêu cầu được Đức Giáo Hoàng minh xác, củng cố niềm tin. Thành thử nó chính đáng theo giáo luật.

Hơn nữa, nó được sự hưởng ứng của giáo dân và giáo sĩ khắp nơi, không phải chỉ của Âu Châu mà của quốc tế, những người theo giáo luật (điều 212, tiết 3) có quyền và bổn phận phát biểu ý kiến với các mục tử.

Thành thử không nên lấy làm chướng tai gai mắt bởi các nghi ngại này. Theo Đức Ông Bux, Đức Giáo Hoàng có thể triệu 4 vị Hồng Y (nay chỉ còn 3) chung quanh một chiếc bàn và nói với họ một cách huynh đệ, chứ không xúc cảm, với lý chứng đức tin và lý lẽ. Các phản ứng thù nghịch, đến độ quý quái hóa họ và đe dọa họ, chỉ cho thấy mình đầy xúc cảm, lên mặt dạy đời và tức giận.

Đức Ông Bux tự hỏi: há họ không mong muốn “một Giáo Hội đối thoại” đó hay sao? những người nhờ có dịp may trở thành “những kẻ bảo giáo hoàng” (papists) trong khi ở quá khứ họ không từ bất cứ lời chỉ trích nào đối với các vị tiền nhiệm...

Đối với việc đáng lẽ nên âm thầm nêu nghi ngại mới đúng, Đức Ông Bux cho hay đúng là trong Tin Mừng, Chúa Giêsu có nói tới tiến trình sau khi *coram duobus vel tribus testibus* (trước sự hiện diện của 2 hay 3 người chứng) mà không thành thì mới nên *dic ecclesiae* (nói cho cả cộng đồng Giáo Hội) (xem Mt 18: 15-17). Nhưng với một tai tiếng và lạc giáo công khai, thì việc sửa sai không thể là gì khác hơn là công

cộng. Đó là điều hai thánh Phêrô và Phaolô đã tiến hành ở Công Đồng Giêrusalem (xem Gl 2:11). Mà nghi ngại đã công khai thì trả lời cũng phải công khai.

Đẩy đến cực đoan, Đức Ông Bux cho rằng cuộc khủng hoảng không được giải quyết công khai này sẽ dẫn tới ly giáo trên thực tế: một tư duy không Công Giáo sẽ lọt vào Giáo Hội, một tư duy coi Thánh Lễ chỉ là 1 bữa tiệc chứ chủ yếu không phải là 1 lễ hy sinh, hôn nhân như một hành vi nhân bản chứ không còn là một bí tích bất khả tiêu, nói tới tội lỗi và ơn thánh là điều lỗi thời, một tư duy rao giảng nền luân lý thương xót không cần hỏi tâm và thống hối... “Há đây không phải là cách thanh toán Giáo Hội hay sao?”

Nhưng không riêng Đức Phanxicô giữ im lặng, mà Đức Bênêđictô XVI cũng đang giữ hết sức im lặng. Ký giả Steve Skojec, ngày 13 tháng Tư năm 2017 cho hay: Đức Tổng Giám Mục Georg Gänswein, thư ký riêng của Đức Giáo Hoàng hưu trí và đứng đầu phủ Giáo Hoàng của Đức Phanxicô, nói rằng Đức Giáo Hoàng Hưu Trí “đọc Niềm Vui Yêu Thương cách thấu đáo, ghi nhận các tranh cãi chung quanh văn kiện và cách nó được mang ra thi hành, nhưng không hề bình luận gì về nó”.

Thực ra, sự im lặng của Đức Phanxicô, theo linh mục de Sousa, trong bài “Tranh luận ‘Niềm Vui Yêu Thương’: một cái nhìn về phía trước” (Debating ‘Amoris Laetitia’: A Look Ahead) còn có một phương diện khác đáng lưu ý như sau:

Ai cũng biết Niềm Vui Yêu Thương trích dẫn rất nhiều văn kiện của huấn quyền, nhưng lại phớt lờ, nghĩa là hoàn toàn im lặng đối với thông điệp rất quan trọng của Thánh Gioan Phaolô II là Thông Điệp *Veritatis Splendor*. *Niềm Vui Yêu Thương* coi *Veritatis Splendor* như chưa hề hiện hữu!

Khốn nỗi, 4 trong 5 điều nghi ngại của 4 vị Hồng Y là về *Veritatis Splendor*! Thành thử, đã im lặng, không nhắc gì tới *Veritatis Splendor*

ở *Niềm Vui Yêu Thương*, thì lẽ dĩ nhiên cũng phải im lặng không trả lời trực tiếp các nghi ngại.

Không phải Đức Phanxicô mà thôi, hai Thánh Bộ đáng lý ra phải lên tiếng để giải thích *Niềm Vui Yêu Thương*, nhưng đã không làm thế, đó là Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin và Thánh Bộ Phụng Thờ Thiên Chúa và Kỷ Luật Bí Tích.

Và ngoại trừ một số giám mục ở Malta, Á Căn Đình, Đức Quốc và Hoa Kỳ giải thích *Niềm Vui Yêu Thương* nghiêng về phía cho phép những người Công Giáo ly dị và tái hôn rước lễ, phần đông các giám mục thế giới cũng im lặng, như thể chương 8 của *Niềm Vui Yêu Thương* không hề hiện hữu.

Trong khi ấy, những cộng sự viên thân tín của Đức Phanxicô không ngại lớn tiếng chỉ trích những người muốn được soi sáng. Linh mục Dòng Tên Antonio Spadaro dùng twitter (sao giống Trump vậy, dù Sparado chẳng mấy thích Trump!) hót rằng những người nêu nghi ngại là “nhằm gây khó khăn và chia rẽ”, chứ không hẳn “tìm các câu trả lời với lòng thành thực”.

Austen Ivereigh, người viết tiểu sử Đức Phanxicô, đi xa hơn, gọi những người nêu câu hỏi không biết *Niềm Vui Yêu Thương* có mâu thuẫn với *Veritatis Splendor* không là “những kẻ bất đồng... dám nghi vấn tính hợp pháp của triều giáo hoàng”.

Nhưng họ đâu có nêu được luận điểm thuyết phục nào để cho rằng *Niềm Vui Yêu Thương* không đi ngược lại *Veritatis Splendor* mà chỉ biết nại tới thẩm quyền, chứng tỏ một chiến thuật chính trị cận thị.

Thực ra, các nghi ngại của 4 vị Hồng Y không thể bị coi là “thiếu thành thực”. Ngày 14 tháng Giêng năm 2017, nói với tờ báo Ý *Il Foglio*, Đức Hồng Y Caffarra, một trong 4 vị Hồng Y này cho biết: “chúng được suy nghĩ rất lâu, cả hàng tháng trời... Riêng tôi, chúng còn là đề tài cho lời cầu nguyện dài của tôi trước Bí Tích Cực Thánh”.

Về lý do ra công khai, Đức Hồng Y Caffarra cho hay: vì lòng kính trọng Đức Giáo Hoàng, các vị đã âm thầm đệ trình các nghi ngại lên Đức Phanxicô; các ngài chỉ phổ biến chúng công khai “khi chúng tôi biết chắc Đức Thánh Cha sẽ không trả lời. Chúng tôi giải thích sự im lặng này như việc cho phép tiếp tục cuộc thảo luận thần học. Và, hơn nữa, vấn đề này liên hệ cách sâu xa tới cả huấn quyền của các giám mục lẫn đời sống của tín hữu”.

Nhân dịp này Đức Hồng Y Caffarra quả quyết rằng sự chia rẽ trong Giáo Hội “là nguyên nhân của lá thư, chứ không phải hiệu quả của nó”.

Muốn nắm vững điểm vừa kể, nên đọc bài “Cha Murray nói về 1 năm sau ‘Niềm Vui Yêu Thương’: tình thế của vấn đề” của Linh Mục John Zuhlsdorf. Bài này mô tả tình hình như sau: “Ta có sự im lặng của Đức Giáo Hoàng đối với các nghi ngại; Đức Giáo Hoàng chấp thuận bản nháp lời tuyên bố của một nhóm giám mục Á Căn Đình thuộc vùng Rio de la Plata nhằm cho phép các người Công Giáo ly dị và tái hôn dân sự được rước lễ; lời quả quyết của Đức Hồng Y Müller rằng những người đang sống trong trạng thái ngoại tình không thể rước lễ; tờ báo riêng của Đức Giáo Hoàng, tức *L'Osservatore Romano*, cho đăng tuyên bố của các giám mục Malta nói rằng các cặp đang sống trong cuộc hôn nhân bất thành sự thứ hai có thể rước lễ nếu lương tâm họ bình an với quyết định đó; lời tái khẳng định của các giám mục Ba Lan rằng giáo huấn và kỷ luật công bố trong *Familiaris Consortio* của Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II không thay đổi, và chỉ những cặp hôn nhân dân sự nào chịu sống như anh trai em gái mới được rước lễ; Đức Tổng Giám Mục Philadelphia cũng đồng ý như thế; trong khi các giám mục Bỉ và Đức đồng ý với các giám mục Malta và Rio del La Plata, Á Căn Đình”.

Tóm lại, không phải chỉ là chia rẽ mà còn là một hỗn độn phi thần thánh (unholy mess): điều là tội ở Ba Lan đã trở thành tốt ở Đức, điều bị cấm ở Philadelphia đã thành được phép ở Malta.

Diễn trình sửa sai công khai

Chính vì thế, Đức Hồng Y Burke công khai tuyên bố sẽ “sửa sai” Đức Phanxicô. Ngày 16 tháng Tám vừa qua, trong một cuộc phỏng vấn mới của tờ *The Wanderer*, ngài cho rằng: vì Đức Giáo Hoàng Phanxicô quyết định không trả lời câu hỏi rằng liệu tông huấn *Niềm Vui Yêu Thương* của ngài có phù hợp với giáo huấn Công Giáo hay không, nên “một sự sửa sai” về cách giáo huấn của ngài đi trệch ra ngoài đức tin Công Giáo là “điều cần thiết”.

Cũng trong cuộc phỏng vấn trên, ngài cho biết diễn trình sửa sai rất đơn giản: “một đảng, ta sẽ trình bày rõ giáo huấn của Giáo Hội; đảng khác, ta sẽ xác định điều Đức Giáo Hoàng thực sự dạy. Nếu có sự mâu thuẫn, Đức Giáo Hoàng sẽ được mời gọi làm cho giáo huấn riêng của ngài phù hợp trong sự vâng lời Chúa Kitô và Huấn Quyền Giáo Hội”.

Người ta tin rằng khi sửa sai như trên, các vị Hồng Y “ngghi ngại” sẽ trả lời 5 câu hỏi của các ngài như sau:

1. Theo các quả quyết của *Niềm Vui Yêu Thương* (các số 300-305), một cặp thường xuyên ngoại tình có được ban ơn xá tội và được rước lễ không? **KHÔNG**.
2. Với việc công bố *Niềm Vui Yêu Thương*, (xem số 304), người ta có còn phải coi là có giá trị giáo huấn của Thánh Gioan Phaolô II trong *Veritatis Splendor* rằng có “những qui phạm luân lý tuyệt đối ngăn cấm các hành vi xấu từ trong nội tại và có tính trói buộc, không hề có luật trừ?” **CÓ**.
3. Sau *Niềm Vui Yêu Thương* (số 301), ta còn có thể quả quyết rằng việc thường xuyên ngoại tình là “một hoàn cảnh khách quan của tội nặng thường xuyên không?”. **CÓ**.

4. Sau các quả quyết của **Niềm Vui Yêu Thương** (số 302), các giáo huấn của Đức Gioan Phaolô II trong *Veritatis Splendor* có còn giá trị không khi dạy rằng “các hoàn cảnh hay ý hướng không bao giờ có thể biến đổi một hành vi xấu từ trong nội tại, nhờ đối tượng của nó, thành một hành vi tốt hay có thể bảo vệ như một chọn lựa ‘về phương diện chủ quan’?”. **CÓ**.

5. Sau *Niềm Vui Yêu Thương* (số 303), người ta có còn cần coi là có giá trị giáo huấn của Thánh Gioan Phaolô II trong thông điệp *Veritatis Splendor* khi nó “loại bỏ lối giải thích có tính sáng tạo về vai trò của lương tâm và nhấn mạnh rằng lương tâm không bao giờ được phép hợp pháp hóa các trường hợp trừ thành những qui phạm luân lý tuyệt đối ngăn cấm các hành vi xấu từ trong nội tại căn cứ vào đối tượng của chúng?”. **CÓ**.

Nhân dịp này, Đức Hồng Y Burke bác bỏ ý niệm ly giáo. Ngài bảo “Người ta nói tới một ly giáo trên thực tế. Tôi tuyệt đối chống lại bất cứ loại ly giáo chính thức nào, ly giáo không bao giờ đúng cả”.

“Tuy nhiên, người ta có thể sống trong một trạng thái ly giáo nếu giáo huấn của Chúa Kitô bị bác bỏ. Chữ thích đáng hơn có thể là chữ được Đức Mẹ dùng trong Sứ Điệp Fatima: bỏ đạo (apostasy). Có thể có việc bỏ đạo trong Giáo Hội và việc này, thực sự, là điều đang diễn ra. Về việc bỏ đạo, Đức Mẹ cũng nói tới sự thất bại của các mục tử trong việc đem Giáo Hội tới sự hợp nhất”.

Thay đổi giáo luật để sửa sai các sai lầm của Đức Giáo Hoàng

Cùng lúc với lời phát biểu trên đây của Đức Hồng Y Burke, một nhà thần học nổi tiếng đã đưa ra đề nghị cải tổ bộ giáo luật để có thể xác định các sai lầm tín lý của một vị giáo hoàng.

Đó là linh mục Aidan Nichols, Dòng Đa Minh, một tác giả viết rất nhiều và hiện giảng dạy tại Oxford và Cambridge cũng như Angelicum ở Rôma. Cha cho rằng tông huấn *Niềm Vui Yêu Thương*

của Đức Phanxicô dẫn ta tới một tình thế “cực kỳ nghiêm trọng”.

Cha Nichols đề nghị: vì các tuyên bố của Đức Giáo Hoàng về các vấn đề hôn nhân và luật luân lý, Giáo Hội cần “một thủ tục để đem một vị giáo hoàng giảng dạy các sai lạc vào trật tự”.

Cha Nichols nói như trên tại một hội nghị thường niên ở Cuddesdon của một hội đại kết, tức Hội Giao Hảo Thánh Alban và Thánh Sergius, mà thánh giả đa số không phải Công Giáo.

Ngài nói: diễn trình luật pháp sẽ “cản ngăn các vị giáo hoàng không có bất cứ xu hướng ương ngạnh tín lý hay xao lãng nào” và các ngài phải trả lời một số “lo lắng đại kết” của người Anh Giáo, Chính Thống và những người khác, những người vốn sợ vị giáo hoàng có toàn quyền áp đặt bất cứ giáo huấn nào.

Cha nói thêm: “Quả thực, rất có thể cuộc khủng hoảng hiện nay của huấn quyền Rôma được Chúa Quan Phòng dùng để kêu gọi người ta lưu ý tới các giới hạn của tối thượng quyền về phương diện này”.

Trước đây, Cha Nichols là một trong số 45 linh mục ký lá thư gửi Hồng Y đoàn yêu cầu có sự minh xác của Đức Giáo Hoàng để loại bỏ các lối giải thích lạc giáo và sai lầm đối với tông huấn của ngài.

Dịp này, cha bác bỏ nhận định cho rằng Đức Phanxicô xao lãng nhiệm vụ vì có tường trình cho hay Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin có đề nghị một số sửa sai đối với *Niềm Vui Yêu Thương*, nhưng bị làm ngơ.

Về mưu toan chính thức sửa sai của Đức Hồng Y Raymond Burke, Cha Nichols cho hay: cả Bộ Giáo Luật Tây Phương cũng như Bộ Giáo Luật Đông Phương đều không có thủ tục nào “để tìm hiểu trường hợp một vị giáo hoàng bị nghi ngờ dạy điều sai lầm về tín lý, càng không có dự liệu xử án nào”.

Cha Nichols cho rằng giáo luật vốn có truyền thống nói rằng “tòa thứ

nhất không bị ai phán kết cả”. Nhưng ngài nói Công Đồng Vatican I đã giới hạn quyền vô ngộ của Đức Giáo Hoàng giúp “Giáo Hội Công Giáo Rôma không có chủ trương cho rằng vị giáo hoàng không có khả năng dẫn người ta ra sai lạc bằng giáo huấn sai lầm trong tư cách 1 tiến sĩ công cộng”.

“Ngài có thể là chánh án thượng thẩm tối cao của Thế Giới Kitô Giáo... nhưng điều này không làm ngài được miễn khỏi việc phạm các sai lầm lớn về tín lý...” Chính vì vậy, giáo luật nên được phép đưa ra một thủ tục chính thức để tìm hiểu xem liệu một vị giáo hoàng có giảng dạy sai lầm hay không.

Cha Nichols cho rằng có nguy cơ ly giáo, nhưng khó xảy ra và dù sao chưa tức khắc bằng nguy cơ lạc giáo luân lý. Quan điểm của *Niềm Vui Yêu Thương*, nếu không được sửa sai, “càng ngày càng được coi ít nhất như một ý kiến thần học có thể chấp nhận được. Và điều này gây nhiều tai hại không dễ gì sửa chữa được”.

Nhà giáo luật học người Mỹ Edward Peters, tuy ca ngợi sự uyên bác của Cha Nichols, nhưng dè chừng trước đề nghị của ngài. Theo ông, dù Bộ Giáo Luật là công trình của con người, nhưng một số điều khoản của nó đặt nền trên thiên luật, nên khó có thể tu chính, đó là trường hợp điều 331 về thẩm quyền trọn vẹn và tối cao của Giám Mục Rôma và điều 1404 về việc Tòa Thánh được miễn nhiệm không bị phán kết. Các điều khoản này là tuân theo quyết định của Chúa muốn để Phêrô và các vị kế nhiệm ngài được tự do hành động theo nhận định của các ngài trong việc hướng dẫn Giáo Hội, nghĩa là các điều khoản này, vì hỗ trợ cho một quyền tự do được chính Thiên Chúa qui định, nên không thể bị hủy bỏ dù các vị giáo hoàng lạm dụng quyền tự do này.

Nhưng lẽ dĩ nhiên, theo Peters, quyền tự do của Phêrô có giới hạn vì nó được ban không phải để vị giáo hoàng có thể làm những việc như ăn cắp tài sản của Giáo Hội hay ve vãn các lý thuyết thần học nguy hại, mà đúng hơn để phục vụ nhu cầu của Giáo Hội và quyền của tín

hữu được có sự chắc chắn và liên tục trong việc Đạo Công Giáo làm chứng cho các giáo huấn của Chúa Kitô.

Chúng có giáo luật cho thấy sự giới hạn trên có thể là điều 336 là điều thừa nhận giám mục đoàn cũng là chủ thể của thẩm quyền trọn vẹn và tối cao trong Giáo Hội. Đây là một điều mâu nhiệm, khó hiểu vì làm thế nào trong Giáo Hội lại có đến hai thẩm quyền trọn vẹn và tối cao. Tuy nhiên đây là một dữ kiện Giáo Hội học mà ta phải tính đến chứ không thể bị bỏ qua.

Ngoài ra, theo Peters còn một định chế khác không kém phần quan trọng là Thánh Truyền. Mà truyền thống, như chính Cha Nichols từng nói, vốn coi: Các vị Giáo Hoàng là Nhà Làm Luật của giáo luật, nên cơ may có một nhà làm luật nào đó viết ra một đạo luật chống lại ngài quả là điều hết sức mong manh. Nhưng truyền thống cũng đã có trường hợp Đức Honorius. Nhưng Đức Honorius chỉ bị một vị giáo hoàng sau đó kết án mà thôi. Thành thử, chính Cha Nichols cũng nghĩ là việc điều tra các sai lầm của một vị giáo hoàng chỉ nên diễn ra sau khi ngài đã qua đời!

9. Phải chăng các vị giám mục được quyền ra chỉ thị về việc rước lễ của người ly dị tái hôn phần đời?

Mon, 26/09/2016 - 09:28

Tác giả: [Vũ Văn An](#)

Dù có ý hay không, nhưng khi nói rằng việc thi hành tông huấn “Niềm Vui Yêu Thương” (Amoris Laetitia) tùy thuộc hướng dẫn của các giám mục địa phương, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã tản quyền việc giải quyết cuộc tranh luận về việc rước lễ của những người Công Giáo ly dị và tái hôn phần đời.

Thực vậy, về cuối Tông Huấn “Niềm Vui Yêu Thương”, Đức Phanxicô viết rằng khi các linh mục phải đưa ra phán đoán trong các trường hợp cụ thể như chăm sóc mục vụ cho người Công Giáo ly dị

và tái hôn phần đời, các ngài sẽ làm việc này “phù hợp với giáo huấn của Giáo Hội và các hướng dẫn của vị giám mục”.

Người ta thắc mắc không biết lúc ấy, ngài có biết lời khuyên trên sẽ gây nên không biết bao nhiêu giải pháp trái ngược nhau hay không.

Vì từ ngày công bố nó hồi tháng Tư vừa qua, nhiều vị giám mục và nhiều nhóm giám mục khắp nơi trên thế giới đã ban hành các chỉ dẫn để thi hành tông huấn trên, và nếu quan sát quang cảnh, thì ai cũng thấy rõ: các chỉ dẫn này không giống nhau.

Một số chỉ dẫn cho rằng dù các người Công Giáo ly dị và tái hôn phần đời vẫn là thành viên trong Giáo Hội và do đó nên được tiếp nhận vào đời sống Giáo Hội, nhưng truyền thống ngăn cấm họ rước lễ vẫn được duy trì nguyên vẹn.

Một số chỉ dẫn khác dù rất thận trọng vẫn cho rằng “Niềm Vui Yêu Thương” quả có tạo ra khả thể để những người này, trong một số trường hợp, được rước lễ sau một diễn trình biện phân.

Trước các chủ trương khác nhau như trên, một số người phản đối, cho rằng dù các vị giám mục được quyền quyết định phải thi hành một quyết định của Đức Giáo Hoàng ra sao, nhưng các ngài không có quyền giải thích ngược với nó. Một số khác lý luận rằng cho tới khi và ngoại trừ Đức Giáo Hoàng thay đổi luật Giáo Hội, các vị giám mục có quyền áp dụng các qui định hiện nay được các ngài coi là thích đáng.

Bất kể người ta nhận định ra sao về cuộc tranh luận, kết luận sau đây vẫn không thể nào tránh được: dù có ý định hay không, điều Đức Phanxicô thực sự đã làm là chấp nhận tước quyền một trong các vấn đề gây tranh cãi nhiều nhất trong đời sống Giáo Hội hiện nay.

Trừ khi được minh xác thêm hay được sắc lệnh mới của Rôma, điều hiện đang diễn ra là các giám mục cá thể hay các nhóm giám mục miền đang xác định nên trả lời có hay không trong lãnh thổ thuộc quyền tài phán của các ngài.

Hồi tháng Bảy, Đức Tổng Giám Mục Charles Chaput ban hành các chỉ dẫn để thi hành “Niềm Vui Yêu Thương” tại Philadelphia. Các chỉ dẫn này định rằng các người Công Giáo ly dị và tái hôn phần đời, nếu muốn rước lễ, phải sống như anh trai em gái nghĩa là tự chế việc thân mật tính dục.

Gần đây, Đức Cha Thomas J. Olmsted của Phoenix đã viết một bài trên tờ báo của giáo phận, đại khái nói rằng không có điều nào trong “Niềm Vui Yêu Thương” mở đường cho việc rước lễ của người ly dị tái hôn phần đời.

Đầu tháng này, các vị giám mục của Alberta và Các Lãnh Thổ Phía Bắc Gia Nã Đại cũng đã ra các chỉ thị khắt khe đối với việc rước lễ của người ly dị tái hôn phần đời, khi nhấn mạnh rằng đây không phải chỉ là việc đơn giản nói chuyện qua loa với một vị linh mục, mà là việc phải hàn gắn vết thương trầm trọng do việc gãy đổ của hôn nhân tạo ra, mới có thể được rước lễ.

Ấy thế nhưng, cũng đầu tháng này, các giám mục của miền Buenos Aires của chính Đức Phanxicô đã ra một dự thảo, cho hay: trong một số trường hợp, “Niềm Vui Yêu Thương” có cung cấp cho người ly dị tái hôn phần đời khả thể được lui tới các bí tích Hòa Giải và Thánh Thể. Đức Phanxicô đã mau mắn viết thư trả lời ca ngợi các ngài rằng các ngài đã giải thích đúng tông huấn của ngài.

Đầu tháng Bảy, Đức Hồng Y Ennio Antonelli, người Ý, cựu chủ tịch Hội Đồng Giáo Hoàng về Gia Đình, nói rằng Đức Phanxicô “thậm chí đang mở đường cho việc được lãnh nhận bí tích Hòa Giải và Thánh Thể”. Còn Đức Hồng Y Christoph Schönborn của Vienna, Áo, một người thân cận của Đức Giáo Hoàng, thì nhiều lần nói rằng “Niềm Vui Yêu Thương” quả có tạo khả thể để những người ly dị tái hôn phần đời được lãnh nhận các bí tích, trong một số trường hợp.

Như thế có nghĩa ra sao? Phải chăng các qui định hiện nay khác nhau giữa những nơi như Buenos Aires, Vienna và những nơi như Phoenix, Philadelphia và Alberta?

Các nhà chuyên môn có thể tranh luận bất tận về điều thực sự là hay nên là, nhưng điều xem ra rõ ràng là việc thực hành sẽ thay đổi từ nơi

này tới nơi nọ, tùy theo thiên hướng của vị giám mục hay các giám mục cầm quyền.

Vì thế, song song với cuộc tranh luận hăng say về nội dung của "Niềm Vui Yêu Thương", chúng ta đang bước vào một cuộc tranh luận mới về tác động của nó, tập chú vào vấn đề liệu việc để cho địa phương quyết định một điều như thế này có phải là một động thái khôn ngoan hay không.

Nhiều người cho rằng vì cuộc tranh luận về Rước Lễ đụng đến các chủ đề hết sức trọng yếu như thần học Công Giáo về hôn nhân và cái hiểu của Giáo Hội về Phép Thánh Thể, nên nếu cho phép địa phương có những giải đáp khác nhau liệu mình ta sẽ phá hoại tính hợp nhất của đức tin.

Khi nhà báo John Allen hỏi Đức Hồng Y Francis Arinze của Nigeria, nay đã về hưu, về việc này, ngài tỏ ra nghiêm khắc. “Có phải ông đang bảo tôi: chúng ta có thể có một hội đồng giám mục quốc gia tại một nước chấp thuận một điều gì đó mà ở một hội đồng khác, nó bị coi là một tội hay không? Phải chăng tội sắp sửa thay đổi theo biên giới quốc gia? Chúng ta có thể trở thành các Giáo Hội quốc gia? Xem ra chúng ta đang quốc hữu hóa điều đúng và điều sai”.

Tuy nhiên, nhiều người khác sẵn sàng cho hay: vì các thực tại văn hóa khác nhau ở nhiều nơi trên thế giới, nên việc cho phép các mục tử và các giám mục một ít quyền rộng rãi trong việc phán định là một điều khôn ngoan, ấy là chưa kể đến việc phải tuân giữ chủ trương nhân mạnh tới tính hợp đoàn của Công Đồng Vatican II.

Điều trên hình như đang củng cố nhận định của Đức Hồng Y Walter Kasper ngỏ với các nhà báo nhân dịp Thượng Hội Đồng năm 2014, khi ngài cho rằng các giám mục Phi Châu “không nên nói với chúng ta quá nhiều về điều chúng ta nên làm”. Điều ngài muốn nói là: hoàn cảnh ở Đức khác với hoàn cảnh ở Phi Châu, và các giải pháp kiểu một cỡ thích hợp cho mọi người không luôn có giá trị trong Giáo Hội hoàn cầu.

Ba năm rưỡi qua, từ ngày được bầu làm giáo hoàng, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã hơn một lần nói rằng ngài thấy cần phải có “một sự tàn quyền lành mạnh” trong Giáo Hội Công Giáo.

Bất kể nó có lành mạnh hay không dưới mắt người nhìn, nhưng khi đụng tới việc rước lễ của người ly dị tái hôn dân sự, căn cứ vào những gì đang diễn ra, khó lòng không tin việc tàn quyền là điều Đức Giáo Hoàng Phanxicô muốn.

10. Một vị Tổng Giám Mục Mỹ quả quyết: Tông Huấn Niềm Vui Yêu Thương không thay đổi thực hành Rước Lễ

Sun, 09/10/2016 - 12:38 Tác giả: [Vũ Văn An](#)

Theo Ed Langlois của tờ Catholic Sentinel, ngày 7 tháng Mười vừa qua, Đức Tổng Giám Mục Alexander K. Sample, Tổng Giáo Phận Portland ở Oregon, đã ra một thư mục vụ lên án một số giải thích sai lầm về tông huấn 'Niềm Vui Yêu Thương' (Amoris Laetitia) của Đức Giáo Hoàng Phanxicô, mà giải thích đáng lưu ý nhất cho rằng có thể có ngoại lệ đối với các lệnh cấm tuyệt đối của Thiên Chúa.

Dù ngài không trực tiếp đề cập tới cuộc tranh luận về việc Đức Giáo Hoàng có thực sự mở cửa để người Công Giáo ly dị tái hôn phần đời được rước lễ hay không, nhưng trọng điểm các suy tư của ngài cho thấy câu trả lời là “không”.

Thư mục vụ trên có tựa đề là “A True and Living Icon: Reading of ‘Amoris Laetitia’ in Light of Church Teaching” (Hình Ảnh Đích Thực và Sống Động: Đọc ‘Niềm Vui Yêu Thương’ dưới Ánh Sáng Giáo Huấn Giáo Hội).

Trong thư trên, Đức Tổng Giám Mục Sample cho rằng Tông Huấn của Đức Giáo Hoàng Phanxicô xứng đáng được cả người Công Giáo và không Công Giáo ca ngợi vì phương thức mục vụ của nó.

Vì hình ảnh Giáo Hội như một “bệnh viện Dã Chiến” có nhiều tiềm năng nhắc ta nhớ tới việc phục vụ của các linh mục, phó tế và nhân viên giáo xứ cũng như các người bị chấn thương được họ chăm sóc.

Nhưng, Đức Tổng Giám Mục Sample cho rằng truyền thông đã rút ra nhiều kết luận sai lầm từ tông huấn này. Ngài viết: “trong khi tông huấn không chứa đựng bất cứ thay đổi nào về giáo huấn của Giáo Hội liên quan tới hôn nhân và cuộc sống gia đình, một số người vẫn dùng ‘Niềm Vui Yêu Thương’ một cách không tương hợp với truyền thống giảng dạy của Giáo Hội”.

Ngài nhấn mạnh điều ngài cho là 3 cách thông thường nhất trong các kết luận sai lầm về tông huấn này.

Thứ nhất, ngài cho rằng truyền thông và nhiều người khác sử dụng ‘Niềm Vui Yêu Thương’ để lý luận rằng lương tâm hợp pháp hóa các hành động đi ngược lại các giới răn của Thiên Chúa. Ngài viết rằng “lương tâm không phải tự nó là một lẽ luật, mà lương tâm cũng không thể coi thường hay thay thế các mệnh lệnh của Thiên Chúa do Giáo Hội giảng dạy”.

Trong khi Giáo Hội không tìm cách thay thế lương tâm người ta, thì điều quan trọng cần phải biết là lương tâm có thể sai lầm và cần được huấn luyện.

Đức Tổng Giám Mục viết thêm: “khuyến khích hay im lặng chấp nhận một phán đoán sai lầm của lương tâm không hề là thương xót mà cũng không phải là bác ái”.

Thứ hai, Đức Tổng Giám Mục Sample bác bỏ ý niệm cho rằng trong một số điều kiện, có thể có luật trừ đối với các lệnh cấm tuyệt đối của Thiên Chúa. Trong khi Giáo Hội tuân theo gương sáng của Chúa Giêsu và tỏ lòng thương xót cũng như sẵn sàng đồng hành với những người đang rơi vào các hoàn cảnh và các cuộc kết hợp “bất hợp lệ”, Giáo Hội vẫn không phải là trọng tài của các qui luật luân lý do Thiên Chúa thiết lập.

Ngài viết: “tính bất khả tiêu của hôn nhân là giáo huấn quý giá và chủ chốt của Giáo Hội, do Chúa Giêsu mạc khải và được truyền thống liên tục của chúng ta trân quý”. Ngài cho hay: giáo huấn này không phải chỉ là một qui định, mà là “một thực tại đẹp đẽ, có tính bí tích và thiêng liêng”.

Thứ ba, Đức Tổng Giám Mục Sample nói rằng sự mỏng dòn yếu đuối của con người không miễn trừ ta khỏi thi hành mệnh lệnh của Thiên Chúa, một ý nghĩ mà ngài cho là một số người đã làm lẫn rút ra từ ‘Niềm Vui Yêu Thương’.

Ngài viết: “trong khi việc chăm sóc mục vụ chân chính luôn đồng hành với người ta trong nỗi đau khổ và yếu đuối của họ, thì một số người lại lạm dụng việc tông huấn này nhấn mạnh tới luận lý học thương xót để chủ trương rằng các hành vi xấu một cách khách quan có thể được chấp nhận, thậm chí còn được thánh hóa, nếu người ta tin rằng mình không thể làm khác đi”.

Ngài viết thêm: cho rằng các cá nhân không thể nào thay đổi là bác bỏ sức mạnh của ơn thánh.

Thư mục vụ gửi cho giáo dân miền Tây Oregon này trích dẫn Đức Giáo Hoàng Phanxicô, Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI và Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II.

Đức Tổng Giám Mục Sample cho biết thêm: thư mục vụ này chưa phải là những lời cuối cùng của ngài về Tông Huấn ‘Niềm Vui Yêu Thương’, vì nay mai ngài sẽ ban hành các chỉ dẫn cụ thể để thi hành tông huấn này.

Ngài cho rằng không nên coi giáo huấn luân lý của Giáo Hội về hôn nhân chỉ là những chính sách và qui định, nó luôn nói tới ơn cứu độ trong Chúa Giêsu Kitô.

Tựa đề của thư mục vụ phát xuất từ niềm tin của ngài rằng gia đình là “hình ảnh hiệp thông và nhân lành của chính Thiên Chúa”.

Ngài kết thúc thư mục vụ bằng cách nhắc tới câu truyện trong Tin Mừng nói tới người đàn bà bị bắt quả tang ngoại tình. Dù Chúa Giêsu không kết án nàng, nhưng rõ ràng Người ra lệnh cho nàng đừng phạm tội nữa. Đức Tổng Giám Mục kết luận: “Lòng thương xót mở cửa dẫn vào sự thật và sự thật về sự sống mới trong Chúa Kitô sẽ giải phóng nàng”.

Theo nhà luật học J.D. Flynn, mặc nhiên trong thư mục vụ này là việc Đức Tổng Giám Mục Sample nhấn mạnh rằng ta phải đọc hiện tại dưới ánh sáng của quá khứ, vì giáo huấn Công Giáo chân chính không thể mâu thuẫn với quá khứ. Cách tiếp cận của Đức Tổng Giám Mục Sample có thể bao hàm việc đình chỉ phán đoán, tức không kết luận gì về ý nghĩa trong đầu óc Đức Giáo Hoàng Phanxicô. Theo ngài, ở một số chỗ, ‘Niềm Vui Yêu Thương’ cần được minh xác nhiều hơn. Ở những chỗ này, tốt nhất ta đình chỉ phán đoán hơn là dùng Đức Giáo Hoàng để bác bỏ huấn quyền chân chính của Giáo Hội. Trong những hoàn cảnh như thế, đình chỉ phán đoán trở thành một hành vi đức tin.

Nhiệm vụ các nhà thần học là đọc ‘Niềm Vui Yêu Thương’, hiểu nói trong sự liên tục của giáo huấn Giáo Hội, và đưa ra các gợi ý để thi hành nó. Còn nhiệm vụ của các giám mục, mà Đức Tổng Giám Mục Sample nghĩ rất đúng, là hướng dẫn diễn trình này, bằng cách dựa vào giáo huấn có tính lịch sử và huấn quyền của Giáo Hội, vạch rõ các biên giới của tính chính thống.

Theo Flynn, Đức Giáo Hoàng Phanxicô viết ‘Niềm Vui Yêu Thương’ như một “lời mời các gia đình Kitô hữu đánh giá các hồng phúc của hôn nhân và gia đình, và kiên vững trong một tình yêu được các nhân đức đại lượng, dần thân, trung thành và kiên nhẫn củng cố”. Lạm dụng tông huấn không mang lại bao nhiêu ơn ích cho các gia đình đổ vỡ. Khai thác sự hàm hồ của nó chỉ tạo nên đau khổ thực sự mà thôi.

Theo ông, Đức Tổng Giám Mục Sample không được biết đến nhiều, ngoài Portland, nhưng ngài không nên như vậy. Thư mục vụ của ngài quả là lời mời gọi vươn cánh tay thương xót ra, bắt nguồn từ sự thật, để đem Chúa Kitô đến với các cuộc hôn nhân và các gia đình cần đến Người. Nó bước chân theo các công trình trước đây của ngài về chức phó tế và phụng vụ. Cách tiếp cận của ngài biết tự chế, đầy suy tư, và bác ái. Các nhân đức này đang rất cần trong các cuộc trao đổi hiện nay trong Giáo Hội.

11. Một hình ảnh đích thực và sống động: thư mục vụ của Đức Tổng Giám Mục Sample về Tông Huấn Niềm Vui Yêu Thương.

Wed, 12/10/2016 - 11:14 Tác giả: [Vũ Văn An](#)

Tổng Giám Mục Portland, Oregon, Alexander K. Sample,
Gửi Các Linh Mục, Phó Tế, các Tu Sĩ và Giáo Dân của Tổng Giáo
Phận

"Các cặp vợ chồng Yêu thương và hạ sinh sự sống là một hình ảnh
đích thực, sống động... có khả năng biểu lộ Thiên Chúa Tạo Dựng và
là Đấng Cứu Thế" (1). Với những lời này, Đức Thánh Cha của chúng
ta, Đức Giáo Hoàng Phanxicô, nhắc nhở chúng ta rằng tình yêu hôn
nhân là "một biểu tượng cho sự sống bên trong của Thiên Chúa" vì
"Thiên Chúa Ba Ngôi là một sự hiệp thông của tình yêu, và gia đình
là sự phản ánh sống động của sự hiệp thông này" (2).

Do chính bản chất của nó, hôn nhân hiện hữu cho sự hiệp thông sự
sống và tình yêu giữa vợ chồng, được sắp đặt để sinh sản và chăm sóc
con cái, trong một dây liên kết độc chiếm và vĩnh viễn giữa một người
nam và một người nữ. Trong dây liên kết tự nhiên này, một dây liên
kết hiện diện cả ở giữa vợ chồng chưa được rửa tội, chúng ta có được
"một hình ảnh để hiểu và mô tả mầu nhiệm của chính Thiên Chúa..."
(3) Đức Kitô, Chúa chúng ta, nâng dây liên kết tự nhiên của hôn nhân
lên hàng một bí tích, nhờ đó sự kết hợp của người đàn ông và người
đàn bà là dấu chỉ của sự "kết hợp của Chúa Kitô và Giáo Hội" (4).
Thiên Chúa, Đấng vĩnh cửu và bất biến, ban hôn nhân như một hình
ảnh tự nhiên của chính Người; Chúa Kitô nâng hôn nhân lên hàng một
bí tích làm dấu chỉ giao ước vĩnh viễn, bất khả phân ly với dân của
Người.

Vì gia đình là điều chủ yếu đối với hạnh phúc thế giới, đối với Giáo
Hội, và sự loan truyền Tin Mừng, nên các giám mục thế giới đã tụ
hợp nhau trong các Thượng Hội Đồng năm 2014 và năm 2015 để
nhận diện tình hình thực tế của hôn nhân và gia đình trong thế giới
ngày nay và để tìm ra các giải pháp mục vụ cho những thách đố này.

Sau khi lắng nghe các giám mục, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã ban
hành Tông Huân hậu Thượng Hội Đồng, *Amoris Laetitia* (Niềm Vui
Yêu Thương), đề lên sinh lực cho việc chăm sóc mục vụ của Giáo
Hội, đặc biệt là đối với những người trong các tình huống khó khăn
và bị thương tổn.

Bằng cách kiên nhẫn nhắc nhở chúng ta rằng Giáo Hội phải thường xuyên hành xử như một bệnh viện dã chiến cho những người bị thương tổn, Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã trung thực đối diện với nỗi đau đớn và sự tan vỡ của nhiều đời sống. Đối với những người đau khổ, "Giáo Hội phải chú ý và quan tâm đồng hành với những đứa con yếu đuối nhất của mình, những đứa con có dấu hiệu của một tình yêu bị thương tổn và đầy khó khăn, bằng cách phục hồi trong họ niềm hy vọng và sự tự tin, giống như đèn chiếu của một ngọn hải đăng ở một hải cảng hoặc một ngọn đuốc người ta mang theo để soi sáng những người lạc lối hoặc những người đang gặp bão tố" (5). Chỉ có một tình yêu kiên nhẫn sẵn sàng đồng hành với những người đau khổ mới có thể hoàn toàn "làm chứng, một cách đáng tin cậy, cho vẻ đẹp của hôn nhân như một điều bất khả phân ly và vĩnh viễn trung thành" (6). Tông Huấn nên kích thích ta biết thương xót.

Dù Tông Huấn không chứa bất cứ sự thay đổi nào trong giáo lý Giáo Hội về hôn nhân và đời sống gia đình, nhưng một số người đã sử dụng *Niềm Vui Yêu Thương* một cách không tương hợp với truyền thống giáo huấn của Giáo Hội.

Theo lời mời của Đức Thánh Cha Phanxicô, chúng ta phải đọc văn kiện này "cách kiên nhẫn và cẩn thận" và phù hợp với giáo huấn của Giáo Hội (7). Thư mục vụ này không có ý định là những lời duy nhất và sau cùng về *Niềm Vui Yêu Thương* trong Tổng Giáo Phận Portland. Các hướng dẫn mục vụ thêm nữa sẽ được ban hành giúp chúng ta áp dụng Tông Huấn này vào việc hỗ trợ mục vụ cho hôn nhân và đời sống gia đình. Bản văn đang ở trước chúng ta sẽ nói rõ các nguyên tắc để tiếp cận *Niềm Vui Yêu Thương*, và bản tới cũng như soi sáng một số lạm dụng gây phiền hà đối với văn kiện này, những lạm dụng vốn được sự chú ý của các phương tiện truyền thông và nhiều người khác. Chỉ khi nào có được sự hiểu biết cơ bản này, chúng ta mới có thể áp dụng một cách thực tiễn các nguyên tắc này vào các Giáo Hội địa phương của chúng ta.

Giảng dạy trong tinh liên tục

Vì sự thật của Thiên Chúa là điều cần thiết cho sự cứu rỗi, nên trong "lòng nhân từ nhân hậu của Người, Thiên Chúa đã lo liệu để những gì

Người đã mạc khải vì sự cứu rỗi của mọi dân tộc sẽ tồn tại mãi mãi trong sự trọn vẹn của nó và được truyền lại cho mọi thế hệ về sau" (8). Kho tàng đức tin thiêng liêng đã được trao phó cho các tông đồ và được giải thích một cách chân chính bởi thẩm quyền giáo huấn của Giáo Hội (9).

Kho tàng đức tin không thay đổi đến nỗi chính Huấn Quyền "cũng không cao hơn Lời Chúa, nhưng là người phục vụ Lời này. Nó chỉ giảng dạy những gì đã được truyền lại cho nó mà thôi" (10). Tin Mừng mãi luôn toàn vẹn và sống động, "được duy trì bởi một sự kế tục bất tận các nhà truyền giảng cho đến tận cùng thời gian"; các vị là những người "bàn giao những gì bản thân họ đã nhận được, cảnh cáo các tín hữu giữ vững các truyền thống mà họ đã học được ..." (11).

Vì vậy, tín lý không thay đổi, nhưng nó có thể phát triển. Trong thế kỷ thứ 5, Thánh Vincent đệ Lérins cho ta một giải thích đẹp đẽ về sự phát triển của tín lý, một điều đôi khi được Đức Giáo Hoàng Phanxicô kêu gọi. Thánh Vincent cho rằng: tín lý sẽ phát triển, để sự hiểu biết của chúng ta về nó cũng phát triển, giống như sự phát triển của một đứa trẻ vào tuổi trưởng thành. Tuy nhiên, phát triển không phải là thay đổi, vì "phát triển có nghĩa là mỗi sự vật lớn lên để thành chính mình, trong khi thay đổi có nghĩa là thay đổi từ một điều này sang một điều khác" (12). Sự phát triển chân chính không chấp nhận bất cứ thay đổi nào về yếu tính, không thay đổi nào về hình dạng và giới hạn có tính yếu tính.

Sau này, Chân phước John Henry Newman, người đã trở thành một Hồng Y của Giáo Hội, đã sử dụng Thánh Vincent trong bài giải thích gây ảnh hưởng của ngài về phát triển (13). Như Chân phước Newman đã giải thích, đôi lúc, chỉ các biểu thức bên ngoài hoặc cách lên công thức cho một tín lý phát triển hoặc được minh giải mà thôi, nhất là để đáp ứng các hoàn cảnh và bối cảnh mới, còn các ý tưởng hay sự thật chính được phát biểu không thay đổi. Hơn nữa, mọi phát triển chân chính đều tồn tại trong sự liên tục của nó với quá khứ, cả theo nghĩa phát sinh một cách hợp luận lý hay hợp hữu cơ từ những gì đã có trước đó, lẫn theo nghĩa duy trì quá khứ, duy trì và bảo vệ những gì đã được tin.

Để biện phân sự phát triển chân chính, chúng ta cần đọc các phần dưới ánh sáng toàn bộ, đọc các công thức dưới ánh sáng yếu tính, và đọc điều mới hơn dưới ánh sáng điều cũ hơn. Dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần, Truyền Thống quả có phát triển, nhưng Truyền Thống chỉ phát triển trong tính liên tục, không bao giờ trong tính gián đoạn. Thực hành mục vụ và kỷ luật bí tích cũng phát triển, nhưng thực hành và kỷ luật phải hoàn toàn nhất quán với các giáo huấn của Chúa Giêsu và của Giáo Hội.

Giáo huấn luân lý của Giáo Hội cũng thế. Vì bối cảnh lịch sử và xã hội thay đổi, nên các vấn đề giải quyết và cách giải quyết chúng cũng thay đổi. Nhưng các sự thật luân lý nền tảng, vốn đặt cơ sở trên bản chất vĩnh cửu của Thiên Chúa, được mạc khải qua Lời của Người, và tương hợp với bản chất không thay đổi của con người và sự phát triển của bản chất này, không thay đổi. Các bối cảnh xã hội không tạo ra bản chất của con người hay sự thiện của con người; thực vậy, chỉ sự thiện bất biến của con người mới giúp chúng ta hiểu được ý niệm phát triển luân lý trong lịch sử nhân loại.

Sự bất khả phân ly của hôn nhân là một giáo huấn quý báu và thiết yếu của Giáo Hội, được Chúa Giêsu mạc khải và được trân quý trong Truyền Thống liên tục của chúng ta. Chúa chúng ta tuyên xưng sự khôn ngoan vĩnh cửu của Thiên Chúa như đã được phát biểu trong sáng thế: "từ đầu, Đấng Tạo Hóa 'đã dựng nên họ có nam có nữ' và Người phán: 'Vì lý do này, người đàn ông sẽ lìa cha mẹ mình mà kết hợp với vợ mình, và cả hai sẽ nên một xương một thịt'. Vì vậy, họ không còn là hai, nhưng là một thân xác. Vì vậy, những gì Thiên Chúa đã kết hợp, loài người không được phân ly... ai rẫy vợ mình (trừ khi kết hôn trái pháp luật) và cưới người khác là phạm tội ngoại tình" (Mt 19: 4-9). Những gì Chúa dạy, thiết lập, và ra lệnh đều được trình bày rõ bởi giáo luật cũng như Sách Giáo Lý: "Từ một cuộc hôn nhân thành hiệu, phát sinh giữa hai vợ chồng một dây liên kết mà do bản chất vốn có tính vĩnh viễn và độc quyền" (điều 1134), và "các tính chất chủ yếu của hôn nhân là sự nên một và bất khả tiêu" (điều 1056). Dây liên kết bất khả tiêu này bền vững đến độ một cuộc hôn nhân đã thành hiệu và hoàn hợp, thì "không thể bị tiêu hủy bởi bất cứ quyền lực nào của con người và bởi bất cứ nguyên nhân nào, ngoại trừ sự chết" (điều 1141). Sự ưng thuận của vợ chồng được xác lập và đóng

dấu bởi chính Thiên Chúa, và đây liên kết do đó mà có "là một thực tế, do đó không thể thu hồi Giáo Hội không có quyền làm trái với cách bố trí này của sự khôn ngoan Thiên Chúa" (14).

Sự bất khả tiêu của dây hôn phối không chỉ đơn thuần là một quy tắc pháp lý hay đạo đức. Nó là một thực tế đẹp đẽ, có tính bí tích, và thiêng liêng. Trong thiên nhiên sáng thế, dây liên kết này nói lên một cái gì đó về bản chất vĩnh cửu của Thiên Chúa, và trong bí tích hôn nhân giữa những người đã được rửa tội, nó được "tích nhập vào giao ước của Thiên Chúa với con người", một "giao ước được đảm bảo bởi sự trung thành của Thiên Chúa" (15). Dây hôn phối bất khả tiêu, vì bí tích này là dấu chỉ sự kết hợp vĩnh viễn của Chúa Kitô với Giáo Hội của Người.

Chấp nhận giáo huấn về bất khả tiêu tương hợp với lý lẽ vững chắc, với Kinh Thánh, với truyền thống liên tục, và với giáo huấn rõ ràng của Chúa chúng ta. Nó cũng khẳng định Tin Mừng bằng cách nhìn nhận rằng các dấu hiệu và lời hứa trung thành có tính giao ước của Thiên Chúa là đáng tin cậy, rằng Thiên Chúa là Đấng tự hữu và là Đấng Người đã hứa sẽ trở thành. Chấp nhận tính bất khả tiêu là khẳng định chính bản chất và mục đích của Giáo Hội, là công bố và truyền lại Tin Mừng như nó đã được ban cho chúng ta. Luật tối cao của Giáo Hội là sự cứu rỗi các linh hồn, và những gì tăng thêm luật này phải được các tín hữu chấp nhận. Nếu muốn đạt được mục tiêu của nó, lòng thương xót phải bao gồm việc công bố tất cả những gì cần thiết cho sự cứu rỗi. Không công bố tất cả những gì cần thiết cho sự cứu rỗi là không thương xót.

Các lạm dụng đối với *Niềm Vui Yêu Thương*

Bất chấp giáo huấn rõ ràng của Giáo Hội, một số người đã lạm dụng các yếu tố của *Niềm Vui Yêu Thương* để hỗ trợ cho các chủ trương không tương hợp với giáo huấn của Giáo Hội. Điều này đã tạo ra một số hồ đồ và ngõ ngàng nơi các tín hữu. Do bản chất của việc phát triển tín lý và luân lý, một số chủ trương không tương hợp với tín lý chân chính, thực hành mục vụ, và kỷ luật bí tích. Vì các chủ trương này bất hợp pháp, nên không thể sử dụng cách hợp pháp *Niềm Vui*

Yêu Thương để hỗ trợ chúng. Không thể và không nên lạm dụng bản văn này để hỗ trợ ba sai lầm sau đây.

Lạm dụng một: Lương tâm hợp pháp hóa các hành động đi ngược lại giới răn của Thiên Chúa

"Thăm sâu trong lương tâm của họ, con người khám phá ra một điều luật mà chính họ không đặt ra cho chính họ nhưng họ phải vâng theo lương tâm của họ là cốt lõi thầm kín nhất của con người và là cung thánh của họ. Ở đó, họ ở một mình với Thiên Chúa, Đấng mà tiếng nói vang lên từ thăm sâu con người họ" (16). Lương tâm chỉ thị cho chúng ta làm điều tốt và tránh điều ác, và lắng nghe cũng như làm theo lương tâm là một đặc điểm của phẩm giá con người và là một trách nhiệm đáng sợ. Khi hành động, chúng ta không chỉ lên khuôn thể giới xung quanh chúng ta mà còn lên khuôn chính cá tính của mình, thậm chí, có lúc, còn ảnh hưởng đến hạnh phúc đời đời của chúng ta nữa. Vì sự nghiêm túc của trách nhiệm này, mỗi người đều có quyền và nghĩa vụ tuân theo lương tâm của mình. *Niềm Vui Yêu Thương* khẳng định sự kỳ diệu của quyền tự do này, vì "chính nhân phẩm đòi hỏi mỗi người chúng ta 'hành động theo sự lựa chọn có ý thức và tự do, như được đánh động và lôi cuốn một cách bản vị từ bên trong'" (17). Vì sự khó khăn và phức tạp của nhiều tình huống khác nhau, cũng như trình độ đào tạo, kiến thức, nhân đức của một con người, Tông Huấn nhận định rằng người ta "cũng có thể chân thành và trung thực nhận ra những gì lúc này là đáp ứng quảng đại nhất có thể đáp trả Thiên Chúa, và tiến đến chỗ thấy một cách chắc chắn về phương diện luân lý rằng đây là điều Thiên Chúa đang yêu cầu trong cảnh phức tạp cụ thể của các giới hạn nơi họ, trong khi chưa hoàn toàn là lý tưởng khách quan" (18).

Điều này không hỗ trợ chủ trương cho rằng lương tâm thay thế cho luật luân lý khách quan. Sự thiếu hiểu biết, sự trở thành nô lệ cho các đam mê, sự hiểu biết không chính xác về quyền tự chủ luân lý, hoặc sự vắng mặt của đức hạnh có thể làm giảm tính quy tội chủ quan của một con người khi họ chân thành tuân theo một lương tâm sai lầm, và trong một số trường hợp "sự ác của một người nào đó không thể được quy cho họ" (19). Nhưng không có cách nào khiến điều này làm giảm

hoặc phủ nhận tính khách quan của sự ác, hoặc bỏ sót, hoặc vô trật tự phạm phải.

Lương tâm không phải là một luật cho chính nó, cũng không thể làm ngưng tâm một cách đúng đắn hoặc thay thế các mệnh lệnh của Thiên Chúa như đã được Giáo Hội giảng dạy. Thánh Gioan Phaolô II từ chối một cách rõ ràng khả thể trong đó, các phán đoán riêng của lương tâm có thể "hợp pháp hóa điều gọi là các giải pháp 'mục vụ' trái ngược với giáo huấn của Huấn Quyền" hoặc cho phép các cá nhân vi phạm các qui luật luân lý tuyệt đối (20).

Giáo Hội không bao giờ mong muốn "thay thế" hoặc đánh lừa lương tâm, khi biết rằng người ta "có khả năng thực hiện sự biện phân của họ trong các tình huống phức tạp" (21). Nhưng lương tâm có thể sai lầm, và "tự do lương tâm không bao giờ là tự do 'thoát khỏi' sự thật nhưng luôn luôn và chỉ có tự do 'trong' sự thật mà thôi" (22). Do đó, Giáo Hội, các bậc cha mẹ, và thẩm quyền hợp pháp luôn được kêu gọi phải "đào tạo các lương tâm" (23). Dù là người luôn biết chân thành đáp ứng một cách đại lượng hết mình trước các giới răn của Thiên Chúa, họ vẫn được kêu gọi "luôn chào đón các giai đoạn phát triển và các quyết định mới có thể giúp thể hiện được lý tưởng một cách đầy đủ hơn" (24).

Nhờ con người có tự do, nên lương tâm có thể phát triển và trưởng thành. Không ai bị mắc kẹt trong một lương tâm sai lầm vĩnh viễn, và nhờ ơn thánh của Thiên Chúa và nền giáo dục luân lý, họ có thể hợp tác trong việc đạt tới một lương tâm được đào tạo tốt. Đức Giáo Hoàng Phanxicô, chẳng hạn, đã lưu ý đến trách nhiệm nặng nề của các bậc cha mẹ trong "việc lên khuôn ý chí của con cái họ, bằng cách phát huy các thói quen tốt và khuynh hướng tự nhiên hướng về điều tốt", và đến việc giáo dục luân lý nhằm "vun trồng tự do" ngõ hầu "giúp phát triển các nguyên tắc nội tâm vững ổn có thể dẫn chúng ta đến chỗ làm điều tốt một cách tự nhiên" (25). Ngài nhắc nhở chúng ta rằng nhân phẩm mời gọi chúng ta hành động một cách có bản vị, từ bên trong, và chính việc huấn luyện về đời sống đạo hạnh đã "xây dựng, củng cố, và lên khuôn tự do" (26).

Lương tâm, hiểu như lẽ luật bên trong được Thiên Chúa ghi khắc, "làm chứng cho thẩm quyền của sự thật trong tương quan với Sự Thiện tối cao mà con người vốn được lôi cuốn tới, và hoan nghênh các giới răn" (27). Lương tâm là điều nội tại, nhưng lương tâm được Thiên Chúa thông ban một cách đặc biệt đến nỗi các giới răn luân lý, và việc Giáo Hội giải thích các giới răn này một cách có thẩm quyền, không phải là các áp đặt từ bên ngoài lên một con người. Giáo huấn luân lý đào tạo lương tâm, bằng cách soi sáng người ta để họ có thể nhận ra, yêu mến, và sẵn sàng tuân theo sự thật luân lý khách quan, bất kể các phán đoán trước đây của họ không đúng như thế nào. Điều này đặc biệt đúng đối với các người đã được rửa tội, là những người đã được hiệp nhất với Chúa Kitô và có tâm tư và sự sống của Chúa Kitô ở trong họ nhờ ơn thánh (1 Cr 2:16). Chúng ta đừng quên niềm hy vọng được làm con cái của Thiên Chúa, đừng quên rằng trong phép rửa tội, chúng ta đã trở thành các tạo vật mới, tái sinh từ bên trong.

Có một bổn phận nặng nề phải hỗ trợ việc đào tạo lương tâm. Như Thánh Gioan Phaolô II đã nhắc nhở, một cách hoàn toàn phù hợp với truyền thống Công Giáo, khi người ta tiếp cận Giáo Hội với những câu hỏi và những thách thức của lương tâm họ, thì "câu trả lời của Giáo Hội phải có tiếng nói của Chúa Giêsu Kitô, tiếng nói của sự thật về thiện và ác. Trong lời lẽ của Giáo Hội, phải vang lên, trong thăm sâu con người, tiếng nói của Thiên Chúa" (28). Ở nơi khác, ngài liên kết việc đào tạo luân lý với đức ái của chính Tin Mừng: "sự phạm cụ thể của Giáo Hội phải luôn luôn gắn kết với tín lý của mình và không bao giờ được tách rời khỏi nó. Do đó, với cùng một xác tín như vị tiền nhiệm của tôi, tôi xin lặp lại: 'Không giảm thiểu bất cứ cách nào giáo huấn cứu rỗi của Chúa Kitô là tạo nên một hình thức bác ái ưu việt đối với các linh hồn'" (29).

Khuyến khích hoặc âm thầm chấp nhận một phán đoán sai lầm của lương tâm không hề là thương xót hay bác ái. Công bố Tin Mừng, kể cả các đòi hỏi luân lý bao hàm trong bản chất hôn nhân, là việc làm của lòng thương xót, và mọi phụ huynh, trường học, mọi định chế Công Giáo, mọi giáo viên, mọi nhà thần học, mọi mục tử, mọi tu sĩ, và mọi giám mục có 'nghĩa vụ nặng nề' phải đích thân cảnh giác để

‘giáo lý lành mạnh’ (1 Tim 1:10) của đức tin và luân lý được giảng dạy" trong việc đào tạo lương tâm" (30).

Một hình ảnh đích thực và sống động: thư mục vụ của Đức Tổng Giám Mục Sample về Tông Huấn Niềm Vui Yêu Thương

Vũ Văn An 10/12/2016

Lạm dụng thứ hai: Trong một số hoàn cảnh, các ngăn cấm của Thiên Chúa chấp nhận các ngoại lệ.

Các nhân tố giảm khinh có thể có nghĩa là một "phán đoán tiêu cực về một hoàn cảnh khách quan nào đó không ngụ hàm một phán đoán về tính có thể có tội hay có lỗi của người có liên quan" (31). Do đó, Tông Huấn lưu ý rằng sẽ "quá giản đơn khi chỉ xem xét liệu hành động của một cá nhân có tương ứng hay không với một luật lệ hoặc một quy tắc tổng quát, bởi vì điều này không đủ để biện phân và đảm bảo sự trung thành hoàn toàn với Thiên Chúa trong đời sống cụ thể của một con người đúng là các quy tắc chung ấn định một điều tốt mà ta không bao giờ được coi thường hoặc bỏ qua, nhưng trong việc lên công thức cho chúng, chúng không thể dự ứng một cách tuyệt đối mọi tình huống đặc thù" (32). Như Đức Thánh Cha nhắc nhở chúng ta, luật luân lý không phải là một chiếc dùi cui: "vị mục tử không thể cảm nhận rằng đơn giản áp dụng các luật luân lý vào những người đang sống trong 'các hoàn cảnh bất hợp lệ', như thể chúng là những hòn đá để ném vào cuộc sống của người ta, là đã đủ" (33).

Một số người đã sử dụng không đúng các xem xét trên để cho rằng các ngăn cấm tuyệt đối có chấp nhận các ngoại lệ, đặc biệt là khi sự yếu đuối của ý chí hay sự phức tạp của một hoàn cảnh làm cho việc sống theo luật lệ trở nên vô cùng khó khăn. Điều này không đúng.

Đã đành giữ luật khách quan mà thôi không đủ để chứng minh lòng trung thành trọn vẹn đối với Thiên Chúa, nhưng các luật lệ luân lý cũng không phải là các công thức rỗng tuếch được tuân giữ ngay cả khi ý định và tính cách của người ta dừng dừng hoặc thù địch với mục đích của chúng. Như Thánh Phaolô đã nhắc nhở chúng ta, sự hoàn thiện Kitô giáo không phải chỉ là tuân giữ quy tắc, nhưng là sự viên mãn của đức hạnh: "Giả như tôi có nói được các thứ tiếng của loài

người và của các thiên thần đi nữa, mà không có đức mến, thì tôi cũng chẳng khác gì thanh la phèng phèng, chũm choẹ xoang xoảng... Giả như tôi có đem hết gia tài cơ nghiệp mà bố thí, hay nộp cả thân xác tôi để chịu thiêu đốt, mà không có đức mến, thì cũng chẳng ích gì cho tôi" (1 Cr 13: 1, 3). Như Thánh Tôma Aquinô giải thích, hành vi công chính bề ngoài của một người không nhất thiết phải hàm nghĩa họ đã lựa chọn hành vi tốt vì chính hành vi này hoặc do một thiên hướng đức hạnh vững chắc, huông chi là họ đã làm trọn lề luật với sự hoàn hảo của đức ái (34).

Nhưng sự kiện vẫn là: một số hành động bị tuyệt đối cấm, vì, trong bất cứ trường hợp nào, người ta cũng không thể chọn chúng một cách có ý tốt được. Như Thánh Gioan Phaolô II từng giải thích, một số giới răn tích cực, dù không thay đổi và phổ quát, vẫn thừa nhận các phương thế rất khác nhau để thực hiện chúng. Hơn nữa, có những lúc, hoàn cảnh bên ngoài có thể cản trở khả năng của một người, khiến họ không thực hiện được các hành vi tốt. Mặt khác, có các điều răn tiêu cực, hoặc lệnh cấm, có tính ràng buộc phổ quát trong mỗi và mọi hoàn cảnh. Chúng không thừa nhận bất cứ trường hợp ngoại lệ nào và không bao giờ có thể được chọn, bằng bất cứ cách nào hoặc vì lý do nào, nếu muốn "phù hợp với phẩm giá con người" hoặc với "sự tốt lành của ý chí" (35). Hơn nữa, không giống như các điều răn tích cực, hoàn cảnh bên ngoài không bao giờ có thể cản trở một người "không làm một số hành động nào đó", đặc biệt là nếu họ sẵn sàng "chết chứ không làm điều ác" (36). Làm điều tốt, do đó, thừa nhận nhiều tính linh động và nhiều bối cảnh hơn là tránh điều ác, đây là lý do tại sao "Giáo Hội luôn luôn dạy rằng người ta không bao giờ có thể chọn lựa các loại hành vi bị ngăn cấm bởi các giới răn luân lý phát biểu dưới hình thức tiêu cực trong Cựu ước và Tân ước Chính Chúa Giêsu cũng tái khẳng định rằng những điều ngăn cấm không cho phép bất cứ trường hợp ngoại lệ nào: 'muốn bước vào sự sống, người hãy giữ các giới răn Người sẽ không giết người, Người sẽ không ngoại tình'" (37). Hơn nữa, lựa chọn một cách có ý thức các hành động vi phạm các lệnh cấm luân lý tuyệt đối vẫn là điều không được phép, ngay cả khi người ta có một cam kết tổng quát hoặc bao quát đối với điều tốt, điều mà người ta vốn gọi là chọn lựa cơ bản (38). Nghĩa là, có ý định tổng quát làm điều tốt và sống tốt ngay trong khi lựa chọn

các hành động luân lý bất chính trong chính chúng là điều không đủ. Một số hành động không bao giờ được chọn, và "các giới răn luân lý tiêu cực, tức các giới răn không có ngoại lệ", phải được các tín hữu chấp nhận như các nghĩa vụ "được Giáo Hội tuyên bố và giảng dạy nhân danh Thiên Chúa, Đấng Tạo Hóa và là Chúa Tể" (39).

Tuy nhiên, như đã được mô tả suốt trong *Niềm Vui Yêu Thương*, tình hình thực sự ở nhiều xã hội đã đến chỗ các giá trị tổng quát, các luật lệ, các điều kiện kinh tế và các tập tục xã hội đang thay đổi đến nỗi nhiều người thấy mình rơi vào các tình huống và các cuộc kết hợp "bất hợp lệ". Giáo Hội, theo gương sáng và giáo huấn của Chúa, đã cung ứng lòng thương xót. Với người phụ nữ Samaria, Chúa Giêsu "đề cập tới ước muốn của nàng được yêu thương đích thực, để giải phóng nàng khỏi bóng tối đời nàng và đưa nàng đến niềm vui trọn vẹn của Tin Mừng" (40). Đứng trước nhu cầu của nàng, cơn khát yêu thương của nàng, Người đã hiến tặng chính Người, như nước hằng sống (Ga 4:10).

Đồng hành với người yếu đuối trong sự yếu đuối của họ, Chúa Giêsu đã hiến đời Người cho họ và vì họ - Giáo Hội cũng đã làm như thế. Giống như một bà mẹ đầy chăm sóc, "Giáo Hội gần gũi" những người thấy các giáo huấn luân lý về hôn nhân và tình dục là điều khó khăn, những người trong các hoàn cảnh "thường rất gian khó và đôi lúc thực sự bị dày vò bởi những khó khăn đủ loại" (41). Ôn thánh, lòng thương xót và đồng hành là con đường của Giáo Hội khi chăm sóc mọi người, vì Chúa Giêsu là Mục Tử Tốt Lành, Đấng không muốn để bất cứ ai bị lạc mất.

Đồng thời, Giáo Hội, vì là một Bà Mẹ, nên cũng là một Bà Giáo "không mệt mỏi công bố qui luật luân lý vốn có nhiệm vụ hướng dẫn việc lưu truyền sự sống một cách có trách nhiệm. Giáo Hội không hề là tác giả hoặc trọng tài của qui luật này. Vâng theo sự thật là chính Chúa Kitô, Đấng mà hình ảnh được phản chiếu trong bản chất và phẩm giá của con người nhân bản, Giáo Hội đã diễn giải qui luật luân lý và đề xuất nó với mọi người thiện chí, không che giấu các đòi hỏi triệt để và hoàn hảo của nó" (42). Là Bà Giáo và là Bà Mẹ, "Giáo Hội không bao giờ ngưng việc khuyên nhủ và khuyến khích mọi người

giải quyết bất cứ khó khăn có thể phát sinh nào của vợ chồng mà không làm sai lệch, hay xâm phạm đến sự thật Bởi thế, phương pháp sư phạm cụ thể của Giáo Hội phải luôn luôn ở thể liên kết với giáo lý của mình và không bao giờ được tách rời khỏi nó" (43). Trong lời giáo huấn đầy kiên nhẫn của mình, Giáo Hội tuân theo "luật tiệm tiến" (law of gradualness), vì biết rằng người ta lớn lên qua nhiều giai đoạn trong khả năng biết, yêu mến và thực hành các sự thiện luân lý (44). Tuy nhiên, đối với lệnh cấm tuyệt đối, luật tiệm tiến "không phải là 'sự tiệm tiến của luật' (gradualness of law)... Vì luật chính là một hồng phúc của Thiên Chúa dùng để chỉ đường, một hồng phúc dành cho mọi người không trừ ai; nó có thể được tuân giữ với sự giúp đỡ của ơn thánh, mặc dù mỗi một con người 'tiến bộ từ từ với sự tích hợp tiệm tiến các hồng phúc của Thiên Chúa " (45). Điều bị cấm là bị cấm đối với mọi người, trong mọi hoàn cảnh.

Lạm dụng Thứ Ba: Sự yếu đuối của con người miễn chức họ khỏi thi hành mệnh lệnh của Thiên Chúa

Với lòng thương xót chân chính, Đức Thánh Cha khuyến chúng ta "rao giảng lòng thương xót của Thiên Chúa, vốn là trái tim đang đập của Tin Mừng, một lòng thương xót, theo cách riêng của nó, phải thâm nhập vào tâm trí và trái tim mọi người" (46). Chúng ta không thể quên được sự mỏng dòn và yếu đuối của con cái Thiên Chúa, hoặc như các Nghị Phụ đã mô tả một cách thực tiễn "trong một số hoàn cảnh, người ta thấy rất khó có thể hành động cách khác. Vì vậy, trong khi duy trì một qui luật tổng quát, điều cần thiết là phải nhìn nhận rằng trách nhiệm đối với một số hành động hay quyết định nào đó không như nhau trong mọi trường hợp" (47).

Dù việc chăm sóc mục vụ chân chính luôn đồng hành với người ta trong các đau khổ và yếu đuối của họ, một số người đã sử dụng sai việc Tông Huấn nhấn mạnh một cách chính đáng tới luận lý học của lòng thương xót để cho rằng hành vi sai lầm một cách khách quan có thể được chấp nhận, thậm chí có khi còn được thánh hóa nữa, nếu một người nào đó tự phán đoán rằng mình không thể nào làm khác đi được. Không những chủ trương này áp dụng sai các nhân tố giảm khinh đối với trách nhiệm chủ quan, mà nó còn tước hết sức mạnh của

thập giá. Chủ trương rằng các cá nhân không thể thay đổi cung cách của họ là tương đương như phủ nhận hiệu quả và sức mạnh của ơn thánh, phủ nhận rằng Thiên Chúa có thể làm những gì Người đã hứa.

Luật luân lý không xa lạ và cũng không thù nghịch đối với hạnh phúc và các khả năng của con người. Luật luân lý tự nhiên là một luật nội tại, luật của bản nhiên chúng ta, và các đòi hỏi của nó, dù có thách thức bao nhiêu, vẫn phù hợp với các khả năng tự nhiên của chúng ta và hướng tới việc thực hiện trọn vẹn các mơ ước sâu xa nhất của chúng ta: "Vì trật tự luân lý tỏ lộ và trình bày các kế hoạch của Thiên Chúa Tạo Hóa, vì lý do này, nó không thể là một điều gì đó gây tổn hại đến con người, một điều gì đó vô tình. Ngược lại, nhờ biết đáp ứng các yêu cầu sâu xa nhất của con người như đã được Chúa tạo dựng, nó tự đặt mình vào việc phục vụ nhân tính đầy đủ của người đó bằng tình yêu tinh tế và ràng buộc qua đó chính Thiên Chúa linh hứng, nâng đỡ và hướng dẫn mọi sinh vật tới hạnh phúc của họ" (48).

Hơn nữa, không chỉ nhờ tự nhiên nhưng còn nhờ ơn thánh mà gia đình và cuộc sống hôn nhân được nâng đỡ và tăng cường. Đối với người đã rửa tội, hôn nhân là một bí tích và mang theo nó ơn thánh bí tích và ơn thánh của bậc sống để hỗ trợ, củng cố và hoán cải: "Bằng cách tiếp nhận thực tế nhân trần của tình yêu giữa vợ và chồng trong mọi hệ luận của nó, bí tích [hôn nhân] ban cho các cặp vợ chồng và các cha mẹ Kitô hữu sức mạnh và cam kết sống ơn gọi của họ ... và họ nhận được cả một mệnh lệnh mà họ không thể bỏ qua lẫn một ơn thánh có thể nâng đỡ và kích thích họ" (49).

Vì lòng tốt dư tràn của Người, Thiên Chúa đã không ra lệnh từ xa, nhưng luôn đồng hành với chúng ta, cung cấp sự hỗ trợ đầy nhân từ cho mọi người đang cần tới. Chúa Kitô là thầy thuốc tuyệt vời, Đấng mục tử tốt lành, và là anh trai của chúng ta, người cũng bị cám dỗ như chúng ta, và công đức của Người có thể trở thành công đức của chúng ta. Vì điều này, lề luật là "một hồng phúc cho mọi người không trừ ai ... [và] có thể được tuân giữ với sự giúp đỡ của ơn thánh" (50).

Chỉ vì sự hỗ trợ nhân từ của Thiên Chúa luôn sẵn có, nên Giáo Hội mới dạy ta luật tiệm tiến và thận trọng xác định ra các yếu tố giảm

khinh trong việc qui tội bản thân. Nếu một người nào đó không thể lớn lên, cả do bản nhiên lẫn do ơn thánh, thì chúng ta không thể nói tới sự tiệm tiến trong việc họ phát triển về trách nhiệm, kiến thức và tình yêu. Nếu ơn thánh không có đó để hỗ trợ họ, họ sẽ bị sa lầy trong tội lỗi, không thể làm cách khác, mà không có tự do hoán cải. Họ sẽ không được tự do và cả ơn thánh lẫn lòng thương xót cũng như tha thứ sẽ không có sẵn đó cho họ, vì họ không phải là loại hữu thể có thể được cung hiến các hồng phúc này. Những hữu thể nào chỉ hoạt động theo bản năng hoặc thúc ép tự nhiên không có khả năng có các hành động tự nguyện, là những hành động có thể được tha thứ hay được ơn thánh hỗ trợ - những hữu thể như vậy không cần đến lòng thương xót cứu độ. Nếu một ai đó không bao giờ có thể cải hoán, thì ơn thánh sẽ bất lực, không cần thiết, và không liên quan. Con người nhân bản, vì được tạo dựng theo hình ảnh của Thiên Chúa, nên "có khả năng tự nhận thức, tự sở hữu mình và tự cho chính mình đi và bước vào sự hiệp thông với người khác. Và họ được ơn Chúa mời gọi bước vào giao ước với Đấng Tạo Hóa của mình, dâng cho Người một đáp ứng đức tin và tình yêu mà không một tạo vật nào khác có thể làm thay cho họ" (51).

Thành thử, dù Giáo Hội có theo luận lý học của lòng thương xót đối với tất cả những ai đang đấu tranh với sự yếu đuối, nhưng gán bắt cứ ai vào số tất yếu phải yếu đuối và không thể làm khác đi là phủ định luận lý học của lòng thương xót: "Trong mọi hoàn cảnh, khi xử sự với những người gặp khó khăn trong việc sống trọn lề luật của Thiên Chúa, lời mời gọi theo đuổi con đường bác ái (via caritatis) phải được nghe thấy rõ ràng" (52). Lời mời gọi sống trong sự hoàn thiện của tình yêu không những được ngỏ với mọi người trong mọi tình huống, nhưng nó còn được ngỏ một cách trọn vẹn: "không có cách nào khiến Giáo Hội phải từ khước việc đề xuất lý tưởng trọn vẹn của hôn nhân, kế hoạch của Thiên Chúa, trong mọi nét cao cả của nó Thái độ thờ ơ, bất cứ thứ tương đối thuyết nào, hoặc một sự dè dặt quá đáng nào trong việc đề xuất lý tưởng đó, đều là thiếu trung thành đối với Tin Mừng và cũng thiếu yêu thương về phía Giáo Hội " (53).

Niềm Vui Yêu Thương trung thực và mạnh dạn mô tả các khó khăn nghiêm trọng mà các gia đình và các cuộc hôn nhân trong thời đại

chúng ta đang phải đối đầu, không bao giờ gián giấy lên các thách thức hoặc đưa ra một sự lạc quan giả tạo. Tin Mừng không bao giờ xa rời thực tế, vì nó luôn luôn phụ thuộc vào sáng kiến và hành động của Thiên Chúa, nhờ Người, chúng ta có khả năng làm được mọi sự. Lòng hy vọng theo Kitô giáo, không giống như chủ nghĩa lạc quan, đặt "niềm tin thác của chúng ta vào các lời hứa của Chúa Kitô và không dựa vào sức mạnh của chúng ta, mà dựa vào sự giúp đỡ của ơn Chúa Thánh Thần" (54). Dựa trên niềm hy vọng này, chúng ta biết rằng "Nhan thánh Chúa ngự trong các gia đình chân thực và cụ thể, với tất cả những rắc rối và tranh đấu, niềm vui và hy vọng hàng ngày của họ" (55). Ơn thánh luôn sẵn có đó, cũng như sự tự do của bản chất chúng ta, và sẽ luôn hợp lòng thương xót khi biết tìm kiếm sự trợ giúp của Thiên Chúa, ngay trong các hoàn cảnh khó khăn nhất, vì không có điều gì có thể tách chúng ta ra khỏi tình yêu của Thiên Chúa (Rm 8: 38-39).

Kết luận: Các hình ảnh đích thực và sống động

Các giáo huấn luân lý của Giáo Hội về hôn nhân, gia đình, và tình dục đã rất thường xuyên bị mô tả bằng ngôn ngữ chính sách và luật lệ, đặc biệt trong các cuộc tranh cãi cuồn cuộn nhiệt của truyền thông chung quanh các Thượng Hội Đồng năm 2014 và năm 2015 và việc công bố *Niềm Vui Yêu Thương*. Dù có một phần sự thật trong đó, nhưng người ta phải nhớ rằng giáo huấn của Giáo Hội, xét cho cùng, luôn nói về Tin Mừng Cứu Độ tìm thấy nơi Chúa Giêsu Kitô. Vẻ đẹp và phẩm giá của hôn nhân như nó đã đến với chúng ta từ bàn tay Đấng Tạo Hóa và được mạc khải trong Kinh Thánh và Thánh Truyền của Giáo Hội là "một Tin Mừng trong chính nó, một Tin Mừng cho thế giới hôm nay, đặc biệt cho thế giới phi Kitô Giáo" (56).

Vì sự thật của hôn nhân bắt nguồn từ bản chất con người như Thiên Chúa đã tạo nên, và vì bí tích hôn phối được Chúa Kitô nâng lên hàng một bí tích làm dấu chỉ cho tình yêu của Người đối với Giáo Hội, nên đời sống hôn nhân và đời sống gia đình sẽ được hiểu đúng nhất qua Tin Mừng, qua đời sống thánh thiện, cái chết và sự phục sinh của Chúa chúng ta, và lời Người mời gọi ta tham dự vào cùng đời sống ấy. "Nếu gia đình lấy Chúa Kitô làm trung tâm, Người sẽ thống nhất

hóa nó và soi sáng toàn bộ cuộc sống của nó. Các khoảnh khắc đau đớn và khó khăn sẽ được trải nghiệm trong sự hợp nhất với thập giá của Chúa, và sự gắn gũi của Người sẽ làm cho gia đình có khả năng vượt qua chúng" (57). Gia đình là hình ảnh đích thực và sống động của sự hiệp thông và sự nhân từ của Thiên Chúa, một lời công bố đẹp đẽ và một chứng tá cho mọi người nhìn thấy.

Lạm dụng *Niềm Vui Yêu Thương* để hỗ trợ cho các chủ trương lầm lạc đã được nhận diện trên đây không phải chỉ vi phạm lý lẽ, luật luân lý tự nhiên, Thánh Kinh, giáo huấn của Chúa chúng ta, và giáo huấn liên tục cũng như Truyền Thống của Giáo Hội, nó còn làm ngơ Tin Mừng nữa.

Người phụ nữ bị bắt quả tang ngoại tình không bị Chúa Giêsu kết án (Ga 8: 1-11). Nếu nàng bị kết án, thì tất cả chúng ta đều bị kết án. Nhưng sẽ không có hy vọng, nếu Chúa Giêsu không làm gì khác hơn là tự chế, không lên án nàng, vì nàng sẽ sa lầy trong tội ngoại tình và tội lỗi của nàng, sa đọa trong bất hạnh và các ước muốn không được thỏa mãn. Chúa Giêsu đã làm nhiều hơn thế. Cử chỉ thương xót mạnh mẽ của Người đã mở cánh cửa trái tim nàng đón nhận sự hoán cải. Cử chỉ này mở đôi tai để nàng nghe lời khuyên của Người: "Hãy đi, và từ giờ trở đi, đừng phạm tội nữa". Điều Chúa Giêsu ra lệnh cho nàng làm là điều có thể làm được. Nó là mệnh lệnh phải từ bỏ cuộc sống tội lỗi để sống một cách biết tôn vinh lòng thương xót Người đã tỏ cùng nàng. Vì mệnh lệnh của Người, mà có lòng hy vọng, và lòng thương xót có thể đạt được mục tiêu cứu rỗi nơi nàng. Lòng thương xót mở cửa cho sự thật, và sự thật của cuộc sống mới trong Chúa Kitô sẽ giải phóng nàng. Khi mô phỏng Chúa Giêsu, Giáo Hội cố gắng cung cấp cùng một lòng thương xót, cùng một sự thật, và cùng một niềm hy vọng cho mọi người.

Ghi Chú

- 1 Đức Giáo Hoàng Phanxicô, *Niềm Vui Yêu Thương*, 11.
- 2 Đã dẫn.
- 3 Đã dẫn.
- 4 Đã dẫn.

- 5 Đã dẫn., 291; Trích *Relatio Synodi* 2014, 28.
- 6 Đã dẫn., 86.
- 7 Đã dẫn., 7.
- 8 *Dei Verbum*, Hiến Chế Tín Lý về Mạc Khải Thiên Chúa, Công Đồng Vatican II, 7
- 9 *Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo*, 84–85.
- 10 Đã dẫn., 86; Trích *Dei Verbum*, 10.
- 11 *Dei Verbum*, 8.
- 12 Thánh Vincent đê Lérins, *Commonitorium*, 23.
- 13 John Henry Newman, *Tiểu luận về Sự Phát Triển của Tín Lý Kitô Giáo*, 1845, II. 5.
- 14 *Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo*, 1640.
- 15 Đã dẫn., 1639, 1640.
- 16 Đã dẫn., 1776; Trích *Gaudium et Spes*, 16.
- 17 *Niềm Vui Yêu Thương*, 267; Trích *Gaudium et Spes*, 17.
- 18 Đã dẫn., 303.
- 19 *Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo*, 1792, 1793.
- 20 Gioan Phaolô II, *Veritatis Splendor*, 56.
- 21 *Niềm Vui Yêu Thương*, 37.
- 22 Gioan Phaolô II, *Veritatis Splendor*, 64.
- 23 *Niềm Vui Yêu Thương*, 37.
- 24 Đã dẫn., 303.
- 25 Đã dẫn., 264, 267.
- 26 Đã dẫn., 267.
- 27 *Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo*, 1777.
- 28 Gioan Phaolô II, *Veritatis Splendor*, 117.
- 29 Gioan Phaolô II, *Familiaris Consortio*, 33; Trích *Humanae Vitae*, 29.
- 30 Gioan Phaolô II, *Veritatis Splendor*, 116.
- 31 *Niềm Vui Yêu Thương*, 302.
- 32 Đã dẫn., 304.
- 33 Đã dẫn., 305.
- 34 Thánh Tôma Aquinô, *Summa Theologica* I-II 100. 9, 10; cf. *Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo*, 1826, 1827.
- 35 Gioan Phaolô II, *Veritatis Splendor*, 52.
- 36 Đã dẫn.
- 37 Đã dẫn.

- 38 Đã dẫn., 65–68.
 39 Đã dẫn., 76.
 40 *Niềm Vui Yêu Thương*, 294.
 41 Gioan Phaolô II, *Familiaris Consortio*, 33.
 42 Đã dẫn.
 43 Đã dẫn.
 44 *Niềm Vui Yêu Thương*, 295; Trích *Familiaris Consortio*, 34.
 45 Đã dẫn., 295; Trích *Familiaris Consortio*, 9.
 46 Đã dẫn., 309; Trích *Misericordiae Vultus*, 12.
 47 Đã dẫn., 302.
 48 Gioan Phaolô II, *Familiaris Consortio*, 34.
 49 Đã dẫn., 47.
 50 *Niềm Vui Yêu Thương*, 295.
 51 *Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo*, 357.
 52 *Niềm Vui Yêu Thương*, 306.
 53 Đã dẫn., 307.
 54 *Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo*, 1817.
 55 *Niềm Vui Yêu Thương*, 315. 56 Đức Giáo Hoàng Benedict XVI, *Bài Giảng Khai Mạc Thượng Hội Đồng Giám Mục về Tân Phúc Âm Hóa*, Ngày 7, Tháng 10 Năm 2012.
 57 *Niềm Vui Yêu Thương*, 317.

12. Chung quanh vụ bốn hồng y hoài nghi Đức Giáo Hoàng

Fri, 02/12/2016 - 02:22

Tác giả: [Vũ Văn An](#)

Đến nay, ai cũng biết vụ bốn vị Hồng Y, trong đó, có Đức Hồng Y Burke của Hoa Kỳ, công bố bức thư gửi cho Đức Giáo Hoàng Phanxicô yêu cầu ngài giải thích rõ một số điểm hoài nghi (dubia) của các ngài về tông huấn *Niềm Vui Yêu Thương*, sau khi bị Đức Giáo Hoàng từ khước việc trả lời. Ở đây, chúng tôi sẽ không đi vào nội dung bức thư vì các độc giả của vietcatholic.net đã am hiểu cả rồi. Chúng tôi chỉ phiếm chuyện quanh vụ này mà thôi.

Đe dọa và cay đắng

Việc đầu tiên là vị chủ tịch Toà Thượng Thẩm Rôma (Roman Rota), một Tòa đường như chỉ chuyên về các vụ án hôn nhân, lên tiếng cho rằng rất có thể Đức Phanxicô sẽ tước bỏ mũ đỏ của bốn vị này. Lý do: đã hoài nghi giáo huấn của Đức Giáo Hoàng dù giáo huấn này không hề trái ngược học lý Công Giáo truyền thống. Dù vị chủ tịch này thậm trọng cho hay: rất có thể thôi, chứ Đức Giáo Hoàng chưa có quyết định này, nhưng người ta thấy “dự đoán” này khá nặng ký.

Thực vậy, Đức Cha Pio Vito Pinto nhận định rằng bốn vị Hồng Y Raymond Burke, Walter Brandmüller, Carlo Caffarra, và Joachim Meisner rất có thể bị phạt vì đã gây “tai tiếng lớn” qua việc hoài nghi việc giải thích một văn kiện giáo hoàng. Việc hoài nghi này không thích đáng vì văn kiện này phản ảnh công trình của Thượng Hội Đồng Giám Mục về Gia Đình: “Người ta không thể hoài nghi hành động của Chúa Thánh Thần”.

Nhận định trên được đưa ra trong một hội nghị ở Tây Ban Nha. Đức Cha Pinto cho biết thêm: dù Đức Giáo Hoàng không trực tiếp trả lời thư của bốn vị Hồng Y, nhưng ngài đã gián tiếp trả lời rằng: “các vị chỉ thấy đen và trắng, trong khi có những màu lẫn lộn trong Giáo Hội”.

Linh Mục Sparado, Dòng Tên, mà có người cho là người đọc rõ tư duy của Đức Phanxicô, cũng cho rằng: Đức Phanxicô đã trả lời cho bốn vị rồi. Bởi vì các câu hoài nghi này đã từng được nêu ra ngay trong Thượng Hội Đồng Giám Mục về Gia Đình. Và “tất cả các câu trả lời cần thiết đã được đưa ra hơn một lần”.

Cha Spadaro còn cay đắng cho rằng “một lương tâm hoài nghi có thể dễ dàng tìm được mọi câu trả lời nó tìm kiếm, nếu nó tìm kiếm chúng một cách thành thực”.

Vị linh mục này nói thêm: “Niềm Vui Yêu Thương” mở ra một cuộc tranh luận quan trọng, có thể rất hữu ích cho Giáo Hội, ngoại trừ đối với “những ai sử dụng chỉ trích vì các mục đích khác hay hỏi những câu hỏi nhằm tạo ra khó khăn hay chia rẽ”.

Nhận định nói trên của Linh mục Sparado được CNN phổ biến ngày 28 tháng Mười Một.

Là quyền lợi và nghĩa vụ

Tuy nhiên, các đe dọa mặc nhiên và các phản ứng cay đắng trên vẫn không làm Đức Hồng Y George Pell của Úc và Đức Cha Jozef Wrobel của Ba Lan tiếp tục lên tiếng ủng hộ bốn vị Hồng Y “hoài nghi”.

Thực vậy, tiếp theo một bài diễn văn tại London, Đức Hồng Y Pell được người ta hỏi liệu ngài có đồng ý với bốn vị Hồng Y lên tiếng hoài nghi Đức Giáo Hoàng Phanxicô và ngài đã trả lời: “Làm thế nào bạn lại có thể bất đồng với một câu hỏi?” nhất là khi các câu hỏi này có tính “quan trọng”.

Trong bài diễn văn, Đức Hồng Y Pell nói khá chi tiết về cách hiểu đúng đắn thái độ của lương tâm đối với luận luân lý. Dù thừa nhận tình tối thượng của lương tâm, nhưng như chân phúc John Newman từng nhấn mạnh, ta phải lưu ý tới “sự giả mạo đáng thương” của lương tâm, một thứ giả mạo chuyên cô vũ “quyền của ý riêng”.

Theo ngài, lương tâm phải được thông tri thích đáng. “Khi một linh mục và một hôn nhân cố gắng biện phân cách tốt nhất để đi tới, trong điều gọi là tòa trong”, thì họ luôn phải tham chiếu các lề luật luân lý do Giáo Hội qui định. “Ý niệm cho rằng bạn có thể tùy cơ biện phân luật luân lý nào không nên theo hoặc không nên nhìn nhận là điều phi lý”.

Đức Hồng Y Pell nhận định một cách sắc cạnh rằng người Công Giáo đôi khi được khuyên phải theo lương tâm của họ về các vấn đề thuộc luân lý tính dục. Ngài nói: có điều, một lời khuyên như thế thường lại không được đưa ra đối với những người nuôi dưỡng các thái độ kỳ thị chủng tộc hay những người bác bỏ nghĩa vụ trợ giúp người nghèo.

Đối với những người lưu tâm tới việc hiểu biết giáo huấn của Giáo Hội về các vấn đề luân lý, Đức Hồng Y Pell mạnh mẽ đề nghị nên đọc *Veritatis Splendor* (Ánh Sáng Chân Lý) và *Evangelium Vitae* (Tin Mừng Sự Sống), hai “thông điệp vĩ đại” của Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II. Các nhà phê bình Đức Giáo Hoàng Phanxicô vốn nhận định rằng hai thông điệp này phần lớn bị làm ngơ trong Niềm Vui Yêu Thương.

Đức Hồng Y Pell cho rằng nhiều tín hữu Công Giáo “mất bình tĩnh” trước các khai triển gần đây bên trong Giáo Hội. Ngài nói rằng điều này là hậu quả của việc mơ hồ lẫn lộn khá phổ biến đối với thẩm quyền của luật luân lý.

Trong khi đó, Đức Cha Jozef Wrobel cho hay: “Điều chính đáng là trả lời” bốn vị Hồng Y, những người không hề tranh biện về thẩm quyền của Đức Giáo Hoàng, mà chỉ yêu cầu được minh xác về văn kiện. “Điều hiển nhiên cần phải làm là trả lời các vị”.

Trong một bài phỏng vấn đăng trên nhật báo của Ý La Fede Quotidiana, Đức Cha Wrobel nói rằng ngài có thiện cảm đối với các mối quan tâm của bốn vị Hồng Y về tông huấn: “Niềm Vui Yêu Thương không được viết khéo lắm”. Nó mơ hồ, có thể vì viết về quá nhiều điều một cách quá vội vã, không phân tích nội dung và các hậu quả thực tiễn có thể có của nó. Câu hỏi này cần được đặt ra cho Vatican và các cộng sự viên vốn được Đức Giáo Hoàng tin cậy. Biên tập bản văn như thế này một cách vội vã không hề phục vụ tốt cho Giáo Hội”.

Đức Cha Wróbel là giám mục phụ tá của giáo phận Lublin, và hiện giảng dạy môn đạo đức sinh học tại Đại Học Lublin. Ngài cho rằng các vị Hồng Y này chỉ thi hành đúng đắn điều được Bộ Giáo Luật dự trù. “Tôi nghĩ đây không những là một quyền lợi mà hơn nữa còn là một nghĩa vụ”. Bởi vì trong mấy tháng qua đã có những nhà thần học, các linh mục và cả các giám mục giải thích khác nhau và ngược nhau về ý nghĩa của văn kiện này.

Đức Cha Wróbel nhận định rằng không trả lời các vị là điều không chính đáng. “Các ngài không hỏi về thời tiết ngày mai, nhưng về những câu hỏi liên quan đến tín lý Giáo Hội và do đó đến các tín hữu của Giáo Hội”. Do đó, trả lời là vấn đề thuộc đức ái. “Tính tối thượng của đức ái bắt đầu với những người gần gũi mình nhất”.

13. Đức Hồng Y Muller tuyên bố việc sửa sai Đức Phanxicô sẽ không có vào lúc này

Tue, 10/01/2017 - 07:25

Tác giả: [Vũ Văn An](#)

Vị đứng đầu lo về tín lý của Vatican tin rằng việc Đức Hồng Y Raymond Burke đe dọa sẽ công bố một sự "sửa sai huynh đệ" đối với Đức Giáo Hoàng Phanxicô còn lâu mới diễn ra bởi vì bất chấp những gì vị giáo phẩm Hoa Kỳ này nói, văn kiện giáo hoàng *Amoris Laetitia* về gia đình, trên thực tế, rất rõ ràng về tín lý.

Nói về lá thư “dubia” mà Đức Hồng Y Burke và ba vị Hồng Y khác gửi cho Đức Giáo Hoàng vào cuối năm 2016, thúc giục ngài trả lời một số câu hỏi có hoặc không liên quan đến *Amoris Laetitia* và các quy định của nó đối với người Công Giáo ly dị và tái hôn dân sự, Đức Hồng Y người Đức Gerhard Muller, người đứng đầu Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin, thừa nhận rằng mọi người "nhất là các Hồng Y" có quyền viết thư cho Đức Giáo Hoàng.

Tuy nhiên, Đức Hồng Y Muller nói thêm, "Tôi ngạc nhiên khi việc này trở thành công khai, cơ bản là buộc Đức Giáo Hoàng phải nói ‘có’ hoặc ‘không’. Tôi không thích việc này".

Bức thư được dự định như một việc riêng tư, nhưng khi Đức Giáo Hoàng Phanxicô từ chối trả lời các câu hỏi, các vị Hồng Y đã đưa nó cho báo chí, chỉ một vài ngày trước mật nghị hội hồi tháng Mười để thiết lập các tân Hồng Y.

Về sự sửa sai chính thức có thể có mà Đức Hồng Y Burke cho biết ngài sẵn sàng làm nếu Đức Giáo Hoàng tiếp tục từ chối trả lời các câu hỏi đã được đệ trình hội tháng Chín năm ngoái, Đức Hồng Y Muller tuyên bố rằng "vào lúc này, điều đó không thể xảy ra, vì nó đâu có liên quan gì đến một môi nguy hiểm đối với đức tin như Thánh Tôma nói".

Đức Hồng Y Muller cho rằng: *Amoris Laetitia*, mà một số người tin là đưa ra một sự cởi mở thận trọng để người Công Giáo ly dị và tái hôn dân sự được rước lễ, "hết sức rõ ràng về tín lý của nó và chúng ta có

thể giải thích toàn bộ giáo huấn của Chúa Giêsu về hôn nhân, toàn bộ giáo huấn của Giáo Hội trong 2000 năm lịch sử".

Những lời lẽ trên của vị giáo phẩm được đưa ra nhân dịp ngài nói chuyện với chương trình truyền hình Ý Tgcom24 vào ngày Chúa Nhật, hơn một tháng sau khi ngài nói với trang mạng của Đức Kathpress rằng Văn Phòng của ngài không có vai trò nào để "Tham gia vào cuộc tranh cãi ý kiến", ngoại trừ lên tiếng với sự cho phép của Đức Giáo Hoàng.

Trong cuộc phỏng vấn hôm Chúa Nhật, Đức Hồng Y Muller cũng cho biết: Đức Phanxicô "yêu cầu biện phân tình trạng của những người hiện đang sống trong các cuộc kết hợp không hợp lệ, nghĩa là, không phù hợp với giáo huấn của Giáo Hội về hôn nhân, và yêu cầu giúp những người này tìm được một nẻo đường để họ được tái hội nhập vào trong Giáo Hội tùy theo các điều kiện của bí tích, sứ điệp Kitô giáo về hôn nhân".

Theo vị giáo phẩm người Đức, được bổ nhiệm đứng đầu bộ tín lý của Vatican bởi Đức Bênêđictô XVI, không hề có sự chống chọi: "Một mặt chúng ta có giáo huấn rõ ràng về hôn nhân, và mặt khác, Giáo Hội có nghĩa vụ phải lo lắng cho những người đang sống trong các khó khăn này".

Đức Hồng Y Muller cũng trả lời nhiều câu hỏi về các vấn đề khác, như các nhận định của Đức Phanxicô đã đưa ra trước đó trong ngày, liên quan tới việc phụ nữ có quyền cho con bú ở nơi công cộng - kể cả ở trong nhà thờ, và cuốn sách mới nhất của ngài, Đức Bênêđictô XVI và Đức Phanxicô, Các Người Kế Vị Thánh Phêrô trong Việc Phục Vụ Giáo Hội.

Đức Hồng Y Muller nói: "Đức Giáo Hoàng Phanxicô nói khá nhiều về di sản, nền thần học, việc công bố Tin Mừng của Đức Giáo Hoàng [hưu trí] Bênêđictô XVI, đặc biệt khi ngài nói rằng" truyền giáo không phải là cải đạo, nó muốn thu hút người ta cho Chúa Giêsu Kitô".

Khi được hỏi về xu hướng phổ biến người ta hay so sánh Đức Phanxicô và người tiền nhiệm của ngài, Đức Hồng Y cho rằng làm

thể là "đi ngược lại đức tin Công Giáo", vì cả hai vị giáo hoàng đều là "các ơn phúc dành cho Giáo Hội" mỗi vị có những kinh nghiệm khác nhau và các nền văn hóa khác nhau.

14. Nhận định của một chuyên viên tác phong di truyền học về Tông Huấn Niềm Vui Yêu Thương

Tue, 31/01/2017 - 12:50

Tác giả:

[Vũ Văn An](#)

Những vị hết lòng bên vực Đức Phanxicô trong cuộc tranh luận về Tông Huấn Niềm Vui Yêu Thương hiện nay dường như muốn nhấn mạnh rằng diễn trình ra quyết định của ngài đã kết thúc. Nó khởi đầu bằng cách đặt ra những câu hỏi khó khăn (mục vụ gia đình hiện đại), tiếp theo là suy tính dựa vào việc tham khảo rộng rãi càng nhiều tâm trí càng hay (hai thượng hội đồng) và cuối cùng tin tưởng đưa ra quyết định (Niềm Vui Yêu Thương).

Nổi bật trong diễn trình trên là ý niệm đối thoại cởi mở dựa vào tính thượng hội đồng (synodality) đã có từ ngàn xưa trong lịch sử Giáo Hội. Nhưng nếu đã gọi là đối thoại cởi mở, thì cuộc đối thoại này khó lòng có thể bị giới hạn vào thời gian nhất là khi những vị như linh mục Sparado hay ký giả Loughlin cho rằng Đức Phanxicô không dùng GPS để tìm đường mà là theo lối cũ "mò mẫm" từng bước để tìm đường và đã gọi là một diễn trình có thực chất thì khó có thể có kết thúc.

Thành thử, sau Niềm Vui Yêu Thương, nhiều người vẫn tiếp tục cuộc đối thoại chứ không theo lẽ lối cũ là Rôma đã nói, thì không ai còn nói gì được nữa, một lẽ lối mà các vị bên vực Đức Phanxicô triệt để đã kích.

Trong tinh thần ấy, Hilary Towers, ngày 29 tháng Giêng, đã đặt câu hỏi: Tại sao những người Công Giáo không thoải mái với Niềm Vui

Yêu Thương không phải là những người bất thuận (dissenter)? Tác giả bài viết có học vị tiến sĩ và là một nhà tâm lý học về phát triển, có gia đình và 5 đứa con. Bà thực hiện cuộc tìm tòi để viết luận án tiến sĩ của mình tại Trung Tâm Nghiên Cứu Gia Đình của Đại Học George Washington ở Washington D.C., nơi bà chú trọng tới việc phân tích tác phong di truyền trong các nhân tố thích ứng cá nhân và các liên hệ hôn nhân và làm cha mẹ.

Trích dẫn Giêrêmia 31:31-32, tác giả này cho hay ẩn dụ hôn nhân đã được sử dụng khắp trong bộ Thánh Kinh để mô tả tấm tình của Thiên Chúa đối với con người, và tấm tình của Đức Kitô đối với Giáo Hội: luôn trung trinh với người yêu dù người yêu bất tín.

Vì là một chuyên gia về tác phong di truyền, Towers cho rằng ẩn dụ trên là một dụng cụ bẩm sinh (built-in) để cha mẹ truyền giảng Tin Mừng cho con cái, bất luận cuộc hôn nhân của họ có bất toàn bao nhiêu đi chăng nữa. Và bà tự hỏi chuyện gì sẽ xảy ra nếu càng ngày càng ít các cha mẹ làm gương về Tin Mừng Gia Đình này cho con cái?

Và bà tự trả lời: điều chắc là thế hệ kế tiếp sẽ hoài nghi về vị Thiên Chúa trung trinh. Hôn nhân trở thành phương tiện để thỏa mãn tính dục và xúc cảm. Làm tình bị tách biệt khỏi sinh sản. Đàn ông dùng đàn bà. Đàn bà dùng đàn ông. Đàn bà vứt bỏ con chưa sinh và con sơ sinh. Phần lớn người ta sẽ hồ đồ về phái tính và sau đó là vai trò giới tính.

Giáo Hội dường như cũng đang chơi với việc liệu có còn là một chủ trương đầy yêu thương hay không khi đòi mọi cặp vợ chồng, chứ không phải chỉ là đa số các cặp vô chồng, phải trung thành với nhau suốt đời. Không phải chỉ trong những lúc an vui, mà còn cả trong các cơn giông bão. Và có lẽ quan trọng hơn cả là sau các cơn giông bão.

Khi một hay cả hai người phối ngẫu chuyển tới sống với người bạn đời hay cuộc hôn nhân mới, điều còn lại là cuộc hôn nhân thứ nhất tuy vẫn hiện hữu ở thời vĩnh cửu nhưng đã bị tuyên phán là chết bởi chính các chứng tá của lời thề kết hôn, những người được ủy thác việc bảo

vệ nó ở trần gian này.

Các người trưởng thành trong nền văn hóa hiện nay của ta thường xuyên nói tới nỗi đau đớn của ly dị; nỗi đau khổ của con cái những người ly dị thì ít khi là tập chú minh nhiên trong các quan ngại của chúng ta. Các biên bản Thượng Hội Đồng Giám Mục và Tông Huấn Niềm Vui Yêu Thương cũng thế thôi.

Và liệu thuốc giả hiệu xuất hiện rất nhanh với viễn ảnh một khởi đầu mới: bằng cả tâm trí, thể lực, xúc cảm và tài chánh, việc bước ra khỏi cơn thống khổ của cuộc đấu tranh hay phản bội hôn nhân dường như sẽ đem lại cho chúng ta hy vọng, do đó, ta nên tự hướng về những mơ tưởng của một tình yêu mới, không còn đau khổ, trái lại đầy thơ mộng tươi mát. Điều này xem ra giúp người thân yêu của ta cảm thấy như tìm lại được hạnh phúc, vậy, nên khuyến khích họ bước ra khỏi cuộc hôn nhân đầu.

Trong ngữ cảnh ấy, cuộc hôn nhân suốt đời xem ra như một gánh nặng, chứ không phải một hồng phúc, chỉ được một số ít những người háo hức mới đạt tới. Không còn nữa câu hỏi mục vụ: làm thế nào ta có thể phục hồi và giúp hòa giải một liên hệ hôn nhân đã đổ vỡ? Thay vào đó, là câu hỏi: làm thế nào để tình thế của cặp này miễn chức họ khỏi phải tuân theo sự khôn ngoan của Giáo Hội trong vấn đề này, một sự khôn ngoan chỉ nhằm phục vụ hạnh phúc và phúc lợi của họ ở đời này và ở đời sau?

Trước tình thế trên, Towers cho rằng vì ưu thế của các “tình huống bất hợp lệ” trong thế giới ngày nay, điều dễ hiểu và khôn ngoan cho các Kitô hữu là tái khảo sát các giáo huấn xưa dưới ánh sáng các yếu tố mới của nhân khẩu học (demographics).

Một trong các chỉ trích đối với những người quan tâm tới hậu quả của Niềm Vui Yêu Thương là những người này không hiểu những vấn đề thực chất của những con người có thực.

Vì Giáo Hội vốn có một lịch sử lâu dài luôn quan tâm tới người nghèo, người không ai bên vực và những người sống bên lề, nên, có

lẽ ta nên tự vấn: việc Giáo Hội chờ mong người ta trung thành về tính dục trong hôn nhân có còn là điều tốt đẹp nữa hay không? Nó có còn hữu lý và đạt được trong mọi tình huống hay không?

Một số nhà bình luận đã liệt kê nhiều điển hình trong đó câu trả lời dường như là “không”, như trường hợp không thể có án tuyên bố vô hiệu (annulment), hay cuộc hôn nhân không thể cứu vãn được, hoặc cặp kết hợp mới có con, hoặc ý niệm “ngoại tình” đơn giản không còn thích đáng đối với thực tại của tình thế.

Towers ngầm cho thấy phần lớn các điển hình trên là do những người ly dị tái hôn chủ quan đưa ra. Nhưng quan điểm của bà không hạn hẹp như thế. Vấn đề đối với Giáo Hội là thế này: làm thế nào ta có thể đem thương xót và yêu thương thực sự đến mọi con người liên hệ tới các điển hình trên, cả người lớn lẫn trẻ em, cả những người làm hại gia đình họ lẫn các nạn nhân bị bỏ rơi, và tất cả những ai kẹt ở giữa?

Bà cho rằng những người ly dị ngày nay, nhất là những ai bị bỏ rơi một cách bất công, có một sứ mệnh độc đáo và sinh tử, mà Giáo Hội cần phải hỗ trợ vô điều kiện. Thiên Chúa đang mời gọi nhiều cặp vợ chồng ly dị tiếp tục duy trì lời hứa lúc kết hôn của họ; để chứng minh cho con cái họ và cho cả thế giới thấy dân của Người không phải chỉ là căn tính tính dục; và tình yêu chỉ khả hữu khi ta chọn sống trong sạch, bao lâu tình yêu còn đòi hỏi.

Điều trên có thể là một hành vi anh hùng mà cũng có thể không, nhưng, ngoài Đức HY Kasper ra, ta tin là “người Kitô hữu trung bình” có thể thực hiện được. Để được hạnh phúc đích thực và đem hạnh phúc đến cho những người ta yêu thương, ta phải trước hết kiểm soát được trọn vẹn tính dục của ta, bất luận là người kết hôn, người ly dị, người độc thân, linh mục, tu sĩ, hay người đồng tính.

Ngoài câu hỏi liệu việc tuân giữ các giáo huấn của Giáo Hội về hôn nhân và tính dục có còn là việc khả hữu nữa hay không, ta cũng nên đặt câu hỏi: ai là người được hưởng lợi ích nhiều nhất từ các giáo huấn này.

Towers không trả lời câu hỏi trên, nhưng bà cho rằng “trong khi có những bà mẹ lãng nhãng vụng trộm ái tính và áp đặt cuộc ly dị lên gia đình mà bà đã góp tay dựng nên, thì cũng có những bà mẹ làm mọi cách có thể để cứu vãn cuộc hôn nhân với người chồng bất trung của mình. Liệu Giáo Hội có thương xót các người phối ngẫu, các đứa con và các cộng đồng của họ hay không nếu xử sự với các người đàn bà trong hai tình huống này như nhau?

Theo bà, “phần lớn những người Công Giáo không thoải mái với Niềm Vui Yêu Thương rất buồn và bất an trước ý nghĩ cho rằng mình chống đối hàng giáo phẩm của Giáo Hội về bất cứ vấn đề nào, huống hồ là vấn đề gây nhiều hậu quả đến thế. Đức Giáo Hoàng Phanxicô là Đức Thánh Cha của họ, là Đại Diện của Chúa Kitô, nên phần lớn hết sức kinh dị khi bị coi là ‘những kẻ bất thuận’.

“Nhiều người đơn thuần đang trực tiếp hay gián tiếp trải nghiệm các hậu quả tai hại của chính ý niệm bất hợp lệ được nhắc đến trong suốt văn kiện.

“Những người trên có nhiều điều lo âu. Họ không tìm cách áp đặt các luật lệ và qui định thần học. Họ chỉ muốn cho con cái họ cảm nghiệm được điều chính họ không được hay không thể cảm nghiệm được: biết và chạy theo trọn vẹn vẻ đẹp của lời Giáo Hội mời gọi đạt tới sự toàn vẹn tính dục và tình chung thủy vợ chồng”.

15. Người giáo dân và cuộc tranh luận quanh việc cho phép người ly dị tái hôn rước lễ

Tue, 03/01/2017 - 13:41

Tác giả:

[Vũ Văn An](#)

Với việc công khai hóa bức thư của 4 vị Hồng Y gửi Đức Phanxicô để bày tỏ 5 điều hoài nghi về Tông Huấn hậu Thượng Hội Đồng Niềm Vui Yêu Thương và các “đe dọa” sẽ chính thức “sửa sai huynh đệ” hoặc có thể tước mũ Hồng Y, nhiều người cho rằng Giáo Hội đang

trải qua một cuộc khủng hoảng thực sự. Và cuộc khủng hoảng này không thua gì cuộc khủng hoảng Ariô thế kỷ thứ tư.

Và cũng như cuộc khủng hoảng Ariô, vai trò của người giáo dân lại được trân trọng nhắc đến. Một vị giám mục (Đức Cha Schneider) còn công khai viết rằng: Thiên Chúa cần ‘người tín hữu tâm thường’ để bảo vệ đức tin trong thời khủng hoảng này!

Bỏ qua một bên tính cách khủng hoảng nói trên, trong cuộc bàn luận quanh chương 8 của Tông Huấn Niềm Vui Yêu Thương, nhất là mục nói về viễn ảnh những người Công Giáo ly dị và tái hôn có thể được rước lễ dù không sống như anh trai em gái mà vẫn sống như thể vợ chồng, người giáo dân tham dự có khi đông đảo hơn cả các vị chức sắc trong Giáo Hội, và đại đa số họ đứng về phía “bảo vệ truyền thống” chống lại khuynh hướng bị họ coi là lỏng lẻo của Niềm Vui Yêu Thương, ngoại trừ một ít người như giáo sư Buttiglione và tác giả Austen Ivereigh hết lòng bênh vực Đức Phanxicô và lối giải thích tông huấn dường như đi ngược lại giáo lý truyền thống.

Trong loạt bài này, chúng tôi sẽ lần lượt trình bày các đóng góp của một số giáo dân nổi tiếng trên thế giới vào cuộc bàn luận sôi nổi hiện nay.

I. Phe chỉ trích

Tạm xếp vào loại chỉ trích các nhận định có tính giải thích Niềm Tin Yêu Thương theo chiều hướng nó không thay đổi truyền thống giáo huấn của Giáo Hội về hôn nhân, nhất là tính bất khả tiêu của nó qua việc ngăn cấm người Công Giáo ly dị tái hôn rước lễ.

1. Niềm Vui Yêu Thương không thay đổi giáo luật: người ly dị tái hôn không được rước lễ

Ngay khi Niềm Vui Yêu Thương được công bố, Edward N. Peters, một giáo dân phục vụ tại Tối Cao Pháp Viện của Tòa Thánh trong tư cách thẩm trình viên (referendary), đã nhận định ngay rằng: Niềm Vui Yêu Thương “không phải là một văn kiện lập pháp, nó không chứa đựng ngôn ngữ có tính lập pháp hay giải thích chân chính nào, và nó không thảo luận điều 915 của Giáo Luật”. Nên điều giáo luật này

không thay đổi: các người Công Giáo trong các cuộc hôn nhân bất hợp lệ không nên rước lễ”.

Trong bài “The law before ‘Amoris’ is the law after” (Luật trước khi có ‘Amoris’ vẫn là luật sau đó), Peters bàn về điều 915 Bộ Giáo Luật, tức điều dạy rằng các thừa tác viên Thánh Thể không được cho rước lễ những người “cố chấp sống trong một tội nặng công khai”. Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo, số 2384, dạy rằng cuộc tái hôn dân sự sau khi ly dị là “tội ngoại tình công khai và thường xuyên” nghĩa là một tội nặng hiển nhiên. Thành thử, nếu Đức Phanxicô muốn cho phép người ly dị tái hôn rước lễ, hẳn ngài phải thay đổi điều luật này.

Muốn thay đổi như thế, theo Peters, các vị giáo hoàng thường sử dụng một số loại văn kiện như tông hiến, tự sắc hoặc ít nhất một số loại ngôn từ như “tôi chỉ thị” hoặc “tôi chấp thuận *in forma specifica* (dưới hình thức đặc biệt)”. Niềm Vui Yêu Thương không thuộc loại này và không bàn chi tới điều giáo luật 915. Kết luận là: bất cứ điều 915 dạy gì trước khi có Niềm Vui Yêu Thương, nó vẫn dạy như vậy sau đó, bao gồm việc: người Công Giáo sống trong các cuộc hôn nhân bất hợp lệ không được rước lễ.

Đi vào chi tiết hơn, Peters đề cập tới ba vấn đề của Niềm Vui Yêu Thương:

a. Đức Phanxicô viết rằng “mỗi nước hay miền có thể tìm các giải pháp thích hợp với văn hóa của mình hay nhạy cảm với truyền thống và nhu cầu địa phương của mình” (NVYT số 3, và các số 199, 207). Nhưng sáng kiến địa phương không thể làm biến chất, hướng hồ là phản bội giáo huấn phổ quát của Chúa Kitô và Giáo Hội.

b. Trong NVYT số 301, Đức Phanxicô viết: “Thành thử không được đơn giản nói rằng tất cả những ai sống trong bất cứ hoàn cảnh ‘bất hợp lệ’ nào cũng đều sống trong tình trạng tội trọng cả và do đó không có ơn thánh hóa”. Xem ra Đức Phanxicô muốn tấn công ý niệm cho rằng hoàn cảnh bất hợp lệ do cuộc tái hôn dân sự sau khi ly dị là một tội trọng.

Peters cho rằng quả là sai lầm khi quả quyết rằng mọi người sống trong hoàn cảnh bất hợp lệ đều sống trong tội trọng. Nhưng nếu bảo

rằng ta không thể quả quyết nữa rằng một cá nhân nào đó đang sống trong cuộc kết hợp bất hợp lệ có thể “đang sống trong tình trạng tội trọng”, thì điều này rõ ràng đi ngược lại truyền thống của Giáo Hội.

c. Một số người đọc lời của Đức Phanxicô theo lối nhận vơ (eisegetical), bằng cách nghĩ rằng ghi chú số 351 trong NVYT và đoạn văn đi kèm cho phép người ly dị tái hôn rước lễ. Thực ra, Đức Phanxicô chỉ nói tới việc những cuộc kết hợp bất hợp lệ cần sự giúp đỡ của các bí tích, nhưng ngài không nói: mọi bí tích, và nhất là các bí tích họ không có tư cách lãnh nhận. Đã đành ngài bảo: tòa giải tội không phải là phòng tra tấn và Thánh Thể không phải là phần thưởng dành cho người hoàn hảo, mà là thuốc tiêng liêng, điều này đúng, chỉ trừ khi được lãnh nhận cách bất xứng hay lỗi luật, điều mà người Công Giáo nào cũng cần phải giả thuyết và vị giáo hoàng nào cũng thấy dù không nói ra.

Nhận định sau cùng của Peters hình như không hẳn là tâm thức của Đức Phanxicô, vì sau này, ngài khen các giám mục Buenos Aires đã giải thích đúng khi cho rằng có những trường hợp người ly dị tái hôn được rước lễ.

2. Văn kiện của Đức Phanxicô có thể dẫn tới ly giáo

Cũng trong tháng Tư, một giáo dân nổi danh khác là Robert Spaemann, một trong các triết gia Công Giáo hàng đầu người Đức, người từng được Đức Gioan Phaolô II tin dùng và là bạn thân của Đức Bênêđictô XVI, lên tiếng cho rằng Rước Lễ là một vấn đề ‘có hay không’ (yes or no question) và văn kiện của Đức Phanxicô mâu thuẫn với giáo huấn truyền thống của Giáo Hội và có thể dẫn tới ly giáo.

Ông nói rõ hơn khi cho rằng phần lớn NVYT phù hợp với giáo huấn của Giáo Hội, nhưng một số tiết có thể bị đọc cách khác. Theo ông, số 305 cùng với ghi chú 351 kèm theo, “trực tiếp mâu thuẫn với số 84 tông huấn *Familiaris Consortio* của Đức Gioan Phaolô II”.

Số 305 này nói tới các người sống trong các hoàn cảnh “bất hợp lệ”, tức những người ly dị tái hôn. Đức Phanxicô viết ở đó rằng “vì nhiều hình thức điều kiện hóa và nhiều nhân tố giảm khinh, có thể có việc

này: trong một hoàn cảnh tội lỗi khách quan, một hoàn cảnh có thể không thể qui tội một cách chủ quan, hoặc qui tội hoàn toàn như thế, một người nào đó vẫn có thể đang sống trong ơn thánh của Thiên Chúa, có thể yêu thương và cũng có thể lớn lên trong đời sống ơn thánh và đức ái, trong khi lãnh nhận ơn phù giúp của Thiên Chúa để đạt cùng đích này”.

Ghi chú 351 viết thêm: “Trong một số trường hợp, điều này có thể bao gồm sự giúp đỡ của các bí tích. Do đó, ‘tôi muốn nhắc nhở các linh mục rằng tòa giải tội không được trở thành phòng tra tấn, nhưng đúng hơn là một cuộc gặp gỡ với lòng thương xót của Thiên Chúa’ (Tông Huấn *Niềm Vui Tin Mừng* [24 tháng Mười Một, 2013], số 44: AAS 105 [2013], 1038). Tôi cũng muốn chỉ rõ rằng Thánh Thể ‘không phải là phần thưởng cho người hoàn hảo, nhưng là thuốc chữa mạnh mẽ và là của dưỡng nuôi người yếu đuối’”.

Tông Huấn *Familiaris Consortio* năm 1984 của Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II nói rằng những người ly dị tái hôn không nên rước lễ trừ khi họ sống “tiết dục hoàn toàn”. Tông Huấn dạy rằng điều này dựa vào truyền thống bắt nguồn từ Thánh Kinh: “Giáo Hội tái khẳng định thực hành của mình không cho phép các người ly dị tái hôn được rước lễ, một thực hành vốn dựa vào Thánh Kinh”.

Spaemann cho rằng: “Ta không thể chờ mong việc người ta thường thức một bản văn tươi đẹp mà quên mất những đoạn văn chủ yếu có tính thay đổi giáo huấn của Giáo Hội trong một văn kiện giáo hoàng. Thực sự chỉ có một quyết định rõ ràng là có hay không. Cho rước lễ hay không cho rước lễ, không có chủ trương nào ở giữa cả”.

Theo Spaemann, cánh cửa đã đóng đối với việc lãnh nhận các bí tích của những người tiếp tục sống trong các liên hệ tình dục, vì việc này “mâu thuẫn một cách khách quan đối với trật tự sống của Kitô Giáo”.

Ông bảo NVTYT chịu ảnh hưởng của nền đạo đức hoàn cảnh vốn bị Đức Gioan Phaolô II kết án trong thông điệp *Veritatis Splendor*. Ông tiên đoán rằng sẽ có “bất trắc và hồ đồ” ở mọi bình diện của Giáo Hội, “từ các hội đồng giám mục tới vị linh mục bé nhỏ ở rừng sâu” và tình trạng này có thể dẫn tới ly giáo “ở ngay trái tim của Giáo Hội”. Ông nói thêm: mục tiêu chiếm được lòng người của Đức Phanxicô đã

bị đánh chìm bởi văn kiện này trong một “thời gian có thể tiên đoán được”.

Sau khi có việc công bố lá thư của bốn vị Hồng Y, Spaemann lên tiếng ủng hộ các vị này, cho rằng các vị đã đi đúng đường và mong muốn nhiều người tham gia hàng ngũ của các ngài.

Theo ông, Đức Đương Kim Giáo Hoàng vốn không thích đưa ra các “quyết định đòi phải nói có hay không”. Nhưng Chúa Kitô thường làm “cho các tông đồ kinh ngạc bằng tính đơn giản và sáng sủa của tín điều”.

3. Song hành giữa lạc giáo Ariô và *Niềm Vui Yêu Thương*

Cũng ngay trong tháng Tư, Claudio Pierantoni, một giáo dân giáo sư từng dạy môn sử Giáo Hội và giáo phụ học tại Pontificia Universidad Católica và hiện dạy môn triết học trung cổ tại Universidad của Chile, lên tiếng so sánh giữa cuộc khủng hoảng Ariô và tông huấn *Niềm Vui Yêu Thương*, qua hai kiểu nói mơ hồ “giống như Chúa Cha” (Ariô) và “trong một số trường hợp” của ghi chú 351 trong *Niềm Vui Yêu Thương*. Cả hai đều phát xuất từ cùng một ý hướng: cố tình mơ hồ.

Hồi ấy, phe Ariô cố tình không muốn minh nhiên chủ trương rằng Chúa Con kém Chúa Cha, nên họ đã dùng kiểu nói “giống như Chúa Cha” để ai muốn hiểu thế nào thì hiểu nhưng chắc chắn có hàm một mức độ “bề dưới”.

Pierantoni cho rằng chương 8 của *Niềm Vui Yêu Thương* cũng đã áp dụng cùng một chiến thuật khi dùng kiểu nói “trong một số trường hợp” những người trong các tình huống gọi là “bất hợp lệ” có thể được “sự trợ giúp của các bí tích”. Ông tự hỏi, đây là những trường hợp nào? Và ông đưa ra 4 giả thuyết để lần lượt bác bỏ:

a. Theo nguyên tắc của lối giải thích liên tục (hermeneutic of continuity), kiểu nói “trong một số trường hợp” cần được giải thích như để nói tới các trường hợp chuyên biệt đã được nhắc tới trong các văn kiện hiện đã có của Huấn Quyền, như "Familiaris consortio" (FC), là văn kiện quả quyết rằng có thể ban việc giải tội và rước lễ

cho những người đang sống chung với nhau nhưng đoán hứa sẽ sống chung với nhau như anh trai em gái.

Lỗi giải thích trên dựa trên một nguyên tắc giải thích căn bản, xem ra không thể bác bỏ được; nhưng chẳng may, nó mâu thuẫn với ghi chú số 329, là ghi chú minh nhiên quả quyết rằng tác phong này (tức việc sống chung như anh trai em gái) có thể gây hại và do đó, nên tránh.

b. “Trong một số trường hợp” có thể được giải thích theo một nghĩa rộng hơn, để chỉ việc chủ quan biết chắc tính vô hiệu của cuộc hôn nhân trước, với giải thuyết cho rằng, vì nhiều lý do riêng biệt, không thể chứng minh điều này trước tòa án.

Trong những trường hợp như trên, rất có thể có việc này: ở cõi sâu kín của lương tâm, người ta cảm thấy không có lỗi gì trong cuộc kết hợp mới cả. Về phương diện học lý luân lý, việc này có thể được coi là phù hợp với *Familiaris Consortio*. Nhưng vẫn còn một khác biệt nên tảng về phương diện Giáo Hội học: Thánh Thể là một hành vi bí tích, công cộng, trong đó, người ta không thể xem xét một thực tại vốn tự tại vô hình và không thể kiểm chứng cách công khai được.

c. “Trong một số trường hợp” cũng có thể giải thích một cách rộng rãi hơn nữa để chỉ trách nhiệm chủ quan giảm khinh hoặc thậm chí triệt tiêu nữa, vì ngu dốt không biết luật, thiếu khả năng thấu hiểu luật hoặc “sức mạnh lấn át” (*force majeure*) mà trong những hoàn cảnh đặc biệt, mạnh đến nỗi “buộc” người ta phải sống chung “*more uxorio*” (kiểu vợ chồng), một việc do đó, không còn tạo ra tội trọng nữa; thực vậy, theo văn kiện, việc bỏ không sống chung nữa có thể tạo ra một lỗi nặng hơn.

Ở đây, ta gặp các vấn đề còn trầm trọng hơn nữa về thần học luân lý. Ngu dốt và thiếu khả năng hiểu biết quả thực có khả năng giới hạn trách nhiệm bản thân: ấy thế nhưng nại đến chúng trong trường hợp này là điều phi lý, chưa kể là mâu thuẫn nữa. Vì văn kiện vốn nhấn mạnh tới một diễn trình và việc biện phân có hướng dẫn. Các diễn trình này hẳn phải chuyên biệt thiết kế sao đó để khắc phục sự ngu dốt và thiếu khả năng hiểu luật lệ.

Còn về “sức mạnh lấn áp”, chắc chắn sẽ không hiển nhiên, mà còn mâu thuẫn với toàn bộ thánh truyền, và các tuyên bố có tính tín điều

chính yếu khi cho rằng nó có thể biện minh cho việc thất bại, không tuân theo luật Thiên Chúa. Đã đành ta không nên tiên thiên loại bỏ điều này: có những hoàn cảnh đặc biệt trong đó tình huống có thể thay đổi hình sắc luân lý (moral species) của một hành vi mà bề ngoài xem ra vẫn là một, thậm chí một cách có ý thức và ý hướng: thí dụ, hành vi rời một đồ vật khỏi một ai đó có thể được giải thích không phải là một việc ăn cắp, mà là một việc giúp người này trong một vụ cấp cứu, hay như một hành vi ngăn ngừa một điều xấu hơn. Tuy nhiên, dù cho rằng điều này có thể áp dụng vào việc ngoại tình, ngăn trở dứt khoát đối với việc biện minh kiểu này là đặc điểm vĩnh viễn của tác phong tiêu cực khách quan, một tác phong dù có thể biện minh được trong một khoảnh khắc đặc biệt nào đó, vẫn không thể biện minh trong một tình huống ổn định, được chọn lựa một cách hữu thức.

Dù sao, tính thành sự vẫn luôn cần được tôn trọng, như trong trường hợp nguyên tắc Giáo Hội học đã nói trước đây rằng dưới bất cứ hoàn cảnh nào, một điều, từ bản chất của nó, vốn thuộc cõi sâu nhiệm của lương tâm, cũng không thể trở thành hữu hình một cách ma thuật ở bình diện công cộng được.

d. Theo một nghĩa rộng rãi nhất, “trong một số trường hợp” có thể mở rộng để bao gồm mọi trường hợp có thật, cụ thể và thường xuyên mà một cách tổng quát ta vẫn có trong đầu, trong đó có một cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, thất bại do hàng loạt các hiểu lầm và bất tương hợp và sau đó là một cuộc sống chung hạnh phúc ổn định với thời gian, trung thành hỗ tương v.v... (xem NVYT số 298).

Trong những trường hợp như trên, xem ra kết quả thực tế, đặc biệt là khoảng thời gian kéo dài và hạnh phúc của cuộc kết hợp mới so với thời gian vắng vẻ và/hoặc sự bất hạnh của cuộc kết hợp trước, đã được giải thích như một thứ xác nhận tính tốt lành, và do đó, tính hợp pháp của cuộc kết hợp mới: trong đồng văn này (NVYT số 298), không hề có bóng dáng nào của việc xem xét tới tính thành sự của cuộc hôn nhân trước, việc thiếu khả năng hiểu biết hay “sức mạnh lấn át”. Thực vậy, ở số 300, khi nói phải xem xét tới việc biện phân trong các trường hợp này, người ta lại càng thấy rõ hơn: các vấn đề được thảo luận trong việc xét lương tâm và sự ăn năn liên hệ không là gì khác

hơn là tác phong tốt hay xấu trước cuộc hôn nhân không thành công và thành quả tốt của cuộc kết hợp mới.

Điều cũng rõ là “sự ăn năn”, hết sức có liên hệ ở đây, không hề liên quan tới cuộc kết hợp mới, mà liên hệ tới a) tác phong trong cuộc khủng hoảng trước đây, b) các hậu quả của cuộc kết hợp mới đối với gia đình và cộng đồng.

Bởi thế, điều hiển nhiên là văn kiện có ý hướng muốn vượt quá các trường hợp trong đó có sự chủ quan chắc chắn về tính bất thành sự của cuộc hôn nhân trước, ngu dốt, thiếu hiểu biết, “sức mạnh lấn át” hay bất lực cho rằng mình không thể tuân theo lẽ luật được.

Thành thử, nay ta thấy rõ: điểm chuẩn có giá trị để phán định tính “hợp pháp” của cuộc kết hợp mới chung cục chỉ là sự thành công thực tế và hạnh phúc trông thấy của nó, ngược với việc thiếu thành công và bất hạnh của cuộc hôn nhân trước: “tính hợp pháp” giả định này hiển nhiên là điều kiện tiên quyết để được lãnh nhận ơn tha tội và Thánh Thể. Hậu quả không thể tránh được là cuộc hôn nhân trước nay bị coi một cách mặc nhiên, nhưng công khai là không còn hiệu lực và do đó bị tiêu hủy: do đó, thực tế là nhờ thứ “chăm sóc mục vụ” này, cuộc hôn nhân được tuyên bố là khả tiêu. Cũng do đó, dù Giáo Hội Công Giáo vẫn tiếp tục dùng lời quả quyết tính bất khả tiêu của nó, nhưng trên thực tế, ly dị đã được du nhập.

Pierantoni nhận định như sau về “đề xuất” hay “lời giải thích” nói trên: “Điều cũng rõ là nếu sự thành công của cuộc hôn nhân mới đủ để thiết lập ra tính hợp pháp của nó, thì ta cũng phải biện minh cho hầu hết mọi cuộc kết hợp mới: thực vậy, nếu cuộc kết hợp mới bị coi là không thành công, thì đâu cần phải mất công biện minh cho nó, người ta có thể thực hiện cuộc kết hợp tiếp theo, hy vọng nó sẽ thành công. Và cứ như thế thì đâu có khác gì với luận lý học ly dị!”.

Đối với Pierantoni, các điểm sau đây đáng lo ngại hơn cả:

- công khai không đòi những người sống chung phải tiết dục mới được lãnh nhận các bí tích như "Familiaris Consortio" đòi hỏi;
- loại bỏ các biên giới trước đây đã định rõ giữa sự chắc chắn của lương tâm và các qui định của Giáo Hội học về bí tích;

- sử dụng các giới điều thương xót và không phê phán của Tin Mừng để biện minh cho chủ trương: trong Giáo Hội, không thể áp đặt việc kiểm trùng tổng quát lên các tác phong chuyên biệt, bất hợp pháp về phương diện khách quan.

4. Bác bỏ các tuyên bố có thể bị hiểu theo nghĩa đi ngược lại đức tin và luân lý Công Giáo

Qua tháng Sáu, một nhóm 45 học giả Công Giáo gửi một lá thư cho mọi Hồng Y, yêu cầu các ngài thưa với Đức Giáo Hoàng bác bỏ điều họ gọi là “một số lời tuyên bố có thể bị hiểu theo nghĩa đi ngược lại đức tin và luân lý Công Giáo”.

Lá thư dài 13 trang này, được dịch sang sáu ngôn ngữ, trung dẫn 19 đoạn của *Niềm Vui Yêu Thương* mà họ cho “dường như trái ngược với các tín lý Công Giáo”. Các người ký thư gồm các giáo phẩm, học giả, giáo sư, tác giả và giáo sĩ của nhiều đại học Giáo Hoàng, chủng viện, cao đẳng, viện thần học, dòng tu và giáo phận khắp thế giới.

Phát ngôn viên của nhóm là Joseph Shaw, một giáo dân và là một giáo sư triết tại Đại Học Oxford. Ông quả quyết: “chúng tôi không kết án Đức Giáo Hoàng lạc giáo, nhưng chúng tôi coi khá nhiều đề xuất trong *Niềm Vui Yêu Thương* có thể bị hiểu là lạc giáo theo lối đọc bản văn cách tự nhiên. Nhiều tuyên bố khác có thể rơi vào các kiểm trùng thần học (theological censures) lâu đời khác, như gây tai tiếng, sai lạc về đức tin, và mơ hồ...”.

Trong số các vấn đề được nêu lên, nhóm tin rằng *Niềm Vui Yêu Thương* “làm suy yếu” giáo huấn của Giáo Hội khi cho phép các người Công Giáo ly dị và tái hôn dân sự được chịu các bí tích. Họ cũng tin rằng việc này mâu thuẫn với giáo huấn của Giáo Hội vốn dạy rằng mọi giới răn có thể được tuân giữ với ơn thánh của Thiên Chúa, và một số hành vi luôn luôn sai lầm.

Theo Ông Shaw, các người ký thư hy vọng rằng “tìm được từ Đức Thánh Cha một bác bỏ dứt khoát các sai lầm trên, chúng tôi có thể giúp giảm bớt đi sự mơ hồ mà *Niềm Vui Yêu Thương* đã gây ra nơi các mục tử và tín hữu giáo dân”.

Sự mơ hồ trên, theo Ông Shaw, “chỉ có thể được đánh tan một cách hữu hiệu, nhờ một khẳng định không hàm hồ về giáo huấn Công Giáo chân chính của vị kế nhiệm Thánh Phêrô”.

Nội dung lá thư và tên những người ký thư thoạt đầu không được công bố. Theo Giáo Sư Shaw, các người ký thư cho công chúng hay sự hiện hữu của lá thư để “những người Công Giáo nào bối rối về một số câu tuyên bố trong *Niềm Vui Yêu Thương* biết rằng đang có các biện pháp để giải quyết các vấn đề nó nêu ra”.

Ông nói với LifeSiteNews rằng “các người tổ chức không muốn công bố các tài liệu này, vì chúng được gửi cho các vị Hồng Y và thượng phụ, những vị hết sức lý tưởng có tư cách xem xét chúng mà không sợ bị cuộc tranh luận công cộng quấy rầy”.

Hơn nữa “các kiểm trùng là một tài liệu thần học chi tiết và có tính kỹ thuật có nội dung không sẵn sàng để hiểu đối với những người đọc không chuyên môn, và dễ bị trình bày sai và hiểu sai. Công bố các tài liệu này sẽ gây trở ngại cho các vị Hồng Y trong nhiệm vụ của các vị qua việc tường thuật của truyền thông và những cuộc tranh luận và bút chiến thường kém hiểu biết do nó tạo ra”.

Nhưng rồi ngày 18 tháng Bảy, tờ Catholic Herald cho hay đã nhận được một bản của lá thư và tên các người ký thư. Tờ này bèn cho phổ biến nhiều chi tiết hơn nữa về lá thư, nhưng không đăng trọn lá thư này cũng như tên các người ký thư. Bốn ngày sau, tờ National Catholic Reporter cho đăng trọn danh sách các người ký thư. Và qua ngày 27 tháng Bảy, Tess Livingstone cho đăng trọn tài liệu và tên các người ký thư trên trang mạng của tờ The Australian ở Úc. Cô vốn là người viết tiểu sử của Đức Hồng Y Pell nhưng cô không cho hay do đâu cô có được tài liệu này.

Giáo Sư Shaw quả quyết rằng các cơ quan trên không hề được phép đăng tải như họ đã làm. Trước tình thế này, ông cho hay: “Việc phê bình là công việc của một số học giả Công Giáo; họ lo âu rằng người Công Giáo có thể hiểu một số đoạn trong *Niềm Vui Yêu Thương* như đi ngược lại tín lý của đức tin Công Giáo. Chữa trị sự nguy hiểm này là tuyên bố có thẩm quyền và chung cục của Đức Giáo Hoàng nhằm quả quyết rằng các lối hiểu này không thể được người Công Giáo chủ

trương, và Niềm Vui Yêu Thương không hề trình bày chúng như các giáo huấn của huấn quyền hay buộc phải tin chúng. Hồng Y Đoàn có chức năng cố vấn Đức Giáo Hoàng... Thành thử, một tài liệu đã được soạn thảo trình bày các nguy hiểm trầm trọng nhất của bản văn Niềm Vui Yêu Thương và gửi tới các vị Hồng Y và thượng phụ, cùng với một lá thư yêu cầu các vị thỉnh cầu Đức Giáo Hoàng lên án các sai lầm có vấn đề”.

Nhân cơ hội này, Ông cũng giải thích bản chất của kiểm trùng thần học: “nó chỉ có tính học lý chứ không có tính pháp lý, vì các người ký tự không hề có thẩm quyền để áp đặt bất cứ kiểm trùng pháp lý nào. Họ không nghi vấn đức tin bản thân của Đức Giáo Hoàng Phanxicô hay cho rằng ngài đồng thuận với các đề xuất bị kiểm trùng... Mục đích của tài liệu này là để nhận được lời kết án các đề xuất này của Đức Giáo Hoàng”.

5. Quyền của tín hữu Công Giáo

Lá thư của nhóm 45 học giả trích giáo huấn của Thánh Tôma Aquinô rằng “bề dưới buộc phải sửa sai các bề trên của mình một cách công khai khi có nguy hiểm cận kề cho đức tin”. Họ cũng trưng dẫn bộ giáo luật dành cho Giáo Hội La Tinh rằng “các tín hữu Công Giáo có quyền và đôi khi nghĩa vụ, phù hợp với kiến thức, năng quyền, và vị thế của mình, phải làm người khác biết các quan điểm của mình về các vấn đề có liên quan tới lợi ích của Giáo Hội”.

Thành thử, ở phần kết luận, họ quả quyết: “các nhà thần học Công Giáo có nghĩa vụ nghiêm ngặt phải lên tiếng chống lại các sai lầm biểu kiến trong văn kiện. Tuyên bố về *Niềm Vui Yêu Thương* này nhằm chu toàn nghĩa vụ ấy, và nhằm trợ giúp hàng giáo phẩm của Giáo Hội trong việc giải quyết tình thế này”.

Đi vào chi tiết, tài liệu của nhóm coi là đi ngược lại Thánh Kinh các tuyên bố cho rằng Giáo Hội “cương quyết” bác bỏ án tử hình, coi nó luôn luôn bất chính, người vợ không nên phục tùng chồng, và bậc sống đồng trinh không cao hơn bậc sống vợ chồng.

Dựa vào Thánh Kinh và một số giáo huấn có thẩm quyền của Giáo Hội, nhất là Công Đồng Trent, nhóm cũng kết án các gợi ý sau đây của *Niềm Vui Yêu Thương*:

- Đối với một số người, sống phù hợp với các giáo huấn của Tin Mừng có thể là điều không thể làm được
- Không ai bị phạt sa hỏa ngục cả
- “Những người ly dị và tái hôn dân sự nào quyết định chọn tình huống của họ một cách hiểu biết hoàn toàn và với sự thuận tình trọn vẹn của ý chí không sống trong trạng thái tội trọng, và họ có thể lãnh nhận ơn thánh hóa và lớn lên trong đức ái”
- “Một tín hữu Công Giáo có thể hoàn toàn biết rõ luật Thiên Chúa và tự ý phá bỏ nó trong một vấn đề nghiêm trọng, nhưng vẫn không rơi vào trạng thái tội trọng do kết quả của hành động này”
- “Một người hoàn toàn biết rõ luật Thiên Chúa vẫn có thể phạm tội khi quyết định vâng theo luật này”
- Lương tâm một người có thể “phán đoán đúng” rằng các tội tình dục bị Tin Mừng minh nhiên kết án “đôi khi có thể đúng về phương diện luân lý hay được Thiên Chúa yêu cầu hay ra lệnh”
- “Chúa chúng ta, Đức Giêsu Kitô, muốn rằng Giáo Hội bãi bỏ kỷ luật lâu đời từ chối không cho những người ly dị tái hôn rước lễ hay không giải tội cho họ nếu họ không biểu lộ sự ăn năn thống hối về lối sống của mình và cương quyết sửa sai lối sống này”
- “Không có lỗi nặng vì trách nhiệm giảm bớt, những người ly dị và tái hôn dân sự không sống tách xa nhau, cũng không cam kết sống tiết dục hoàn toàn, nhưng vẫn ở lại trong trạng thái ngoại tình và đa hôn khách quan có thể được rước lễ”.

Tuy nhiên, nhóm vẫn cho rằng: “vấn đề của *Niềm Vui Yêu Thương* không phải là nó đã áp đặt các qui luật có tính trói buộc về luật pháp từ nội tại vốn bất chính hay giảng dạy một cách có thẩm quyền các giáo huấn có tính trói buộc mà bản chất thì sai lầm”.

Theo nhóm, “văn kiện này không có thẩm quyền ban hành các luật lệ bất chính hay đòi phải chấp thuận các giáo huấn sai lầm, vì Đức Giáo Hoàng không có quyền làm những điều này. Vấn đề của văn kiện này là nó có thể dẫn người Công Giáo đến chỗ tin điều sai lầm và làm điều bị luật Thiên Chúa ngăn cấm... Điều quan trọng về văn kiện này

là hậu quả gây hại nó có thể có đối với niềm tin và đời sống luân lý của người Công Giáo”.

6. Đức Giáo Hoàng có ý định thay đổi kỷ luật bí tích

Qua tháng Tám, một giáo sư người Áo, Josef Seifert, viện trưởng sáng lập của Hàn Lâm Viện Triết Học Quốc Tế, đưa ra một phê phán dài tới 28 trang nhằm yêu cầu Đức Phanxicô rút lại các “tuyên bố lạc giáo” của *Niềm Vui Yêu Thương*.

Ông nhấn mạnh rằng lời phê bình của ông được viết ra với lòng khiêm nhường và trung thành, không hề có mưu toan “tấn công Đức Giáo Hoàng, gây hại cho ngài hay bác bỏ tính hợp pháp của ngài”. Ông chỉ nhằm “hỗ trợ ngài và phụ giúp ngài trong bổn phận nền tảng của ngài là giảng dạy sự thật”.

Theo ông, một số đoạn của *NVYT* ít nhất xem ra đối nghịch với Lời Chúa và giáo huấn của Thánh Giáo Hội Công Giáo về trật tự luân lý, về điều xấu từ trong nội tại và các hành vi vô trật tự, về các giới răn của Thiên Chúa và khả năng chu toàn chúng của ta với sự trợ giúp của ơn thánh Chúa, về nguy cơ bị phạt đời đời, về tính bất khả tiêu của hôn nhân và tính thánh thiện của các bí tích Thánh Thể và Hôn Phối, cũng như về kỷ luật bí tích và việc chăm sóc mục vụ của Giáo Hội phát sinh từ Lời Chúa và truyền thống 2000 năm của Giáo Hội.

Ông cho rằng các tuyên bố sai hoặc xem ra sai của Đức Giáo Hoàng đều cần phải khẩn cấp được sửa sai vì tính “tối thượng của sự thật”, một tính tối thượng từng buộc Thánh Phaolô công khai sửa sai vị giáo hoàng đầu tiên tức Thánh Phêrô.

Theo ông, có những tuyên bố trong *NVYT* hàm hồ một cách nguy hiểm cần được soi sáng, nhưng nhiều tuyên bố khác đơn thuần là sai lầm cần được Đức Giáo Hoàng rút lại.

Cũng như Pierantoni, Seifert khởi sự phân tích vấn đề chính tức: những cặp nào là “những cặp sống trong các tình huống bất hợp lệ” được *NVYT* cho phép lãnh nhận các bí tích như được đề xuất tại ghi chú 351? Và ông đưa ra bốn câu trả lời: không cặp nào cả, mọi cặp, một ít cặp và chỉ những cặp bước vào một “cuộc hôn nhân lương tâm”

nghĩa là tuy không thể nhận được án vô hiệu, nhưng tin thật trong lòng rằng mình có đủ cơ sở để được án này.

Đối với câu trả lời đầu tiên, không như Đức Hồng Y Gerhard Muller, Đức Hồng Y Raymond Burke và Đức Tổng Giám Mục Charles Chaput, Seifert cho rằng Đức Giáo Hoàng Phanxicô có ý định “thay đổi một điều gì đó trong kỷ luật bí tích” khi ở ghi chú 351, ngài cho phép một số cặp được lãnh nhận các bí tích trong khi cho tới nay họ tuyệt đối bị cấm. Nhưng điều này không thể xảy ra vì vấn đề này thuộc truyền thống giáo huấn 2000 năm của Giáo Hội và nó trực tiếp phát sinh từ Lời Chúa.

Seifer cho câu trả lời thứ hai là của những người như Cha Antonio Spadaro, S.J., Hội Đồng Giám Mục Phi Luật Tân, Đức Tổng Giám Mục (nay là Hồng Y) Blaise Cupich, cũng như Đức Hồng Y Christoph Schönborn. Ông gọi đây là chủ trương “triệt để, mâu thuẫn và tuyệt đối đi ngược lại giáo huấn truyền thống”. Vì nếu thế, thì có thể cho phép cả những người phá thai và các bác sĩ và y tá trợ giúp phá thai được rước lễ.

Ông cho chủ trương này “hoàn toàn làm mất hết ý nghĩa của *NVYT*” và do đó “một tuyên bố rất rõ ràng và mau chóng của Đức Giáo Hoàng rằng lối giải thích này hoàn toàn sai lầm một cách triệt để là điều khẩn trương cần thiết và hết sức khẩn trương, nếu ta muốn tránh hỗn loạn hoàn toàn”.

Seifert cũng bác bỏ cả hai lối trả lời sau. Ông không cho là thích đáng khi một linh mục đơn độc lại có thể là người phán định liệu một người về chủ quan có thiếu khả năng nhận ra tội mình phạm hay không. Ông cũng không tán thành ý niệm cho rằng có những cặp chỉ cần dựa vào lương tâm của mình để quyết định liệu cuộc hôn nhân bí tích đầu tiên có thành sự hay không. Cả hai đều dẫn tới chủ nghĩa duy chủ quan, gương xấu công khai và hỗn loạn.

Giáo sư Seifert tỏ ra hết sức lo ngại, khi *NVYT* không hề nhắc đến những răn đe như “không kẻ ngoại tình nào được vào Nước Trời?”, “ai ăn và uống Mình và Máu Chúa Kitô cách bất xứng, là ăn và uống án phạt của riêng mình”. Trái lại chỉ biết tâng bốc những người ly dị tái hôn dân sự là “chi thể sống động của Giáo Hội”.

Ông bảo “không nhắc một chữ đến rắn đe, thậm chí còn chối bỏ chúng, là trực tiếp mời gọi các cặp đang sống một cách trực tiếp mâu thuẫn với Giáo Hội này ở lý trong sự mâu thuẫn này và nếu còn bảo đảm với họ thêm rằng ‘không ai bị án phạt đời đời’ nữa, thì, theo tôi, đây quả không phải là một hành vi thương xót mà là một hành vi bạo tàn”.

Giáo sư Seifert, nhân dịp này, bênh vực việc một giáo dân phê phán một giáo hoàng. Ông đưa ra nhiều điển hình trong lịch sử Giáo Hội cho thấy người giáo dân giúp tay chống lại các lạc giáo.

Điển hình là Hoàng Đế Constantine, người, theo giáo luật, chỉ là một giáo dân, nhưng năm 325, đã triệu tập Công Đồng Nixê, công đồng chung đầu tiên của Giáo Hội, và đã tích cực tham dự, thuyết phục đa số các vị giám mục lúc ấy chịu ảnh hưởng của Ariô chấp nhận giáo huấn chính thống thừa nhận thần tính của Chúa Giêsu Kitô, qua việc từ bỏ công thức sai lầm cho rằng Chúa Kitô chỉ *tương tự* (*homoiousios*) như Chúa Cha, để công nhận công thức chân thực rằng Người *đồng bản tính* (*homoousios*) với Chúa Cha. Do đó, nhờ lời phê phán đa số các giám mục của một giáo dân mà tín lý chủ yếu của toàn bộ đức tin Kitô Giáo đã được duy trì.

Điều cũng được Giáo Sư trưng dẫn là lúc ấy, Thánh Anatasiô, dù mới là phó tế, chưa là giáo sĩ hoàn toàn, cũng đã cùng vị giám mục của mình, trở thành người chủ đạo chống lại lạc giáo Ariô tại Công Đồng Nixê và là người hết lòng ủng hộ chủ trương của Hoàng Đế Constantine tại Công Đồng này. Giáo Hội Coptic còn tin rằng chính Phó Tế Anatasiô đã soạn ra Kinh Tin Kính Nixê.

Sau này, Hoàng Đế Constantine thay đổi lập trường, muốn đưa ra một thỏa hiệp giữa phe Ariô và các Kitô hữu Nixê, Thánh Anatasiô đã can đảm chống lại, dù không thành công và sau đó còn bị con trai của Constantine là Constantius II ép buộc các giám mục dự công đồng Arles phạt tuyệt thông. Ngược với Đức Liberiô, dù trước đây cực lực lên án Ariô, nhưng khi bị Constantius II bỏ tù, đã thỏa hiệp với Phe Ariô bác bỏ công thức của Nixê và phạt tuyệt thông Anatasiô. Dù thế Anatasiô vẫn kiên trì, với 7 lần bị phát vãng và tuyệt thông, hàng ngũ giáo dân đã tiếp tục lên tiếng và nhờ thế các sai lầm đã được sửa chữa.

Thánh nữ Catarina thành Sienna cũng đã sắc sảo nhưng dịu dàng phê phán các vị giáo hoàng Grêgôriô XI và Urbanô VI. Ngài viết cho Đức Giáo Hoàng Urbanô VI rằng: “người con thấy rõ rằng cha mình, người có bốn phen cai quản một gia đình lớn, chỉ có thể nhìn như một người nhìn, không hơn không kém. Nên nếu con cái hợp pháp của ông không sốt sắng quan tâm đến danh dự và phúc lợi của ông, chắc hẳn ông sẽ bị lừa nhiều lần. Thưa Đức Thánh Cha, sự thường là thế. Đức Thánh Cha là cha và là chúa của toàn bộ Kitô Giáo; chúng con ở dưới cánh thánh thiện của Đức Thánh Cha: về thẩm quyền, Đức Thánh Cha có thể làm mọi sự, nhưng về việc nhìn, Đức Thánh Cha chỉ có thể nhìn như một người nhìn; nên con cái Đức Thánh Cha cần phải trông chừng và quan tâm với những tấm lòng trong trắng và không sợ sệt của kẻ nô dịch trước những gì có lợi cho danh dự Thiên Chúa cũng như sự an toàn và danh dự của Đức Thánh Cha và của đoàn chiên dưới quyền săn sóc của Đức Thánh Cha. Và con biết Đức Thánh Cha rất muốn có người giúp đỡ Đức Thánh Cha; nhưng Đức Thánh Cha phải kiên nhẫn lắng nghe họ”.

Thành thử khi thấy giám mục Rôma mắc sai lầm, người giáo dân, như Thánh Tôma Aquinô đã dạy ở trên đây, có quyền và nghĩa vụ phải phê phán “bằng tình yêu sự thật và Giáo Hội”. Chính Đức Phanxicô, ở ngay đầu triều giáo hoàng của ngài, cũng đã thúc giục mọi người đừng xu nịnh ngài hay nói dối ngài hoặc bênh vực các tuyên bố sai lầm.

7. Năm điều hồ nghi

Đến tháng Chín, 4 vị Hồng Y chính thức nhập cuộc yêu cầu Đức Giáo Hoàng Phanxicô làm sáng tỏ 5 điều hồ nghi (dubia) mà các ngài e ngại *Niềm Vui Yêu Thương* đang hướng dẫn sai một cách trầm trọng và gây ra lẫn lộn sâu xa.

Các Đức Hồng Y Carlo Caffarra, Raymond Burke, Walter Brandmüller và Joachim Meisner, cũng theo khuôn khổ của nhóm 45 học giả, bằng cách gửi lên Đức Giáo Hoàng và Bộ Trưởng Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin một tài liệu gồm 5 câu hỏi và một lá thư đính kèm vào ngày 19 tháng Chín.

Dubia (các điều hoài nghi) là các câu hỏi chính thức đệ lên Đức Giáo Hoàng nhằm để ngài trả lời “có” hay “không”, không cần phải lập luận thần học. Thực hành này vốn có từ xưa trong Giáo Hội Công Giáo nhằm đạt được sự rõ ràng sáng sủa về giáo huấn của Giáo Hội.

Bốn Hồng Y cho hay: mục tiêu của các ngài là muốn được soi sáng “các lối giải thích trái ngược nhau” về các đoạn 300-305 của chương 8 trong *Niềm Vui Yêu Thương*, là các đoạn gây tranh cãi nhiều nhất liên quan đến việc cho phép một số người ly dị tái hôn được lãnh nhận các bí tích.

Đức Giáo Hoàng Phanxicô từ khước trả lời 5 câu hỏi trên, khiến bốn vị Hồng Y liên hệ quyết định công bố hai tài liệu của mình vào tháng Mười Một. Các ngài cho rằng: các ngài đọc “quyết định tối thượng của ngài (Đức Phanxicô) như một lời mời tiếp tục cuộc suy tư và thảo luận, một cách thanh thản và kính trọng” do đó, đã quyết định thông tri “cho toàn thể Dân Chúa biết sáng kiến của chúng tôi và cung hiến cho họ mọi tài liệu của chúng tôi”.

Nhờ thế, mọi người được hay: câu hỏi đầu là câu hỏi thực tiễn liên quan tới các người ly dị và tái hôn dân sự; bốn câu hỏi sau liên quan tới các vấn đề nền tảng của đời sống Kitô hữu.

a. Câu hỏi đầu hỏi: có phải “nay đã có thể” nhận cho chịu các bí tích các người ly dị tái hôn, dù họ vẫn tiếp tục các mối liên hệ tình dục, không “chu toàn các điều kiện” được dự liệu trong các giáo huấn trước đây, phần lớn của Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, như tông huấn *Familiaris Consortio* năm 1981 của ngài về gia đình. Câu hỏi cũng hỏi thêm rằng liệu kiểu nói “trong một số trường hợp”, tìm thấy ở Ghi Chú số 351 (Đoạn 305) của *Niềm Vui Yêu Thương* có nên được áp dụng vào những người ly dị hiện sống trong một cuộc kết hợp mới và vẫn tiếp tục sống *more uxorio* (theo lối vợ chồng) không.

b. Câu hỏi thứ hai hỏi: liệu giáo huấn ở số 79, trong thông điệp *Veritatis Splendor* năm 1993 của Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, “về sự hiện hữu của các qui luật luân lý tuyệt đối ngăn cấm các hành vi xấu từ bên trong và có tính trói buộc không trừ ai” có còn giá trị không.

c. Câu hỏi thứ ba hỏi rằng liệu, sau *Niềm Vui Yêu Thương*, ta “còn có thể quả quyết” rằng một người “quen sống mâu thuẫn với giới điều của luật Thiên Chúa, như giới điều ngăn cấm ngoại tình” chẳng hạn có đang sống trong một tình thế tội trọng liên miên một cách khách quan hay không.

d. Câu hỏi thứ bốn hỏi rằng liệu, dưới sự soi sáng của *Niềm Vui Yêu Thương*, giáo huấn của *Veritatis Splendor* rằng “các hoàn cảnh hay ý hướng không bao giờ có thể biến đổi một hành vi xấu từ bên trong nhờ đối tượng của nó thành một hành vi tốt ‘theo chủ quan’ hay như một lựa chọn có thể bào chữa được” có còn giá trị hay không.

e. Câu hỏi cuối cùng hỏi liệu số 56 của *Veritatis Splendor*, tức số dạy “rằng việc nhấn mạnh rằng lương tâm không bao giờ được phép hợp pháp hóa các ngoại lệ đối với các qui luật luân lý tuyệt đối vốn ngăn cấm các hành vi xấu từ bên trong nhờ các đối tượng của chúng” có còn giá trị nữa hay không.

Trong tuyên bố ngày 14 tháng Mười Một, bốn vị Hồng Y nhấn mạnh: các ngài hành động vì công lý và đức ái. Công lý, vì qua 5 điều hoài nghi này, các ngài tuyên xưng thừa tác vụ hợp nhất và củng cố đức tin của thừa tác vụ Phêrô; đức ái, vì các ngài muốn “trợ giúp Đức Giáo Hoàng ngăn ngừa các chia rẽ và tranh chấp trong Giáo Hội, khi yêu cầu ngài đánh tan mọi hàm hồ”.

Các vị cũng cho hay các vị thi hành bốn phận của mình phù hợp với Điều 349 Bộ Giáo Luật: giúp Đức Giáo Hoàng ‘săn sóc Giáo Hội hoàn vũ’. Và các vị yêu cầu đừng coi sáng kiến của các vị “theo mô hình cấp tiến/bảo thủ”.

Động lực của các vị là “lợi ích đích thực của các linh hồn, luật pháp tối cao của Giáo Hội chứ không cổ vũ bất cứ hình thức chính trị nào trong Giáo Hội”.

Các vị nài nỉ: “chúng tôi hy vọng không ai phê phán chúng tôi một cách bất công, như những kẻ thù của Đức Thánh Cha và là những người thiếu lòng thương xót. Điều chúng tôi đã và đang làm có gốc rễ

sâu xa trong lòng âu yếm hợp đoàn vốn hợp nhất chúng tôi với Đức Giáo Hoàng và sự hết lòng quan tâm tới lợi ích của các tín hữu”.

Trong lá thư gửi Đức Giáo Hoàng, các ngài muốn được soi sáng vì “các nhà thần học và các học giả đã đề xuất các lối giải thích” chương 8 của *Niềm Vui Yêu Thương* “không những khác nhau mà còn mâu thuẫn với nhau”.

Thêm vào đó, truyền thông “nhấn mạnh tới cuộc tranh luận này, do đó gây ra bất trắc, lẫn lộn và mất hướng nơi nhiều tín hữu”. Và lại, “nhiều giám mục và linh mục” còn nhận được “nhiều lời yêu cầu của tín hữu thuộc nhiều tầng lớp xã hội khác nhau muốn có lời giải thích chính xác” về chương này.

Các ngài cảm thấy “bị thúc đẩy trong lương tâm” phải hành động vì “trách nhiệm mục vụ” của mình và vì các ngài muốn “thi hành nhiều hơn tính công đồng mà Đức Thánh Cha vốn thúc giục chúng con”.

Kết thúc bức thư, các vị kêu gọi Đức Thánh Cha “củng cố anh em mình trong đức tin, giải quyết các bất trắc và đem lại sự rõ ràng, từ nhân trả lời các câu hỏi nghi mà chúng con đính kèm thư này”.

8. Một cuộc khủng hoảng gây di căn

Tuy nhiên, xem ra Đức Phanxicô, hoặc ít nhất, các phụ tá tin cẩn của ngài không nghĩ như thế. Đức Phanxicô chưa trực tiếp nói gì, nhưng các phụ tá tin cẩn của ngài vừa bác bỏ việc trả lời vừa tấn công ý hướng của các vị Hồng Y liên hệ.

Trong khi ấy, ngày 8 tháng Mười Hai, một số giáo dân đã tham gia nhóm 23 học giả Công Giáo lên tiếng ủng hộ bốn vị Hồng Y. Hai giáo sư giáo dân Joseph Shaw của Đại Học Oxford, Anh và Anna M. Silvas của Đại Học New England, Úc, những người từng tham gia nhóm 45 học giả trên đây, cũng đã tham gia nhóm mới này. Trong số thành viên, còn có giáo sư triết học Claudio Pierantoni, người vốn chỉ trích chương 8 của *Niềm Vui Yêu Thương* trong một cuộc tranh luận với giáo sư Rocco Buttiglione.

Họ cho biết nay là thời điểm nghiêm trọng, có tính quá độ, tương tự như cuộc khủng hoảng do lạc giáo Ariô gây ra. Nhóm cho rằng khi lạc giáo Ariô đang lấn lướt, “đại đa số các giám mục, kể cả vị kế nhiệm Thánh Phêrô, đã chao đảo đối với thần tính của Chúa Kitô. Nhiều vị chưa hoàn toàn rơi vào lạc giáo; nhưng, bị lẫn lộn làm hoang mang và nhất đảm làm cho yếu đuối, họ đi tìm các công thức thỏa hiệp tiện lợi dưới chiêu bài ‘hòa bình’ và ‘hợp nhất’. Ngày nay, ta cũng đang mục kích một cuộc khủng hoảng gây di căn tương tự, lần này về các khía cạnh nền tảng của lối sống Kitô Giáo”.

Bản tuyên bố của nhóm nói rằng người ta chỉ đãi môi đãi miệng (lip service) bên vực các giáo huấn như “tính bất khả tiêu của hôn nhân, tính tội lỗi khách quan trầm trọng của gian dâm, ngoại tình và kê gian, tính thánh thiêng của Thánh Thể, và thực tại hải hùng của tội trọng”. Nhưng nhiều nhân vật chủ chốt đang ngầm phá hoại hay thực tế bác bỏ các tín lý này bằng cách “nhấn mạnh một cách cường điệu và một chiều tới ‘lòng thương xót’, ‘đồng hành mục vụ’, và ‘các hoàn cảnh giảm khinh’”.

Nhóm kêu gọi các vị giám mục ủng hộ bốn vị Hồng Y vì cho rằng bốn vị đã nêu lên “các câu hỏi đi thẳng vào vấn đề và có tính tìm kiếm” và nếu Đức Giáo Hoàng không chịu tái xác nhận giáo huấn của Giáo Hội, thì các vị Hồng Y phải “tiếp cận ngài một cách tập thể để áp dụng một hình thức sửa sai anh em nào đó, trong tinh thần khuyến răn của Thánh Phaolô đối với tông đồ bạn của mình là Thánh Phêrô tại Antiôkia”.

Dịp này Giáo Sư Shaw cho hay: “chỉ có Đức Thánh Cha có quyền giải quyết sự hỗn độn hiện nay, và ngài khẩn thiết phải làm như thế vì lợi ích các linh hồn”.

Ông nói thêm rằng một số người tự nhận ủng hộ Đức Giáo Hoàng Phanxicô cho hay: “Người Công Giáo nên cùng một lúc tin rằng giáo huấn của Đức Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, và của mọi vị tiền nhiệm của ngài, vẫn đúng, nhưng không còn áp dụng được vào các hoàn cảnh cụ thể nữa. Đòi người ta tiếp nhận kiểu suy nghĩ nước đôi này không phải là hành động của một người cha tốt; mà là một việc lạm dụng người Công Giáo bình thường và sự thật. Bác bỏ lối bênh

vực *Niềm Vui Yêu Thương* này không những là đòi hỏi của Đức Tin mà còn của sự lành mạnh tinh thần nữa”.

9. Sử dụng sai *Niềm Vui Yêu Thương*

Một ngày sau, tức ngày 9 tháng Mười Hai, hai học giả giáo dân kỳ cựu là John Finnis, giáo sư luật và triết học luật pháp của Đại Học Oxford và Germain Grisez, giáo sư hưu trí về đạo đức học Kitô giáo của Đại Học Mount St. Mary's University, Maryland, Hoa Kỳ, tiết lộ đã gửi một lá thư bỏ ngỏ lên Đức Giáo Hoàng Phanxicô khẩn khoản yêu cầu ngài chấm dứt điều hai ông gọi là “việc sử dụng sai” *Niềm Vui Yêu Thương* để “hỗ trợ cho các sai lạc chống lại đức tin Kitô Giáo”.

Hai ông Finnis và Grisez không cho rằng chính *Niềm Vui Yêu Thương* sai lạc, mà nhấn mạnh rằng văn kiện này bị sử dụng sai để phá hoại các giáo huấn Công Giáo. Với họ, các tuyên bố của các vị giáo hoàng “phải được giả thiết là nhất quán với nhau khi được giải thích cách thận trọng” và do đó, *Niềm Vui Yêu Thương* phải được đọc dưới sự soi sáng của các tuyên bố rõ ràng của các vị giáo hoàng trước đây nhằm khẳng định giáo huấn của Giáo Hội về hôn nhân.

Việc sử dụng sai này đã phát sinh ra tám đề xuất mà hai giáo sư Finnis và Grisez cho rằng người ta đang coi chúng nhất quán với *Niềm Vui Yêu Thương*, nên họ thỉnh cầu Đức Giáo Hoàng Phanxicô lên án chúng:

- Các linh mục có thể ban sự tha tội cho dù hối nhân không có ý định sửa đổi;
- Người ta có thể quá yếu đuối đến không thể vâng theo các giới điều của Thiên Chúa;
- Không có luật luân lý nào mà lại không bao giờ có ngoại lệ;
- Các luật luân lý chỉ là các lý tưởng, và quả là không hiện thực chút nào khi hy vọng chúng được chu toàn;
- Trong một số hoàn cảnh, tốt nhất là vi phạm luật luân lý;

- Sinh hoạt tính dục chỉ sai nếu có người bị khai thác hay tổn thương;
- Có thể tiêu hủy một cuộc hôn nhân đã thành sự; và
- Không ai bị kết án sa hỏa ngục cả.

Điều đáng ghi nhận là giáo sư Grisez vốn là phụ tá của Cha John C. Ford, Dòng Tên, người đứng đầu phe thiểu số trong Ủy Ban Dân Số, Gia Đình, và Sinh Xuất của Đức Phaolô VI, để ngài viết thông điệp có tính tiên tri về *Sự Sống Con Người* năm 1968. Chính tham luận của phe thiểu số này, được Cha Ford và Grisez soạn thảo và trình lên Đức Phaolô VI, qua Đức Hồng Y Alfredo Ottaviani, Bộ Trưởng Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin lúc ấy, đã được nhận làm chủ đề cho giáo huấn của Đức Phaolô về ngừa thai, một giáo huấn vẫn đã được các vị giáo hoàng cho tới nay tiếp tục duy trì.

II. Phe ủng hộ

Cho tới nay, chưa thấy có một nhóm giáo dân Công Giáo nào lên tiếng ủng hộ việc cho phép người ly dị tái hôn dân sự được lãnh nhận các bí tích. Nhưng người giáo dân nổi tiếng nhất lên tiếng ủng hộ việc này là chính trị gia kiêm giáo sư triết Rocco Buttiglione.

1. Chủ quan tính và việc định tội

Thực vậy từ hồi tháng Bảy, trong Bài “Niềm Vui Yêu Thương và Sự Sững Sốt Của Các Nhà Thần Học” (The joy of love and the consternation of theologians) đăng trên tờ báo chính thức của Tòa Thánh, tức tờ L’Osservatore Romano, Giáo Sư Buttiglione đã cho rằng có những trường hợp nên cho người ly dị và tái hôn dân sự được lãnh nhận các bí tích.

Theo ông, Sách Giáo Lý Rôma, tức sách Giáo Lý của Thánh Giáo Hoàng Piô X, vị giáo hoàng đấu tranh kịch liệt chống lại phe duy hiện đại, dạy rằng có ba yếu tố mới tạo nên một tội trọng: phải là một hành vi xấu từ trong nội tại hay đi ngược một cách trầm trọng với luật luân lý, nghĩa là phải là một việc hệ trọng. Các liên hệ tính dục ngoài hôn nhân chắc chắn đi ngược lại luật luân lý một cách trầm trọng. Điều này đúng trước khi có *Niềm Vui Yêu Thương*, điều này đúng trong

Niềm Vui Yêu Thương và dĩ nhiên nó tiếp tục đứng sau khi đã có *Niềm Vui Yêu Thương*. Đức Giáo Hoàng không hề thay đổi tín lý của Giáo Hội.

Nhưng Thánh Piô X còn dạy ta thêm: ngoài việc phạm một việc hệ trọng ra, muốn thành tội trọng, người phạm phải hiểu biết đầy đủ về cái xấu của hành vi mình phạm. Nếu ai tin chắc trong lương tâm rằng hành vi này không xấu một cách trầm trọng, thì nó chỉ xấu về chất thể (materially) nhưng với họ không bị kể là một tội trọng.

Cuối cùng, chủ thể hành động phải tự ý bằng lòng làm hành vi này. Điều này có nghĩa: họ phải được tự do hành động hay không hành động: nghĩa là được tự do hành động kiểu này hơn là kiểu kia, và không bị cưỡng ép bởi một nỗi sợ sệt buộc họ phải làm một điều khi họ thích làm một điều khác.

Rồi Giáo Sư Buttiglione đưa ra một số điển hình cho thấy có những hoàn cảnh người ly dị tái hôn dân sự rơi vào trạng huống sống trong một tội trọng mà không hoàn toàn hiểu biết hay tự ý bằng lòng: một người đàn bà tuy đã chịu phép rửa nhưng chưa bao giờ được phúc âm hóa thực sự, bước vào một cuộc hôn nhân cách hời hợt, rồi bị người chồng bỏ rơi; một người đàn ông kết hợp với một người ông ta đang giúp đỡ một người đàn bà trong lúc gặp khủng hoảng nghiêm trọng. Ông thành thực yêu thương người đàn bà này và trở thành một người cha tốt đối với các đứa con của người đàn bà từ cuộc hôn nhân đầu của nàng.

Đối với các trạng huống trên, Giáo Sư Buttiglione cho rằng bạn có thể gợi ý để ông ta hay bà ta sống với nhau như anh trai em gái. Nhưng nếu họ từ chối sống như thế thì sao? Có thể có các khả thể sau: vào một lúc nào đó, một trong hai người tìm được vẻ đẹp của đức tin và được phúc âm hóa thực sự lần đầu tiên trong đời. Hay, cuộc hôn nhân đầu thực sự không thành sự, nhưng có những lý do hợp lý khiến họ không ra tòa án Giáo Hội được hoặc vì bất cứ lý hợp lý nào khiến họ không chứng minh được tính không thành sự của cuộc hôn nhân đầu...

Nhưng *Niềm Vui Yêu Thương* thì sao, nó dạy gì? Giáo Sư Buttiglio bảo: có lẽ tốt hơn nên bắt đầu với những gì nó không dạy. Nó không

dậy: người ly dị tái hôn dân sự cứ lặng lẽ bình thản lên rước lễ. Đức Giáo Hoàng mời gọi họ bước và tiếp tục bước con đường hoán cải. Ngài mời gọi họ tự vấn lương tâm và thổ lộ hết tình huống của mình. Ngài mời gọi hối nhân và vị giải tội cùng bước con đường biện phân tâm linh. Tông Huấn không nói ở điểm nào trên con đường này, họ có thể nhận ơn giải tội và tiến lên rước lễ. Nó không nói vì tính đa dạng của các tình huống và hoàn cảnh nhân bản thì quá bao la.

Con đường mà Đức Giáo Hoàng đề nghị với người ly dị tái hôn y hệt con đường Giáo Hội vẫn đề nghị với mọi người có tội: đến tòa giải tội, và vị linh mục, khi đã xem xét mọi hoàn cảnh, sẽ quyết định liệu có ban ơn giải tội cho hối nhân và cho phép họ rước lễ hay không.

Một lần nữa, Giáo Sư Buttiglione nhắc lại rằng: về phương diện khách quan, chắc chắn những người này đang sống trong trạng huống tội trọng, trừ trường hợp hôn nhân trước không thành sự. Nhưng liệu họ có hoàn toàn chịu trách nhiệm chủ quan và do đó có tội hay không lại là một chuyện khác cần được xem xét. Chính vì thế, họ cần phải tới tòa giải tội.

Còn đối với vị tiền nhiệm Gioan Phaolô II thì sao? Có mâu thuẫn hay đứt đoạn gì không? Giáo Sư Buttiglione cho rằng *NVYT* không mâu thuẫn với *Veritatis Splendor* của Đức Gioan Phaolô II. Vì nó vẫn cho rằng có những hành vi tự chúng xấu như ngoại tình chẳng hạn, bất kể các hoàn cảnh đi kèm với chúng và ý hướng của người thực hiện chúng. Nhưng chính Thánh Gioan Phaolô II cũng chắc chắn rằng các hoàn cảnh có ảnh hưởng tới việc đánh giá luân lý về người chủ của hành vi, khiến họ trở thành có tội nhiều hay có tội ít đối với hành vi xấu một cách khách quan của họ. Không hoàn cảnh nào có thể biến một hành vi tự nó xấu thành một hành vi tốt, nhưng hoàn cảnh có thể tăng hay giảm trách nhiệm luân lý của người thực hành hành vi này. Đó là điều *NVYT* truyền dậy, thành thử không hề có thứ “đạo đức học hoàn cảnh” trong nó mà chỉ có sự cân bằng cổ điển của trường phái Tôma biết phân biệt giữa việc phán đoán hành vi và việc phán đoán người làm hành vi, trong đó, các hoàn cảnh giảm khinh hay miễn tội (exonerating) cần được xem xét.

Đối với Tông Huấn *Familiaris Consortio* số 84 và *NVYT* số 305, nhất là ghi chú 351, Giáo Sư Buttiglione cho rằng Thánh Gioan Phaolô II không cho phép người ly dị tái hôn dân sự rước lễ, còn Đức Phanxicô thì dạy rằng họ được phép trong một số trường hợp. Nhưng đâu có gì mà coi là mâu thuẫn?

Ta hãy đọc bản văn kỹ hơn một chút. Trước đây, người ly dị và tái hôn dân sự bị tuyệt thông và trục xuất ra khỏi đời sống Giáo Hội. Thứ tuyệt thông này đã không còn với Bộ Giáo Luật mới và Tông Huấn *Familiaris Consortio*, và người ly dị tái hôn dân sự nay được khuyến khích tham dự vào đời sống Giáo Hội và cho con cái được dưỡng dục theo Kitô Giáo. Đây quả là một quyết định can đảm tách ra khỏi một truyền thống lâu đời. Nhưng *Familiaris Consortio* vẫn dạy rằng người ly dị tái hôn dân sự không được rước lễ. Lý do là họ sống trong một trạng thái tội lỗi công khai tỏ tường và họ phải tránh gây gương mù. Các lý do này mạnh đến nỗi bất cứ hoàn cảnh giảm khinh nào cũng không được cứu xét.

Nhưng Giáo Sư Buttiglione nói rằng: “Đức Giáo Hoàng Phanxicô bảo ta nên xem xét các hoàn cảnh ấy. Sự khác nhau giữa *Familiaris Consortio* và *NVYT* chỉ có thế. Hiển nhiên, về phương diện khách quan, người ly dị tái hôn sống trong trạng huống tội nặng; Đức Giáo Hoàng Phanxicô không hề cô vũ việc những người như thế được rước lễ, nhưng, giống mọi người có tội, được đến tòa giải tội. Ở đây, họ sẽ kể hết mọi hoàn cảnh giảm khinh của họ và nghe vị giải tội xem dưới những điều kiện nào họ có thể được lãnh ơn tha tội”.

Ông nhận định: “Rõ ràng, Thánh Gioan Phaolô II và Đức Giáo Hoàng Phanxicô không nói cùng một điều nhưng các ngài cũng không mâu thuẫn với nhau về thần học hôn nhân. Đúng hơn, các ngài thi hành quyền tha buộc của Thánh Phêrô do Thiên Chúa ban một cách khác nhau trong các hoàn cảnh lịch sử khác nhau. Để hiểu điều này, ta hãy xem xét câu hỏi sau đây: có mâu thuẫn không giữa các vị giáo hoàng phạt tuyệt thông các người ly dị tái hôn và Thánh Gioan Phaolô II, vị giáo hoàng đã rút lại vạ tuyệt thông này?”

Giáo Sư Buttiglione đi xa hơn một chút khi quả quyết rằng: “các vị giáo hoàng trước ngài luôn biết rằng một số người ly dị tái hôn có thể

đang sống trong ơn thánh Chúa do nhiều hoàn cảnh giảm khinh. Các ngài biết rõ rằng thẩm phán tối hậu chỉ có một mình Thiên Chúa mà thôi. Nhưng các ngài vẫn phải nhấn mạnh tới vạ tuyệt thông để củng cố chân lý bất khả tiêu của hôn nhân trong lương tâm đoàn chiên mình. Đây là một chiến lược mục vụ hợp pháp trong một xã hội phần lớn đồng thể (homogenous) vào thời đó, lúc ly dị là tình trạng ngoại lệ, người ly dị tái hôn rất ít...

“Nay, ly dị là một hiện tượng thường xuyên hơn nhiều và có nguy cơ chối đạo hàng loạt nếu người ly dị tái hôn rời bỏ Giáo Hội và không cho con cái một nền giáo dục Kitô Giáo nữa. Chúng ta không còn sống trong một xã hội đồng thể. Nó dị thể nhiều hơn và rất linh động. Con số người ly dị đã gia tăng lớn lao cũng như những người trong các hoàn cảnh “bất hợp lệ” nhưng về chủ quan, có thể sống trong trạng thái ơn sủng; do đó, cần phải khai triển một chiến lược mục vụ mới. Vì lý do này, các vị giáo hoàng đã quyết định thay đổi không phải luật Thiên Chúa mà là luật của con người vốn nhất thiết đi kèm với luật Chúa, xét vì Giáo Hội là một thực thể nhân bản và hữu hình”.

Chiến thuật mới có nguy cơ không? Giáo Sư Buttiglione cho rằng có. Có nguy cơ một ai đó sẽ rước lễ cách phạm thượng vì không ở trong trạng thái ơn thánh. Nếu thế, họ tự ăn và uống hình phạt của họ.

Nhưng chiến thuật cũ cũng có nguy cơ. Vì có những người bị tước mất sự nâng đỡ của bí tích mà họ có quyền được hưởng. Ông kết luận: “hãy để cho các hội đồng giám mục, các giám mục cá thể, và cuối cùng, để các cá nhân Kitô hữu, sử dụng các biện pháp đúng để tối đa hóa các lợi ích của đường hướng mục vụ này và tối thiểu hóa các nguy cơ. Dù ngôn các nén bạc dạy ta phải chấp nhận rủi ro và có lòng tin vào sự thương xót”.

2. Trả lời 5 điều hoài nghi của 4 vị Hồng Y

Thực ra, phe chỉ trích rất dễ đánh đổ các luận điểm của Giáo Sư Buttiglione. Các tác giả như linh mục giáo sư Robert Gahl, Cha Brian Harrison, Veronica A. Arntz đã lần lượt phân tích các điểm yếu trong luận điểm Buttiglione.

Cha Gahl chẳng hạn nhấn mạnh rằng trong diễn trình đồng hành và biện phân, người ly dị tái hôn “không hiểu biết” phải được giúp đỡ để hiểu biết rõ về tình trạng của mình. Nhưng Giáo Sư Buttiglione vẫn cho rằng nói như thế là chưa hiểu thấu đáo về lương tâm. Có những người dù được giảng dạy như thế, vẫn tin trong lương tâm rằng họ không có lỗi, và do đó, họ sống trong trạng thái ơn thánh... Điều này không được tác giả Arntz đồng ý vì cho rằng hôn nhân, theo Thánh Gioan Phaolô II, là một việc hoàn toàn tự nhiên, không con người tự nhiên nào mà lại không hiểu bản chất của hôn nhân, đến nỗi không chấp nhận lời giảng khuyên của diễn trình đồng hành và biện phân!

Hơn nữa, những điều Giáo Sư trình bày về xã hội thay đổi, con số ly dị gia tăng, nguy cơ bỏ đạo để bênh vực việc nói rộng kỷ luật bí tích đến có thể đụng tới tính bất khả tiêu của hôn nhân và nền tảng của bí tích giải tội (quyết tâm sửa đổi) có thể cứu được một số người đi chẳng nữa, nhưng sẽ làm lung lay đức tin của vô số người, đẩy họ vào chỗ bỏ đạo trên thực tế. Cái hại chắc chắn sẽ lớn lao hơn cái ích rất nhiều.

Lịch sử cho thấy chỉ một việc cử hành Thánh Lễ quay xuống hay quay lên, bằng tiếng La Tinh hay tiếng bình dân cũng đã đẩy hàng triệu người xa lánh Giáo Hội, đến nỗi dù nay ta hết sức lôi kéo những người này trở lại, họ vẫn dùng dằng “em chả, em chả”. Với sự “thay đổi chiến thuật” này, không phải mấy triệu người mà hàng trăm triệu người chính thức rời bỏ Giáo Hội và hàng trăm triệu người khác rời bỏ Giáo Hội trên thực tế.

Giáo Sư Buttiglione hình như không sợ như vậy. Nên khi nghe 4 vị Hồng Y bày tỏ 5 điều hồ nghi (*dubia*), ông không ngại lên tiếng chỉ trích, với tư cách một giáo dân, từng làm chồng, làm cha, đọc Thánh Tôma và năng đi xưng tội.

Thực tế, ông cũng chỉ nhắc lại những điều đã viết trên đây để trả lời 4 vị Hồng Y. Như khi trả lời “*dubia*” thứ nhất rằng: liệu, trong một số trường hợp, có thể tha tội cho một người, dù còn bị trói buộc bởi cuộc hôn nhân trước, vẫn sống theo kiểu vợ chồng, nghĩa là tiếp tục làm tình trong cuộc kết hợp hiện nay, ông trả lời là có “như đã viết trong *NVYT* và được quả quyết trong các nguyên tắc tổng quát của thần học

luân lý. Cần có sự phân biệt rõ ràng giữa hành vi tạo nên tội trọng và người làm hành vi, rất có thể bị trói buộc bởi các hoàn cảnh có thể giảm khinh trách nhiệm của họ đối với hành vi và trong một số trường hợp hoàn toàn loại bỏ trách nhiệm này”. Ông không nói gì tới việc đồng hành và biện phân. Nhưng ông đưa ra thí dụ: một người đàn bà hoàn toàn lệ thuộc một người đàn ông về tài chánh và tâm trí và buộc phải làm tình ngược với ý muốn mình.

Trả lời “dubia” thứ hai rằng giáo huấn của Đức Gioan Phaolô II trong số 79 của *Veritatis Splendor* – về sự hiện hữu của các hành vi xấu từ trong nội tại – có còn giá trị hay không, ông bảo: còn. Vì *NVYT* không nói đến việc lượng giá hành vi xấu mà lượng giá mức độ của trách nhiệm chủ quan.

Trả lời “dubia” thứ ba rằng có thể quả quyết những người vẫn sống như vợ chồng là đang sống trong tình trạng tội nặng hay không, ông bảo: câu trả lời có thể là “có” nếu là tội nặng (grave sin) chứ không phải tội trọng (mortal sin). Theo ông tội nặng được xác định bởi đối tượng (vấn đề nặng). Tội trọng trái lại được ấn định bởi hậu quả gây ra cho chủ thể (giết linh hồn). Mọi tội trọng đều là tội nặng nhưng không phải tội nặng nào cũng là tội trọng! Vì có những trường hợp vấn đề nặng không đi đôi với việc hiểu biết hoàn toàn và đồng ý hoàn toàn của chủ thể.

Trả lời “dubia” thứ tư rằng giáo huấn của Đức Gioan Phaolô II ở số 81 của *Veritatis Splendor*, tức số nói rằng: “các hoàn cảnh hay ý hướng không bao giờ có thể biến đổi một hành vi xấu từ bên trong do đối tượng của nó thành một hành vi tốt về phương diện 'chủ quan' hay có thể bên vực được như một chọn lựa, có còn giá trị không, ông bảo: chắc chắn còn giá trị. Sống chung theo lối vợ chồng, chẳng hạn, bất kể ý hướng hay hoàn cảnh nào, vẫn luôn luôn xấu, đi ngược lại kế hoạch Thiên Chúa. Nó là một vết thương, nhưng có tử thương không? Thì ông bảo là không! Vết thương nặng này không gây tử thương. Hoàn cảnh không thay đổi bản chất của hành vi nhưng có thể thay đổi phán đoán liên quan tới trách nhiệm của người làm.

Trả lời “dubia” thứ năm rằng giáo huấn ở số 56 của *Veritatis Splendor*, tức giáo huấn dạy rằng lương tâm không có một vai trò

sáng tạo và không thể biện minh cho các ngoại lệ đối với các qui luật luân lý tuyệt đối, có còn giá trị không, ông trả lời: nó vẫn còn giá trị. Lương tâm nhìn nhận chân lý chứ không tạo ra chân lý, nó không thể thiết lập ra một qui luật hoàn toàn hoặc một phần đi trệch khỏi qui định của luật tự nhiên. *NVYT* không quả quyết bất cứ ngoại lệ nào đối với qui luật. Ngoại tình là một tội và hối nhân phải luôn nhìn nhận phần lỗi của mình và tìm cách làm cho tình trạng của mình phù hợp với qui luật. Nhưng họ có thể chỉ không hoàn toàn chịu lỗi vì thiếu khả năng hoàn toàn sống theo các nguyên tắc công lý và vì lý do này rơi vào tình huống có tội nhưng không phải là tội trọng (mortal). Khi bí tích được ban cho những người thấy mình sống trong tội nặng nhưng không phải tội trọng, thì đây không phải là một lời mời hối nhân cắt ngăn hành trình tiến tới nhân đức luân lý của họ, vì tương mình đã thoả đáng rồi. Đúng hơn, đây là một lời động viên để họ tiếp tục hành trình ấy.

Ở đây, Giáo Sư Buttiglione đưa ra một thí dụ hơi lạ: giả dụ Ông Giakêu rơi vào hoàn cảnh không trả lại gấp bốn lần số tiền ông đã lấy của người ta, có thể vì ông đã trót phung phá hết mà cũng có thể là vì ông ta không đủ rộng lượng để làm thế, mà chỉ có thể trả lại nửa số tiền đã lấy của người ta, liệu ông ta có tôn trọng ý Chúa không? Giáo Sư Buttiglione bảo: có, do nửa số tiền ông trả lại, chứ không do nửa số tiền ông chưa trả. Cũng thế, những người đi lại con đường đức tin và chân lý và chỉ một phần sửa lại các lỗi lầm của mình có thể an tâm rằng họ đã hành động phù hợp với thánh ý Thiên Chúa bao lâu họ tiếp tục cầu nguyện với Người để Người ban cho họ ơn thánh giúp họ tiếp tục con đường thống hối cho tới khi nó được hoàn tất. Dọc con đường này, công lý và thương xót như hai người đi đường nâng đỡ nhau cùng đi hay như hai người phối ngẫu cùng nhau tìm cách giáo dục con cái họ sống trọn đời sống nhân bản và Kitô hữu.

Tóm lại, *NVYT* hoàn toàn phù hợp với tín lý và truyền thống thánh thiện của Giáo Hội và không hề mâu thuẫn với giáo huấn thần học của Đức Gioan Phaolô II cũng như các vị tiền nhiệm và kế nhiệm ngài.

Nhưng theo Cha Brian Harrison, Giáo Sư Buttiglione, dù là một nhà hộ giáo rất có khả năng, vẫn khó có thể thành công khi cố gắng chứng

tỏ rằng NVYT “đầy rối rắm lại có thể hoàn toàn cùng đường hướng với tín lý truyền thống Công Giáo”.

Cha cho rằng thí dụ ông đưa ra để trả lời “dubia” thứ nhất không ăn uống gì tới vấn đề đang bàn: vì nếu người đàn bà làm tình “ngược với ý muốn của nàng” thì việc làm tình của nàng đâu phải là một hành vi nhân linh và do đó đâu có tội mà phải đi xưng! Đức Phanxicô đâu có nói thế, ngài nói tới những người tái hôn bất hợp lệ thuận tình sống với nhau như vợ chồng và muốn được giải tội và rước lễ.

Cha Harrison cho rằng Giáo Sư Buttiglione hết sức hời hợt khi trả lời “dubia” thứ hai, có lẽ vì ông không nhận ra lý do khiến 4 vị Hồng Y “hồ nghi” điều này. Thực vậy, ở số 304 của NVYT, Đức Phanxicô không chỉ nói rằng việc quy tội ngoại tình đôi khi có thể giảm khinh bởi nhân tố chủ quan. Dường như ngài còn muốn nói: có thể có các ngoại lệ đối với chính lề luật. Vì ở đây, ngài nại tới một đoạn trong *Summa* (Ia IIae, Q. 94, a. 4) trong đó, Thánh Tôma không nói tới việc qui lỗi chủ quan mà nói tới các qui luật tổng quát của tác phong không áp dụng trong mọi tình huống đặc thù. Trong ngữ cảnh của chương 8 NVYT, dường như Đức Thánh Cha muốn hàm ý ở số 304 rằng dựa trên giáo huấn của Thánh Tôma, chúng ta có thể xếp luật luân lý ngăn cấm việc thân mật tính dục ở bên ngoài cuộc hôn nhân thành sự như là một trong “các luật hay qui định tổng quát” có thể có ngoại lệ trong các trường hợp đặc thù. Thực vậy, ở số trước đó, tức số 303, Đức Giáo Hoàng Phanxicô nói rằng “lương tâm” của một người sống trong một mối liên hệ tính dục bất hợp lệ “có thể tiến tới chỗ thấy một cách tương đối chắc chắn về phương diện luân lý rằng [mối liên hệ này] là điều chính Thiên Chúa yêu cầu trong sự phức tạp cụ thể của các giới hạn của họ”. Vì Thiên Chúa không bao giờ “yêu cầu” ta làm một điều mâu thuẫn với chính các giới răn của Người, nên các hành vi tính dục đang bàn hẳn phải biện minh được một cách khách quan, chứ không chỉ bào chữa được về phương diện chủ quan. Nói cách khác, hình như ở các số 303-304, Đức Giáo Hoàng Phanxicô muốn dạy một chủ đề mới gây kinh ngạc rằng “lương tâm” người ta có thể hợp lý khám phá ra các ngoại lệ thực sự, tự áp dụng cho chính họ, đối với luật Thiên Chúa ngăn cấm sự thân mật tính dục ở bên ngoài một cuộc hôn nhân thành sự.

Hơn nữa, như nhiều học giả của trường phái Tôma đã chỉ rõ, Thánh Tôma không quả quyết cũng không hàm ý cho rằng điều trên có thể xảy ra bất cứ lúc nào, nên việc nại tới thẩm quyền của ngài trong số 304 là điều lầm lẫn. Ở đây, ở Câu Hỏi 94, mục 4, thánh nhân chỉ tập chú vào các giới điều tích cực của luật tự nhiên; các giới điều này dĩ nhiên đôi khi có ngoại lệ. Điều này rõ ràng ngay trong thí dụ điển hình đã nêu ra: dù luật tổng quát dạy rằng “các của cải ủy thác cho một người khác phải được phục hồi lại cho người sở hữu chúng”, nhưng có những hoàn cảnh, thánh nhân nói thế, trong đó, không nên làm như thế: thí dụ, nếu ta biết rõ thứ khí giới cho mượn có thể được sử dụng cho một mục đích xấu nếu được hoàn lại cho người sở hữu nó lúc ấy. Thánh Tôma không bao giờ gợi ý là có những ngoại lệ cho các giới điều tiêu cực như “người đừng ngoại tình”. Thực vậy, ngay ở mục tiếp theo, tức mục 5 của cùng Câu Hỏi 94, Thánh Tôma cho biết rõ: ngay mặc khải đặc biệt bảo tiên tri Hôsê “lấy người vợ gian dâm” cũng không được hiểu như một ngoại lệ đối với luật Chúa cấm ngoại tình.

Chỉ với việc phân biệt giữa tội nặng (nặng khách quan) và tội trọng (chủ quan mất ơn thánh hóa) khi trả lời “dubia” thứ ba, theo Cha Harrison, Giáo Sư Buttiglione cũng đã không nắm được lý do khiến 4 vị Hồng Y “dubia”. Vì Đức Giáo Hoàng Phanxicô, khi đề cập tới những người Công Giáo ly dị và tái hôn bất thành sự mà vẫn tiếp tục tích cực hoạt động tính dục, đã đưa ra một tuyên bố gây ngỡ ngàng ở số 301 rằng một số những người này có thể “ở trong một tình huống cụ thể không cho phép họ hành động cách khác và quyết định cách khác mà không phạm tội thêm”. Nếu đối với những người trong “tình huống cụ thể” ấy mà từ chối không làm tình với người bạn tình không phải là người phối ngẫu thực sự của mình là điều có tội, thì mối liên hệ tính dục tiếp tục của họ quả thực không phải là “một tình huống khách quan của tội nặng thường xuyên” nữa, càng không phải là một tình huống có thể qui tội trọng về phương diện chủ quan. Trái lại, nó còn là một điều bắt buộc về luân lý nữa!

Hơn nữa, khi nhân mạnh tới gương mù, Giáo Sư Buttiglione cũng đã không hiểu thấu đáo đức Gioan Phaolô II ở số 84, Tông Huấn *Familiaris Consortio*, khi ngài nhân mạnh rằng gương mù chỉ là lý do phụ, lý chính yếu khiến những người ly dị và tái hôn dân sự không

được rước lễ là vì “tình trạng và điều kiện sống của họ mâu thuẫn một cách khách quan với sự kết hợp tình yêu giữa Chúa Kitô và Giáo Hội vốn được Phép Thánh Thể tượng trưng và hữu hiệu hóa”. Thực ra, Giáo Sư Buttiglione không hề nhắc tới giáo huấn này.

Cha Harrison cũng cho rằng các tuyên bố ở các số 301, 303 và 304 của *NVYT* đã phân tích trên đây khiến cho câu trả lời cho các “dubia” 4 và 5 của Giáo Sư Buttiglione không đúng trọng tâm và không giải quyết được vấn đề.

Nếu đúng như thế, thì Giáo Sư Buttiglione khó lòng có thể tự hào là người hiểu cả Đức Gioan Phaolô II lẫn Đức Phanxicô trong tư cách bạn thân như ông từng thổ lộ trong cuộc phỏng vấn của tờ *TheRealClearReligion* ngày 25 tháng Chín năm 2014.

3. Bất thuận

Ta hãy xem người giáo dân thứ hai tích cực bên vực quan điểm bị “người ta” hiểu lầm của Đức Phanxicô trong *NVYT*. Đó là Austen Ivereigh, tác giả viết tiểu sử về Đức Phanxicô. Với bài báo ngày 11 tháng Mười Hai, 2016, tựa là “As anti-Amoris critics cross into dissent, the Church must move on”, Ivereigh không ngại gọi những người phê phán *NVYT* là “dissent” (người bất thuận).

Tuy nhiên, 4 vị Hồng Y chỉ bị Ivereigh tố cáo là thiếu “good manners and respect” (tư cách và lòng kính trọng). Việc thiếu tư cách và lòng kính trọng này đã khiến “giọng điệu bất kính và miệt thị của một số người viết ủng hộ các vị rớt sâu xuống một mức đáng ngỡ ngàng”. Tệ hơn nữa, họ đã “vượt ranh giới” rơi tõm xuống “bất thuận”.

Ivereigh cho rằng bất thuận không phải là bất đồng (disagreement). Đức Phanxicô không những không bác bỏ việc một số người bất đồng với ngài về quyết định này hay tuyên bố nọ của ngài, ngài còn khuyến khích nữa. Nhưng bất thuận thì khác. Bất thuận so với bất đồng cũng giống như bất tín (disbelief) so với hoài nghi.

Trong yếu tính, bất thuận là tra vấn tính hợp pháp của triều giáo hoàng. Là hoài nghi việc phát triển Giáo Hội dưới quyền vị kế nhiệm Thánh Phêrô hiện nay không phải là hoa trái của Chúa Thánh Thần.

Sau đó, Ivereign không nhằm phân tích và phê phán các quan điểm, cho bằng tấn công người (ad hominem). Ông cho biết “điều họ [những người bất thuận] có chung là gần như luôn luôn, họ là giáo dân, có học và phát xuất từ thế giới giàu có hay từ những vùng giàu có của thế giới đang phát triển. Phần lớn họ là các nhà trí thức, luật sư, giáo sư, nhà văn...”

Luận điểm được Ivereign nhấn mạnh là đa số người Công Giáo thừa nhận việc phát triển là hợp pháp, là vị Giáo Hoàng hành động vì lợi ích của Giáo Hội, là một giải đáp trung thành với tín lý đứng trước các dấu chỉ thời đại. Họ hiểu thượng hội đồng và *NVYT* như một giải đáp được linh hứng đối với thời ta, một phương thế vừa để tái xây dựng hôn nhân vừa giúp băng bó những ai bị thương tích do việc thất bại của hôn nhân gây ra.

Như thế, Ivereign muốn nói những người phê phán không chấp nhận việc phát triển. Nhưng ông không hề đi vào chi tiết họ không chấp nhận những gì và tại sao.

Còn về việc trả lời 4 vị Hồng Y, Ivereign chỉ biết lặp lại rằng Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã nhiều lần trả lời gián tiếp rồi. Và ông cho rằng *Roma locuta, causa finita* (Rôma đã lên tiếng, vấn đề đã chấm dứt). Hơn nữa, theo Ivereign, không phải chỉ có Rôma lên tiếng mà là cả Giáo Hội khi đa số 2 phần 3 các nghị phụ thượng hội đồng thông qua các điều được “Rôma” đúc kết trong *NVYT*.

Hình như đó là điểm Ivereigh cường điệu hóa, bởi có những điểm không được đa số 2 phần 3 thông qua, tuy được đa số tương đối đồng ý.

Vả lại, các điều thắc mắc của 4 vị Hồng Y không hẳn liên quan tới chính *NVYT* mà là các lối giải thích mà các ngài cho là gây hoang mang cho các tín hữu, nên cần huấn quyền làm rõ. Nói chung rằng các phê phán này nhằm vào Đức Giáo Hoàng hay thượng hội đồng không hẳn chính xác.

Lối tranh luận nhằm vào người rất nổi trong tư duy của Ivereign khi ông cho rằng trong 4 vị, hết 3 vị Hồng Y, trước thượng hội đồng thứ nhất, đã viết sách cho rằng sẽ không có thay đổi, thành thử đây chỉ là

bổn cũ soạn lại. Riêng Hồng Y Burke còn tệ hơn vì bị Vatican cách chức chỉ vì không chịu bất cứ cải tổ nào về diễn trình tuyên bố hôn nhân vô hiệu, một việc được Thượng Hội Đồng Giám Mục về Gia Đình khuyến cáo.

Với các giáo dân phê phán, ông bảo họ giống những người tân tòng trốn chạy cảnh bùn lầy tín lý của Anh Giáo để đi tìm thứ khách quan cứng như đá, hay các tay chiến binh văn hóa (culture warriors) sẵn sàng ngoảnh mặt khỏi cái đau của những người thất bại hôn nhân để chỉ chú tâm bảo vệ định chế hôn nhân...

Và ông cảnh cáo họ rằng: xe lửa đã rời ga, Giáo Hội đang tiếp tục tiến bước... Các “dubia” của 4 vị Hồng Y sẽ trở thành một ghi chú trong lịch sử triều giáo hoàng này... thế hệ linh mục kế tiếp sẽ áp dụng giáo huấn tuyệt vời của *NVYT*, và những trào lưu ồn ào, giận dữ của bất thuận sẽ phai nhạt dần vào một ký ức dĩ vãng xa xôi.

Trong bài thứ hai đăng ngày 30 tháng Mười Hai trên tạp chí *Crux*, tựa là “Critics of ‘Amoris’ need to look at concrete cases” (Những người phê bình ‘Amoris’ [Niềm Vui Yêu Thương] cần nhìn các trường hợp cụ thể”, Ivereign chưa hẳn từ bỏ lối lý luận “ad hominem” ngay ở đầu bài khi cho nhận định của Đức Hồng Y Burke rằng việc chăm sóc mục vụ nên hướng về việc giúp giải thoát những người ly dị tái hôn dân sự khỏi tội ngoại tình, chứ đâu có giúp ích gì cho họ, ngược lại còn làm hại họ khi bảo họ: “Không sao, có thể cứ sống như thế mà vẫn được chịu các bí tích” là chỉ thuyết phục được những người “kém thông minh”.

Ông bảo lý do là đã cho vào cùng một rổ “ngoại tình” mọi trường hợp ly dị tái hôn. Thực ra, không ai trong phe chỉ trích lại không đồng ý với diễn trình đồng hành và biện phân. Họ chỉ không đồng ý với việc mục tiêu của biện phân và đồng hành dừng lại ở một kết quả không những nửa vời mà còn phản lại tín lý chủ chốt của bí tích. Chủ trương của số 84 Tông Huấn *Familiaris Consortio* phản ánh diễn trình đồng hành và biện phân chân thực để giúp các người ly dị tái hôn tiến tới chân lý hoàn toàn của hôn nhân Công Giáo và Phép Thánh Thể.

Ivereign lần này khuyên các người phê bình hãy lưu ý tới những trường hợp cụ thể chứ đừng nói trừu tượng vu vơ. Ông bảo: hiện có

hai phương thức hoàn toàn khác biệt nhau: một bên tìm cách biện phân và hội nhập, lưu ý tới các hoàn cảnh khác nhau, một bên tìm cách áp dụng luật một cách độc dạng và từ khước cả việc phân biệt các trường hợp khác nhau; một bên nhìn bằng con mắt thương xót, vừa giữ luật và lý tưởng vừa lưu ý tới các cá nhân; một bên mù quáng bởi bị ám ảnh bởi việc bảo vệ luật và không hề quan tâm tới các cá nhân.

Nhưng các trường hợp cụ thể mà cả Ivereign lẫn Giáo Sư Buttiglione đưa ra không hẳn phản ánh những quả quyết mà một số người vẫn cho là của *NVYT* hay ít nhất của những người giải thích *NVYT* cách lỏng lẻo mà hiện chưa bị chính thức bác bỏ hay soi sáng. Hơn nữa, chúng còn bất cập và phản cả hiểu biết thông thường như Cha Harrison nêu ra trên đây.

Nói tóm lại, trong cuộc tranh luận hiện nay chung quanh chương 8 của *NVYT* và nhất là vấn đề trong một số trường hợp, người ly dị tái hôn dân sự có thể được lãnh nhận các bí tích, người giáo dân đã tham gia một cách tích cực. Nhưng xét chung, phần lớn họ đứng về phía tạm gọi là bên vực việc không cho phép những người như thế lãnh nhận các bí tích vì làm như thế không những thay đổi kỷ luật bí tích mà thôi mà còn đi ngược lại tín lý mạc khải thể hiện trong tính bất khả tiêu của hôn nhân. Những người giáo dân lên tiếng bên vực việc cho phép họ lãnh nhận bí tích vừa không nắm vững vấn đề vừa nhằm nhiều vào con người để tấn công chứ không hẳn tranh biện lý lẽ.

16. Một chuyên gia về hội chứng yêu mình thái quá nhận định về Amoris Laetitia

Fri, 03/02/2017 - 13:42

Tác giả:

[Vũ Văn An](#)

Richard Fitzgibbons, M.D., là giám đốc Viện Hàn Gắn Hôn Nhân ở Philadelphia, Hoa Kỳ. Ông là một trong những người đóng góp cho cuốn “Torn Asunder: Children, the Myth of the Good Divorce, and the Recovery of Origins” (Grand Rapids: Eerdmans Publishing, 2017) và là đồng tác giả của cuốn “Forgiveness Therapy: An Empirical

Guide for Resolving Anger and Restoring Hope” (American Psychological Association Books, 2014).

Lên tiếng trong một bài báo, tác giả này cho rằng chương Tám, Tông Huấn *Amoris Laetitia*, gây nhiều tai hại về phương diện tâm lý.

Hội chứng yêu mình thái quá (narcissism)

Thực vậy, theo ông, Chương Tám của *Amoris Laetitia* vô tình hỗ trợ cho lòng vị kỷ, mẹ đẻ ra của hội chứng tự yêu mình thái quá.

Ông dành đến phân nửa bài báo để nói tới hội chứng này. Theo ông, hội chứng tự yêu mình thái quá là một xáo trộn tâm lý đã hằn sâu mọi ngõ ngách của xã hội ta, một xã hội bị thống trị bởi các phương tiện truyền thông, duy vật và luôn đi tìm thoải mái. Mặc dù các nhà tâm lý học vốn nhận nó là một xáo trộn nhân cách, nhưng các nhà huyền nhiệm, từ thuở hùng đông của Kitô Giáo, đã biết lòng vị kỷ là ẩn bản thiêng liêng của bệnh hay lây này, một thứ bệnh mang lại tử vong cho linh hồn.

Việc phát triển của hội chứng tự yêu mình thái quá này được thấy rõ trong việc cường điệu hóa hình dáng thể lý, tài năng, sự giàu có và danh tiếng của mình. Về mặt thiêng liêng, nó là việc vinh quang hóa con người của mình hơn là thờ lạy Thiên Chúa. Thánh Augustinô viết rằng: “Chỉ có thể có hai tình yêu căn bản... Yêu Thiên Chúa đến quên cả con người mình, và yêu mình đến quên và chối cả Thiên Chúa”.

Hội chứng tự yêu mình thái quá phát xuất từ các cha mẹ nuông chiều, bắt chước người đồng lứa vị kỷ, tự cao tự đại, thích quyền lợi, tự quý trọng mình một cách lệch lạc; tự thổi phồng mình, thiếu Đức Tin và thiếu lòng khiêm nhường. Người có quan điểm tự yêu mình thái quá sử dụng chủ nghĩa duy tương đối luân lý và đạo đức hoàn cảnh làm khí cụ luận lý để thuyết phục, và củng cố tinh thần tự yêu mình thái quá bằng cách tự để linh hồn mình chết đói ơn thánh và dựng lên các rào cản tâm lý quanh tâm hồn mình không cho nó tiếp nhận các sự thiện từ bên ngoài.

Theo Fitzgibbons, mặc dù có những lời khuyên hữu ích trong các chương khác của *Amoris Laetitia*, việc phổ biến chương Tám đã tiêu hủy mọi cái tốt của nó. Thực vậy, chương này rất có thể đòi các giáo sĩ Công Giáo sử dụng đạo đức hoàn cảnh, thứ đạo đức không cho phép đối cực nào chống lại lối suy nghĩ vị kỷ trong hôn nhân và trong Giáo Hội. Người ta cho rằng hàng giáo sĩ tại một số giáo phận rất có thể sẽ rút lui và nhân danh sự đồng hành, phải chấp nhận việc bác bỏ giáo huấn của Giáo Hội về luân lý tính dục và các bí tích hôn phối, Thánh Thể và Hòa Giải.

Lòng vị kỷ - kẻ thù chính của tình yêu vợ chồng

Theo Fitzgibbons, một trong các nguyên nhân chính gây tranh chấp hôn nhân và sau đó, gây căng thẳng trong gia đình, là lòng vị kỷ và biểu hiện cực đoan của nó là hội chứng tự yêu mình thái quá. Trong các sách vở nói về sức khỏe tâm thần, người ta đã chứng minh rằng sự căng thẳng hôn nhân, ở cả người chồng lẫn người vợ, có liên hệ với các tranh chấp có tính tự yêu mình thái quá (Kilmann & Verdemia, 2013). Theo các báo cáo, trong 20 năm qua, việc tranh chấp cá tính này đã gia tăng đáng kể trong văn hóa (Twenge & Whitaker, 2013). Người ta coi sự gia tăng trong các đặc điểm tự yêu mình thái quá và hội chứng tự yêu mình thái quá trong xã hội có liên hệ với sự thay đổi trong việc lan tràn Xáo Trộn Nhân Cách Tự Yêu Mình Thái Quá (Paris, 2012).

Trong việc huấn đạo hôn nhân, tranh chấp này thường được nhận diện như một trong các nguyên nhân dẫn đầu, nếu không muốn nói là đệ nhất đẳng, gây ra ly dị. Đó là kinh nghiệm nghề nghiệp của Fitzgibbons trong việc chữa trị hàng trăm cặp vợ chồng suốt hơn 40 năm qua.

Lòng vị kỷ cao độ khiến vợ chồng quay vào chính họ và gây trở ngại cho việc hiến mình, một việc cốt yếu để vợ chồng tín thác lẫn nhau và để tình yêu của họ nở rộ. Người phối ngẫu vị kỷ có thể trở nên hướng nội đến nỗi, theo lời Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI, họ trở thành tù nhân của chính họ.

Các lợi ích của việc giải quyết hội chứng tự yêu mình thái quá đã được khuyến cáo cho các cặp vợ chồng (Paris, 2012) và việc chữa trị nó đã được mô tả (Links & Stockwell, 2002; Solomon, 1998). Kernberg vốn mô tả việc cần phải thắng vượt hội chứng tự yêu mình thái quá để duy trì tình yêu (1995).

Việc khám phá và chữa trị cơn giận do tự yêu mình thái quá gây ra, một cơn giận vốn đe dọa hôn nhân và gia đình, đã được mô tả trong cuốn sách mà Fitzgibbons là đồng tác giả “Forgiveness Therapy: An Empirical Guide for Resolving Anger and Restoring Hope” (2014, p.211-214).

Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II và lòng vị kỷ

Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, người được Đức Phanxicô mô tả là vị thánh của các gia đình, đã viết về sự nguy hiểm của lòng vị kỷ đối với hôn nhân, gia đình và văn hóa:

“Các mối nguy hiểm đối với tình yêu cũng là các mối nguy hiểm đối với nền văn minh tình yêu. Ở đây, đầu tiên ta nghĩ tới lòng vị kỷ, không những lòng vị kỷ của các cá nhân, mà còn là lòng vị kỷ của các cặp vợ chồng hay, nói rộng hơn, lòng vị kỷ xã hội. Trong mọi hình thức của nó, lòng vị kỷ chống lại văn minh tình yêu một cách trực tiếp và triệt để” (Thánh Gioan Phaolô II, *Thư Gửi Các Gia Đình*, số 14).

Ngài cũng viết về sự lành mạnh và tương lai của hôn nhân như sau:

“Vì tình yêu chỉ có thể sống còn như một sự hợp nhất trong đó cái “chúng tôi” đầy trưởng thành được biểu lộ: nó sẽ không thể sống còn như một sắp xếp của hai con người vị kỷ” (*Love & Responsibility*, 2013, p. 71).

Trong cuộc tông du Hoa Kỳ đầu tiên, Thánh Gioan Phaolô II tuyên bố tại Washington D.C. rằng:

“Trong lòng bất cứ xã hội nào trong đó thần tượng là khoái lạc, là tiện nghi, và độc lập, mối nguy hiểm lớn lao đối với đời sống gia đình là

sự kiện này: người ta đóng cửa trái tim và trở thành vị kỷ” (Thánh Gioan Phaolô II, 1979).

Cái hại tâm lý do lòng vị kỷ gây ra

Lòng vị kỷ tác hại một cách trầm trọng, và thậm chí có thể tiêu hủy các cuộc hôn nhân. Ảnh hưởng tai hại của nó thường lan tỏa một cách im lặng đến nỗi các cặp vợ chồng không nhận ra nó gây thương tích ra sao cho khả năng nhạy cảm, cho đi và yêu thương lẫn nhau của họ.

Lòng vị kỷ tác hại hôn nhân bằng nhiều cách, trong đó có:

- Rút lui vào chính mình, ít còn thông đạt
- Thiếu hiến mình cho tình yêu lãng mạn và tình bạn phu thê
- Thiếu trách nhiệm đối với người phối ngẫu của mình
- Đối xử với người phối ngẫu của mình như đối tượng tính dục
- Thiếu kính trọng đối với người phối ngẫu
- Có những tác phong muốn kiểm soát quá mức
- Phản ứng thái quá trong lúc giận dữ
- Không có khả năng xin tha thứ
- Không đối xử với người phối ngẫu như người bạn tốt nhất của mình
- Không mong muốn điều tốt nhất cho người phối ngẫu
- Yếu trong việc tỏ lời khen
- Quá tức giận khi mọi việc không xảy ra như mong ước
- Năng nặc đòi theo ý riêng của mình
- Chỉ muốn làm điều cảm giới thúc đẩy mình làm.
- Chú tâm tới phúc lợi riêng của mình chứ không chú tâm tới phúc lợi của người phối ngẫu.
- Có khuynh hướng tránh trách nhiệm trong một số phạm vi chính của đời sống
- Quá nhận thấy mình quan trọng
- Mất đi lòng tốt và sự thâm trầm
- Có tác phong không trưởng thành và quá tìm thoải mái
- Bị ám ảnh với việc làm dáng, hình ảnh thể lý và những gì mình có
- Có tác phong ưa kiểm soát
- Tự nuông chiều thái quá
- Tham vọng thành công mù quáng

- Quá chú tâm tới ấn tượng tạo ra hơn là việc làm của mình
- Mất đức tin
- Thiếu động lực để giải quyết các tranh chấp của vợ chồng
- Thiếu cởi mở đối với thánh ý Thiên Chúa liên quan tới số con
- Thiếu cảm thức nên một và sứ mệnh chung với người phối ngẫu
- Không sửa chữa con cái và người phối ngẫu
- Gét tự hiến hy sinh
- Sử dụng văn hóa khiêu dâm
- Sử dụng các phương tiện ngừa thai
- Nỗ lực tìm kiếm án vô hiệu.

Các trước tác sâu sắc của Thánh Gioan Phaolô II về lòng vị kỷ, hôn nhân, gia đình, tuổi trẻ, ngừa thai, ly dị, sống chung, kết hợp đồng tính và Phép Thánh Thể khiến ta hy vọng rằng thời thanh tủy đã đến. Tuy nhiên, việc gia tăng ủng hộ mới đây dành cho các thái độ tự yêu mình thái quá và nền đạo đức hoàn cảnh đối với các cuộc kết hợp bất hợp lệ, sống chung và đồng tính hiện là mối đe dọa tâm lý và thiêng liêng chính đối với hôn nhân và cuộc sống gia đình Công Giáo.

Sự lớn mạnh của lòng vị kỷ và nỗ lực ngừa thai

Ngoài sự tai hại gây ra cho hôn nhân, sự lớn mạnh của lòng vị kỷ còn gây tác hại nặng nề cho chức linh mục và cuộc sống tu trì, các người phối ngẫu vô tội và 1,000,000 trẻ em ở Hoa Kỳ chịu chấn thương hàng năm vì nạn ly dị (1).

Lòng vị kỷ đóng một vai trò lớn trong việc gần 100,000 linh mục và tu sĩ bỏ lời khấn/cam kết từ thập niên 1970 (Mullan, 2001) (2). Nó ảnh hưởng mạnh mẽ tới cuộc nổi loạn chống lại giáo huấn *Humanae Vitae* của Giáo Hội. Đạo đức hoàn cảnh với quyền tối thượng của lương tâm bản thân đã thay thế cho các giáo huấn của Chúa Giêsu Kitô và của Giáo Hội của Người.

Cùng một lúc, hội chúng yêu mình thái quá trong hàng Giáo Sĩ cũng đã bùng nổ trong phụng vụ (3) với thật nhiều lạm dụng phụng vụ và điều còn hệ trọng hơn nữa, trong việc từ khước không giảng dạy sự thật của Giáo Hội liên quan tới luân lý tính dục. Thay vào đó, người ta

đã ủng hộ đạo đức học hoàn cảnh trong các chủng viện, đại học, và trường trung học Công Giáo, với việc khăng định tính tối thượng của lương tâm bản thân (và đôi khi, lương tâm này thiếu giáo dục và đầy vị kỷ) so với giáo huấn của Giáo Hội. Các linh mục và giám mục nào không chịu giảng dạy sự thật của Giáo Hội về luân lý tính dục là đã không tự mình đồng hình đồng dạng với Chúa Kitô và sống theo sự thật của Người.

Kết quả choáng váng và đáng xấu hổ là cuộc khủng hoảng trong Giáo Hội, với đặc điểm là cuộc xâm phạm tình dục đồng tính ở các thiếu nam của các giáo sĩ và tu sĩ Công Giáo Rôma (4). Không một người nam trưởng thành nào lại hành động ngược với bản chất nam giới của mình trong tư cách người bảo vệ giới trẻ ngoại trừ đã đầu hàng hội chứng tự yêu mình thái quá và niềm tin cho rằng mình có quyền sử dụng người khác như những đối tượng tính dục.

Tự yêu mình thái quá, lòng vị kỷ hiểm ác và nạn ly dị

Các phương tiện ngừa thai gây hại nặng nề cho lòng tin tưởng và tình yêu hôn nhân, với hiệu quả trực tiếp làm gia tăng lòng vị kỷ hiểm ác nơi người phối ngẫu, một điều sẽ dẫn tới cuộc tấn công của nạn dịch ly dị nơi người Công Giáo. Mối tương quan giữa việc sử dụng phương tiện ngừa thai và nạn dịch ly dị là điều không ai phủ nhận được.

Kinh nghiệm đau buồn của chúng ta cho thấy người phối ngẫu vị kỷ cao độ thường khởi diễn và được án vô hiệu mà không cần phải nhận diện hay thách thức gì về đặc tính trầm trọng của cuộc tranh chấp.

***Amoris Laetitia* và lối suy nghĩ tự yêu mình thái quá**

Nhiều thần học gia và triết gia đã viết về các nguy hiểm trầm trọng của chương Tám, Tông Huấn *Amoris Laetitia*, đối với các giáo huấn 2,000 năm nay của Chúa Kitô và của Giáo Hội. Đặc biệt, chương này ảnh hưởng tới các bí tích hôn phối, Thánh Thể và Hòa Giải. Nó làm người ta lẫn lộn và hướng dẫn sai các gia đình, giới trẻ cũng như các người trẻ và những ai đang sống trong các cuộc kết hợp ly dị, đồng

tính và sống chung.

Theo viễn ảnh tâm lý, đe dọa trầm trọng nhất trong *Amoris Laetitia* đối với hôn nhân, đời sống gia đình và trẻ em Công Giáo cũng như các Bí Tích và nền luân lý Công Giáo hệ ở sự kiện này: chương Tám ủng hộ và bênh vực lối suy nghĩ tự yêu mình thái quá và lòng vị kỷ, vốn là nền tảng của nền đạo đức học hoàn cảnh. Lối suy nghĩ này từng gây tác hại nặng nề cho hôn nhân, cho tuổi trẻ và các gia đình Công Giáo cũng như cho hàng giám mục và linh mục đã trên 50 năm nay. Ngày nay xem ra nó còn dạn dĩ hơn nữa nhờ một số đoạn trong *Amoris Laetitia*.

Chủ trương lương tâm bản thân trôi vượt hơn giáo huấn của Giáo Hội rõ ràng đã được phát biểu trong bản tuyên bố gần đây của các Giám Mục Malta; các ngài cho rằng người Công Giáo đang sống trong cuộc hôn nhân thứ hai đầy tính ngoại tình có thể cứ ở mãi trong tác phong tội nặng, được mọi người biết đến, mà vẫn không bị từ chối lãnh nhận Thánh Thể nếu họ “thừa nhận và tin” rằng họ “bình an với Thiên Chúa”.

Theo viễn ảnh tâm lý, lối suy nghĩ này chứng tỏ thái độ cao ngạo và tự yêu mình cao độ theo nghĩa cặp vợ chồng này dựa vào cảm xúc của mình để đưa ra các quyết định luân lý quan trọng, thay vị dựa vào sự thật mà Chúa và 2,000 năm giáo huấn của Giáo Hội đã ban hành.

Theo Fitzgibbons, lối suy nghĩ tự yêu mình thái quá được đoạn 301 của *Amoris Laetitia* hỗ trợ: “Giáo Hội nắm giữ cả một khối suy tư vững chãi liên quan tới các nhân tố và hoàn cảnh giảm khinh. Bởi đó, ta không thể đơn giản nói rằng mọi người trong bất cứ hoàn cảnh ‘bất hợp lệ’ nào đều đang sống trong trạng thái tội trọng và bị mất hết ơn thánh hóa”.

Cha Gerry Murray, một giáo luật gia, đã viết bài nhận định về bản tuyên bố của các giám mục Malta, đăng trên tờ *L' Osservatore Romano*. Cha viết rằng “Văn kiện của các giám mục Malta là bằng chứng không thể chối cãi cho thấy: vì không có sự tái khẳng định nào của Đức Giáo Hoàng đối với kỷ luật và giáo huấn không thay đổi của

Giáo Hội về hôn nhân, ly dị, ngoại tình, và việc lãnh nhận các bí tích, nên tính toàn vẹn của giáo huấn và sứ mệnh Giáo Hội sẽ bị xâm hại bởi chính các mục tử hò đồ của Giáo Hội” (5).

Thanh tẩy *Amoris Laetitia*

Fitzgibbons cho rằng: các đoạn văn nào trong *Amoris Laetitia* ủng hộ nền đạo đức hoàn cảnh và lối suy nghĩ tự yêu mình thái quá nên được loại khỏi văn kiện. Các bí tích hôn phối và Chúc Thánh, cũng như hàng triệu người trẻ vô tội, từng bị chấn thương nặng nề trong hơn 50 năm qua bởi lòng vị kỷ sâu xa và niềm tin cao ngạo của nó rằng người ta có thể trở nên giống Thiên Chúa và tự đưa ra các quyết định luân lý độc lập đối với Lê Luật của Người.

Việc biện minh cho lối suy nghĩ và tác phong tự yêu mình thái quá chứa trong một số đoạn của *Amoris Laetitia* là một đe dọa trầm trọng đối với sự lành mạnh và vững ổn tâm lý của hàng triệu cuộc hôn nhân Công Giáo, các người phối ngẫu trung trinh, giới trẻ và các gia đình vô tội, vì đi ủng hộ nguyên nhân gây ra Xáo Trộn Nhân Cách Tự Yêu Minh Thái Quá.

Dù một số người nghĩ rằng vươn tay ra với những người hiện đang sống trong “các cuộc hôn nhân” bất hợp lệ là cảm thương họ, nhưng việc biến sự thật thành ‘mềm dẻo’ có thể gây cho các người phối ngẫu mà cuộc hôn nhân đang lung lay sẽ bỏ cuộc chiến đấu nhằm phục hồi cuộc hôn nhân của họ; các lời viết trong *Amoris Laetitia* xuất hiện như lời ủng hộ não trạng “bỏ cuộc” và thậm chí “cố gắng một lần nữa”.

Fitzgibbons nghĩ rằng: việc bác bỏ giáo huấn sâu sắc của Thánh Gioan Phaolô II về gia đình Công Giáo, một việc dường như có trong *Amoris Laetitia*, cần được chấm dứt. Thay vào đó, các trước tác của vị đại thánh này về lòng vị kỷ và đạo đức hoàn cảnh trong *Veritatis Splendor* nên được tuân theo để việc thanh tẩy hôn nhân và đời sống gia đình, hàng giám mục và linh mục Công Giáo, vốn mong đợi từ lâu, có thể được tiếp tục, hơn là bị xâm hại.

(1) McCarthy, M (Ed). (2107) *Torn Asunder: Children, the Myth of the Good Divorce, and the Recovery of Origins*. Grand Rapids: Eerdmans Publishing.

[2] Mullan, D. (2001) The Catholic Hiroshima. *The New Oxford Review*, Sept. 2001.

[3] Vitz, P & Vitz, D. (2007) The Problem of Narcissism in the Mass Today. *Homiletic and Pastoral Review*, November 2007

[4] Fitzgibbons, R. & O'Leary, D. (2011) Sexual Abuse of Minors by Catholic Clergy. *Linacre Quarterly*, 252-273.

[5] Fr. Gerald E. Murray - *The Catholic Thing*

17. Đọc "Amoris Laetitia" theo lối giải thích liên tục sẽ thấy không có thay đổi về tín lý

Wed, 08/02/2017 - 13:14

Tác giả: [Vũ Văn An](#)

Linh mục Matthew Schneider, người từng viết cả một cuốn “Study Guice” về Tông Huấn "Amoris Laetitia", mới đây viết trên tạp chí Crux, quả quyết rằng nếu đọc tông huấn này theo lối giải thích liên tục (hermeneutic of continuity), thì không hề có thay đổi nào về tín lý đối với các bí tích hôn nhân, hòa giải và Thánh Thể.

Cha cho rằng từ ngày tông huấn được ban hành (tháng Tư, 2016) cho tới nay, rất nhiều cuộc tranh luận đã nổ ra trong Giáo Hội. Bên bên cũng như bên chống, ít nhất trong thế giới nói tiếng Anh, đều đồng ý cho rằng tông huấn này cho phép người ly dị và tái hôn dân sự được rước lễ trong một số hoàn cảnh. Họ chỉ tranh luận xem điều này tốt hay xấu mà thôi.

Tuy nhiên, nếu ta đọc nó theo cách phải đọc một văn kiện giáo hoàng, nghĩa là nghiên ngẫm trọn bản văn trong ngữ cảnh truyền thống Giáo Hội, thì trọn tiền đề của cuộc tranh luận trên hoàn toàn sai lạc, nghĩa là, Đức Giáo Hoàng Phanxicô không hề mở cửa cho những người nói trên rước lễ.

Ai cũng biết, thuật ngữ “giải thích liên tục”, được Đức Bênêđictô XVI

sử dụng, có ý nói tới cách đọc trọn vẹn và trong truyền thống Giáo Hội một văn kiện huấn quyền. Còn Đức Hồng Y Gerhard Müller, Tổng Trưởng Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin, thì cho rằng chỉ có một cách đọc duy nhất đúng đối với "Amoris Laetitia" là cách đọc theo lối giải thích này mà thôi.

Nhưng trước khi đi vào chi tiết, Cha Schneider cho rằng cần phải có một phân biệt chủ yếu sau đây: có một sự khác biệt quan trọng giữa những người hiểu giáo huấn của Giáo Hội mà vẫn quyết định dân thân vào các liên hệ tính dục trong cuộc hôn nhân thứ hai, và những người không sống theo giáo huấn của Giáo Hội hoặc vì không biết (ignorance) hay vì yếu đuối.

Theo Cha Schneider, Đức Giáo Hoàng Phanxicô xem ra đã đề cập tới sự phân biệt trên một cách rõ ràng hơn các vị giáo hoàng trước đây. Và trọng điểm ở đây là: trái với ý kiến phổ biến, bản văn của "Amoris Laetitia" không cho phép những người tái hôn hay cố ý có các liên hệ giống như vợ chồng trong "cuộc hôn nhân thứ hai" được xá tội hay rước lễ.

Tuy nhiên, ngài nhấn mạnh tới lòng thương xót đối với những người hoặc vì không biết hoặc có ý định tiết dục để sống như anh trai em gái nhưng thỉnh thoảng không giữ được ý định này (yếu đuối).

Rào trước đón sau như thế rồi, Cha Schneider cho hay ngài sẽ dựa vào các điều trong bản văn của "Amoris Laetitia" để trình bày cái nhìn của ngài.

1. Đoạn 300: Trước nhất, Đức Phanxicô nói rõ ràng rằng ngài không có ý đưa ra các qui định mới. "Không ai chờ mong cả Thượng Hội Đồng Giám Mục lẫn văn kiện này đưa ra một số luật lệ tổng quát, có bản chất giáo luật và áp dụng cho mọi trường hợp". Ngay khi nói đến việc phải từ từ tỏ cho các cặp "vợ chồng" thấy thực tại tội lỗi của họ, Đức Phanxicô cũng vẫn cho rằng "sự biện phân không bao giờ có thể không xét đến các đòi hỏi của Tin Mừng như đã được Giáo Hội đề ra".

Như thế, bất chấp những gì ngài nói sau đó về biện phân, ngài đã dựng giáo huấn hiện thời của Giáo Hội thành hàng rào quanh điều có thể được biện phân. Biện phân là một diễn trình quyết định phải làm gì về thiêng liêng, như có nên đọc kinh Mân Côi hay Kinh Thần Vụ hàng ngày hay không, nhưng một điều kiện căn bản phải có trước khi biện phân là không thể chọn một điều gì đó ở bên ngoài giáo huấn của Giáo Hội.

Mà giáo huấn của Giáo Hội thì rất rõ ràng nói rằng: việc xá tội trong bí tích và do đó việc Hiệp Lễ không thể nào trao ban cho những người có ý định phạm thêm các tội trọng. Thường thường ta cho rằng ai tới xưng tội đều không ương ngạnh muốn phạm thêm nhiều tội trọng, nhưng nếu vị linh mục biết họ có ý định như thế, ngài sẽ không xá tội cho họ.

Điều trên khác với sự yếu đuối. Trong tòa giải tội, linh mục có thể tha cho một hối nhân tội say sưa rượu chè, dù cả ngài lẫn hối nhân đều biết người này rất có thể sa ngã trở lại; nhưng ngài không thể xá tội cho anh ta nếu anh ta bảo ngài rằng anh ta sẽ say sưa trở lại vào cuối tuần này. "Amoris Laetitia" nói tới tội chuyên biệt làm tình với một người tuy là người phối ngẫu của mình theo dân luật nhưng không phải là người phối ngẫu của mình theo bí tích.

Đoạn 307: tại đoạn này, Đức Giáo Hoàng nhắc lại một lần nữa rằng “Không thể nào Giáo Hội lại bác bỏ việc đề xuất lý tưởng trọn vẹn của hôn nhân, tức kế hoạch của Thiên Chúa trong mọi nét cao cả của nó”.

Từ các đoạn văn trên, điều rõ ràng là những ai sống trong sự bất tuân công khai giới luật trong sạch đối với người ly dị và tái hôn dân sự, như đã được trình bày trong văn kiện Familiaris Consortio năm 1981 của Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II không thể được xá tội hoặc rước lễ.

2. *Thứ đến*, Đức Giáo Hoàng nói tới sự khác biệt giữa việc sai phạm vì không biết, và tội cố tình (flaunting sin).

Đoạn 297: trong đoạn này, Đức Phanxicô nói rằng “nếu một ai đó phách lối coi một tội khách quan như thể là thành phần của lý tưởng Kitô Giáo, hay muốn áp đặt một điều gì đó khác hơn là điều được Giáo Hội dạy bảo... thì đây là trường hợp nói đến một điều vốn tách biệt người ta khỏi cộng đồng”.

“Tội khách quan” là tội có thể được nhìn thấy qua các hành vi bề ngoài, chưa kể các điều như biết đó là tội và mức độ tham dự của ý chí tự do, và trong bối cảnh này, rõ ràng không ai dám cho rằng ngu với một người không phải là người phối ngẫu hợp pháp của mình là hợp luân lý cả. “Tách biệt khỏi cộng đồng” có ý nói tách biệt khỏi Giáo Hội, và do đó, khỏi việc rước lễ.

Đoạn 299: Khi đề cập tới việc hội nhập người ly dị và tái hôn dân sự vào Giáo Hội ở đoạn này, Đức Giáo Hoàng nói rằng phải “tránh bất cứ dịp làm gương mù gương xấu nào”. Vì “gương mù gương xấu” có ý nói tới các hành vi rất có thể dẫn dụ một người khác nào đó phạm tội, nên đoạn văn này hẳn phải có nghĩa: một vài hình thức hội nhập một số người ly dị và tái hôn dân sự là có tội nếu có nguy cơ gây gương mù gương xấu.

Điều trên chứng tỏ rằng một số cặp, tức những người cố gắng sống theo giáo huấn của Giáo Hội, có thể được tái hội nhập, trong khi những cặp khác, tức những người cố ý không tuân theo giáo huấn của Giáo Hội, thì chỉ có thể được hội nhập một phần (trong đó, không có rước lễ).

3. Thứ ba, Đức Giáo Hoàng cho rằng trách nhiệm đối với tội thay đổi giữa người yếu đuối và người huênh hoang việc mình bất tuân tông huấn *Familiaris Consortio*.

Đoạn 302: Trong đoạn này, ngài viết rằng “dù vẫn duy trì qui luật tổng quát, nhưng cần phải thừa nhận rằng trách nhiệm đối với một hành động hay một quyết định nào đó không như nhau trong mọi trường hợp”. Những người có ý định tiếp diễn các liên hệ tính dục đi ngược lại giáo huấn hiện hành của Giáo Hội, và những người sa vào đó trong lúc yếu đuối hay không biết giáo huấn của Giáo Hội, nhất

định có mức độ trách nhiệm khác nhau đối với các hành vi của mình.

Đoạn 304: Trong đoạn này, Đức Giáo Hoàng gợi ý rằng ta nên biện phân các hoàn cảnh cụ thể của đời sống cá nhân, chứ không phải chỉ biện phân việc hành động khách quan phải xứng hợp với qui luật chung. Một trong các tập chú lớn đối với hoàn cảnh sống cụ thể là liệu một ai đó có biết giáo huấn của Giáo Hội và cố gắng sống nó hay không.

4. *Thứ bốn* và cuối cùng, ngài nói tới lòng thương xót trong tòa giải tội đối với những người cố gắng sống giáo huấn của Giáo Hội bao nhiêu có thể.

Đoạn 311: Trong đoạn này, ngài viết: “lòng thương xót không loại trừ công lý và chân lý, nhưng trước hết và trên hết, ta phải nói rằng lòng thương xót chính là sự viên mãn của công lý và là biểu hiện ngời sáng nhất của chân lý Thiên Chúa”. Như thế, lòng thương xót trong tòa giải tội không thể bị tách biệt khỏi chân lý và công lý, một điều vốn bao gồm mọi giáo huấn trước đây của Giáo Hội.

Ghi chú 351 nổi tiếng trong "Amoris Laetitia" phải được giải thích trong ngữ cảnh bao quát này.

Khi ghi chú 351 nói rằng “Trong một số trường hợp, [sự trợ giúp đối với những người không sống trọn vẹn theo giáo huấn khách quan của Giáo Hội liên quan tới hôn nhân] điều này có thể bao gồm sự trợ giúp của các bí tích”, một cách hợp luận lý, nó có ý nói tới những người cố gắng sống theo giáo huấn hiện hành của Giáo Hội theo sự hiểu biết tối đa của họ, vì đây chính là bản văn đi trước ghi chú. Điều này áp dụng cả vào những người không hiểu giáo huấn của Giáo Hội về “cuộc hôn nhân thứ hai” lẫn vào những người sai phạm vì yếu đuối của con người.

Từ những điều nói trên và theo truyền thống của Giáo Hội, điều xem ra rõ ràng là “một số trường hợp” này có ý nói tới người không biết và người yếu đuối chứ không có ý nói tới những người cố tình ngủ với một ai đó không phải là người phối ngẫu hợp pháp của mình theo giáo

luật.

Ngoài các bản văn đã trích dẫn, nếu ta đọc "Amoris Laetitia" bên trong truyền thống, thì sự mơ hồ phải được đọc theo điều truyền thống dạy chứ không chống lại nó. Nếu một vị giáo hoàng muốn thay đổi một thực hành mục vụ hiện hành, sức nặng của truyền thống buộc ngài phải tuyên bố điều này một cách rõ ràng, chứ không hàm ý bằng một ghi chú hàm hồ.

Đây không phải là lời giải thích mới lạ, mà đã có từ ngày đầu tiên và là lời giải thích có nghĩa nhất trong ngữ cảnh các giáo huấn trước đây. Cha Schneider từng nói đến nó ngay ngày "Amoris Laetitia" được công bố và mấy tuần sau trong cuốn "Study Guide" của ngài, nhưng chưa được giải thích và phân tích đầy đủ.

Nhưng phản biện sau đây có thể có: Đoạn 301 của tông huấn nói rằng không phải mọi người sống trong các hoàn cảnh bất hợp lệ "đều sống trong trạng thái tội trọng và mất ơn thánh hoá". Điều này dẫn ta tới việc nhìn nhận sự phân biệt giữa các hành vi khách quan và việc qui lỗi chủ quan.

Giáo Hội luôn dạy rằng một tội trọng, tức tội làm ta mất ơn thánh hóa, đòi phải có vấn đề hệ trọng, phải biết đó là tội, và đủ tự do làm điều hệ trọng này. Nhiều người trong các hoàn cảnh bất hợp lệ không hiểu rõ tính bất hợp lệ, hay sai phạm vì thói quen nhưng không hoàn toàn chọn lựa mỗi liên hệ tính dục (vì yếu đuối chẳng hạn), những người này không phạm tội trọng, và do đó hoàn toàn phù hợp với điều Đức Phanxicô muốn nói.

Đã đành là người ta thấy có sự nhấn mạnh hơi khác khi đọc "Amoris Laetitia". Tuy nhiên, khi đọc nó trong toàn bộ và bên trong truyền thống, Cha Schneider cho rằng không nên đọc "Amoris Laetitia" theo nghĩa nó cho phép những ai đang sống trong "cuộc hôn nhân thứ hai" được rước lễ, vì điều này không hề có trong bản văn và đi ngược lại các tuyên bố khác trong chính bản văn.

Cha thừa nhận rằng ngôn ngữ của tông huấn nên rõ ràng hơn, nhưng

ngụ ý có thay đổi tín lý do việc thiếu rõ ràng là điều quá đáng. Tinh thần của một văn kiện không thể mâu thuẫn với các lời lẽ trực tiếp của nó.

Các lời lẽ trực tiếp của "Amoris Laetitia" cho thấy không hề có thay đổi nào đối với giáo huấn của Giáo Hội, nhưng có sự thay đổi đôi chút về nhấn mạnh đối với lòng thương xót những ai hoặc không biết hay cố gắng sống theo giáo huấn của Giáo Hội nhưng đôi lúc sa ngã.

Đức Giáo Hoàng cũng không thể thay đổi

Nói như Cha Schneider thì đâu còn gì để tranh luận nữa. Vì trong cả hai trường hợp vừa nói, người ta có tội gì đâu mà không cho rước lễ. Vấn đề là có những lối giải thích cho rằng kể cả những người hội đủ 3 điều kiện tội trọng mà vẫn có thể được rước lễ. Và hiện Đức Phanxicô không lên tiếng chính thức phủ nhận những lối giải thích này.

Tiện đây, cũng xin lược dịch một số câu trả lời của Đức Hồng Y Gerhard Müller trong cuộc phỏng vấn mới đây của tờ Il Timone:

Hỏi: Có thể có mâu thuẫn giữa tín lý và lương tâm bản thân không?

Trả lời: Không, không thể nào. Thí dụ, người ta không thể nói có những hoàn cảnh theo đó một hành vi ngoại tình không tạo nên một tội trọng. Đối với tín lý Công Giáo, một tội trọng không thể cùng hiện hữu với ơn thánh hóa. Để vượt qua sự mâu thuẫn phi lý này, Chúa Kitô đã lập ra bí tích thống hối và hoà giải với Thiên Chúa và với Giáo Hội.

Hỏi: Đây là một vấn đề hiện đang được thảo luận rộng rãi liên quan tới cuộc tranh luận chung quanh tông huấn hậu thượng hội Đồng "Amoris Laetitia".

Trả lời: "Amoris Laetitia" phải được rõ ràng giải thích dưới ánh sáng toàn bộ tín lý của Giáo Hội. [...] Tôi không thích, thật không đúng khi khá nhiều giám mục đang giải thích "Amoris Laetitia" theo cách hiểu của họ về giáo huấn của Đức Giáo Hoàng. Việc này không hợp

với đường hướng tín lý Công Giáo. Huấn quyền của Đức Giáo Hoàng chỉ được ngài hay qua thánh bộ Giáo Lý Đức Tin giải thích. Đức Giáo Hoàng giải thích các giám mục, chứ các giám mục không giải thích Đức Giáo Hoàng, vì việc này sẽ đảo ngược cơ cấu của Giáo Hội Công Giáo. Với tất cả những người nói quá nhiều, tôi thúc giục họ nghiên cứu trước nhất tín lý [của các công đồng] về ngôi vị giáo hoàng và hàng giám mục. Là thầy dạy Lời Chúa, giám mục phải là người đầu tiên được huấn luyện đầy đủ để không rơi vào nguy cơ người mù dắt người mù. [...].

Hỏi: Tông huấn của Thánh Gioan Phaolô II, “Familiaris Consortio”, dự liệu rằng các cặp ly dị và tái hôn nào không thể sống xa nhau, để có thể lãnh nhận các bí tích, phải cam kết sống tiết dục. Đòi hỏi này có còn giá trị hay không?

Trả lời: Dĩ nhiên, nó không thể miễn chuẩn được, vì nó không phải chỉ là luật thực định (positive law) của Đức Gioan Phaolô II, mà ngài còn nói lên một yếu tố có tính yếu tính của nền thần học luân lý Kitô Giáo và nền thần học bí tích. Sự hồ đồ về điểm này cũng liên quan tới việc thất bại, không chấp nhận thông điệp “Veritatis Splendor”, với tín lý rõ ràng về “intrinsece malum” (sự xấu nội tại) [...]. Đối với chúng ta, hôn nhân nói lên việc tham dự vào sự hợp nhất giữa Chúa Kitô chàng rể và Giáo Hội, cô dâu của Người. Đây không phải là một loại suy đơn giản mơ hồ, như một số người nói tại Thượng Hội Đồng. Không! Đây là bản chất của bí tích, và không quyền bính nào ở trên trời cũng như ở dưới đất, không thiên thần, không vị giáo hoàng nào, không một công đồng nào, không một luật lệ của các giám mục nào, có khả năng thay đổi nó.

Hỏi: Làm thế nào để giải quyết sự hỗn độn đang phát sinh về các lối giải thích khác nhau đối với đoạn này của “Amoris Laetitia”?

Trả lời: Tôi thúc giục mọi người suy nghĩ, nghiên cứu tín lý của Giáo Hội trước đã, bắt đầu từ Lời Chúa trong Sách Thánh, là sách nói rất rõ về hôn nhân. Tôi cũng có ý kiến đừng đi vào bất cứ thứ giải nghi học (casuistry) nào dễ sinh ra hiểu lầm, nhất là thứ giải nghi học cho rằng nếu tình yêu chết, thì dây hôn phối cũng chết. Đó là thứ nguy hiểm: vì

Lời Chúa rất rõ và Giáo Hội không chấp nhận việc tục hóa hôn nhân. Nhiệm vụ của các linh mục và giám mục là không tạo hồ đồ, nhưng đem lại sự rõ ràng. Người ta không thể chỉ nhắc tới những đoạn nhỏ trong “Amoris Laetitia”, nhưng phải đọc như một toàn bộ, với mục đích làm cho Tin Mừng hôn nhân và gia đình lôi cuốn hơn với người ta. Không phải “Amoris Laetitia” đã tạo ra lối giải thích hồ đồ, nhưng là một số người giải thích hồ đồ đã tạo ra nó. Tất cả chúng ta phải hiểu và chấp nhận tín lý của Chúa Kitô và của Giáo Hội Người, và đồng thời sẵn sàng giúp người khác hiểu nó và mang nó ra thực hành dù trong những hoàn cảnh khó khăn.

18. Chủ Tịch Hội Đồng Giáo Hoàng về Các Bản Văn Pháp Luật: ý muốn thay đổi đủ để được rước lễ

Wed, 15/02/2017 - 10:31

Tác giả: [Vũ Văn An](#)

Theo tin tập san Crux, Đức Hồng Y Francesco Coccopalmerio, chủ tịch cơ quan giải thích các bản văn luật lệ của Tòa Thánh cho rằng các người Công Giáo hiện sống trong các hoàn cảnh “không hợp lệ”, như ly dị và tái hôn dân sự, có thể được rước lễ miễn là họ muốn thay đổi hoàn cảnh của họ nhưng không thể hành động theo ước muốn của mình ngay được vì nếu làm thế sẽ dẫn tới tội thêm.

Nên biết Đức Hồng Y được Đức Bênêđictô XVI cử nhiệm đứng đầu cơ quan này vào năm 2007. Theo hiến pháp Vatican, công việc của cơ quan này “chủ yếu hệ ở việc giải thích các luật lệ của Giáo Hội”.

Tuy nhiên, theo chính lời Đức Hồng Y, ngài viết cuốn “Chương Tám của Tông Huấn Hậu Thượng Hội Đồng *Amoris Laetitia*” không phải trong tư cách một chuyên gia giáo luật, mà là một người cố gắng “mở sớ điệp phong phú về tín lý và mục vụ [của *Amoris Laetitia*]”.

Đây là một cuốn sách chỉ dày 51 trang, được phát hành vào tuần trước, do công ty xuất bản của Tòa Thánh in. Cuốn sách trích dẫn rất nhiều từ “Amoris Laetitia” và Đức Hồng Y Coccopamerio nói rằng ngài viết ra nó vì “phần này của văn kiện không được đầy đặn lắm và, có lẽ vì nội dung và hình thức, chương này đã bị phê phán một cách

tiêu cực hoặc đôi chút dè dặt”.

Ngài nói thêm: “Giáo Hội có thể nhận cho Xung Tội và Rước Lễ các tín hữu nào, trong các cuộc kết hợp bất hợp pháp, muốn thay đổi hoàn cảnh, nhưng không thể hành động theo ước muốn này”.

Ngài cũng viết rằng “tôi tin rằng chúng ta có thể chấp nhận, với một lương tâm chắc chắn và thanh thản, rằng tín lý, trong trường hợp này, được tôn trọng”.

Giáo huấn của Giáo Hội về hôn nhân rất rõ ràng: một người đàn ông, một người đàn bà, kết hợp với nhau trong một dây liên kết không thể hủy tiêu, nghĩa là khi ốm đau và khi mạnh khỏe, khi nghèo khó và khi thịnh vượng, cho đến chết, và chào đón sự sống.

Điều đáng chú ý là vị đứng đầu cơ quan lo về tín lý, là Đức Hồng Y người Đức Gerhard Muller, đầu tháng này, đã tuyên bố rằng việc rước lễ của những người Công Giáo ly dị và tái hôn dân sự là chống lại tín lý của Giáo Hội và không ai, kể cả Đức Giáo Hoàng, cũng không thể thay đổi được điều này.

Trích dẫn "Amoris Laetitia", Đức Hồng Y Coccopalmerio nói rằng tông huấn nói rất rõ về mọi yếu tố trong tín lý của Giáo Hội về hôn nhân, rất phù hợp và trung thành với giáo huấn truyền thống.

Rồi ngài viết: “Không có cách chi khiến Giáo Hội phải từ bỏ việc đề xuất lý tưởng trọn vẹn của hôn nhân, kế hoạch của Thiên Chúa trong mọi nét cao cả của nó [...] Bất cứ hình thức nào của thuyết duy tương đối hay bất cứ sự kính trọng quá đáng nào trong lúc đề xuất nó, đều thiếu lòng trung thành đối với Tin Mừng và cũng thiếu tình yêu đối với Giáo Hội”.

Đức Hồng Y Coccopalmerio đưa ra một hoàn cảnh cụ thể làm ví dụ, đó là trường hợp một người “biết rõ tính bất hợp lệ của hoàn cảnh mình” nhưng có khó khăn lớn trong việc thay đổi hoàn cảnh này “mà không cảm thấy trong lương tâm họ rằng họ có thể rơi vào một tội mới”.

Theo Đức Hồng Y Coccopalmerio, "Amoris Laetitia" mặc nhiên dự liệu rằng để được phép nhận lãnh các bí tích, các người đàn ông hay đàn bà, vì những động lực nghiêm túc như việc giáo dục con cái, mà không thể chu toàn nghĩa vụ phải ly thân, tuy nhiên phải có “ý định hay ít nhất ước muốn” thay đổi hoàn cảnh của mình.

Tông huấn "Familiaris Consortio" của Đức Gioan Phaolô II, cũng như tông huấn của Đức Phanxicô, ra đời sau một Thượng Hội Đồng Giám Mục về Gia Đình, cho rằng các cặp này được kêu gọi sống “như anh trai em gái”.

Theo Đức Hồng Y Coccopalmerio, các cặp nào có thể, nên làm như trên, nhưng cũng có thực tại này là không có sự thân mật tính dục giữa một cặp nào đó, con cảm dỗ bất trung và đi tìm sự thân mật ở nơi khác sẽ lớn mạnh.

Trích dẫn đoạn 301 của "Amoris Laetitia", về các nhân tố giảm khinh trong việc biện phân mục vụ, Đức Hồng Y viết rằng nếu cặp nào trong hoàn cảnh bất hợp lệ thấy khó có thể sống như anh trai em gái, họ không bắt buộc phải tuân theo vì họ là các chủ thể mà đoạn này nói tới, đại diện cho “một hoàn cảnh cụ thể không cho phép họ hành động khác đi và quyết định khác đi mà không phạm tội thêm”.

Thí dụ được Đức Hồng Y Coccopalmerio đưa ra về một người không thể trở lui mà không rơi vào một tội mới là người đàn bà đang sống chung với một người đàn ông và ba đứa con của ông này, sau khi chúng bị người vợ đầu của ông này bỏ rơi.

Đức Hồng Y viết rằng người đàn bà trên “đã cứu người đàn ông khỏi một trạng thái thất vọng sâu xa, có thể là ý muốn tự tử”, đã giúp ông nuôi dạy các đứa con với thật nhiều hy sinh đáng kể, và họ đã sống với nhau 10 năm nay, có thêm một đứa con nữa với nhau.

Ngài cho rằng “người đàn bà chúng ta đang nói tới biết hoàn toàn rằng mình đang sống trong một hoàn cảnh bất hợp lệ. Bà thành thực muốn thay đổi cuộc sống mình. Nhưng hiển nhiên, bà không thể làm

thế. Vì trên thực tế, nếu bà rời khỏi cuộc kết hợp này, người đàn ông có thể rơi vào trạng thái như trước, các đứa con sẽ bơ vơ không có một người mẹ”.

Rời bỏ cuộc kết hợp, do đó, có nghĩa là không chu toàn bổn phận đối với những người vô tội là mấy đứa con. “Như thế, điều hiển nhiên là việc này không thể diễn ra mà không phạm ‘một tội mới’”.

Như tông huấn "Amoris Laetitia" của Đức Phanxicô đã tuyên bố rõ ràng, việc xác định đây là trường hợp trong đó việc rước lễ được cho phép chỉ được đưa ra sau một diễn trình biện phân, luôn luôn với một linh mục. Đức Hồng Y Coccopalmerio cũng viết rằng văn phòng giáo phận nào có khả năng cho ý kiến trong các vụ hôn phối khó khăn có thể giúp ích trong vấn đề này nếu không muốn nói là cần thiết.

Theo Đức Hồng Y Coccopalmerio, một điển hình trong đó Giáo Hội không thể cho các người trong hoàn cảnh bất hợp lệ lãnh nhận các bí tích là các tín hữu “biết mình phạm tội nặng và có thể thay đổi, nhưng không có ý thành thực muốn” làm như thế.

Ra mắt sách

Đức Hồng Y Coccopalmerio, dù theo chương trình đáng lẽ có mặt trong cuộc họp báo tổ chức tại Đài Phát Thanh Vatican, nhưng ngài đã không tới, vì phải dự một phiên họp của thánh bộ phong thánh.

Nhiều quan sát viên, trong đó có Orazio La Rocca, được Đức Hồng Y đích thân chọn để ra mắt sách, gần đây đã cho rằng cuốn sách này là câu trả lời cho năm câu hỏi “có hay không” do 4 vị Hồng Y đệ lên Đức Phanxicô.

Các vị giáo phẩm trên tin rằng "Amoris Laetitia" đã tạo nên “việc mất hướng trầm trọng và việc hồ đồ lớn lao” nhất là khi nó đụng tới các người Công Giáo ly dị và tái hôn dân sự và việc họ được lãnh nhận các bí tích Thống Hối và Thánh Thể.

Các điều *dubia* (hoài nghi) đã được đệ lên Đức Phanxicô bởi các vị

Hồng Y Raymond Burke (người Mỹ), Carlo Caffarra, Tổng Giám Mục hưu trí của Bologna (Ý), Walter Brandmüller (người Đức), chủ tịch hưu trí của Ủy Ban Giáo Hoàng về Các Khoa Học Lịch Sử, và Joachim Meisner, Tổng Giám Mục hưu trí của Cologne (Đức).

Cho đến nay, các ngài vẫn chưa được Đức Phanxicô trả lời.

Bất chấp nhận định của La Rocca, hôm thứ Ba vừa qua, linh mục Dòng Salesian là Cha Giuseppe Costa, giám đốc công ty xuất bản của Tòa Thánh nói rằng không, cuốn sách không phải là câu trả lời cho các điểm *dubia*, mà cũng không phải là câu trả lời chính thức của Tòa Thánh cho các điểm đó. Cha nhấn mạnh, nó chỉ là nhận định riêng của Đức Hồng Y Coccopalmerio về chương tám của "Amoris Laetitia" mà thôi.

Alfonso Caerteruccio, người đã nhận lời yêu cầu của các nhà báo muốn phỏng vấn Đức Hồng Y, nói rằng cuốn sách không ra đời từ những điểm *dubia* mà từ kinh nghiệm mục vụ riêng của Đức Hồng Y.

Cha Maurizio Gronchi, một tham vấn tại văn phòng của Đức Hồng Y Muller, tổng trưởng Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin, cũng có mặt trong buổi ra mắt sách. Theo ngài, văn kiện của Đức Giáo Hoàng không tạo ra bất cứ hoài nghi nào.

Giải thích về cuốn sách, Cha Gronchi cho hay: để có thể rước lễ, người ta phải ý thức tội lỗi của mình và thực sự có ý định thay đổi hoàn cảnh của mình, ngay cả khi không có thể. Ngài bảo: “nó không nói rằng phải tha thứ cho mọi người trong bất cứ trường hợp nào”.

Cha nói tiếp "Amoris Laetitia" “cố gắng ấn định ra những nẻo đường có thể có để hoán cải, chứ không giải quyết các hoàn cảnh hôn nhân tan vỡ”.

Trong buổi ra mắt sách, La Rocca dùng một đoạn trong "Amoris Laetitia" trong đó, Đức Giáo Hoàng nói rằng Phép Thánh Thể không phải là phần thưởng dành cho những người hoàn hảo nhưng là thuốc chữa dành cho người yếu đuối.

Sau khi đọc đoạn này vào hôm thứ Ba, La Rocca hỏi, “ai nói rằng Thiên Chúa không hài lòng với cách tôi sống cuộc sống của tôi?”. Theo ý kiến của các nhà báo được Đức Hồng Y lựa chọn, “quả là nhỏ mọn khi từ khước việc chịu lễ chỉ vì luật dạy thế”.

La Rocca cho rằng “ai đó sẽ phải giải thích cho tôi ai quyết định đâu là tín lý đúng đắn”. Quan điểm của ông này là Chương Tám “sẽ mở lòng” nhiều người chỉ chịu thúc đẩy bởi qui định của luật lệ mà thôi.

Ông cũng nói rằng ông có ý định tặng cuốn sách này cho hai người ông biết là không thể rước lễ vì họ đang sống trong hoàn cảnh bất hợp lệ. Ông tin rằng sau khi đọc cuốn sách này, các bạn ông sẽ cảm thấy được chào đón.

Dù một số giám mục đã lên tiếng minh nhiên hoặc ủng hộ hoặc chống lại bốn vị Hồng Y, các cuốn hướng dẫn gần đây bởi nhiều giám mục khác nhau về việc phải áp dụng chương tám của "Amoris Laetitia" ra sao cho thấy văn kiện của Đức Giáo Hoàng, một sản phẩm của gần 3 năm tham khảo với các giám mục thế giới, vẫn còn chỗ để biện phân về chủ đề này.

Một vài giám mục đã biện phân rằng luật thì rất rõ ràng, đã được phát biểu trong Tin Mừng Chúa Nhật này (“Còn Thầy, Thầy bảo cho anh em biết: ngoại trừ trường hợp hôn nhân bất hợp pháp, ai rẫy vợ là đẩy vợ đến chỗ ngoại tình; và ai cưới người đàn bà bị rẫy, thì cũng phạm tội ngoại tình” Mt 5:32).

Một số vị khác, như các giám mục Malta chẳng hạn, đã quả quyết rằng người Công Giáo tái hôn nào “bình an” với Chúa có thể rước lễ.

19. Đức Hồng Y Schonborn: Tông Huấn Niềm Vui Yêu Thương và phạm trừ tả hữu

Vũ Văn An6/5/2017

Tuần rồi, hai ký giả John Allen và San Martín đã qua Vienna phỏng vấn Đức Hồng Y Christoph Schonborn, Tổng Giám Mục thành phố, người được coi là trí thức bậc nhất trong số các giáo phẩm Âu Châu.

Hai ký giả đã hầu chuyện với Đức Hồng Y về nhiều vấn đề có tính thời sự hiện nay trong Giáo Hội.

Trong các vấn đề được đề cập tới có Tông Huấn Niềm Vui Yêu Thương. Theo Đức Hồng Y, dù nhiều nhà phê bình tỏ ra lo ngại trước động thái thận trọng của Đức Phanxicô đối với việc có thể cho phép người Công Giáo ly dị tái hôn được chịu các bí tích, dù không chính thức được tòa án Giáo Hội tuyên bố cuộc hôn nhân trước của họ bất thành (vô hiệu), nhưng nếu đọc Tông Huấn này một cách nghiêm túc, thì, ít nhất tại Tây Phương, lời kêu gọi biện phân của nó thực sự đi ngược lại khuynh hướng quá “buông thả”.

Ngài nói: “Ở Tây Phương, nói chung, chúng ta đúng hơn bị cơn cám dỗ buông thả. Ở những khu vực khác, một số người bị cơn cám dỗ nghiêm khắc. Còn Đức Giáo Hoàng Phanxicô thì nói một điều rất quan trọng: cả người nghiêm khắc lẫn người buông thả đều không làm việc biện phân. Người nghiêm khắc biết trước mọi điều, còn người buông thả thì thả lỏng mọi sự”.

Đức Hồng Y cho rằng Niềm Vui Yêu Thương kêu gọi ta thực hành một cuộc duyệt xét luân lý lâu dài và nghiêm túc về việc thất bại của hôn nhân, dựa theo mẫu Linh Thao của Thánh Inhã thành Loyola, đáng sáng lập Dòng Tên. Nếu duyệt xét này được thực hiện một cách nghiêm túc, chắc chắn đây sẽ là một tiến trình kiểm tra (screening) nghiêm ngặt trước khi cho phép người ly dị tái hôn rước lễ hơn là thực hành hiện nay ở một số nền văn hóa Tây Phương.

Đức Hồng Y Schönborn cũng cho biết ngài không thực sự bối rối trước sự kiện các giám mục hay các nhóm giám mục khác nhau đưa ra nhiều lối giải thích khác nhau về Tông Huấn Niềm Vui Yêu Thương, vì “tiếp thu là một diễn trình lâu dài”.

Trọng điểm ở đây, theo Đức Hồng Y Schönborn, là: Giáo Hội không nên vội vã rút ra các câu kết luận thực tế ngay tức khắc, mà nên chú tâm vào việc thâm thấu tinh thần của văn kiện nhất là lời kêu gọi biện phân của nó.

Ngài bảo: “Cần phải thảo luận, và tôi không sợ việc tiếng nói của các

giám mục và của hàng ngũ giáo dân chưa hoàn toàn ăn ý với nhau”.

Trong cuộc đàm đạo này, Đức Hồng Y Schönborn cũng còn đề cập đến nhiều vấn đề khác:

- Ngài cho rằng Đức Giáo Hoàng Phanxicô tạo nên “một bộ ba” (triptych) với các vị tiền nhiệm của ngài là Thánh Gioan Phaolô II và Đức Bênêđictô XVI. Hai vị sau “phải bảo toàn những điều căn bản của giáo huấn Công Giáo vốn đang bị đe dọa nghiêm trọng” trong khi Đức Phanxicô lưu ý tới việc “người ta đang đứng ở đâu, họ đang ở đâu, cuộc sống của họ ra sao, và ta phải dẫn họ tới đâu”.
- Ngài nhìn nhận rằng các vị Hồng Y bầu Đức Giáo Hoàng Phanxicô thực sự không biết các ngài nhận được những gì, dù, ngài cười, ngài vốn mong có sự bất ngờ, theo nghĩa Đức Phanxicô, rốt cuộc, sẽ trở thành điều ngài mong đợi.
- Ngài nhấn mạnh rằng các phạm trù như tả hữu nên được “quên đi” khi cố gắng hiểu Giáo Hội. Thánh Tôma Aquinô đâu có tả hữu chi, mà “chỉ sáng suốt và Công Giáo” thôi.
- Ngài cho rằng ta không thể coi là đương nhiên việc đức tin không chết đi ở Tây Phương ngày nay như cách nó đã chết thực trong lịch sử ở Thổ Nhĩ Kỳ và Bắc Phi. Nhưng ngài vẫn thấy nhiều dấu chỉ hy vọng, nhất là nơi di dân, họ mang tới một đức tin sống động cho Lục Địa Xưa và nơi khá nhiều nhóm nhỏ các tín hữu trẻ.

Niềm Vui Yêu Thương

Phần một của cuộc đàm đạo tập chú vào Tông Huấn Niềm Vui Yêu Thương.

Hỏi: Các giám mục và các nhóm giám mục đang đưa ra các câu trả lời khác nhau cho câu hỏi: Niềm Vui Yêu Thương muốn nói gì về việc rước lễ của người Công Giáo ly dị và tái hôn. Tính đa dạng mà một số người cho là lộn xộn này, có làm Đức Hồng Y bối rối chăng?

Trả lời: Thực sự không. Tiếp thu là một diễn trình lâu dài, nếu là điều quan trọng. Việc tiếp thu Công Đồng Trent cần tới 200 năm. Việc tiếp thu Công Đồng Nixêa đầu tiên cần tới 300 hay 400 năm. Tiếp thu là một diễn trình quan trọng, vì chính qua cuộc tranh luận quanh một giáo huấn mà giáo huấn này mới thấm sâu vào cơ thể Giáo Hội và mới trở nên thịt xương cho Giáo Hội. Việc tiếp thu Vatican II còn lâu mới kết thúc, nó vẫn chưa chấm dứt...

Hỏi: Đức Hồng Y có lẽ cho rằng sự náo động quanh Niềm Vui Yêu Thương minh họa điều trên, có phải không ạ? Nó minh họa rằng cuộc tranh luận về việc áp dụng mục vụ các viên kiến của Công Đồng nay vẫn còn đang tiếp diễn?

Trả lời: Chính xác như thế. Tôi nghĩ việc Niềm Vui Yêu Thương chú tâm vào điều Đức Giáo Hoàng Phanxicô gọi là các gia đình “như họ đang thực sự là” là một trong các chú tâm lớn của Vatican II. Dĩ nhiên, luôn có một căng thẳng nào đó giữa việc phát biểu tín lý, sự rõ ràng về tín lý, và việc tích nhập giáo huấn của Giáo Hội vào cuộc sống người ta và vào chính cuộc sống của chúng ta.

Diễn trình tiếp thu trên phải là một thời gian để thảo luận. Tôi không sợ có cuộc thảo luận. Đức Giáo Hoàng Phanxicô nói với chúng ta khi kết thúc Thượng Hội Đồng đầu tiên năm 2014 rằng ngài có lẽ sẽ lo lắng nếu điều gì cũng thanh thản, không cần phải thảo luận. Như Thánh Inhã, ngài gọi điều này là việc làm của Thần Khí. Đây là sự thúc đẩy của Thần Khí. Giống như mang thai vậy, anh chị biết đó? Đây là một việc đang diễn biến. Nó cần thảo luận, và tôi không sợ việc tiếng nói của các giám mục và của giáo dân chưa hoàn toàn ăn ý với nhau.

Điều tôi khẩn khoản là kiên nhẫn. Ở Hội Đồng Giám Mục Áo, chúng tôi nói chúng tôi không thích đưa ra các tập hướng dẫn vào ngay lúc này vì chúng ta vẫn còn đang ở trong thời kỳ tiếp thu văn kiện. Sau Vatican II, phần lớn các Hội Đồng Giám Mục quá lớn để có thể vội vàng tổ chức các hội đồng địa phương nhằm tạo ra các chất liệu riêng của mình.

Ngoại lệ duy nhất... có thể còn các ngoại lệ khác, nhưng ngoại lệ chính bản thân tôi biết... là vị Tổng Giám Mục Krakow. Cuối Vatican II, Đức Hồng Y [Karol] Wojtyla đã làm gì? Ngài xuất bản một cuốn sách nhỏ chứa các bản văn chủ chốt của Công Đồng và các bình luận ngắn. Cuốn sách này được in ra nhiều ngàn bản, và toàn thể tổng giáo phận Krakow tham gia một diễn trình hội đồng kéo dài 10 năm.

Mục đích không phải là đưa ra các văn kiện, mà chỉ nghiên cứu Vatican II và nội tâm hóa giáo huấn của nó về phụng vụ, về Giáo Hội, về mạc khải Thiên Chúa, về tự do tôn giáo, v.v... Đến khi đã là giáo hoàng rồi, ngài mới chính thức bế mạc hội đồng này khi trở về thăm quê hương Ba Lan lần đầu tiên. Tôi nghĩ đó là cách làm đúng đắn.

Điều tôi ráng làm ở giáo phận chúng tôi là đọc bản văn Niềm Vui Yêu Thương với các linh mục và giáo dân, nói với họ ‘Hãy nhìn bản văn, hãy đọc nó, nó được viết một cách đẹp đẽ’, đừng vội rút ra các kết luận thực tiễn ngay tức khắc, một thứ áp dụng Niềm Vui Yêu Thương đầy tính giải nghi học (casuistic). Hãy để anh chị em thấm nhuần văn kiện vĩ đại này, và rồi, từ từ, nó sẽ được soi sáng.

Một số Hội Đồng Giám Mục đã cho công bố các bản chỉ dẫn, như Malta, Đức, Giáo phận Rôma, v.v... Điều đó tốt, nhưng các chỉ dẫn này cần được thảo luận thêm, tôi nghĩ vậy, vì vẫn còn quá sớm. Các vị giám mục của giáo tỉnh Buenos Aires cũng đã công bố các bản chỉ dẫn, và Đức Giáo Hoàng đã cho biết lập trường là các bản chỉ dẫn này phù hợp với Niềm Vui Yêu Thương. Nhưng, nói chung, tôi nghĩ chúng ta cần có thời gian. Chúng ta phải tiếp cận với tinh thần của Niềm Vui Yêu Thương trước khi rút ra bất cứ kết luận thực tiễn nào.

Hỏi: Đức Hồng Y khuyên nên kiên nhẫn, nhưng trong khi ấy nhiều người bối rối vì các giám mục Buenos Aires hình như đã đưa ra câu trả lời cho câu hỏi liệu các người Công Giáo ly dị và tái hôn phần đời có được lãnh nhận Thánh Thể hay không còn các giám mục của Alberta và của Lãnh Thổ Tây Bắc (Gia Nã Đại) lại đưa ra một câu trả lời khác hẳn. Vậy đâu là câu trả lời đúng?

Trả lời: Câu trả lời đúng là biện phân. Hãy đọc *Familiaris Consortio*

số 84 ... để qua một bên vấn đề rước lễ, vốn là một cái ‘bẫy’ như Đức Giáo Hoàng Phanxicô có lần nói. Ai cũng trước nhất nhìn vào câu hỏi ‘họ có được phép hay không?’ Nhưng cách biện phân làm việc khác hẳn, và tiêu chuẩn hàng đầu đã được chính Thánh Gioan Phaolô đưa ra. Trong *Familiaris Consortio*, ngài nói ‘các mục tử biết điều này: vì sự thật, họ buộc phải thi hành việc biện phân thận trọng đối với các hoàn cảnh’.

Điều ấy có nghĩa gì? Nó có nghĩa: mỗi hoàn cảnh khác nhau đều có một sự khác nhau về luân lý, và ngài đưa ra ba trường hợp: trường hợp bị người phối ngẫu bỏ rơi một cách thẳng thừng; trường hợp hôn nhân ‘đổ vỡ không thể cứu chữa’; và trường hợp những người xác tín trong lương tâm rằng cuộc hôn nhân thứ nhất của họ chưa bao giờ thành sự. Ba thí dụ này đã được Đức Giáo Hoàng Phanxicô quảng diễn ở chương 8 của Niềm Vui Yêu Thương, kêu gọi họ và cả chúng ta biện phân và phân biệt.

Điều đó cần phải làm, trước nhất, bởi chính các đương sự. Câu hỏi đầu tiên không phải là liệu họ có được lãnh các bí tích hay không, mà là họ đã xử lý ra sao sự thất bại trong cuộc hôn nhân của họ.

Ở tổng giáo phận Vienna, chúng tôi có một chương trình dành cho các người ly dị và tái hôn trong nhiều năm qua tên là ‘Năm Điều Lưu Ý’. Tôi cảm thấy được tăng cường mạnh mẽ bởi Niềm Vui Yêu Thương trong phương pháp biện phân của nó. Một trong những điều đầu tiên chúng tôi hỏi là ‘Anh chị đối xử với con cái ra sao?’ Trong Niềm Vui Yêu Thương, Đức Giáo Hoàng Phanxicô nhấn mạnh rằng không bao giờ được buộc con cái phải vác lên vai gánh nặng do cuộc tranh chấp của cha mẹ tạo nên. Có một tiết rất cảm động trong đó, Đức Giáo Hoàng Phanxicô viết rằng ‘Tôi đưa ra lời kêu gọi này với các cha mẹ đã ly thân: đừng bao giờ bắt con cái mình làm con tin!’ (*Niềm Vui Yêu Thương* 245). Đây là một tội nặng, rất nặng.

Ngài đưa ra rất nhiều trợ giúp để biện phân. Chẳng hạn, ngài nói tới hoàn cảnh người phối ngẫu bị bỏ rơi. Trong cuộc hôn nhân của anh/chị, anh/chị có xem xét hoàn cảnh của người phối ngẫu bị bỏ rơi không? Đây là hậu quả của việc anh/chị ly dị đối với bạn bè, các gia

đình khác, cộng đoàn? Anh/chị có xét tới vấn đề hận thù giữa anh/chị và người kia không? Đó là các phương thế để biện phân, và câu hỏi hàng đầu là phải xử lý ra sao hoàn cảnh trong đó lời thề hứa đã không thành.

Hỏi: Trọng tâm của Niềm Vui Yêu Thương, xét về nhiều phương diện, là lời kêu gọi biện phân này. Điều một số người hiểu chữ ‘biện phân’ là làm loãng các chuẩn mực luân lý. Thành thử, trên quan điểm mục vụ, Đức Hồng Y làm sao chắc chắn được rằng biện phân không có nghĩa là điều này?

Trả lời: anh chị hãy đọc chương 7 của Niềm Vui Yêu Thương nói về giáo dục. Ở đây, anh chị thấy chính xác khuôn khổ của điều là biện phân đích thực. Cha mẹ phải làm gì cho con cái họ và với con cái họ? Điều gì tốt, điều gì xấu đối với chúng? Chỗ nào họ phải nghiêm khắc, chỗ nào họ phải kiên nhẫn? Đây là công việc chuẩn mực của các nhà giáo dục, và phải là công việc của mọi hoạt động mục vụ, đó là biện phân.

Do đó, Đức Giáo Hoàng Phanxicô không ngừng nhắc đi nhắc lại rằng “Chúng ta cần một nền đào tạo tốt hơn về biện phân”. Có nhiều qui luật về biện phân. Trong Linh Thao, Thánh Inhã đưa ra nhiều qui luật về biện phân. Và cuối cùng, trong chiều kích tối hậu, biện phân là lắng nghe tiếng nói của Thiên Chúa trong đời anh chị. Đó là vấn đề lương tâm.

Hỏi: Há Đức Hồng Y không quan tâm sao trước việc điều trên có thể làm yếu đi lòng kính trọng đối với Bí Tích Hôn Phối, hay tháo gỡ cam kết của chúng ta đối với ý niệm vĩnh viễn của hôn nhân?

Trả lời: Theo nghĩa của Niềm Vui Yêu Thương, tôi nghĩ biện phân, tại một số khu vực trong Giáo Hội, có thể dẫn đến một thái độ nghiêm ngặt hơn. Ở Tây Phương, nói chung, chúng ta đúng hơn bị cơn cám dỗ buông thả. Ở những khu vực khác, một số người bị cơn cám dỗ nghiêm khắc. Còn Đức Giáo Hoàng Phanxicô thì nói một điều rất quan trọng: cả người nghiêm khắc lẫn người buông thả đều không làm việc biện phân. Người nghiêm khắc biết trước mọi điều, còn người

buông thả thì thả lỏng mọi sự.

Hỏi: Tất cả đều khởi đi từ tiên thiên...

Trả lời: Đúng vậy. Và nền giáo dục buông thả cũng tệ như nền giáo dục nghiêm khắc.

Hỏi: Đức Hồng Y có cho rằng xét theo thực tại mục vụ, nếu, ở Tây Phương, chúng ta xem trọng Niềm Vui Yêu Thương, thì thực sự chúng ta sẽ nghiêm ngặt hơn đối với việc ly dị và tái hôn dân sự không?

Trả lời: Tôi phải nói chúng ta sẽ lưu tâm hơn, vâng. Cẩn thận hơn.

Có lẽ cần trọng hơn?

Trả lời: Cẩn trọng hơn theo nghĩa huấn luyện lương tâm. Vâng. Nhưng tôi phải nói thêm một yếu tố rất quan trọng. Trong Niềm Vui Yêu Thương, có một đoạn duy nhất trong đó Đức Giáo Hoàng Phanxicô nói đến việc rước lễ. Nhưng không trong bối cảnh ly dị. Mà trong bối cảnh thực tại xã hội (*Niềm Vui Yêu Thương* 186). Ngài trích dẫn thư Thánh Phaolô gửi tín hữu Côrintô, khi nói tới việc biện phân thân xác và Thánh Phaolô quở mắng người Côrintô điều gì? Quở rằng người giàu ăn uống đến no say, còn người nghèo thì đói meo. Và đó không phải là biện phân thân xác.

Tôi nghĩ lời mời gọi biện phân là một điều chạm đến mọi người. Không phải chỉ người ly dị mà thôi. Nó đụng đến mọi người: tôi phải biện phân ra sao khi tôi đối xử với người của tôi, với nhân viên của tôi một cách tàn nhẫn, vô nhân đạo, rồi đi rước lễ vào Chúa Nhật? Đây có phải là biện phân thân xác không?

Thành thử, tôi nghĩ Đức Giáo Hoàng Phanxicô mời gọi chúng ta mở rộng vấn đề. Và cuối cùng, theo lời của Thánh Phaolô, mọi người phải biện phân xem mình ăn vì án phạt hay vì ơn ích.

Hãy quên tả hữu đi

Ai cũng biết, khởi đầu trong sự nghiệp của ngài, Đức Hồng Y Christoph Schönborn vốn được coi là người bảo thủ, được Đức Hồng Y Joseph Ratzinger bảo trợ. Nhưng nay, phần đông người ta coi ngài như một đồng minh cấp tiến của Đức Giáo Hoàng Phanxicô. Theo ngài, đây không hẳn là một thay đổi cho bằng sự thiếu thỏa đáng của các phạm trù ‘tả hữu’. Như Thánh Tôma Aquinô chẳng hạn, đâu có tả hữu gì, mà chỉ là “sáng suốt và Công Giáo”.

Sau đây là phần hai cuộc phỏng vấn Đức Hồng Y Schönborn của Crux:

Hỏi: Hai mươi năm trước đây, Đức Hồng Y được coi là người bảo thủ, được Đức Hồng Y Joseph Ratzinger bảo trợ. Ngày nay, nhiều người coi Đức Hồng Y là một đồng minh cấp tiến của Đức Giáo Hoàng Phanxicô. Đức Hồng Y thay đổi, Giáo Hội thay đổi hay tất cả đơn giản chỉ minh họa lý do tại sao các phạm trù tả hữu không thỏa đáng?

Trả lời: Phần lớn là câu sau cùng. Dĩ nhiên, có một sự phát triển trong đời mỗi con người. Lúc còn là một nhà thần học trẻ, Đức Hồng Y Joseph Ratzinger được coi là người rất cấp tiến, nhưng sau Vatican II, càng ngày ngài càng bảo thủ hơn. Lúc là Hồng Y, ngài bị coi là *Panzerkardinal* (Hồng Y áo giáp). Lúc ngài làm giáo hoàng, chúng tôi, các học trò cũ của ngài, rất đỗi ngạc nhiên thấy ngài mở rộng vòng tay, vì chúng tôi chưa bao giờ được thấy cử chỉ ấy của ngài. Dĩ nhiên, ngôi vị giáo hoàng đã tác động lên ngài không ít.

Tôi cũng đã phát triển trong cuộc sống của mình. Là một tu sĩ Đa Minh trẻ tuổi trong thời kỳ khoảng năm 1968, tôi là người cánh tả..., cấp tiến, dẫn thân về xã hội, chưa bao giờ theo Mác, nhưng trái tim tôi nghiêng nhiều về phía tả. Về một vài phương diện nào đó, nó vẫn tiếp tục còn ở đó. Rồi tôi thấy các hậu quả thảm hại của năm 1968 trong Dòng Đa Minh, ở Đức và ở Pháp. Tôi khám phá ra nền thần học Đông Phương, truyền thống Chính Thống, và các giáo phụ. Tôi có may mắn được hướng dẫn sâu xa vào Thánh Tôma Aquinô bởi một tu sĩ Đa Minh cao tuổi, người trở thành cha thiêng liêng và thầy dạy của tôi. Tôi trở nên điều tôi hy vọng mình vẫn còn là một thần học gia, có

khuyh hướng thiên rất nhiều về các giáo phụ, về truyền thống Đông Phương, và về Thánh Tôma Aquinô. Tôi chưa bao giờ nghĩ Thánh Tôma Aquinô là bảo thủ hay cấp tiến, ngài chỉ đơn giản sáng suốt và Công Giáo mà thôi.

Các thầy dạy của tôi, các bậc thầy chính của tôi, là Hans Urs von Balthasar và Joseph Ratzinger. Anh chị có bảo các ngài là bảo thủ không? Anh chị có bảo các ngài là cấp tiến không? Các phạm trù này đều sai. Các ngài vĩ đại, các ngài là những tâm trí vĩ đại. Tôi chưa hề thấy Joseph Ratzinger là người hẹp hòi, mà là một thầy dạy Công Giáo hết sức vững vàng.

Khi được kêu gọi làm thư ký cho ủy ban soạn thảo Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo, một công việc có lẽ quan trọng nhất tôi từng làm xưa nay trong đời, nhiệm vụ của tôi là phát biểu một cách dễ hiểu, tổng hợp và có tổ chức toàn bộ giáo huấn Công Giáo. Đây quả là một cuộc mạo hiểm kỳ diệu, dưới sự hướng dẫn của Đức Hồng Y Ratzinger, là cùng nhau chuốt công trình này với một nhóm lớn, những con người lớn, làm việc mật thiết với nhau.

Khi Đức Giáo Hoàng Phanxicô được bầu, tôi không bao giờ coi việc này như một đứt đoạn. Tôi cho rằng đây là một thứ bộ ba (triptych): Đức Gioan Phaolô và Đức Bênêđictô, trong các triều giáo hoàng của các ngài, phải bảo toàn các điều nền tảng của giáo huấn Công Giáo đang bị đe dọa trầm trọng. Đức Giáo Hoàng Phanxicô, một tu sĩ Dòng Tên có gốc rễ sâu xa, mang đến ý thức này là người ta đang đứng ở đâu, họ đang ở đâu, đời sống của họ ra sao, và ta phải dẫn họ tới đâu, một cách kiên nhẫn và đầy lưu tâm. Ngài làm với Giáo Hội và vươn cả ra ngoài Giáo Hội, điều mà Thánh Inhã từng muốn làm trong Linh Thao: gặp gỡ người ta ngay trong đời sống của họ, ngay trong tình thế của họ và dẫn họ từng bước bằng biện phân tới chỗ hoàn toàn dần thân cho Chúa Kitô. Tôi thấy một sự bổ túc vĩ đại và tôi cũng thấy nó trong giáo huấn giáo hoàng. Với tôi *Familiaris Consortio* và *Amoris Laetitia* bổ túc cho nhau rất nhiều.

Anh chị hãy quên đi các phạm trù [tả hữu].

Hỏi: Đức Hồng Y còn tin rằng Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo là công trình quan trọng nhất trong đời Đức Hồng Y không?

Trả lời: Còn, còn. Đó là một kinh nghiệm tuyệt vời, tập chú không phải vào các suy tư của các thần học gia, mà vào giáo huấn của Giáo Hội, và phát biểu nó một cách không như những viên gạch trong một túi lưng mà ta phải đeo mà chẳng hiểu gì, nhưng tìm thấy *nexus mysteriorum*, tức sự nối kết giữa các mâu nhiệm, như Giáo Hội vốn dạy. Mục đích của Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo không cần kể có tính mục vụ, nhưng là nền tảng cho công trình mục vụ tốt đẹp. Lấy Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo làm dụng cụ, ta có thể thực hiện được điều Đức Giáo Hoàng Phanxicô kêu gọi Giáo Hội thực hiện, đó là trở thành các nhà truyền giáo.

Hỏi: Đức Hồng Y ở trong Mật Nghị Hội bầu Đức Giáo Hoàng Phanxicô. Đức Hồng Y phần nào biết Đức Hồng Y Bergoglio trước khi ngài được bầu, và Đức Hồng Y đã làm việc gần gũi với ngài kể từ ngày ngài được bầu. Ngài có làm Đức Hồng Y ngạc nhiên không, hay đây ít nhiều có phải là điều Đức Hồng Y nghĩ mình đang nhận được?

Trả lời: Không, ngài làm tôi ngạc nhiên. Ngài làm tôi ngạc nhiên từ ngày đầu, khi ngài đứng ở ban-công và cúi đầu thỉnh lạng yêu cầu người ta cầu nguyện cho ngài. Và từ đó, ngài tiếp tục làm chúng ta ngạc nhiên.

[Phát ngôn viên: nhưng Đức Hồng Y mong được ngạc nhiên mà. Điều đầu tiên Đức Hồng Y nói với con sau cơ mật viện là “chúng ta sẽ thấy nhiều điều ngạc nhiên theo cung cách Đức Gioan XXIII”]

Vâng đúng thế. Tôi mong chờ các điều ngạc nhiên.

Hỏi: Nếu thế thì ngài đã đáp ứng. Ngài tiếp tục kéo các con thỏ ra khỏi chiếc mũ...

Trả lời: À, tôi không biết liệu có phải là các con thỏ hay không, nhưng hết lần này qua lần nọ, là sự tự do của Tin Mừng. Chúa Giêsu luôn làm người ta ngạc nhiên. Trước hết là chính các môn đệ của Người.

Họ khó mà hiểu được Người, nhưng tuy thế, Người vẫn yêu thương họ. Tôi nghĩ điều hết sức tốt đẹp là nét tươi mát của Tin Mừng. Nhưng theo tôi, không hề có sự đứt đoạn. Khi Đức Gioan Phaolô được bầu, một người xuất thân từ Đông Âu, từ một nước Cộng Sản... Anh chị đã xem cuốn phim *Nine days that changed the world* (chín ngày thay đổi thế giới) chưa? Sống ở Áo này, gần biên giới Cộng Sản, thật là kỳ diệu. Chuyến viếng thăm đầu tiên của ngài ở đây, ở Vienna. Dĩ nhiên, cũng có những giờ phút khó khăn, nhưng điều chắc chắn đây là thời kỳ vĩ đại.

Và rồi, có triều giáo hoàng ngắn hơn của Đức Bênêđictô. Và điều ngạc nhiên đối với chúng tôi, các học trò của ngài, là thấy ngài giữa đám đông, và hành xử rất khéo. Còn các buổi yết kiến chung thì đông hơn của Đức Gioan Phaolô. Còn ơn phúc giảng dạy vĩ đại nữa mà chúng tôi biết qua các khóa giảng, sách vở và bài giảng lễ của ngài. Tôi phải nói rằng trải nghiệm hiện nay của tôi đối với 3 triều giáo hoàng mà tôi biết cách gần gũi chính là phép lạ của ngôi vị giáo hoàng. Nó hết sức hấp dẫn và tiếp tục hấp dẫn.

Hỏi: Có phải Đức Hồng Y muốn nói rằng ngôi vị giáo hoàng có thể mang nhiều cái lạ ra khỏi người ta mà Đức Hồng Y không ngờ tới không?

Trả lời: Đúng, đúng. Và tôi cho rằng Chúa, Đấng luôn hướng dẫn Giáo Hội, dẫn dắt Giáo Hội bằng Thần Trí của Người, luôn ban cho Giáo Hội vị mục tử mà Giáo Hội cần vào lúc thích hợp. Vị tiền nhiệm của tôi là người chủ chốt trong việc bầu Đức Gioan Phaolô, đó là Đức Hồng Y [Franz] König và cả Ratzinger nữa. Tôi nghĩ chúng ta được diễm phúc rất lớn bởi triều giáo hoàng hiện nay. Và các triều giáo hoàng kế tiếp, mỗi thời một triều giáo hoàng thích đáng.

Hỏi: Chúng con đang ngồi kế cận một bức tranh tại dinh Tổng Giám Mục có ý nghĩa sâu xa với tổng giáo phận Vienna và Giáo Hội Áo. Đức Hồng Y có thể cho chúng con biết lịch sử này không?

Trả lời: Đây là một câu truyện rất cảm động. Vào ngày 8 tháng Mười năm 1938, Hitler xâm lăng Nước Áo. Hôm trước ngày xâm lăng, ngày

Lễ Rất Thánh Mân Côi, Đức Hồng Y lúc đó là [Theodor] Innitzer triệu tập giới trẻ Công Giáo của Vienna, một cách không chính thức, họp nhau tại nhà thờ chính tòa. Trong khoảng từ 7 đến 9 giờ sáng, hàng ngàn người trẻ đã tụ tập ở đó. Đức Hồng Y giảng cho họ một bài giảng rất mạnh mẽ; ngài nói rằng “Chúa Giêsu Kitô là Führer của chúng ta!”. Hết sức phấn khích, giới trẻ tụ tập quanh dinh Tổng Giám Mục hô lớn: “chúng tôi muốn gặp Đức Giám Mục của chúng tôi!”, cố ý nhại lại cung cách Đoàn Thanh Niên Hitler có thói quen hô “Chúng tôi muốn gặp Führer của chúng tôi!” Nghe thấy thế, Đức Hồng Y đã tới cửa sổ, ban phép lành rồi nói: “Các con hãy về nhà, về nhà trong im lặng”.

Cuộc ruồng bỏ đầu tiên của cảnh sát diễn ra vào buổi tối hôm đó, ngày 7 tháng Mười. Và hôm sau, diễn ra cuộc trả thù. Đoàn Thanh Niên Hitler xâm chiếm dinh Tổng Giám Mục, họ giật sập công, phá nát cả tòa nhà...

Hỏi: Đối với những người không biết Vienna, đây không phải là một dinh xây dựng trên một ngọn đồi nào đó, mà là giữa trung tâm thành phố, nên các cuộc biểu tình dễ dàng diễn ra...

Trả lời: Và ngày nay cũng vẫn như thế, chung quan nhà, vẫn thế. Nên, Đức Hồng Y phải trốn trên gác xép (attic). Cha thư ký bị ném qua cửa sổ, bị thương nặng. Và cuối cùng, cảnh sát tới, lúc mọi sự đã hết đường cứu chữa. [Và Đức Hồng Y chỉ lên bức tranh mà nói] Biên cố này còn lại như một ký ức. Anh chị thấy chỗ Đoàn Thanh Niên Hitler rạch xác Chúa Giêsu... Nó diễn ra đúng một tháng sau ngày các hội đường Do Thái bị thiêu rụi trên toàn nước Đức.

Hỏi: Dĩ nhiên, Đức Hồng Y không phải sống điều đó, nhưng chắc chắn Đức Hồng Y biết câu chuyện...

Trả lời: Mẹ tôi lúc đó 18 tuổi, nay bà còn sống, đã 97, và bà nhớ rất rõ giây phút ấy.

Hỏi: Dù sao, đây cũng là một phần của câu chuyện gia đình, một phần của câu chuyện tông giáo phận. Nó có mang lại cho Đức Hồng Y sự

tin tưởng nào không khi nhìn vào các vấn đề bên trong Giáo Hội hiện nay, hay các vấn đề văn hóa? Lịch sử có đem lại cho Đức Hồng Y tin tưởng chắc chắn nào rằng nếu chúng ta đã qua được điều kia, thì cũng sẽ qua được điều này không?

Trả lời: Được, chúng ta không có lời hứa hẹn Âu Châu sẽ không có một số phận như Thổ Nhĩ Kỳ, trước đây vốn hoàn toàn theo Kitô Giáo, [hay] Bắc Phi, trước đây cũng hoàn toàn theo Kitô Giáo. Nhưng ta vẫn có hy vọng. Đang có những dấu chỉ hy vọng. Nhưng trong trạng huống nghèo nàn hơn nhiều. Giáo Hội đang kinh qua một sự co rút, một co rút lớn lao, nhưng tôi tin tưởng nơi Chúa. Người vốn là thiện ích của Giáo Hội. Tại sao lại không thể có sự đổi mới thực sự cho Giáo Hội? Chúng ta hãy cầu xin Chúa Thánh Thần.

Hỏi: Đức Hồng Y vừa nói có nhiều dấu chỉ hy vọng. Vậy ở Vienna này, đâu là những dấu chỉ ấy?

Trả lời: Di dân Kitô Giáo là một. Chúng tôi có nhiều cộng đồng di dân đa dạng đến từ khắp mọi nơi trên thế giới, từ Trung Quốc tới Châu Mỹ La Tinh. Họ đang mang đến những hương vị mới, những men bột mới, sinh khí mới cho đời sống Giáo Hội địa phương. Và rồi còn có nhiều dấu chỉ tốt đẹp nơi thế hệ trẻ. Dĩ nhiên, thế hệ trẻ hiện nay nhỏ bé hơn, vì ít trẻ em, đây là một sự kiện. Nhưng nếu anh chị tham dự Lễ Ngũ Tuần ở Salzburg nơi tuổi trẻ Công Giáo tụ tập, anh chị sẽ thấy một Giáo Hội sống động.

20. Trường hợp điển hình trong cuộc tranh luận về việc cho người ly dị tái hôn dân sự rước lễ

Vũ Văn An1/10/2017

Ai cũng biết Tông Huấn Niềm Vui Yêu Thương mời gọi các mục tử biện phân các hoàn cảnh khác nhau để lượng định xem một người Công Giáo ly dị và tái hôn dân sự có được rước lễ hay không. Đáp lại lời mời gọi này, linh mục Paul Keller, thuộc dòng Truyền Giáo Claretian, phụ trách mục “Smells like sheep” (Có mùi chiên) trên tạp san U.S. Catholic Magazine, chuyên chú trọng tới những điểm trong đó thừa tác mục vụ, chính sách công cộng, thần học và đạo đức học

gặp nhau, đã đưa ra trường hợp điển hình sau đây mà ngài cho là “không mô tả một người hay một trường hợp chuyên biệt nào mà tôi từng gặp”; có nghĩa đây chỉ là một trường hợp điển hình giả định:

“Nhưng thưa cha, há con không thể lên rước lễ được sao?”

Khi chúng tôi đang ngồi trong toà giải tội, Irma, một người Công Giáo ly dị và tái hôn dân sự, nhìn tôi bằng đôi mắt van lơn. Chị ấy hỏi tôi một câu hỏi trực tiếp như trên.

Để trả lời câu hỏi ấy, tôi phải theo các hướng dẫn mà Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã mô tả trong *Niềm Vui Yêu Thương* sau nhiều cuộc thảo luận và biện phân của hai Thượng Hội Đồng Giám Mục về Đời Sống Gia Đình. Tôi được mời gọi đồng hành với Irma. Tôi cần phải thi hành sự khôn ngoan trong suốt diễn trình dài và tiệm tiến này để giúp Irma hiểu, biết đánh giá, và thi hành trọn vẹn những gì Thiên Chúa yêu cầu ở chị.

Đọc con đường này, tôi phải “tránh các phán đoán không biết kể chi tới tính phức tạp” của hoàn cảnh Irma. Biện phân mục vụ sẽ không cần thiết nếu mọi điều tôi phải làm là nói với Irma đâu là các qui luật và truyền cho chị phải tuân phục các qui luật này. Nhưng tôi không được phép coi các giới luật luân lý của Giáo Hội như những viên đá để tôi phải ném vào cuộc đời Irma.

Trong diễn trình biện phân và đồng hành, tôi phải hiểu rằng “rất có thể, trong một hoàn cảnh tội lỗi khách quan, nhưng rất có thể không thể qui tội về phương diện chủ quan, hay không qui tội hoàn toàn được, một người nào đó có thể đang sống trong ơn thánh của Thiên Chúa, có thể yêu thương và cũng có thể lớn lên trong đời sống ơn thánh và đức ái, trong khi vẫn tiếp nhận sự giúp đỡ của Giáo Hội để đạt được mục tiêu này”.

Đến điểm này, tôi từng đã nói nhiều lần, hầu như suốt hai năm, với Irma trong bí tích Hòa Giải. Trong suốt các cuộc chuyện trò và cầu nguyện khá nhiều của chúng tôi, tôi đã tiến tới chỗ biết khá nhiều về đời sống của chị.

Irma xuất thân từ El Salvador, nơi chị kết hôn với người tình lúc còn ở trung học, tên Francisco, lúc cả hai mới 21 tuổi. Chị nói với tôi anh là một người kỳ diệu: biết tôn trọng, đại lượng và hết sức khôi hài. Họ kết hôn trong Giáo Hội Công Giáo, dù nay Irma tự mô tả bà vào lúc đó thực sự chỉ là một người Công Giáo “về văn hóa”.

Cả chị lẫn người bạn trai chưa bao giờ thực sự suy nghĩ nghiêm túc về đức tin của họ. Gia đình họ đều theo Công Giáo. Mọi người họ biết đều là người Công Giáo. Ai cũng cho rằng khi kết hôn, bạn hẳn phải kết hôn trong Giáo Hội Công Giáo.

Chị cho biết năm đầu mới lấy nhau quả là “tuyệt diệu”. Mặc dù khó khăn lắm mới đủ tiêu dùng, nhưng họ lo liệu được. Rồi Francisco bị áp lực làm điều anh đã tránh được lúc ở trung học: tham gia băng đảng địa phương đang kiểm soát khu phố của họ. Sau đó, Francisco bắt đầu về trễ. Anh bắt đầu uống rất nhiều và, chị tin, anh còn sử dụng cả ma túy nữa.

Chị cho biết: “anh ấy trở nên một con người hoàn toàn khác hẳn”.

Cuối cùng, khi say, Francisco trở thành người hành hạ bằng thể lý và bằng ngôn từ. Bao giờ anh cũng xin lỗi vào ngày hôm sau, và hứa việc này sẽ không bao giờ xảy ra nữa. Nhưng nó vẫn cứ luôn diễn ra một lần nữa.

Khi say, Francisco bắt đầu thường xuyên “khoác lác” về các vụ lãng nhãng của anh với các người đàn bà khác. Một số người lảng giềng còn cho Irma hay một người đàn bà mang thai và cho rằng đứa con là của Francisco.

Francisco, có hồi, đi biệt tăm nhiều ngày mà không hề cho Irma hay anh đang ở đâu hay bao giờ trở về. Cuối cùng anh bỏ đi luôn không về nhà nữa. Một tuần... hai tuần... một tháng... sáu tháng.

Sau sáu tháng, Irma không biết phải làm gì. Francisco đã mất việc từ lâu. Irma không thể kiếm được việc làm. Cả gia đình chị đều qua Hoa

Kỳ cả rồi.

Thành thử, vì tuyệt vọng, Irma ly dị Francisco và qua Hoa Kỳ (bất hợp pháp), nơi chị có thể sống với một số người trong gia đình chị và tìm được việc làm.

Sau khi ở Hoa Kỳ được khoảng một năm, Irma gặp Tony. Họ bắt đầu hẹn hò rồi yêu nhau. Irma mô tả Tony là người hiền hòa lịch thiệp và chăm làm.

“Anh ân cần, luôn làm con ngạc nhiên bằng những món quà nhỏ và đưa con đi chơi”. Cuối cùng, Tony và Irma kết hôn theo dân luật. Nhờ cuộc hôn nhân này, Irma có thể trở thành thường trú nhân. Sau đó, chị có thai. Sau khi lấy nhau được gần một năm, họ cho Araceli chào đời.

Irma muốn rửa tội cho Araceli trong Giáo Hội Công Giáo. Tony không phải là người Công Giáo và thực sự chưa bao giờ đến nhà thờ, nhưng anh ủng hộ Irma trong quyết định dưỡng dục Araceli thành người Công Giáo.

Sau lễ rửa tội, Irma và Tony bắt đầu tham dự Thánh Lễ. Irma bùng tình đối với Đạo Công Giáo của mình. Chị muốn là một người Công Giáo tốt và lớn lên trong mối liên hệ của mình với Thiên Chúa. Chị đặc biệt muốn được rước lễ.

Irma không hề biết hiện nay Francisco đang ở đâu. Thậm chí, chị cũng không biết liệu anh còn sống hay không. Chị không còn gia đình ở El Salvador. Chị không mang theo giấy tờ gì của Giáo Hội hay của chính quyền khi tới Hoa Kỳ.

Chị muốn xin án tuyên bố hôn nhân trước của chị vô hiệu, nhưng hầu như chị không thể kiếm được bất cứ tín liệu nào hay sự giúp đỡ nào từ giáo xứ của chị ở El Salvador.

Mặc dù Irma tin chắc rằng họ còn quá trẻ để có thể kết hôn với nhau, nhưng điều cũng rõ là chị không có bất cứ lý do thực sự nào để yêu cầu án vô hiệu vì các vấn đề liên quan tới Francisco dường như chỉ là

việc nghiện rượu (và có thể các thứ ma túy khác), là thứ chỉ phát triển sau khi họ đã kết hôn rồi.

"Nhưng thưa cha, há con không thể lên rước lễ được sao?"

Irma và tôi đã thảo luận về những gì Giáo Hội dạy liên quan đến việc rước lễ đối với người ly dị và tái hôn. Tôi đã giải thích với chị rằng nếu chị và Tony sống với nhau như "anh trai và em gái", thì chị có thể lên rước lễ được.

Chị nói với tôi rằng theo Tony, ý tưởng đó điên rồ. Vì họ chỉ mới 26 tuổi, nên Irma sợ điều có thể xảy ra cho mối liên hệ của họ nếu họ không còn khả năng lớn lên trong tình yêu của họ nhờ sự thân mật thể lý.

Chị không nghĩ Tony có thể xử lý được viễn ảnh phải cam kết sống độc thân hoàn toàn trong suốt thời gian 70 năm còn lại. Hơn nữa, cả chị lẫn Tony đều muốn có "ít nhất hai hoặc ba đứa con nữa".

Irma nói với tôi: mỗi Chúa Nhật, sau khi dự Thánh Lễ trở về nhà với Tony và bé Araceli, chị đều khóc cả ngày. Chị hết sức đau lòng khi không thể hiệp thông với Chúa và nhận ân sủng của Người trong Bí tích.

Sự tuyệt vọng của chị lớn đến nỗi là một mục tử và cũng là người có bằng cấp về huấn đạo, tôi lo sức khỏe tinh thần và tâm lý của chị bị tổn hại bởi việc tham dự Thánh Lễ mà không được rước lễ. Dù không nói như vậy với Irma, nhưng tôi tự hỏi liệu để chị tham dự một nhà thờ không Công Giáo có phải là điều tốt hơn cho chị không.

Chị nói với tôi rằng Tony bắt đầu từ chối việc tham dự Thánh Lễ vì anh không thể chịu đựng được việc mình trở thành một phần của điều đang gây cho chị rất nhiều đau khổ. Ngay cả bé Araceli cũng muốn biết lý do tại sao má lại luôn luôn khóc sau khi tham dự Thánh Lễ.

"Nhưng thưa cha, há con lại không thể lên rước lễ được sao?"

Sau hơn một năm đồng hành với chị, tôi sẽ trả lời câu hỏi trực tiếp của chị ra sao? Nếu chị đơn giản tiến lên rước lễ, có lẽ tôi sẽ không từ khước chị. Trước hết, mọi điều tôi biết về mối liên hệ của chị đã phát xuất bên trong khuôn khổ bí tích giải tội. Bên ngoài bí tích này, tôi không thể "sử dụng" thông tin này bất cứ cách nào, chắc chắn không phải qua việc công khai từ khước việc rước lễ của chị.

Mà dù tôi có biết về hoàn cảnh của Irma bên ngoài Phép Giải Tội đi chăng nữa, thì không ai khác trong giáo xứ biết. Đây không phải là tình huống của một tội công khai tỏ tường. Nên không hề có nguy cơ gây gương mù. Tôi cũng không biết vào một Chúa Nhật nhất định nào đó, liệu chị và Tony có quyết định bắt đầu sống với nhau như "anh trai và em gái" hay không.

Irma chắc chắn không có thái độ coi thường hay thiếu tình yêu đối với Giáo Hội và giáo huấn của Giáo Hội. Với những hoàn cảnh như thế, nếu chị tiến lên rước lễ, chắc chắn Giáo Hội không để tôi công khai khước từ chị.

Nhưng tôi không đối phó với việc liệu tôi sẽ khước từ việc rước lễ của chị hay không. Mà là đối phó với một trong các tín hữu hỏi tôi một câu hỏi trực tiếp, và chị này xứng đáng được một câu trả lời trực tiếp.

Irma chắc chắn có "sự khiêm tốn, cẩn trọng, và tình yêu đối với Giáo Hội và giáo huấn của Giáo Hội" đúng nghĩa mà Đức Giáo Hoàng Phanxicô trong *Niềm Vui Yêu Thương* nói là cần thiết trước khi một người nào đó trong hoàn cảnh này có thể tiến lên rước lễ. Chị là người "chân thành tìm kiếm thánh ý Thiên Chúa" và có một "mong muốn thực hiện một đáp trả hoàn hảo hơn với thánh ý Người".

Niềm Vui Yêu Thương mô tả một số điều tôi phải xem xét khi cung cấp việc chăm sóc mục vụ cho Irma.

Trước hết, tôi có thể thấy không có cảm thức tội lỗi thực sự nào về phần Irma đối với sự thất bại hôn nhân của chị. Dù chị buồn rằng chị và Tony không kết hôn trong Giáo Hội, nhưng chị cũng tin rằng Thiên Chúa đã đặt Tony vào đời chị vì phúc lợi của chị.

Mặc dù không được kết hôn trong Giáo Hội, nhưng mối liên hệ của họ, trong mọi khía cạnh, tỏ ra là một mối liên hệ lành mạnh về tâm linh, tâm lý, và xúc cảm. Họ có một mối liên hệ mạnh mẽ và một đứa con xinh đẹp. Họ trung thành, rộng lượng và tự hiến.

Cam kết Kitô Giáo của Irma là điều hiển nhiên, và theo Irma, trước khi không vui về nỗi thống khổ của Irma, Tony tỏ ý quan tâm đến việc học hỏi thêm về Thánh Lễ và Giáo Hội Công Giáo.

Tôi chia sẻ mối quan tâm của Irma rằng cố gắng sống độc thân suốt đời có thể gây nguy hại cho lòng trung thành và sự tiếp tục mối liên hệ của họ, một điều chắc chắn không tốt cho đứa con của họ. Tôi tin rằng sự kết thúc mối liên hệ của họ sẽ gây tổn hại cho cả ba người họ.

Trong trường hợp này, tôi đã đi đến chỗ tin mạnh mẽ rằng Irma sẽ được giúp đỡ rất nhiều nhờ ân sủng của bí tích Rước Lễ. Không có nó, tôi sợ rằng mọi người họ sẽ thôi, không đến dự Thánh Lễ nữa, và có lẽ nên như thế. Tôi có một niềm hy vọng hợp lý này là Tony cuối cùng sẽ trở thành người Công Giáo.

Tôi tin rằng rất có thể một ngày nào đó trong tương lai, có lẽ sau hai hoặc ba đứa con nữa, Irma và Tony sẽ sống một cuộc sống như "anh trai em gái".

"Nhưng thưa cha, há con không thể lên rước lễ được sao?"

Dựa trên tất cả mọi điều tôi biết trong tư cách một linh mục liên quan tới tội lỗi, lương tâm, hy vọng, Chúa Giêsu, giáo huấn của Giáo Hội, và nhất là chỉ thị mà Giáo Hội đã nhận được từ Đức Giáo Hoàng Phanxicô trong *Niềm Vui Yêu Thương*, tôi nói với Irma, "Nếu con chân thành tin trong lương tâm của con rằng đây là cách Chúa Kitô có thể giúp con lớn lên trong sự thánh thiện, thì, được. Con được lên rước lễ".

Chúa Nhật tiếp theo, sau Thánh Lễ, Irma chào tôi với những giọt nước mắt trên mi - lần này là những giọt nước mắt hân hoan. Ngay

đôi mắt của Tony dường như cũng đăm đề khi nắm tay bé Araceli đang nghịch ngợm.

Irma nói với tôi, "Trong tất cả các năm trước, ở mọi Thánh Lễ khi đến lúc rước lễ, con cảm thấy như Chúa Giêsu quay lưng lại với con. Hôm nay, lần đầu tiên, con cảm thấy như Chúa Giêsu ôm lấy con và nói với con Người yêu con!"

21. Nhận định của một chuyên viên giáo luật giáo dân về trường hợp điển hình cho phép người Công Giáo ly dị tái hôn phần đời rước lễ

Vũ Văn An1/13/2017

Đọc trường hợp điển hình do Linh Mục Paul Keller trình bày về trường hợp có thể cho người Công Giáo ly dị tái hôn phần đời rước lễ, nhà giáo luật học giáo dân Edward Peters, kiểm trình viên của tòa tối cao Vatican, đã có bài nhận định đăng trên blog "In the Light of the Law" của ông. Chúng tôi xin được lược dịch dưới đây:

Bài tiểu luận của (Cha) Keller có thực sự là cách nên đọc *Niềm Vui Yêu Thương* không?

Xin lỗi vì chiều dài của bài này. Sửa chữa các sai lầm bao giờ cũng cần nhiều thì giờ hơn là tạo ra chúng. Trong tiểu luận của Cha Paul Keller đăng trên Crux, "Case study in communion for the divorced/remarried", chúng ta đương đầu với nhiều sai lầm.

Tiểu luận của (Cha) Keller minh họa gần như hoàn hảo việc các mục tử, khi đọc *Niềm Vui Yêu Thương* của Đức Phanxicô theo nghĩa tổng quan, bạch thoại của nó (chứ không theo kiểu luật sư luôn phân tích cú pháp một số cụm từ gây vấn đề một cách đủ xít xao để hỗ trợ lối giải thích có tính hợp truyền thống hơn), đã sẵn sàng rơi vào chỗ chấp nhận (theo quan điểm của tôi) một thiếu sót chính trong *Niềm Vui Yêu Thương* (dù nhiều người khác còn xếp các khía cạnh khác trong văn kiện của Đức Phanxicô vào loại gây nhiều vấn đề hơn nữa về lâu về dài), đó là, mặc nhiên giả định rằng, phân tích đến cùng, việc đánh giá bằng lương tâm của một người Công Giáo là tiêu chuẩn duy nhất điều

khiển quyết định của một thừa tác viên trong việc cho một thành viên tín hữu rước lễ. Giả định này, bất cứ do đâu mà có và bất kể có bao nhiêu người chấp nhận, đều sai một cách đơn thuần. Quý bạn hãy nắm vững điều đó và ta có được yếu tính của sự việc.

(Cha) Keller mặc tình nhạo báng một cách nhẹ nhàng theo kiểu một số người tân thời thích dành cho truyền thống Giáo Hội (như, nhắc nhở ta đừng “coi các giới điều luân lý của Giáo Hội như thể chúng là những hòn đá [đề] liệng vào người khác”), tuy nhiên, ở hầu hết các phần của tiểu luận, các sai lầm của ngài được lên câu chữ một cách khéo léo. Đó là điều làm cho việc trả lời tiểu luận của ngài trở thành cần thiết. Người ta bị nó cuốn hút như họ thường bị những câu truyện “khó nhá” (hard case) cuốn hút.

Tôi xin bắt đầu bằng cách đồng ý với (Cha) Keller ở điểm mở đầu: Không điều gì trong mô tả của cha về “Irma” gợi ý cho thấy cuộc hôn nhân của chị với Francisco ở El Salvador là không thành sự. Trong việc nhận ra các cơ sở khả hữu cho việc vô hiệu, thì các tòa án luôn tốt hơn các cha xứ nhiều nhưng (Cha) Keller đúng khi không để Irma hy vọng nhiều ở án vô hiệu.

Bây giờ, chỉ xin trình bày một số sai lầm nghiêm trọng trong tiểu luận của (Cha) Keller.

Sai lầm thứ nhất: “Để trả lời câu hỏi ấy, tôi phải theo các hướng dẫn mà Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã mô tả trong *Niềm Vui Yêu Thương* sau nhiều cuộc thảo luận và biện phân của hai Thượng Hội Đồng Giám Mục về Đời Sống Gia Đình”.

Sai. Khi trao Mình Thánh Chúa cho một thành viên tín hữu, các thừa tác viên Công Giáo Rôma bị trói buộc không phải bởi “các hướng dẫn” cho là được tạo ra từ một văn kiện giáo hoàng đơn độc, hàm hồ và gây nhiều tranh cãi, nhưng là bởi bản văn rõ ràng và có tính giải quyết dứt khoát (dispositive) của một văn kiện giáo hoàng khác, đó là Bộ Giáo Luật (nhất là điều 915 và sau đó), và bởi việc giải thích chung và không thay đổi dành cho các điều khoản này qua nhiều thế kỷ.

Sai lầm thứ hai: “Chị [Irma] nói với tôi rằng theo Tony, ý tưởng đó [sống như anh trai em gái với người phối ngẫu của cuộc hôn nhân dân sự] điên rồ. Vì họ chỉ mới 26 tuổi, nên Irma sợ điều có thể xảy ra cho mỗi liên hệ của họ nếu họ không còn khả năng lớn lên trong tình yêu của họ nhờ sự thân mật thể lý”.

(Cha) Keller không do dự chấp nhận mô tả của Irma về mỗi liên hệ tình dục của chị, một liên hệ có tính ngoại tình khách quan, như là một cách “đề lớn lên trong tình yêu”. Như thế, Cha đã triệt để bỏ qua, không nói tới sự thật của tình yêu cho một đứa con của Thiên Chúa, kể đến lãnh ý kiến của cha trong tư cách một linh mục của Giáo Hội và là một thừa tác viên bí tích của Chúa Kitô. Bất cứ linh mục nào, chứ đừng nói một linh mục được người ta tới để xưng tội (xem điều 978§2 Bộ Giáo Luật), cũng phải bị tính sổ đối với sự bỏ qua này ở Ngày Phán Xét. Nếu, trong tư cách vị giải tội, (Cha) Keller chấp nhận quyết định của Irma dẫn thân vào mỗi liên hệ tình dục với Tony, cha đã phạm tội xúi giục (solicitation) trong tòa giải tội (Xem Điều 1387).

Sai lầm thứ ba: “Chị [Irma] không nghĩ Tony có thể xử lý được viễn ảnh phải cam kết sống độc thân hoàn toàn trong suốt thời gian 70 năm còn lại. Hơn nữa, cả chị lẫn Tony đều muốn có 'ít nhất hai hoặc ba đứa con nữa'”.

Bỏ qua một bên lối ước tính non nớt của Irma mới 26 tuổi đầu về tuổi thọ và do đó về giai đoạn sinh hoạt tình dục tích cực của chị, điều quan trọng đáng lưu ý hơn là Tony không buộc phải giữ “độc thân”. Không điều gì trong tiểu luận của (Cha) Keller gợi ý cho thấy Tony không được tự do kết hôn. Đã đành anh ta không được tự do kết hôn với Irma, vì chị vốn được kể là người đã kết hôn rồi, nhưng việc (Cha) Keller coi Tony như người không được tự do kết hôn là hoàn toàn sai. Là một người đàn ông độc thân, dĩ nhiên, Tony bị buộc phải tiết dục và đáng lẽ ra (Cha) Keller phải giúp làm sáng tỏ điểm này với những người có thói quen lẫn lộn các từ ngữ ở đây; nhưng dù sao, Tony không bị buộc phải độc thân hay tiết dục dựa vào hoàn cảnh của Irma.

Sai lầm thứ tư: “Dù không nói như vậy với Irma, nhưng tôi tự hỏi liệu để chị tham dự một nhà thờ không Công Giáo có phải là điều tốt hơn cho chị không”.

Cám ơn Chúa, một linh mục Công Giáo chưa thực hiện một gợi ý đáng chê trách như thế cho một giáo dân Công Giáo đến với ngài để hỏi ngài các vấn đề luân lý khẩn trương. Tuy nhiên, chính (Cha) Keller, người đã nhắc đến ý nghĩ này hai lần, cần tức khắc loại bỏ khỏi tâm trí ngài bất cứ ý niệm nào về việc khuyên một hội nhân phạm một số tội trọng khách quan khác (như ngưng không tham dự Thánh Lễ các Chúa Nhật hay gia nhập một đức tin khác) để có thể cảm thấy nhẹ nhõm do việc cảm thấy buồn khổ vì một tội trọng phạm trước đó.

Sai lầm thứ năm và là sai lầm chính: “Nếu chị đơn giản tiến lên rước lễ, có lẽ tôi sẽ không từ khước chị. Trước hết, mọi điều tôi biết về mối liên hệ của chị đã phát xuất bên trong khuôn khổ bí tích giải tội. Bên ngoài bí tích này, tôi không thể ‘sử dụng’ thông tin này bất cứ cách nào, chắc chắn không phải qua việc công khai từ khước việc rước lễ của chị”.

Cha (Keller) phần lớn đúng khi nói tới các qui định về ẩn tẩn tòa giải tội (*), nhưng việc ngài hiểu biết về tư thế hôn nhân của Irma không phải là cái hiểu hợp bi tích: tư thế của Irma trong tư cách đã kết hôn theo giáo luật/dân luật với Francisco ở El Salvador và trong tư cách kết hôn theo dân luật với Tony ở Hoa Kỳ là vấn đề thuộc hồ sơ công cộng (public record), cho dù các hồ sơ công cộng rất khó lục tìm trong trường hợp hết sức bất thường này. (Cha) Keller, nhân dịp này, còn cho biết rằng gia đình của Irma đang ở Hoa Kỳ và nhờ (Cha) Keller, họ còn biết chị đã kết hôn.

Dù sao, ở đây, ta cũng thấy vấn đề căn bản trong việc tiếp cận vấn đề cho phép người Công Giáo ly dị tái hôn rước lễ như *Niềm Vui Yêu Thương* đã làm, là, không nhắc gì đến Giáo Luật Điều 915 (hay điều 916, nhưng việc không trực tiếp nhắc đến điều 915 trong các hoàn cảnh như của (Cha) Keller là điều tồi tệ hơn); đây là điều giáo luật, như đã nói nhiều lần, đòi các thừa tác viên Thánh Thể không cho rước

lễ những ai “cố chấp sống trong một tội nặng công khai”. Bất luận cách nào, thì trường hợp của Irma cũng thuộc hoàn cảnh cổ điển của “tội ngoại tình công khai và vĩnh viễn”(Giáo luật điều 2384) và (Cha) Keller nên không cho chị rước lễ kéo phạm tội sao lãng bốn phạt theo điều 915 trong tư cách một linh mục của Chúa Kitô và là thừa tác viên của Giáo Hội Công Giáo.

Cha Keller, chỉ dựa vào *Niềm Vui Yêu Thương*, nên đã sa vào một sai lầm nghiêm trọng. Dù không hoàn toàn quả quyết, nhưng *Niềm Vui Yêu Thương* đã giả định rằng lương tâm cá nhân (một lương tâm tất nhiên rất phức tạp và thường phải đối phó với các trường hợp khó khăn, và không bao giờ người khác biết hết được, và thường chỉ được thông tri một phần...) là trọng tài cuối cùng quyết định liệu một người rước lễ có được rước lễ hay không, như thế chỉ có điều giáo luật 916 (là điều phần lớn người ta coi là điều giáo luật xét tới lương tâm) là có ở trong sách và là điều qua đó người ta, trong một số trường hợp giả định nào đó, thấy một người có tội nặng khách quan tiến lên rước lễ nhưng hành vi này không bị coi là có tội, trong khi giáo luật điều 915, tức điều đòi các thừa tác viên phải quyết định phân phát Minh Thánh theo các tiêu chuẩn khách quan, thì không hề có.

Việc bác bỏ có tính cứng nhắc và cương quyết của hầu hết các người “bên vực Niềm Vui Yêu Thương” không chịu giáp mặt với truyền thống lâu đời và qui luật không hàm hồ của điều giáo luật 915 khiến mọi việc bên vực cho văn kiện này ít nhất cũng vô căn cứ mà tệ nhất gây thảm họa cho tín lý.

Sai lầm thứ sáu: (Cha) Keller phát biểu cách khác về chủ trương của ngài rằng: để xây dựng, ngài không biết gì về hoàn cảnh của Irma (theo nghĩa: một cách giả định, cha chỉ biết hoàn cảnh của chị nhờ tòa giải tội, nên về phương diện giáo luật, ngài không “biết” gì về nó) để có thể chủ trương rằng sẽ là điều sai lầm nếu cha không cho Irma rước lễ, người, cũng như các người Công Giáo khác quả có quyền được rước lễ.

Nhưng theo Ông Peters, điều ngược lại mới đúng: để xây dựng, (Cha) Keller biết rõ tư thế bất hợp lệ khách quan của Irma vì sự kiện chị đã

bước vào hai nghi lễ công cộng, cả hai đều được coi là đám cưới. Như thế, cha buộc phải hành động phù hợp với luật lệ cai quản các hoàn cảnh này. Ông Peters cũng thêm một nhận xét vắn tắt ở bên lề: nếu (Cha) Keller thực sự nghĩ rằng các hoàn cảnh cưới xin trước đây ở ngoại quốc không bao giờ ra ánh sáng nữa, và các hành động của cha lúc cha nghĩ nó sẽ không bao giờ bị tra hỏi sau này, thì quả thực ngài quá ngây thơ.

Sai lầm thứ bảy: “Dựa trên tất cả mọi điều tôi biết trong tư cách một linh mục liên quan tới tội lỗi, lương tâm, hy vọng, Chúa Giêsu, giáo huấn của Giáo Hội, và nhất là chỉ thị mà Giáo Hội đã nhận được từ Đức Giáo Hoàng Phanxicô trong *Niềm Vui Yêu Thương*, tôi nói với Irma, ‘Nếu con chân thành tin trong lương tâm của con rằng đây là cách Chúa Kitô có thể giúp con lớn lên trong sự thánh thiện, thì, được. Con được lên rước lễ’”.

Lời khuyên trên sai. Đã đành, có lẽ nếu dựa vào một số điều mà (Cha) Keller không biết về “tội lỗi, lương tâm, hy vọng, Chúa Giêsu, giáo huấn của Giáo Hội, và nhất là chỉ thị mà Giáo Hội đã nhận được từ Đức Giáo Hoàng Phanxicô trong *Niềm Vui Yêu Thương*”, thì cha còn có thể vô tội mà đạt tới kết luận và đưa ra lời khuyên tội tệ ấy, nhưng các kết luận và lời khuyên của ngài vẫn sai. Đàng khác, một người ở địa vị của cha, từng được cảnh cáo có thể mắc nhiều sai lầm trong suy nghĩ của mình đến thế, thì theo Ông Peters, người này nên nghiên cứu các vấn đề này sâu sắc hơn và đưa ra các lời khuyên phù hợp với giáo huấn của Giáo Hội.

Để kết luận, Edward Peters cho rằng: “Vì (Cha) Keller nghĩ ra một giả định nghe được để minh họa các ưu điểm của việc ngài cho Irma rước lễ, liệu tôi có được phép đưa ra một giả định cũng nghe được để minh họa các nguy hiểm trong giả định của ngài không? Một ngày kia, chuông cửa nhà Irma, người tái hôn dân sự lên rước lễ, bỗng vang lên. Francisco đứng đó, đời anh đã hết phải ngồi tù, nhưng nhờ ơn Chúa và sau khi cân nhắc các sự thật khó nhá anh từng nghe được từ các thừa tác viên Công Giáo trung thành ở trong nhà tù, anh đã khẩn khoản xin Irma tha thứ... và cam kết sẽ tái đảm nhiệm nhiệm vụ làm chồng..., cảm thấy đã được uốn nắn, trở thành khiêm tốn và biết ơn

nếu được cơ hội thứ hai. Đến lúc này, anh mới biết (Cha) Keller đã làm trơn tru con đường để Irma sống trong một cuộc kết hợp sai lầm với sự chúc phúc rõ ràng của Giáo Hội. Người ta sẽ phải so sánh thế nào giữa các thất bại của Francisco (theo [Cha] Keller, phát sinh từ cảnh nghèo và các áp lực băng đảng ma túy) với các thất bại của (Cha) Keller được yên ổn lên tiếng ở Hoa Kỳ và chỉ phải đối diện với các câu hỏi của một người đàn bà Công Giáo bồi rối?”

(*) Về ấn tin này, Edward Peters xin thêm ít lời. Nói cho đúng, (Cha) Keller đã du nhập một sự kiện có tính thay đổi cuộc cờ khi quả quyết rằng mọi tín liệu ngài có được đều thuộc tòa giải tội. Dĩ nhiên, điều này sẽ tiêu hủy bất cứ việc áp dụng điển hình nào của ngài vào phần lớn các trường hợp đời thực của Niềm Vui Yêu Thương (và bất cứ trường hợp luân lý nào) vì tín liệu của ấn tin tòa giải tội không thể bị sử dụng cho bất cứ điều gì có hại cho hối nhân. Cho dù một hối nhân có chính xác xưng một tội trọng, nhưng không ân hận về tội này, và sau đó, tiến lên rước Lễ, vị linh mục cũng không được từ chối cho họ rước lễ, như tôi (cùng với nhiều người khác) vốn đồng ý. Nhưng lối phát biểu của (Cha) Keller khiến một số người nghĩ rằng tư thế kết hôn công khai về giáo luật, cả kết hôn dân luật cũng thế, là điều không đủ để hành động ở tòa ngoài trừ khi tư thế ấy cũng được một số thành phần đáng kể trong cộng đoàn biết đến thực sự. Điều này không đúng và do lời tường thuật của chính (Cha) Keller, một số người khác có biết đến cuộc hôn nhân đầu của Irma.

22. Tại sao Đức Phanxicô không trả lời các câu hỏi về Amoris Laetitia

Vũ Văn An, 01/10/2017

Theo Ký Giả Edward Pentin, thông tin viên kỳ cựu tại Vatican của tờ *National Catholic Register*, cho đến nay, có ít nhất sáu nhóm trong Giáo Hội Công Giáo công khai lên tiếng yêu cầu Đức Phanxicô minh xác một số vấn đề liên quan tới mục vụ hôn nhân và gia đình đã được đề ra dưới triều giáo hoàng của ngài, nhất là trong tông huấn *Niềm Vui Yêu Thương* mà tiếng Latinh gọi là *Amoris Laetitia*. Nhưng cho tới nay, ngài không trả lời, ít nhất một cách trực tiếp.

Sáu yêu cầu minh xác

Tháng Chín năm 2015, trước ngày khai mạc Thượng Hội Đồng thứ hai về gia đình, một kiến nghị gồm tới 800,000 chữ ký của các cá nhân và hiệp hội khắp thế giới, trong đó có 202 giáo phẩm đã trình lên Đức Phanxicô, kêu gọi ngài tuyên bố rõ ràng giáo huấn của Giáo Hội về hôn nhân và gia đình. Các người ký tên, thuộc 178 quốc gia, tỏ ý quan ngại trước sự “hỗn độn phổ biến” phát sinh từ việc có thể có sự mở cửa dẫn tới lạc giáo tại thượng hội đồng trước đó.

Tháng Bảy năm 2016, một nhóm 45 học giả Công Giáo, giáo phẩm và giáo sĩ gửi một thư kêu gọi tới Hồng Y Đoàn yêu cầu các ngài thỉnh cầu Đức Phanxicô “từ bỏ” điều họ coi là “các mệnh đề sai lạc” chứa trong *Amoris Laetitia*. Họ viết rằng tông huấn này chứa “một số phát biểu có thể bị hiểu theo nghĩa trái ngược với tín lý và luân lý Công Giáo”.

Ngày 19 tháng Chín năm 2016, 4 vị Hồng Y Carlo Caffarra, Walter Brandmüller, Raymond Burke, và Joachim Meisner trình lên Đức Phanxicô các câu hỏi (dubia) của họ nhằm có được sự soi sáng và giải quyết sự hỗn độn trước nhiều lối giải thích khác nhau của một số giám mục và hội đồng giám mục về một số đoạn gây tranh cãi của tông huấn. Đức Phanxicô không cho biết đã nhận được các câu hỏi này và không trả lời yêu cầu của bốn vị muốn được triệu kiến ngài.

Tháng Hai năm 2017, các hiệp hội đại diện cho hàng ngàn linh mục trên thế giới ra một tuyên ngôn cho rằng việc minh xác *Amoris Laetitia* “rõ ràng là cần thiết” khi có những lối giải thích khác nhau “rất phổ biến” về nó. Tuyên ngôn này cảm ơn bốn vị Hồng Y để đệ nạp các câu hỏi.

Tháng Tư năm 2017, 6 học giả giáo dân từ nhiều nơi trên thế giới đã tổ chức một hội nghị tại Rôma trong đó họ lưu ý các đoạn gây tranh cãi trong *Amoris Laetitia* và cho biết hàng ngũ giáo dân rất đổi lo âu và bất an đối với văn kiện giáo hoàng này và các giải thích trái ngược nhau về nó.

Và gần đây nhất, ngày 11 tháng 8, 40 học giả giáo sĩ và giáo dân thuộc 20 quốc gia khác nhau trên thế giới, đã đệ lên Đức Phanxicô không phải “dubia” (câu hỏi) nữa mà là “correctio” (sửa sai) đàng hoàng, dù họ có thêm chữ “filialis” (con thảo) ở đàng trước. Nghe thì dữ dằn, nhưng họ vẫn không bác bỏ tư cách giáo hoàng của Đức Phanxicô, chỉ xin ngài chính thức bác bỏ các điểm lạc đạo được họ nêu ra từ *Amoris Laetitia*. Như thường lệ, ngài không phúc đáp là đã nhận được “correctio”, và dĩ nhiên, từ khước trả lời. Nên các tác giả đã cho công bố “correctio” vào ngày 25 tháng Chín.

Theo hãng tin A.P., trước đó mấy ngày, tức ngày 22 tháng Chín, số người tham gia “correctio” đã lên tới 62, và 72 tiếng đồng hồ sau khi công bố, con số này đã tăng tới 142.

Rục rịch

Tuy trong số 142 người nói trên không có vị Hồng Y nào, nhưng động thái của nhóm này đang gây được chú ý đáng kể. Thực vậy, theo tin của ANSA/EPA ngày 28 tháng Chín, Đức Hồng Y Parolin, Quốc Vụ Khanh Tòa Thánh, nói rằng “điều quan trọng là phải đối thoại ngay bên trong Giáo Hội” để trả lời lá thư của các người Công Giáo bảo thủ tố cáo Đức Phanxicô tội lạc giáo. Lên tiếng bên lề một hội nghị về các Kitô Hữu Iraq do ACS tổ chức (ACS là một cơ quan vô vị lợi quốc tế do Tòa Thánh bảo trợ chuyên giúp đỡ các Kitô hữu bị bách hại trên thế giới), Đức Hồng Y Parolin cho rằng “Những người không đồng ý đã phát biểu sự bất đồng của họ, nhưng về các vấn đề này, chúng ta phải lý luận, cố gắng hiểu nhau”.

Còn Đức Hồng Y Muller, cựu bộ trưởng Bộ Giáo Lý Đức Tin, trong một cuộc phỏng vấn ngày 26 tháng Chín vừa qua của tờ *National Catholic Register*, thì cho rằng để đánh tan sự căng thẳng hiện nay, Đức Phanxicô nên đề cử một nhóm Hồng Y để tranh luận với các người phê bình ngài. Ngài đáng được tôn kính, nhưng những người này cũng đáng được trả lời một cách thuyết phục.

Đức Hồng Y cho rằng Giáo Hội cần “đối thoại và tin tưởng nhau

nhều hơn” thay vì “đa cực hóa và bút chiến”. Và lại, “Ta phải tránh ly giáo và phân cách mới ra khỏi Giáo Hội Công Giáo duy nhất, một giáo hội mà nguyên tắc và nền tảng vĩnh viễn xây dựng sự hợp nhất và hiệp thông trong Chúa Giêsu Kitô là vị giáo hoàng đương nhiệm, tức Đức Phanxicô, và mọi giám mục hiệp thông trọn vẹn với ngài”.

Lý do im lặng

Cho đến nay, vẫn chưa có trả lời chính thức. Trước thái độ này, ít nhất có hai tác giả đặt câu hỏi: tại sao Đức Phanxicô không trả lời.

Tác giả thứ nhất là Phil Lawler, một ký giả thuộc phe bảo thủ, ngầm cho thấy Đức Phanxicô có trả lời, nhưng trả lời gián tiếp, qua các đại diện (surrogates) của ngài.

Trên CatholicCulture.org ngày 28 tháng Chín, Lawler viết: theo các đại diện này, Đức Giáo Hoàng không bó buộc phải trả lời. Điều này đúng, không có điều nào trong giáo luật buộc Đức Giáo Hoàng phải trả lời thư từ. Có điều, lý lẽ này không thích đáng đối với một vị giáo hoàng chuyên cổ vũ đối thoại, đồng hành...

Andrea Tornielli, một đại diện khác, thì cho rằng việc tố cáo một vị giáo hoàng lạc giáo không có gì mới mẻ hết, cả đức Gioan Phaolô II và Đức Bênêđictô XVI đều từng bị tố cáo là lạc giáo. Nhưng theo Lawler, những kẻ ấy chỉ là những tay mơ, không có tư cách hay ít nhất không trung thành với Giáo Hội, không hẳn là tín hữu Công Giáo chính thống. Không thể so sánh những người này với các thần học gia cỡ Josef Seifert, Germain Grisez và John Finnis, ấy là chưa kể các vị Hồng Y như Burke, Meisner, Caffara và Brandmüller.

Massimo Faggioli, một người đang nhanh chóng trở thành một “đại diện” của Đức Phanxicô, thì cho rằng rất nhiều loại thư từ đến Vatican bị liệt vào loại *non esse respondendum* (không phải trả lời) vì “quá phức tạp, quá gây tranh cãi, không thể đưa ra câu trả lời rõ ràng”. Nhưng các câu hỏi do 4 vị Hồng Y nêu ra có chi là quá phức tạp, quá gây tranh cãi đến không thể trả lời CÓ hay KHÔNG? Hơn nữa, vị giáo hoàng đương nhiệm có bao giờ ngại tranh cãi đâu!

Tác giả thứ hai là linh mục Dwight Longenecker, một cựu mục sư Anh Giáo. Cha cho rằng sự im lặng của Đức Phanxicô gây nhiều ngạc nhiên, vì theo Austen Ivereigh, người viết tiểu sử của ngài, Đức Phanxicô luôn hoan nghênh các lời phê bình chỉ trích.

Tuy nhiên, theo Cha, phần lớn những người ngạc nhiên như trên đã không hiểu luồng tư tưởng nằm ở bên dưới sự im lặng này đó là luồng tư tưởng phê phán điều họ gọi là “*đức tin phát biểu thành điều*” (*propositional faith*), có thể dịch gọn gàng hơn là đức tin tín điều.

Đức tin tín điều là đức tin đặt cơ sở trên các mệnh đề và định nghĩa thuần lý, nghĩa là dựa vào sách vở có thẩm quyền, một tuyên tín (creed), một sách giáo lý, một nền thần học tín lý có hệ thống, và một luật lệ tôn giáo đã định hình. Những người thích đức tin tín điều muốn có sự chắc chắn và rõ ràng.

Còn những người phê phán đức tin tín điều thì tin rằng các mệnh đề, các tín điều chỉ là một cái khung hay cấu trúc của niềm tin, trong khi cảm nghiệm đức tin, tuy phức tạp hơn nhiều, nhưng cũng hứng thú và hiện thực hơn rất nhiều. Họ phê phán những người thích đức tin tín điều là cứng nhắc, vụ luật hoặc biệt phái! Họ thích nhấn mạnh tới việc “gặp gỡ Chúa Kitô” một cách chủ quan hơn. Họ vận động người ta không tranh luận về tín lý hay giáo luật, trái lại xắn tay áo lên hành động và lăn xả vào việc làm của Thiên Chúa trong thế gian.

Các người phê phán đức tin tín điều cũng cho rằng đức tin này có tính chia rẽ. Nếu việc gặp gỡ với Chúa Kitô được nhấn mạnh chứ không phải các công thức thành điều của tín lý và luân lý, thì ta sẽ nối kết tốt hơn với các Kitô Hữu không Công Giáo và những người có thiện chí ở bên ngoài Kitô Giáo. Nói cách khác, “tín lý chia rẽ” nhưng nếu tập chú vào kinh nghiệm tôn giáo, ta sẽ có cơ hội nhiều hơn tìm được cơ sở chung.

Họ cũng cho rằng đức tin phát biểu thành điều, do từ bản chất, vốn gắn liền với các yếu tố lịch sử và triết học của thời đại và nền văn hóa trong đó các mệnh đề này được lên khuôn. Họ cho rằng, thần học của Thánh Tôma Aquinô, chẳng hạn, rất hợp với Âu Châu thế kỷ 13

nhưng nó khá lung củng đối với nền văn hóa hoàn cầu thay đổi như chong chóng của thế kỷ 21. Một đức tin ít nhân mạnh tới tín điều dễ thích ứng và uyển chuyển hơn.

Cha Longnecker nhận định rằng: đọc Tin Mừng, ta khó có thể bắt đồng với những người phê phán đức tin tín điều. Vì dù gì, địch thủ của Chúa Giêsu vẫn là những người tôn giáo đầy tính cứng nhắc, vụ luật, hay lên án và bám vào luật lệ cũng như các truyền thống do con người tạo ra. Người là Đấng, nói theo lối nói của Đức Phanxicô, luôn “gây lộn xộn” (making a mess), bất chấp các kỹ thuật vụ luật, gắp gỡ người ta ở chính chỗ của họ và đem đến cho họ sự hàn gắn, cảm thương và tha thứ.

Thành thử, Đức Phanxicô không trả lời các người phê phán vì ngài không thích thứ đức tin phát biểu thành điều. Ngài muốn người Công Giáo vượt lên trên các kỹ thuật, các chi tiết tín lý và các trói buộc của luật lệ để sống thực cuộc sống Công Giáo giống Chúa Giêsu nhiều hơn: dành chỗ cho những rắc rối và mơ hồ của đời thực, gắp gỡ những con người thực đang đối phó với những quyết định khó khăn nhưng vẫn cố gắng xích lại gần Thiên Chúa trong khi rón rén lách qua các luật lệ khắt khe của Giáo Hội.

Nói cách khác, theo cha Longnecker, Đức Phanxicô không trả lời vì ngài không muốn rơi vào trò chơi của những người phê phán ngài. Ngài không muốn bị lôi vào các luận điểm vụ luật của họ; thay vào đó, ngài muốn tiếp tục thách thức họ. Ngài muốn chúng ta sống với những hàm hồ và tiếp diễn công trình phức tạp đem Chúa Giêsu đến cho những người đang chơi vui với một cuộc sống đôi khi rối bời.

Cây nho và giàn cây nho

Tuy nhiên, cũng theo Cha Longnecker, luận điểm nào cũng luôn có mặt bên kia và vì thế cân bằng là điều nên có. Vì cá tính, một số con chiên của Đức Phanxicô cần sự chắc chắn, sự an tâm và sự rõ ràng trong giáo huấn. Thay vì đẩy họ qua bên lề, ngài nên cung cấp cho họ sự rõ ràng trong giáo huấn trong khi vẫn thách thức họ đừng chỉ dựa vào các mệnh đề đã thành tín điều mà thôi và tìm cách ẩn mình phía

sau sự an toàn biểu kiến của các mệnh đề tín lý và “giáo huấn luân lý rõ ràng”.

Dĩ nhiên, Đức Giáo Hoàng cần phải biểu lộ đường lối phục vụ thế giới của Chúa Giêsu, nhưng nhiệm vụ của ngài cũng có phần phải xác định và bênh vực đức tin và đối với người Công Giáo, một phần trong cảm nghiệm gặp gỡ Chúa Kitô là việc xác định một cách rõ ràng và không hàm hồ đức tin và nền luân lý có tính lịch sử.

Đức Phanxicô rất thích phê phán các người Công Giáo cứng nhắc và cố kết với phương thức vụ luật, nhưng theo Cha Longnecker, những người này rất ít. Đa số người Công Giáo là những người bình thường, không dấn dõm dù không thông thạo thần học. Họ hiểu việc cần có giáo huấn rõ ràng về tín lý và luân lý, nhưng họ cũng hiểu cuộc sống là phức tạp và công việc của Giáo Hội là phục vụ tình yêu Chúa Kitô trong các tình thế phức tạp ấy.

Riêng bản thân mình, Cha Longnecker cho rằng cha hiểu việc cần phải “gặp gỡ Chúa Kitô”, trái với việc chỉ dựa vào đức tin tín điều. Nhưng cha tin rằng thiếu các khẳng định rõ ràng của các mệnh đề đức tin, việc gặp gỡ Chúa Kitô không hơn không kém chỉ là một cảm nghiệm chủ quan.

Cả hai thứ trên đều cần giống như cây nho và giàn cây nho. Cây nho mới là điều đáng kể. Nó là hồng phúc sống động, phát triển và sinh hoa trái. Nhưng nó cần giàn để phát triển, để vươn lên lấy ánh mặt trời mà sinh hoa sinh trái. Cây nho là đức tin, là cuộc gặp gỡ với Chúa Kitô, là cảm nghiệm và mạo hiểm thực chất của việc sống cuộc sống Kitô hữu. Chiếc giàn là các mệnh đề tín lý và luân lý để nâng cây nho lên; muốn nâng được cây nho, nó cần được bảo trì và sửa chữa liên tục.

23. Tín lý “de fide” và lời yêu cầu tha thiết của một giáo dân về “Amoris Laetitia”

Vũ Văn An4/5/2017

E. Christian Brugger là một giáo dân hoạt động trong lãnh vực đạo đức sinh học, từng giữ ghế Giáo Sư Thần Học Luân Lý tại Chung Viện Thần Học Thánh John Vianey ở Denver, Colorado, Hoa Kỳ và hiện là Giáo Sư và Khoa Trưởng Trường Triết Học và Thần Học của Đại Học Notre Dame Australia, Sydney, Úc Châu.

Mới đây, ông có nêu vấn đề tại sao có sự hồ đồ lẫn lộn trong Giáo Hội hiện nay về *Amoris Laetitia*, và đâu là các hậu quả đối với việc hợp nhất của Giáo Hội? Và ông cho rằng sự hồ đồ lẫn lộn này, xét cho cùng, là về hai tín điều “de fide” trong đức tin Kitô Giáo và một trong các hậu quả của sự hồ đồ lẫn lộn này chính là một ly giáo trên thực tế trong Giáo Hội Công Giáo.

Brugger cho rằng khi thuật ngữ “de fide” được dùng trong thần học Công Giáo để nói về một tín lý, thì nó có nghĩa một chân lý thuộc Mạc Khải Thiên Chúa. Hạn từ Mạc Khải Thiên Chúa có ý nói tới các chân lý được Thiên Chúa chọn để tự mạc khải Người và thánh ý Người cho nhân loại để hòa giải thế giới với chính Người, ngõ hầu con người nam nữ có thể sống kết hợp với Người một cách bất toàn ở đời này và, sau khi chết và phán xét, được sống hoàn toàn với Người trên thiên đàng. Như thế, Giáo Hội coi các tín lý “de fide” là cần thiết cho sự cứu rỗi. Vị thế của chúng trong giáo huấn Công Giáo là không thể sửa đổi. Và cách thể công bố chúng là vô ngộ.

Trong bài này, Brugger đề cập tới 3 vấn đề. Thứ nhất, ông dẫn nhập và giải thích ý niệm thần học “các đối tượng đệ nhị đẳng của vô ngộ” và cho thấy gần như mọi chân lý thuộc các vấn đề tính dục do Giáo Hội Công Giáo giảng dạy thuộc loại các đối tượng đệ nhị đẳng của vô ngộ này, và do đó, có thể gọi một cách chính đáng là các tín lý “de fide”. Thứ hai, bắt đầu từ sự bất đồng trong nội bộ Giáo Hội đối với thông điệp *Sự Sống Con Người*, Giáo Hội Công Giáo đã sống trong tình trạng thiếu hợp nhất đối với các tín lý “de fide” và sự thiếu hợp nhất này đã gia tăng hẳn do các vấn đề của *Amoris Laetitia* gây ra. Thứ ba, tác giả đề nghị một số gợi ý thực tiễn để cả hàng giáo phẩm lẫn hàng giáo dân có thể giải quyết cơn khủng hoảng này.

Các đối tượng đệ nhị đẳng của vô ngộ

Các văn kiện của Công Đồng Vatican II dạy rằng Chúa Giêsu muốn thẩm quyền vô ngộ của Giáo Hội Công Giáo, khi bênh vực và giảng dạy các chân lý của mạc khải Thiên Chúa (cũng gọi là “kho tàng đức tin”) phải mở rộng không những tới các chân lý mạc khải chính thức, mà cả các chân lý nhất thiết có liên hệ với các chân lý của mạc khải Thiên Chúa, cho dù các chân lý này chưa bao giờ được đề xuất như là được mạc khải một cách chính thức. Các chân lý này có thể được giảng dạy cách vô ngộ vì chúng cần thiết đối với việc bảo vệ về tôn giáo và trình bày cách trung thành các chân lý của mạc khải Thiên Chúa (*Lumen Gentium*, số 25). Các chân lý này, đôi khi, được gọi là “các đối tượng đệ nhị đẳng” của vô ngộ, tương phản với “các đối tượng đệ nhất đẳng” tức các chân lý được mạc khải chính thức.

Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, trong Tông Thư năm 1998 nói rằng Giáo Hội không những sở hữu các chân lý đệ nhất đẳng của mạc khải Thiên Chúa nhờ linh hứng của Chúa Thánh Thần, mà còn sở hữu các đối tượng đệ nhị đẳng của vô ngộ nhờ “linh hứng đặc thù của Thần Trí Thiên Chúa”. Trong lời chú giải của ngài, Đức Hồng Y Joseph Ratzinger, lúc ấy là bộ trưởng Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin, viết rằng khi so sánh với các tín lý được mạc khải chính thức, “không có sự khác nhau nào về đặc tính trọn vẹn và không thể thay đổi trong sự tín phục (*assent*) phải có đối với các giáo huấn này”. Đức Hồng Y Ratzinger quả quyết rằng sự tín phục dành cho các chân lý này “dựa vào đức tin nơi ơn trợ giúp của Chúa Thánh Thần đối với Huấn Quyền và dựa vào tín lý Công Giáo về ơn vô ngộ của Huấn Quyền”. Như thế, giống các chân lý được mạc khải chính thức, các chân lý này cũng phải được sự tín phục của đức tin, cho dù người ta hiểu rằng chúng không có sự trợ giúp của mạc khải Thiên Chúa.

Dù “tín lý *de fide*”, thông thường (chứ không luôn luôn), vốn dành cho các giáo huấn được Giáo Hội xác định là đã được mạc khải chính thức, nhưng điều không kém đúng là các giáo huấn Công Giáo chuyên biệt nói về các đối tượng đệ nhị đẳng của vô ngộ cũng là các tín lý *de fide*, như Đức Hồng Y Ratzinger từng gọi chúng: “các tín lý phải được tin bằng đức tin [*de fide tenenda*]”. Bộ Giáo Luật qui định rằng chúng “phải được chấp nhận và tin giữ một cách chắc chắn” và

bất cứ ai bác bỏ chúng “là tự đặt mình vào thế chống lại giáo huấn của Giáo Hội Công Giáo” (Điều 750 §2).

Các tín lý luân lý về tính dục và hôn nhân

Các qui luật luân lý về tính dục và hôn nhân được Giáo Hội Công Giáo giảng dạy thuộc cả hai loại đối tượng đệ nhất và đệ nhị đẳng của vô ngộ. Các đối tượng đệ nhất đẳng bao gồm các chân lý được giảng dạy minh nhiên trong Mạc Khải Thiên Chúa, như cấm không được ngoại tình và đặc tính bất khả tiêu của hôn nhân; các đối tượng đệ nhị đẳng bao gồm các giáo huấn về tính dục và hôn nhân vốn được Giáo Hội giảng dạy từ thời các tông đồ như là phải tin một cách định tín (*definitively*). Những giáo huấn này, do cung cách chúng được đề xuất, phải được coi như là được giảng dạy một cách vô ngộ bởi Huấn Quyền Thông Thường và Phổ Quát của Giáo Hội, là thẩm quyền giảng dạy một cách vô ngộ khi các giám mục “dù tản mác khắp thế giới, nhưng vẫn duy trì sợi dây hiệp thông với nhau và với vị kế nhiệm Thánh Phêrô, giảng dạy một cách chân chính về một vấn đề đức tin và luân lý (*res fidei et morum*), nhất trí cùng một phán đoán (về vấn đề này) và giảng dạy phán đoán này như là phải được tin giữ một cách định tín (*definitive tendendam*)”.

Không thể có sự hoài nghi hữu lý nào về việc các giáo huấn của Giáo Hội về bối cảnh đặc biệt của hôn nhân dành cho việc biểu lộ tính dục dục quan chính đáng và tính sai lạc của mọi hình thức tính dục phi hôn nhân tự ý chọn lựa (như thủ dâm, giao hợp ngoài hôn nhân, các hành vi đồng tính luyến ái, các hành vi ngừa thai v.v...) vốn đã được các giám mục giảng dạy trong một nhất trí phổ quát, mọi thời và mọi nơi, rằng chúng rõ ràng liên hệ tới phúc lợi mau qua và trường cửu của tín hữu, và do đó phải tin giữ một cách định tín (*definitive tendendam*). Sự kiện người Công Giáo, trong các thời gần đây, bác bỏ một số hay tất cả các giáo huấn không hề đánh đổ sự kiện này: các điều kiện cho việc thi hành một cách vô ngộ Huấn Quyền Thông Thường và Phổ Quát đã hội đủ gần như suốt trong lịch sử lâu đời của Giáo Hội.

Thành thử, các chân lý căn bản của đạo đức tính dục được Giáo Hội

Công Giáo giảng dạy và bảo vệ đều thuộc một cách hoặc trực tiếp (như các đối tượng đệ nhất đẳng) hoặc gián tiếp (như các đối tượng đệ nhị đẳng) vào kho tàng đức tin và do đó có thể gọi là, và thực sự là, các tín lý *de fide*.

Một ly giáo chưa được nhìn nhận trong Giáo Hội

Brugger cho rằng, bắt đầu với việc bất thuận đối với việc Giáo Hội Công Giáo tái khẳng định giáo huấn cổ xưa của mình về sự sai lầm của việc giao hợp cố tình ngừa thai trong *Humanae Vitae* (1968), và diễn tiến qua việc chấp nhận rộng rãi lối lý luận thực dụng, gọi là “duy tỷ hiệu” (“proportionalist”), trong thần học luân lý Công Giáo của thập niên 1970, nhiều người Công Giáo bắt đầu bác bỏ sự hiện hữu của các hành động vốn xấu từ bản chất (nghĩa là các hành động không bao giờ hợp pháp về phương diện luân lý vì quyết định của chúng luôn mâu thuẫn triệt để với thiện ích của con người nhân bản). Điều này, theo lý, sẽ dẫn người ta tới việc bác bỏ các giáo huấn của Giáo Hội về tính sai lầm của mọi loại sinh hoạt tính dục mà truyền thống vốn coi là xấu từ bản chất. Việc bác bỏ này hiện hữu trong mọi bình diện của Giáo Hội Công Giáo, từ hàng giáo dân tới hàng giáo phẩm, và tỏ ra vừa cương quyết vừa ương ngạnh.

Giáo Hội Công Giáo, do đó, trong nhiều thập niên qua, đã hiện hữu trong một tình huống thiếu hợp nhất khách quan và trầm trọng về các vấn đề tín lý *de fide*. Nói cách khác, theo Brugger, Giáo Hội Công Giáo đã và đang sống trong trạng thái ly giáo trên thực tế (*de facto*).

Mơ hồ lẫn lộn, thiếu hợp nhất, và *Amoris Laetitia*

Theo Brugger, có sự mơ hồ lẫn lộn trong Giáo Hội Công Giáo về Tông Huấn *Amoris Laetitia* vì một số vị giám mục nói và đưa ra chính sách trong giáo phận của các ngài rằng các người ly dị tái hôn, trong một số trường hợp, có thể được lãnh nhận Phép Thánh Thể mà không cần phải cương quyết sống tiết dục hoàn toàn với người bạn tình của mình. Một số vị giám mục khác, vì muốn giữ sự liên tục với truyền thống Công Giáo, nên đã chủ trương rằng điều này không hợp pháp và không thể hợp pháp được.

Các vấn đề về tín lý *de fide* do các lối giải thích trái ngược nhau này tạo ra là tính sai lầm từ bản chất của việc ngoại tình và tính bất khả tiêu tuyệt đối của hôn nhân Kitô Giáo; cả hai tính này đều đã được quả quyết một cách vô ngộ bởi Thánh Kinh và Thánh Truyền. Nếu các tín lý này đúng, thì người nào đã ly dị mà lại tích cực về phương diện tính dục với một người khác không phải là người phối ngẫu hợp pháp của mình trong khi người này còn sống, là phạm tội ngoại tình.

Dù Đức Hồng Y Kasper, và các vị giám mục khác bên vực việc cho phép những người ly dị tái hôn được rước lễ, có khẳng định tính sai lầm của ngoại tình và tính bất khả tiêu của hôn nhân, nhưng xem ra việc khẳng định của các vị này bất tương hợp với việc cho phép rước lễ mà họ vốn bên vực. Vì không ai trong tình trạng làm bậy nghiêm trọng một cách khách quan tỏ tường nhưng không chịu ăn năn lại có thể được tự do lãnh nhận Thánh Thể, từ tay một linh mục hay một giám mục hay bất cứ ai khác, vì “tình trạng và hoàn cảnh sống của họ mâu thuẫn một cách khách quan với sự kết hợp yêu thương giữa Chúa Kitô và Giáo Hội vốn được Phép Thánh Thể biểu tượng và thể hiện” (*Familiaris Consortio*). Do đó, họ không được làm bất cứ điều gì sai lầm một cách khách quan.

Nhiều vị giám mục nhìn nhận sự mâu thuẫn trên và do đó chống lại việc cho phép rước lễ. Nhưng các vị khác tin rằng không có tranh chấp nào cả, nên đã cho rước lễ.

Như thế, hàng giáo phẩm hiện đang ở trong tình trạng thiếu hợp nhất một cách nghiêm trọng về các vấn đề thuộc kho tàng đức tin. Nói cách khác, Giáo Hội Công Giáo đang sống trong cảnh ly giáo trên thực tế. Sự tranh cãi chung quanh *Amoris Laetitia* không phải là nguyên nhân của sự thiếu hợp nhất này vì sự thiếu hợp nhất này vốn đã có từ nhiều thập niên qua. Nhưng cuộc tranh cãi này duy trì sự chia rẽ và làm cho sự chia rẽ ra sâu xa hơn một cách đáng kể. Nó làm sâu xa hơn vì Đức Giáo Hoàng đã bên vực một lập trường ngược với giáo huấn muôn đời của Giáo Hội.

Các nghĩa vụ của Tòa Thánh

Vậy Đức Thánh Cha phải làm gì? Theo Brugger, ngài nên chỉ thị cho Đức Hồng Y Müller của thánh bộ Giáo Lý Đức Tin trả lời năm câu hỏi do các vị Hồng Y Brandmüller, Burke, Caffara, và Meisner đề trình. Việc này sẽ giúp làm sáng tỏ một số mơ hồ lẫn lộn có hại do chương tám của *Amoris Laetitia* nêu ra. Sau đó, ngài nên giảng dạy một cách rõ ràng và có thẩm quyền điều gì là đúng trong các vấn đề có liên quan tới luân lý tính dục vốn khiến người ta hoài nghi và mơ hồ kể từ lúc bắt đầu triều giáo hoàng của ngài. Ngài nên dạy rằng mỗi và mọi cuộc hôn nhân Kitô đã hoàn hợp thì tuyệt đối bất khả tiêu; mọi hình thức tự ý làm tình ngoài hôn nhân đều luôn luôn sai lầm, nhất là ngoại tình, và cả các hành vi đồng tính luyến ái, ngừa thai, thủ dâm, gian dâm; giao hợp tính dục với một người không phải là người phối ngẫu hợp pháp của mình luôn luôn là ngoại tình; ai còn bị ràng buộc bởi sợi dây hôn phối và sống với một người khác theo kiểu vợ chồng, đều rơi vào tình trạng ngoại tình; và người như thế phải tự chế dừng Rước Lễ trừ khi và cho tới khi xung thú ăn năn các hành vi lỗi lầm của mình và quyết tâm sống thanh khiết.

Sau cùng, biết rằng hàng giám mục đang chia rẽ về các tín lý *de fide* thuộc luân lý, ngài nên hướng dẫn các giám mục anh em của ngài thành thực đối diện với cuộc khủng hoảng lần này trong Giáo Hội và quyết tâm nhất định vượt qua nó. Ngài nên triệu tập một Thượng Hội Đồng mật chỉ bao gồm các giám mục thế giới mà thôi ở Assisi hay Castel Gandolfo hay tại một địa điểm khác, không bị ai chú ý, không truyền thông, không chuyên viên, không quan sát viên đại kết, ... với chủ đề là sự hợp nhất hàng giám mục trong các vấn đề luân lý. Không nên giới hạn thời gian cho Thượng Hội Đồng này, cứ để nó kéo dài bao lâu cần thiết. Ngài nên ngỏ lời với các anh em của ngài trong tình bác ái, không la mắng hay bóng gió, về việc sẽ tai hại biết chừng nào cho phần rỗi các linh hồn khi các vị kế nhiệm các tông đồ không hợp nhất về các vấn đề *de fide*.

Brugger tha thiết mong rằng vừa như một người cha đối với con cái vừa như một người anh đối với anh em, Đức Giáo Hoàng Phanxicô nên khuyên nhủ mọi người bỏ qua một bên các cử chỉ nhỏ mọn và không có tinh thần Kitô Giáo, mọi tật xấu và ngu muội tự ái, và mọi

biểu hiện của tinh thần bè phái, ăn năn vì các chia rẽ mà các ngài đáng lẽ nên nói tới từ lâu, và cam kết dần thân cho mục tiêu chung là hợp nhất hàng giám mục. Ngài nên đề, chứ không chỉ nói sẽ đề, cho các anh em giám mục của ngài tự do đề cập tới các vấn đề bất đồng mà không sợ bị trả đũa. Ngài nên dùng tính âm áp Á Căn Đình ngoại hạng của ngài để thuyết phục anh em giám mục của ngài thực sự mong muốn hợp nhất trong hàng giám mục; thúc giục các ngài tự do và thành thực nói với nhau; và làm dễ dàng sự đồng thuận về bất cứ thỏa thuận nào cần đạt tới. Sự hợp nhất mà ngài đang cố gắng hướng tới, sự hợp nhất mà ngài nhấn mạnh không nên mở rộng quá các vấn đề thuộc kho tàng đức tin, bằng cách nhấn mạnh rằng Giáo Hội cho phép sự đa dạng ở mọi điều khác, và ngài là người đầu tiên phải làm gương điều này cho mọi anh em của ngài.

Sau cùng, Brugger tha thiết xin ngài sẵn lòng làm bất cứ điều gì cần thiết, kể cả hy sinh tính mạng, để làm dễ dàng nơi các giám mục Công Giáo lời khẩn cầu lúc gần chết mà Chúa Giêsu đã ngỏ cùng Cha của Người: “Xin cho chúng nên một”.

Các nghĩa vụ của tín hữu giáo dân

Người giáo dân Công Giáo thì phải làm gì? Brugger nghĩ rằng họ nên đào luyện lương tâm của họ cho phù hợp với các chân lý luân lý định tín được Giáo Hội Công Giáo giảng dạy, nhất là các qui luật đạo đức tính dục và các giáo huấn về hôn nhân. Họ nên thấy rằng mọi qui luật tiêu cực (“ngươi đừng”) được Giáo Hội bênh vực nhất thiết hàm nghĩa một điều sự thiện tích cực được qui luật này bảo vệ và cổ vũ (thí dụ: ta không nên sát hại trẻ thơ vì sự sống là một sự thiện vĩ đại). Họ cần thấy hơn bao giờ hết rằng các giáo huấn về tính bất khả tiêu tuyệt đối của hôn nhân và việc ngăn cấm ngoại tình không phải là các qui luật của câu lạc bộ, mà là các chân lý luân lý hàm ý trong sự thiện vĩ đại của hôn nhân Kitô Giáo. Chúa Giêsu muốn hôn nhân là một *sacramentum* (dấu chỉ hay biểu tượng do Thiên Chúa thiết lập) của tình yêu tuyệt đối bất khả tiêu giữa Người và Giáo Hội; như thế, hôn nhân Kitô giáo một khi đã hoàn hợp thì tuyệt đối bất khả tiêu; ly dị không những sai, mà còn bất khả nữa: như Chúa Giêsu không thể nào ly dị khỏi Giáo Hội của Người thế nào, thì một người đàn ông cũng

không thể ly dị khỏi người vợ đã thành sự của mình như vậy. Thành thử, nếu người này làm tình với bất cứ ai khác, vì bất cứ lý do gì, được xã hội chấp nhận ra sao, khi người vợ đã thành sự của họ còn sống, thì họ là người ngoại tình. Giống mọi tội khác, ngoại tình có thể tha thứ được; nhưng để được tha thứ, đòi phải ăn năn cách trọn (contrition) và cương quyết tránh xa tội lỗi. Đó là các chân lý luân lý Kitô Giáo; và chúng là các tín lý *de fide* của Giáo Hội Công Giáo.

Hơn nữa, theo Brugger, người Công Giáo không nên để cho nỗi lo lắng trước tình thế hiện nay làm lung lay đức tin của họ vào lời Chúa Giêsu hứa sẽ gìn giữ Giáo Hội khỏi các sai lầm đáng kết án và cung cấp cho ta con thuyền đáng tin cậy cho phần rỗi các linh hồn. Họ không nên rơi vào cơn cám dỗ của Wycliffe, Luther, hay Zwingli dùng các thất vọng của họ đối với các chức sắc của Giáo Hội, dù có lý, để chống lại chính Giáo Hội của Chúa Kitô. Họ nên hiểu ra rằng Giáo Hội từng chịu đau khổ từ bên ngoài và từ bên trong rất nhiều lần trong các thế kỷ, và so với các giai đoạn khác trong lịch sử, như thế kỷ thứ tư với lạc giáo Ariô, thế kỷ 14 với cuộc Đại Ly Giáo, Chế Độ Khủng Bố Pháp, Kulturkampf Đức, thì các nan đề của Giáo Hội hiện nay khá nhẹ.

Thêm vào đó, mọi người Công Giáo đã chịu phép rửa nên nhất quyết sống như một vị thánh. Chỉ một số rất ít các vị thánh được khắc hình trên các cửa sổ kính màu. Số đông còn lại không bao giờ được chú ý hay nổi tiếng đủ để được bộ phong thánh của Rôma lưu tâm. Nhưng các ngài đã làm hết sức để biện phân và tuân theo ý Chúa Giêsu mỗi ngày, bằng cách quay lưng khỏi việc tự yêu mình cách sai lầm, khỏi tham vọng bác bỏ, thanh thản chấp nhận bị nhục mạ, ăn năn mọi tội lỗi biết được, nói không với mọi khuynh hướng nghĩ đến hoặc hành động dựa vào các thèm muốn tính dục ngoài hôn nhân, quay lưng khỏi những giận dữ vô chừng, và bác bỏ, bác bỏ, bác bỏ thứ ngôn ngữ xã hội phi Thiên Chúa về tính dục, phái tính, và hôn nhân do não trạng thế tục hiện đại cổ vũ.

Mọi người Công Giáo cần được xác tín rằng việc canh tân xã hội và Giáo Hội bắt đầu với chính họ. Trong lịch sử, canh tân hầu như chưa bao giờ diễn ra từ trên xuống dưới, từ ngôi vị giáo hoàng và Rôma,

mà đúng hơn, từ dưới lên trên. Nó diễn ra khi các Kitô hữu nhất quyết sống thực đức tin vào Chúa Kitô và cố gắng học biết sức mạnh sự phục sinh của Người, kiên nhẫn chia sẻ các đau khổ của Người để có thể đạt tới sự phục sinh mà Người đã hứa hẹn.

Sau cùng, họ nên cầu nguyện cho sự hợp nhất của hàng giám mục.

24. Hội đồng hồng y công khai bày tỏ sự ủng hộ đối với con người và huấn quyền của Đức Phanxicô

Vũ Văn An2/13/2017

Theo tin của Cindy Wooden, thuộc Catholic News Service, ngày 13 tháng Hai, sau một số thách thức công khai đối với giáo huấn và thẩm quyền của Đức Phanxicô, các thành viên của Hội Đồng 9 Hồng Y do chính ngài thành lập, nhân dịp phiên họp thứ 18, đã bày tỏ “sự ủng hộ hoàn toàn” của các vị đối với việc làm của ngài.

Thực vậy, theo một bản tuyên bố của Phòng Báo Chí Tòa Thánh, Đức Hồng Y người Honduras, Oscar Rodriguez Maradiaga, phó trí viên của Hội Đồng, khởi đầu phiên họp, với sự hiện diện của Đức Phanxicô, đã cam đoan với Đức Giáo Hoàng rằng các Hồng Y “hoàn toàn ủng hộ con người và huấn quyền của ngài”.

Bản tuyên bố của Phòng Báo Chí Tòa Thánh cho hay việc ủng hộ hoàn toàn này đã được đưa ra “liên quan tới các biến cố gần đây”.

Tuy Bản Tuyên Bố không cho biết đó là những biến cố nào, nhưng nó được công bố chỉ vài ngày sau khi một ấn bản giả của nhật báo Tòa Thánh là L'Osservatore Romano được gửi qua điện thư cho các giới chức Tòa Thánh và một tuần lễ sau khi các bích chương được phát hiện trên các bức tường quanh Thành Phố Rôma chỉ trích ngài về các hành vi liên quan tới Hội Hiệp Sĩ Malta và một số nhóm khác. Nó cũng xuất hiện một vài tháng sau ngày Đức Hồng Y người Mỹ Raymond L. Burke và ba vị Hồng Y đã về hưu công khai tỏ ý hoài nghi đối với giáo huấn của ngài trong chương 8 của Tông Huấn "Amoris Laetitia".

Đức Hồng Y Rodriguez Maradiaga, nhân danh Hội Đồng, cũng đã cảm ơn Đức Giáo Hoàng về cung cách ngài đã giải thích cho các giới chức Vatican hay về việc làm của Hội Đồng đối với việc cải tổ Giáo Triều.

Gặp gỡ nhân viên Giáo Triều trước Lễ Giáng Sinh năm rồi, Đức Giáo Hoàng Phanxicô nói rằng: việc cải tổ được động viên bởi ý nguyện nhằm làm cho các văn phòng trung ương của Giáo Hội tập chú vào việc chia sẻ Tin Mừng, thỏa mãn các nhu cầu của tín hữu cách tốt hơn và trợ giúp Đức Giáo Hoàng trong thừa tác vụ phục vụ Giáo Hội và thế giới của ngài.

Dịp đó, ngài nói rằng “Chúng ta không thể chỉ đơn giản hài lòng với việc thay đổi nhân viên; chúng ta cần khuyến khích việc canh tân thiêng liêng, nhân bản và chuyên nghiệp nơi các nhân viên của Giáo Triều. Việc cải tổ Giáo Triều không cách chi có thể thi hành được chỉ bằng việc thay đổi nhân sự, một điều chắc chắn sẽ diễn ra và sẽ còn tiếp tục diễn ra, nhưng còn bằng sự hoán cải nơi các con người nữa. Tiếp tục huấn luyện là điều không đủ; điều chúng ta cũng cần và cần hơn hết là tiếp tục hoán cải và thanh tẩy. Không có sự thay đổi nào trạng, các cố gắng trong việc cải tiến thực tế sẽ vô ích”.

Ấn bản giả của L'Osservatore Romano

Về các bích chương phản đối Đức Phanxicô, chúng tôi có đề cập tới rồi, cách nay chừng một tuần, trên VietcatholicNews. Riêng về ấn bản giả của L'Osservatore Romano, tờ báo chính thức của Tòa Thánh, theo tập san Crux, thì đây là một ấn bản hài hước, cho rằng Đức Giáo Hoàng đã trả lời cả "không" lẫn "có" cho các câu hỏi của các vị Hồng Y "dubia" (hoài nghi) về chương 8 của Tông Huấn "Amoris Laetitia".

Ấn bản giả này đề ngày 17 tháng Giêng, với hàng chữ lớn ở ngoài bìa là "Ngài Đã Trả Lời!". Tờ bìa cũng có thêm hàng chữ "Ước mong lời nói của các con sẽ là có (nói) có, không (nói) không" ám chỉ đoạn Tin Mừng Máthêu trong đó Chúa khuyên "Hãy để chữ 'không' của con là 'không', và chữ 'có' của các con là 'có'". Hơn nữa trong các giới ở Rôma, ai cũng biết Si Si No No (có có không không) là một ấn phẩm

nhỏ của Trung Tâm Công Giáo Thánh Piô X Nghiên Cứu Chống Bê Duy Hiện Đại của Nhóm Lefèbre chỉ trích các cải tổ Hậu Vatican II.

Tạp chí Crux cho hay giọng điệu của ấn bản giả này không có gì là trịnh trọng, trái lại có tính hài hước nhiều hơn, mặc dù có vài chỗ được kể là hài hước đen như khi nó nói tới một đức ông lăn đùng ra chết vì nghe các câu trả lời của Đức Giáo Hoàng.

Thí dụ, câu hỏi thứ nhất 4 vị Hồng Y đặt cho Đức Giáo Hoàng là liệu "sau tông huấn 'Amoris Laetitia', việc giải tội và rước lễ, trong một số trường hợp, có thể ban cho các người ly dị hiện đang sống trong một cuộc kết hợp mới và vẫn tiếp tục sống theo kiểu vợ chồng hay không" được ấn bản giả cho hay Đức Giáo Hoàng đã trả lời cả "có" lẫn "không" với lời giải thích trích từ một bài giảng của ngài ngày 15 tháng Mười Một năm 2015: "Tôi lấy câu hỏi này làm của mình. Tôi tự hỏi: 'Bữa Tiệc Ly là cùng đích của cuộc lữ hành hay là một khích lệ để tiến bước? Có những câu hỏi mà chỉ ai trung thực với chính mình và với một ít ánh sáng thần học mà tôi hiện có, phải trả lời như nhau, anh em thấy đó'. Và từ đó, anh em chấp nhận các hậu quả. Đây là một câu hỏi mà mỗi người phải tự trả lời".

Còn câu hỏi thứ tư, trong đó, 4 vị Hồng Y hỏi rằng liệu sau tông huấn "Amoris Laetitia", hoàn cảnh hay ý hướng có thể biến đổi một "điều xấu từ trong nội tại" thành một điều tốt về phương diện chủ quan hay không, thì ấn bản giả cho rằng Đức Giáo Hoàng đã trả lời cả "có" lẫn "không" bằng cách trích dẫn nhiều câu vắn tắt (one-liner) đã trở thành nổi tiếng của ngài như "Tôi là ai mà dám phê phán?" (28/6/2013), "Tôi không pha mình vào" (17 tháng Hai, 2016). "Nhưng nếu tiến sĩ Gaspari, một người bạn vĩ đại, chửi mẹ tôi một câu, ông ta hẳn sẽ phải đờ một cú đấm! Nhưng đây là chuyện bình thường! Bình thường mà!" (15 tháng Giêng 2015). "Thiên Chúa không hợp tình hợp lý? Đúng, Người không hợp tình hợp lý với Con của Người, Đáng mà Người sai đi vắc thập giá" (15 tháng Mười Hai, 2016).

Ngoài bài chính như trên, còn 5 bài khác, 2 bài với các phản ứng của Đức Hồng Y Walter Kasper và của Cha Antonio Spadaro. Dưới tựa đề "tôi xụp quỳ gối", Đức Hồng Y Kasper được ấn bản cho là đã nói

như sau: "Tôi thú thực, quỳ gối có hơi khó chịu một chút, nhưng đây là cách duy nhất phải làm khi đọc thấy các câu trả lời làm dịu lòng của Đức Thánh Cha đối với các vị Hồng Y đa nghi".

Cha Spadaro thì được ấn bản giả cho rằng đã đưa ra câu "tuyên bố có tính lịch sử: Sau các câu trả lời này, 2 cộng 2 quả là 5". Có ý nhắc lại một câu hót (tweet) của Cha hồi tháng Giêng năm ngoái.

Một bài khác nói về Đức Ông Pio Vito Pinto, vị hiện đứng đầu Tòa thượng thẩm Roman Rota, người không lâu trước đây nói rằng Đức Phanxicô rất có thể cất mũ Hồng Y của bốn vị đa nghi. Nói sai, nhưng có lẽ cố ý, khi gọi Đức Ông là "Hồng Y", ấn bản giả nói vị này lặn ra chết khi nghe các câu trả lời của Đức Phanxicô sau khi nói "những lời cuối cùng" này: "rõ ràng hơn điều này là các bạn sẽ chết".

Hãng tin Associated Press tường trình rằng chủ bút tờ L'Osservatore Romano, Giovanni Maria Vian, không lúng túng chi cả về ấn bản này "chúng tôi chỉ buồn là cách xếp bài dở hơn của chúng tôi".

25. Châu Phi đã nói “không” với việc cho người ly dị tái hôn rước lễ từ lâu

Vũ Văn An3/22/2017

Theo hai ký giả John L. Allen Jr. và Ines San Martin, người tổ chức cuộc hội nghị về Châu Phi từ ngày 22 tới ngày 25 tháng này tại Rôma, Cha Paulinus Odozor, nói rằng cuộc tranh luận về việc rước lễ của người Công Giáo ly dị và tái hôn phần đời do tông huấn *Amoris Laetitia* gây ra đã được giải quyết tại Châu Phi và câu trả lời là “không”.

Thực vậy, Cha Odozor, một nhà thần học Nigeria hiện đang giảng dạy tại Đại Học Notre Dame, Hoa Kỳ, cho biết: “Nếu các bạn tới các giáo xứ bình thường thuộc phần lớn Châu Phi, các bạn sẽ thấy những người ở trong hoàn cảnh mà các bạn đang nói tới sẽ không tự ý lên rước lễ vì họ đã chấp nhận đây là luật lệ. Đây không phải là một vấn đề, nhất là vì người ta hiện nay có dịp xem xét cuộc hôn nhân của họ và hỏi xem họ có thực hiện nó một cách thành sự hay không (qua diễn

trình tuyên bố vô hiệu). Nếu nó thành sự, thì hết chuyện, đâu làm gì được!"

Cha cho rằng các nhận định của Cha về *Amoris Laetitia* đúng cho cả Châu Phi nói chung vì “về mặt căn bản, vấn đề của chúng tôi tại Châu Phi không phải là ly dị, tái hôn và người Công Giáo lãnh nhận các bí tích. Vấn đề của chúng tôi có liên quan tới đa hôn và các gia đình đa hôn v.v...”

Ngài nhấn mạnh: “chúng tôi đã giải quyết nó từ lâu”. Tiềm năng những người Công Giáo ly dị và tái hôn phần đời được rước lễ là việc không thể có.

Cha Odozor ở Rôma như là người tổ chức chính của hội nghị kéo dài từ ngày 22 tới ngày 25 tháng này, tựa là “Nền Thần Học Kitô Giáo Châu Phi: Hoài Niệm và Sứ Mệnh cho Thế Kỷ 21” do Trung Tâm Cửa Ngõ Hoàn Cầu của Đại Học Notre Dame bảo trợ.

Cha Odozor nói rằng ngài thất vọng, thậm chí buồn nôn, trước cung cách cuộc tranh luận về *Amoris Laetitia* ở Tây Phương đã tập chú một cách quá bị ám ảnh vào vấn đề rước lễ.

Cha cho hay: “vấn đề với Tây Phương là: họ làm hẹp lại mọi chuyện, tước gọt một bản văn chỉ còn lại một hay hai vấn đề. Đọc lại *Amoris Laetitia*, tôi rất ngưỡng phục sự phong phú không thể tưởng tượng được của nó. Chúng tôi ở Châu Phi đôi lúc lấy làm lạ trước cung cách Đạo Công Giáo ở Tây Phương chỉ lấy có một vấn đề và chạy đi với nó, không thèm nhìn lại toàn bộ bối cảnh. Điều này thật đáng sợ, và có thể gây cả buồn nôn nữa ... cho dù là có cuộc tranh luận về những người Công Giáo ly dị và tái hôn dân sự cũng như về việc rước lễ của họ đi chăng nữa, ta cũng không nên đem cuộc tranh luận ấy ra khỏi ngữ cảnh của nó”.

Nhân dịp này, Cha Odozor cho biết thêm, sức mạnh lớn nhất của Giáo Hội tại Châu Phi là người dân. “Người dân là tài sản lớn nhất, một sắc dân linh động từ Johannesburg tới bất cứ nơi nào khác thuộc Châu Phi. Chính là người dân, chính là đức tin của họ. Bất cứ khi nào tôi

cảm thấy xuống đức tin, điều tôi cần làm là kiếm tiền mua vé máy bay trở về bất cứ nước nào tại Châu Phi. Lúc trở lại, tôi thấy mình tươi trẻ hẳn lên, cả về phương diện phụng vụ, mọi sự”.

Về các thách đố, Cha thấy cấp thiết phải có “đợt” phúc âm hóa thứ hai. Cha nói: “Hoa Kỳ có vài trăm cao đẳng và đại học Công Giáo, và Châu Phi cần những định chế như thế. Cuộc phúc âm hóa thứ nhất đã diễn ra rồi, nhưng nay cần đợt thứ hai, một đợt vừa có tính định chế vừa có tính trí thức... Chúng ta phải đem lại cho Kitô Giáo Châu Phi và Đạo Công Giáo Châu Phi một việc đặt cơ sở thâu đáo để suy tư, một nền tảng thần học thâu đáo”. Cha cũng nhắc đến thách đố “Ngũ Tuần” (Pentecostalism) và tính non trẻ của các Giáo Hội Châu Phi.

Vì lòng tự hào dân tộc, Cha Odozor còn tiên đoán rằng nếu Đức Phanxicô đến thăm quê hương Nigeria của ngài, chắc chắn họ sẽ phá kỷ lục đám đông 6 triệu người chào đón ngài tại Phi Luật Tân hồi tháng Giêng năm 2015.

Trong cuộc phỏng vấn của tạp chí Crux, Cha Odozor cho biết ngài cố gắng mời đủ mọi thành phần của Giáo Hội Châu Phi tới Rôma tham dự hội nghị do ngài tổ chức: có đủ các vị giáo phẩm, các thần học gia, các nhà tranh đấu, hàng ngũ giáo dân và sinh viên, những người đại diện cho nhiều tiếng nói khác nhau và nhiều thành phần khác nhau trong cộng đồng, đến với nhau để nói về Giáo Hội đặc thù của họ, để thảo luận về Giáo Hội của họ, để ưu tư về tương lai của Giáo Hội họ, để cử hành các thành tựu của Giáo Hội họ, để nói lên Giáo Hội có thể làm gì tốt hơn khiến Tin Mừng của Chúa Kitô được biết nhiều hơn tại Châu Phi và để làm cho Châu Phi thành một nơi tốt hơn.

Hội nghị lần này nhắm cả cộng đồng Kitô Giáo tại Châu Phi lẫn cộng đồng Châu Phi rộng lớn hơn. Để những ai không có dịp tới Châu Phi được thấy và nghe về Châu Phi.

Theo Cha, điều trên có những nguy cơ của nó: bạn phải sẵn sàng để “giật quần áo dơ trước công chúng, nơi ai cũng thấy. Đây là một quyết định mạnh dạn, nhưng chúng tôi đâu có thể làm gì khác hơn được? Nếu Châu Phi muốn được coi trọng như một người nhập cuộc,

thì nó phải trung thực về chính mình. Chúng tôi không chỉ muốn người ta nghe những điều kỳ diệu chúng tôi đang thực hiện. Mà còn muốn họ nghe những chuyện khủng khiếp chúng tôi đang làm nữa”.

Cha nhấn mạnh thêm: “chúng tôi cũng muốn người khác nhìn vào điều Châu Phi đang làm. Một loạt người mà bạn chưa nhắc đến trong hội nghị là những người không thuộc Châu Phi nhưng quan tâm tới Châu Phi... Giáo Hội Châu Phi không khép kín, nhưng là một Giáo Hội muốn cử hành tính Công Giáo của mình, họ muốn là Giáo Hội theo cách riêng của họ nhưng cũng muốn là “Giáo Hội”, hiệp thông với các Giáo Hội khác trên thế giới.

Đối với Đức Phanxicô, Cha cho rằng người Châu Phi yêu mến ngài. Họ muốn ngài thăm viếng họ nhiều hơn. “Thưa Đức Thánh Cha, nếu Đức Thánh Cha nghe thấy, chúng con yêu mến Đức Thánh Cha và chúng con thích được thấy Đức Thánh Cha quanh quẩn bên chúng con”.

Cha cho rằng điều làm người Châu Phi có ấn tượng sâu xa về Đức Phanxicô “là sự đơn sơ của ngài, sự trung thực của ngài... Các bạn thấy đó, vị này đúng là một mục tử và ngài đi thẳng vào tâm điểm vấn đề như các mục tử quen làm. Ngài không bao giờ đặt sự việc vào một ngôn ngữ thần học long trọng, nhưng vị mục tử nhân lành bao giờ cũng có đặc điểm này: các ngài biết cách nói với người dân. Các bạn có thể không thích điều các ngài làm, nhưng các bạn tôn kính ý hướng của các ngài là đem Chúa Kitô đến cho người ta và làm cho Tin Mừng có hiệu quả đối với họ.

“Các nhà thần học chúng tôi mất nhiều thì giờ tranh luận hết điều này tới điều nọ, điều đó cũng được thôi, vì chúng tôi được trả công để làm việc này, nhưng người ta yêu mến ngài”.

26. Hơn một năm sau Tông Huấn Niềm Vui Yêu Thương, các giám mục Khzakhstan tuyên xưng chân lý về hôn nhân bí tích

Vũ Văn An, 06/01/2018

Ba vị giám mục của Kazakhstan vừa công bố bản tuyên xưng “các chân lý không thay đổi về hôn nhân bí tích” để trả lời lời giải thích của Đức Phanxicô và một số vị giám mục về Tông Huấn *Niềm Vui Yêu Thương* nhằm cho phép một số người Công Giáo ly dị tái hôn mà không có án vô hiệu được lãnh nhận các bí tích.

Trong văn kiện dài 6 trang, các vị bản quyền, tất cả đều thuộc Kazakhstan và trong đó, có Đức Cha Athanasius Schneider, Giám Mục Phụ Tá của Astana, nói rằng lời giải thích của Đức Giáo Hoàng và của một số Hội Đồng Giám Mục như Đức và Malta đang gây ra “hỗn loạn lan tràn”, sẽ làm gia tăng “nạn dịch ly dị” và hoàn toàn “xa lạ” đối với toàn bộ đức tin và truyền thống của Giáo Hội.

Trước sự “hỗn loạn ngày một lan tràn này” trong Giáo Hội, các vị giám mục tái khẳng định giáo huấn của Giáo Hội về tính bất khả tiêu của hôn nhân. Các ngài suy luận rằng cho phép một số người ly dị “tái hôn” được rước lễ mà không có án vô hiệu và không sống tiết dục, thì gần như là “một loại du nhập ly dị vào đời sống Giáo Hội”.

Các ngài viết tiếp: Giáo Hội “nên là một thành trì và là một dấu hiệu mâu thuẫn không thể làm lẫn được chống lại nạn dịch ly dị, một nạn dịch mỗi ngày một lan tràn hơn trong xã hội dân sự”.

Các ngài cũng nhấn mạnh rằng bất cứ “chấp thuận hay hợp pháp hóa nào” đối với việc vi phạm dây hôn phối “cho dù một cách gián tiếp... cũng mâu thuẫn một cách nghiêm trọng đối với thánh ý minh nhiên của Thiên Chúa và Lệnh Truyền của Người” là đừng phạm tội ngoại tình.

Các vị giám mục, trong đó có Đức Tổng Giám Mục Tomash Peta của Astana và Đức Tổng Giám Mục Jan Pawel Lenga của Karaganda, đã nhắc đến dù không nêu tên “các thẩm quyền phẩm trật” cho phép một số “người ly dị và tái hôn” nhận lãnh các bí tích dù họ “thường xuyên và cố ý *more uxore* (sống như vợ chồng) với người không phải là người phối ngẫu hợp pháp của mình.

Các ngài viết tiếp: “một số các qui luật này đã nhận được sự chấp

thuận của cả thẩm quyền tối cao của Giáo Hội”, có ý ám chỉ quyết định mới đây của Đức Phanxicô coi kỷ luật mục vụ này là “huấn quyền chân chính”.

Các vị giám mục còn có lập luận cho rằng một đức tin được tuyên xưng phải đi kèm một thực hành bí tích, và các ngài đã trưng dẫn Thánh Kinh, Công Đồng Vatican II và các giáo huấn của các vị giáo hoàng trước đây, kể cả của Thánh Gioan Phaolô II, các chân phúc Piô IX và Phaolô VI, để tăng cường quan điểm của mình.

Các ngài cũng nhấn mạnh điều này: là các giám mục, các ngài ý thức được “trách nhiệm và bổn phận nặng nề” đối với các tín hữu hằng chờ mong ở các ngài một “việc tuyên xưng công khai và không mơ hồ đối với chân lý và kỷ luật không thay đổi của Giáo Hội liên quan tới tính bất khả tiêu của hôn nhân”.

Các ngài viết thêm “vì lý do này, chúng tôi không được phép giữ im lặng. Nên, trong tinh thần của Thánh Gioan Tẩy Giả, Thánh Fisher, Thánh Thomas More, Chân Phúc Laura Vicuna và của nhiều vị hiền tu và tử đạo hữu danh và vô danh khác, chúng tôi khẳng định tính bất khả tiêu của hôn nhân”.

Bằng chữ viết đậm, các ngài nhấn mạnh rằng “không được phép biện minh, chấp thuận, hay hợp pháp hóa dù trực tiếp hay gián tiếp việc ly dị và mối liên hệ tình dục bền vững không phải là phu thê qua việc dùng kỷ luật bí tích cho phép những người gọi là ‘ly dị và tái hôn’ rước lễ, trong trường hợp này là một thứ kỷ luật xa lạ với toàn bộ Thánh Truyền của đức tin Công Giáo và Tông Truyền”.

Trong phần kết luận, các vị giám mục viết rằng khi thực hiện việc tuyên xưng công khai này, các ngài “thành thực xác tín rằng” các ngài thực hành “một việc phục vụ đức ái trong sự thật” đối với Giáo Hội và Đức Thánh Cha.

Các vị giám mục cho biết các ngài ký bản tuyên xưng này vào ngày 31 tháng Mười Hai, nhằm Ngày Lễ Thánh Gia trong Nghi Lễ Rôma, và trong năm kỷ niệm 100 năm Đức Mẹ hiện ra ở Fatima.

27. Hội Đồng Hồng Y theo tiết lộ của vị tổng thư ký

Vũ Văn An, 05/03/2018

Ngày 15 tháng Hai, ký giả kỳ cựu Andrea Gagliarducci của CNA, cho hay: trong một bài báo đăng trên tập san Công Giáo Ý *Il Regno*, Đức Cha Marcello Semeraro, Tổng Thư Ký của Hội Đồng 9 Hồng Y có vấn cho Đức Phanxicô, nói tới diễn trình của Hội Đồng và nhấn mạnh tới khía cạnh mục vụ của nó.



Thực vậy, theo vị giám mục này, các cải tổ được Hội Đồng xem xét và đề nghị lên Đức Phanxicô đều nhấn mạnh tới các quan tâm mục vụ chứ không nhằm tạo ra một cuộc cách mạng. Theo ngài, các cải tổ gần đây đối với các cơ quan truyền thông của Tòa Thánh có thể được coi như mô hình cho dự án cải tổ.

Theo Đức Cha Semeraro, việc lập ra phân bộ thứ ba tại Phủ Quốc Vụ Khanh là một dấu hiệu muốn nhấn mạnh nhiều tới công tác mục vụ.

Được công bố hồi tháng 11 năm rồi, phân bộ thứ ba ở Phủ Quốc Vụ Khanh nhằm biểu lộ sự quan tâm và gắn gũi của Đức Giáo Hoàng với các nhà ngoại giao của Tòa Thánh. Chính vì thế, vị đứng đầu phân bộ này được trao nhiệm vụ thăm viếng các tòa sứ thần Tòa Thánh khắp thế giới.

Đức Cha cho hay: việc quan tâm tới các nhà ngoại giao của Tòa Thánh là một chủ đề chính trong cuộc thảo luận của Hội Đồng Hồng Y và cuộc cải tổ lần này là theo đường hướng của Công Đồng Vatican II.

Ngài nhấn mạnh thêm rằng các vị sứ thần Tòa Thánh ngày trước vốn chỉ được coi là các nhân vật ngoại giao nhưng Bộ Giáo Luật 1983 đã “thỏa mãn niềm hy vọng của Công Đồng Vatican II rằng chức vụ đại

diện Giáo Hoàng, tức sứ thần Tòa Thánh, phải được miêu tả với sự tham chiếu tới thừa tác vụ của một vị giám mục”.

Đức Cha Semeraro giải thích rằng: Bộ Giáo Luật năm 1983 “phân biệt rõ giữa sứ vụ giáo hội và sứ vụ ngoại giao” và nhấn mạnh rằng “các đại diện Giáo Hoàng, dù có khía cạnh ngoại giao, nhưng phần lớn là các nhân vật giáo hội” và các nhiệm vụ chính của các ngài “là các bổn phận có tính tôn giáo và giáo hội học” đảm nhiệm nhân danh Đức Giáo Hoàng.

Theo Đức Cha Semeraro, chính vì thế, Đức Phanxicô muốn biểu lộ quan tâm mục vụ của ngài đối với các nhân viên ngoại giao của Tòa Thánh vì “tập chú vào các tài nguyên nhân bản là khía cạnh không hề phụ thuộc trong diễn trình cải tổ Giáo Triều”.

Để giải thích ‘bức tranh lớn’ của cuộc cải tổ Giáo Triều, Đức Cha Semeraro nhắc nhớ diễn văn Giáng Sinh 2017 của Đức Phanxicô với Giáo Triều Rôma và đặc biệt, cách Đức Giáo Hoàng giải thích các chức năng “*ad extra*” (đối ngoại) của Giáo Triều.

Theo Đức Cha Semeraro, Đức Giáo Hoàng yêu cầu Giáo Triều “hướng ra ngoài” nghĩa là nhìn quá bên kia Tòa Thánh, với khả năng biết đọc các dấu chỉ thời đại.

Đức Cha Semeraro cho biết: việc cần phải nhìn ra ngoài, tới các Giáo Hội địa phương, cũng đã được biểu lộ trong tự sắc *Magnum Principium*, tức tự sắc nói lỏng diễn trình phiên dịch Sách Lễ Rôma từ tiếng Latinh sang các tiếng bình dân.

Vị tổng thư ký của Hội Đồng Hồng Y nói rằng Hội Đồng được mời gọi cho ý kiến về vấn đề trên, “trong bối cảnh và thẩm quyền khác hơn là ý kiến của Ủy Ban Giám Mục và Chuyên Viên đã được thiết lập”.

Ngài cũng nhấn mạnh đến việc làm của của Ủy Ban Giáo Hoàng Bảo Vệ Vị Thành Niên trong việc trợ giúp các giáo hội địa phương, coi nó như một điển hình khác của việc Giáo Triều hướng cái nhìn của mình

ra ngoài.

Ba nguyên tắc cải tổ

Ngài cũng cho hay Đức Giáo Hoàng muốn việc cải tổ diễn tiến từ từ, và điều này đang diễn ra với các bộ sở tân lập là Bộ Cổ Vũ Phát Triển Nhân Bản Toàn Diện và Bộ Giáo Dân, Gia Đình và Sự Sống. Đức Cha Semeraro cho biết Hội Đồng Hồng Y dựa trên 3 nguyên tắc sau đây trong việc cải tổ Giáo Triều: truyền thống, canh tân, và tập chú vào điều thực sự cần thiết.

Về truyền thống, Đức Cha Semeraro nói rằng “sẽ là điều sai lầm khi nghĩ rằng việc cải tổ nhằm lật ngược toàn bộ khuôn khổ Giáo Triều” khi Giáo Triều bao gồm “nhiều bộ sở liên hệ tới các hoạt động nền tảng của Giáo Hội như việc loan báo Tin Mừng, gìn giữ đức tin, sinh hoạt phụng vụ, phục vụ bác ái”.

Nguyên tắc chủ yếu về canh tân được tóm lược trong việc cải tổ ngành truyền thông nhằm đáp ứng các thực tại mới mẻ của các phương tiện truyền thông.

Nguyên tắc “tập chú” cũng có thể được gọi là “đơn giản hóa” như đã diễn ra với việc sát nhập một số bộ sở.

Đức Giáo Hoàng muốn việc cải tổ là một “diễn trình” cần có thời gian để hoàn tất, điều mà ngài đã nói rõ trong Tông Huấn *Niềm Vui Tin Mừng*: “khởi đầu các diễn trình, hơn là chiếm hữu không gian”.

Đức Cha Semeraro cho rằng trong chiều hướng ấy, các cuộc linh thao Mùa Chay cho Giáo Triều, mà Đức Phanxicô yêu cầu được tổ chức ở bên ngoài Rôma, cũng là một phần của cuộc cải tổ này.

Hội Đồng gần hoàn thành sứ vụ



Trước đó, ngày 11 tháng Chín năm 2017, ký giả Junno Arocho Esteves, cho hay theo lời Đức Cha

Semeraro, Tổng Thư Ký Hội Đồng Hồng Y, thì việc làm của Hội Đồng gần như hoàn tất rồi.

Thực vậy, Đức Cha Marcello Semeraro nói với Đài Phát Thanh Vatican rằng “về diễn trình cải tổ Giáo Triều Rôma, nó đã tiến được hơn 3 phần 4 đường đi rồi, gần như hoàn tất... trên bình diện các đề nghị trình lên Đức Giáo Hoàng”.

Nhân dịp này, Đức Cha cho Đài Vatican hay diễn trình ba bước trong việc cố vấn cho Đức Giáo Hoàng về việc cải tổ Giáo Triều và cai quản Giáo Hội nói chung: “lắng nghe” các đóng góp của các vị giám mục, Giáo Triều và “nhiều người viết thư đến”, suy nghĩ về các đề xuất này và rà xét chúng cẩn thận.

Ngài nói: “lắng nghe, suy nghĩ, rà xét và rồi đưa ra đề nghị cho Đức Giáo Hoàng” vì Ủy Ban Hồng Y không ban hành các sắc lệnh; “Hội Đồng Hồng Y đề nghị lên Đức Giáo Hoàng”. Đức cha nói tiếp: trong suốt các buổi họp của Hội Đồng, Đức Phanxicô tham dự “chủ yếu bằng cách lắng nghe” và “can thiệp khi thuật lại các kinh nghiệm bản thân lúc còn là Tổng Giám Mục ở Buenos Aires, Á Căn Đình, hay tình hình đương thời trong sinh hoạt của Giáo Hội”.

Theo Đức Cha Semeraro, việc làm của Hội Đồng không chỉ thuộc phạm vi cải tổ Giáo Triều mà thôi mà còn thông tri, cố vấn và hợp tác với Đức Giáo Hoàng trong các tình huống đa dạng trong Giáo Hội.

Một điển hình là cuộc thảo luận về “thực tại rất đau lòng của việc lạm dụng vị thành niên. Tự nó, đây không phải là thành phần của việc cải tổ Giáo Triều. Thế nhưng, Đức Giáo Hoàng vẫn quyết định lắng nghe Hội Đồng về một số biện pháp. Và, khi nói tới việc phải minh xác hay can thiệp, Đức Giáo Hoàng có can thiệp nhưng một cách hết sức thận trọng. Phần lớn, ngài lắng nghe”.

Liên quan tới khuôn khổ thời gian, Đức Cha Semeraro có hay các đề nghị cuối cùng liên quan tới mọi bộ sở “sẽ ít nhiều hoàn tất trong vài tháng nữa” và sẽ tùy thuộc Đức Giáo Hoàng “quyết định thi hành chúng ra sao và thi hành lúc nào. Hiện nay, Đức Giáo Hoàng thích từ từ thi hành, cũng như cần có thời kỳ thử nghiệm (breaking-in). Trong một số trường hợp, Đức Giáo Hoàng đã can thiệp để sửa đổi vì từ lý thuyết bước sang thực hành, nhu cầu sửa đổi thế nào cũng xuất hiện”.

Cách hiểu *Amoris Laetitia* tại Hội Đồng

Dù Đức Cha Semeraro không đề cập chi tới các đóng góp của Hội Đồng Hồng Y vào việc thi hành Tông Huấn *Amoris Laetitia*, nhưng theo Ký Giả kỳ cựu John Allen, người ta hiểu Tông Huấn này đã được Hội Đồng thảo luận cặn kẽ và các kết luận của Hội Đồng phản ánh quan điểm thực sự của Đức Phanxicô, nhờ đọc các chỉ dẫn mà Đức Cha Semeraro vừa công bố cho giáo phận Albano của ngài về việc chấp nhận cho các người ly dị và tái hôn dân sự được đảm nhận một số thừa tác vụ mà theo giáo luật họ không được phép làm.

Theo Allen, nếu Đức Cha Semeraro chỉ là giám mục Albano mà thôi, thì các chỉ dẫn của ngài chẳng có chi đáng nói. Vì Albano chỉ là một giáo phận nhỏ ở ngoại ô Roma, gần cung điện mùa hè Castel Gandolfo, và vị giám mục của nó hầu như không được ai trên thế giới biết đến.

Nhưng sự kiện ngài là tổng thư ký của Hội Đồng Hồng Y đã làm mọi người lưu ý tới các chỉ dẫn của ngài. Vì ngoài việc dùng Hội Đồng cố vấn cho ngài về việc cải tổ Giáo Triều, Đức Phanxicô còn dùng nó “như một cơ quan thăm dò cho nhiều quyết định quan trọng của ngài”

như chính Đức Cha Semeraro xác nhận khi nói tới việc làm của Ủy Ban Bảo Vệ Vị Thành Niên.

Thành thử, chắc chắn Đức Cha Semeraro có mặt khi các cuộc thảo luận diễn ra. Ngài biết Đức Giáo Hoàng nghĩ gì và muốn gì. Nên khi ban hành các chỉ dẫn mục vụ để thực thi *Amoris Laetitia*, nội dung của nó được nhiều người lưu ý.

Ở đây, ngài không nói tới việc rước lễ của những người ly dị tái hôn dân sự, nhưng đề cập tới một loạt vai trò mà người ly dị tái hôn vốn bị cấm:

- o Làm thành viên của hội đồng mục vụ
- o Đọc Sách Thánh trong Thánh Lễ
- o Dạy môn tôn giáo trong các trường Công Giáo
- o Dạy giáo lý
- o Các việc bác ái Công Giáo
- o Làm vú bõ đỡ đầu lúc rửa tội.

Tuy nhiên, không vai trò nào trên đây tự động họ được làm. Ngài bảo: “Về phần giám mục hay 1 mục tử hoặc 1 vị giải tội, không hề có việc ban một loại hình thức cho phép để bước vào cộng đồng tín hữu, hay một cách đơn giản, có thể Rước Lễ. Nói như thế, là hoàn toàn sai lầm”.

Ngài đặt ra một số điều kiện được coi là không thể miễn chức để biện phân một cách có ý nghĩa như tình trạng của cuộc kết hợp trước và sự trung thành với cuộc kết hợp mới cũng như ý thức rằng tình thế mới là tình thế “bất hợp lệ”.

Nói về cuộc kết hợp mới, Đức Cha Semeraro cho rằng nó phải “được củng cố với thời gian và sống một cách trung thành, được đánh dấu bằng lòng âu yếm và trách nhiệm thành thực đối với con cái, được nâng đỡ bằng việc cầu nguyện và năng tham dự vào đời sống cộng đồng giáo xứ”.

“*Amoris Laetitia* không bao giờ nói đến một thứ ‘cho phép’ tổng quát

để mọi người ly dị tái hôn phần đời được rước lễ. Nó cũng không nói rằng con đường hồi tâm được những người khao khát nó khởi đầu nhất thiết phải dẫn tới việc được phép lui tới các bí tích”.

Thay vào đó, Đức Cha Semeraro viết, *Amoris Laetitia* nhấn mạnh đến việc biện phân, mà không xác định trước nó sẽ dẫn đến đâu. Ngài nói: “Tâm điểm của nó là đồng hành và biện phân”, nghĩa là “việc tìm kiếm thánh ý Thiên Chúa cần được thực hiện, và các bước cùng các phương thế cụ thể để đem nó vào thực hành”. Mặt khác, Đức Cha Semeraro xem ra cũng không khuyến khích việc làm cho các đòi hỏi để người ly dị tái hôn dân sự được rước lễ trở thành hạn hẹp một cách không cần thiết.

Ngài nói: “việc căn bản là điều được đề nghị luôn phải xét tới hoàn cảnh thực sự trong đời sống các bên liên hệ” và “tránh việc đưa ra các đòi hỏi không cân xứng, vượt quá khả năng của họ, và đối với việc này, vượt quá điều đòi hỏi ở các tín hữu khác”.

Đức Cha Semeraro viết rằng thậm chí, ta không thể nói được rằng mọi người hiện đang sống trong một tình huống “bất hợp lệ” là tự động sống “trong trạng thái tội trọng, mất hết ơn thánh hóa”.

Theo ngài, điều được gọi là việc “xét mình” để “chứng thực liệu có sự ăn năn thành thực hay không, không bao giờ yêu cầu hỏi nhân nhiều hơn khả năng họ có thể làm”.

Đức Cha nhấn mạnh rằng trách nhiệm của mục tử là “án định để tín hữu nhận ra chân trời luân lý của đời sống Kitô hữu... giúp họ nhìn ra điều gì tùy thuộc họ trong hoàn cảnh họ đang sống lúc ấy, và điều gì không”

Ngài bác bỏ các giải pháp “một cỡ hợp với mọi người”. Theo ngài “một quy tắc tổng quát mới như trong giáo luật, như nhau cho mọi người, là tuyệt đối không đúng chỗ”. Điều cần là “đồng hành” với họ trong các tình huống đặc biệt.